



Những Bước Đường Theo Chúa

Hội Ký Thánh I-Nhã

Do Cha Luis G. Da Câmara, S.J.
Nghe Thánh I-Nhã Kể
Sau Đó Đọc Cho Người Khác Ghi Chép Lại

Hoàng Sóc Sơn
Giới Thiệu, Dịch Và Chú Thích

Copyright Antôn & Đuốc Sáng

Lời mở

Dẫn nhập

Lời nói đầu của cha Jeronimo Nadal

Lời nói đầu của Cha Luis G. da Câmara

I. Được mời gọi phục vụ Đức Kitô

II. Hướng đến giúp đỡ các linh hồn

III. Đi học và tìm bạn

IV. Nhận sứ mạng từ vị đại diện Đức Kitô

Phụ lục

Tham khảo

LỜI MỞ

Những bước đường theo Chúa là tựa do chúng tôi đặt cho tập sách thường được gọi là Hồi Ký (hay Tự Truyện, hay Tự Thuật) của thánh I-nhã. Nội dung do chính thánh I-nhã kể lại cho cha Luis Goncalves da Câmara trong hai năm 1553 và 1555. Cha này ghi chép những điều cốt yếu, sau đó đọc cho thư ký chép lại. Tập sách được hoàn thành vào tháng 12 năm 1555 tại Genova, nước Ý.

Vào năm 1552, thánh I-nhã đã 61 tuổi, đã làm Bề Trên Cả tiên khởi Dòng Tên 11 năm, đang ở nhà Đức Mẹ Trên Đường, trụ sở Dòng Tên lúc đầu, tại Rôma. Vì ngài hay ốm đau, người ta sợ ngài không sống được bao lâu nữa. Các môn đệ của ngài, đặc biệt là hai cha Juan de Polanco và Jeronimo Nadal, nài ni ngài kể lại Thiên Chúa đã dẫn dắt ngài từ khi ngài hoán cải đến thời điểm ấy thế nào. Không phải là tò mò, các cha ấy nghĩ rằng thấy được hoạt động của Thiên Chúa trong tâm hồn thánh I-nhã thì cũng hiểu được nguồn gốc và tinh thần đích thực của Dòng Tên. Vì thế các cha ấy ước mong thánh I-nhã kể lại để làm như một bản di chúc thiêng liêng. Ôn gọi của thánh I-nhã chẳng phải là mô hình và mẫu gương sống động cho cả Dòng sao?

Tuy nhiên, khó khăn đến từ chính thánh I-nhã. Một mặt ngài rất bận rộn vì vừa phải điều hành Dòng, vừa phải soạn thảo Hiến Chương, lại còn phải phụ trách một số hoạt động bác ái nữa. Mặt khác, và có lẽ đây là lý do chính, ngài không muốn nói về chính mình. Nhưng ngày 4.8.1553, ngài đã quyết định kể cho cha L.G. da Câmara.

Cha L. G. da Câmara sinh tại Bồ Đào Nha khoảng năm 1519, là con viên Tổng Đốc Madeira. Năm 1535, cha đến Paris học ngôn ngữ và triết lý. Tại đó, cha gặp chân phước Phêrô Favre và biết nhóm các bạn cùng chí hướng với thánh I-nhã. Năm 1545, cha về Bồ Đào Nha và gia nhập Dòng Tên. Tháng 5 năm 1553, cha được gọi về Rôma để báo cáo tình hình Dòng Tên tại Bồ Đào Nha. Xong nhiệm vụ, cha được thánh I-nhã giữ lại làm quản lý nhà Đức Mẹ Trên Đường. Cha là một người rất gần gũi với thánh

I-nhã trong đời sống hằng ngày, lại có trí nhớ rất tốt và đặc biệt hết sức quan tâm đến những gì liên hệ tới thánh I-nhã. Sáng hôm 4.8.1553, cha gặp thánh I-nhã trong vườn để nói chuyện về đời sống thiêng liêng. Khi cha nói về hư vinh, thánh I-nhã chỉ cho cha cách thắng được loại cám dỗ này. Ngài kể lại việc ngài phải mất hai năm chiến đấu mới thắng được. Thấy những điều mình kể giúp được cho cha L. G. da Câmara, ngài nhận ra nếu kể lại tiến trình ngài đã trải qua từ một kẻ ham danh đến một người hành hương, chẳng những ngài có thể giúp cha ấy mà giúp được nhiều người khác nữa. Thế là ngài quyết định kể cho cha ấy những bước đường theo Chúa của ngài. Thật bất ngờ: điều cha Polanco và cha Nadal nài nỉ mãi không được thì cha L. G. da Câmara lại 'bất chiến tự nhiên thành'.

Thánh I-nhã bắt đầu kể câu chuyện vào cuối tháng 8 năm 1553. Cha L. G. da Câmara chăm chú lắng nghe, rồi ngay lập tức về phòng ghi chép lại những điểm cốt yếu, sau đó đọc cho một thư ký chép lại từng chữ. Cha L. G. da Câmara cho biết mình “không viết một chữ nào ngoài những điều đã nghe Cha [1] nói.” Cha Nadal cho biết cha L. G. da Câmara “có trí nhớ tuyệt vời.” Tuy nhiên, giữa những điều cha L. G. da Câmara viết ở Lời nói đầu và trong bản Hồi Ký, vẫn có một vài chi tiết không khớp [2]. Dầu sao, chúng ta có thể yên tâm là chúng ta chắc chắn những gì được viết ra diễn tả đúng như thánh I-nhã muốn.

Thánh I-nhã không kể liên tục từ đầu đến cuối, nhưng vì nhiều lý do khác nhau, ngài chia làm ba đợt:

Đợt 1, trong tháng 8 và tháng 9 năm 1553: từ đầu đến giai đoạn Manresa.

Đợt 2, từ 9 đến 23 tháng 3 năm 1555: từ giai đoạn Manresa đến chuyện thánh I-nhã đi Rouen.

Đợt 3, từ 22 tháng 9 đến 20 hay 22 tháng 10 năm 1555: từ chuyện thánh I-nhã đi Rouen đến hết.

Sau hai đợt đầu, cha L. G. da Câmara đọc cho thư ký chép lại bằng tiếng Tây Ban Nha tại Rôma. Sau đợt ba, cha đọc cho thư ký chép lại bằng tiếng Ý, vì không có thư ký biết tiếng Tây Ban Nha, tại Genova. Sau đó, cha ấy viết *Lời nói đầu*, có lẽ trước khi thánh I-nhã qua đời (31.7.1556), vì không thấy nhắc gì đến việc ngài qua đời. Ngoài ra, cha ấy còn viết thêm 13 ghi chú ngoài lề nữa.

Bản gốc đã thất lạc. Chúng ta còn giữ được một vài bản sao được chép lại từ khá sớm, thí dụ bản cha Nadal dùng vào năm 1557, khi đi kinh lý nhiều cộng đoàn Dòng Tên. Cha Nadal, có lẽ không biết là trước đó cha L. G. da Câmara đã viết *Lời nói đầu* rồi, nên viết *Lời nói đầu* khác, trong khoảng 1561-1576. Trong khoảng 1558-1561, cha Annibal du Coudret, Dòng Tên, người Pháp, dịch bản *Hồi Ký* sang tiếng Latinh.

Một điều đáng tiếc là 10 năm sau khi thánh I-nhã qua đời, thánh Phanxicô Borja, trong cương vị Bề Trên Cả Dòng Tên, đã ra lệnh cho cha Pedro Ribadeneira [3] viết bản tiểu sử đầu tiên về thánh I-nhã, nhưng cũng ra lệnh gạch bỏ những trích dẫn bản Hồi Ký, vì cho rằng bản tường thuật của thánh I-nhã không đầy đủ và chấp nói. Thế là *di chúc* và *giáo huấn* của vị sáng lập bị Dòng Tên hầu như quên mất! Năm 1731 nhóm Bollandistes ấn hành và phát hành bản dịch Latinh (trong *Acta Sanctorum, vol. VII Julii*), và đánh số lẻ từ 1 đến 101 như hiện chúng ta thấy. Phải chờ thêm hơn 170 năm nữa, bản Tây Ban Nha - Ý mới được xuất bản lần đầu năm 1904 (Monumenta Ignatiana Scripta de Sancto Ignacio de Loyola 1, Madrid). Đây là ấn bản phê bình đầu tiên. Một ấn bản phê bình khác, cùng với bản dịch Latinh, được ấn hành năm 1943 trong bộ *Fontes Narrativi de S. Ignatio de Loyola 1: Narrationes scriptae ante annum 1587* (Roma: MHSI 1943). Từ đây, bản Hồi Ký ngày càng được đọc và nghiên cứu chu đáo hơn. Ngày nay, tập *Hồi Ký* được coi như *viên ngọc* trong di sản của thánh I-nhã, là *nền móng* cho mọi nghiên cứu và học hỏi về thánh I-nhã.

Bản *Hồi Ký* do cha L. G. da Câmara hoàn thành không có tựa và không phân chương. Cha Nadal đặt tựa là *Acta P. Ignatii ut primum scripsit P. Ludovicus Gonzalves excipiens ex ore ipsius Patris*. Xin phép dịch là *Hạnh cha I-nhã theo như thoạt tiên cha L. G. da Câmara đã được nghe chính ngài kể, sau đó viết lại*. Các bản dịch sang tiếng Anh và tiếng Pháp khá tự do trong việc đặt tựa và phân chương. Thí dụ cha A. Thiry gọi là *Récit du Pèlerin, Autobiographie de Saint Ignace de Loyola* và chia thành 7 chương, thêm phần *Tâm sự* ở cuối; cha J.N. Tylenda gọi là *A Pilgrim's journey, the Autobiography of Saint Ignatius* và chia thành 11 chương.

Bản dịch tiếng Việt đầu tiên do cha Hoàng Văn Lục, S.J., thực hiện năm 1975 với tựa là *Trên đường tìm Chúa* và chia thành 10 chương cùng với phần cuối được gọi là *Bản đức kết*. Tại sao cần một bản dịch mới? Bản dịch cũ đã được thực hiện cách nay trên 25 năm. Trong thời gian này, có nhiều nghiên cứu về bản *Hồi Ký* đã giúp chúng ta có thể hiểu sâu rộng hơn sứ điệp của thánh I-nhã. Và lại, bản dịch cũ rất ít chú thích, làm cho người đọc khó lĩnh hội hết được bản văn. Với bản dịch này, chúng tôi sẽ cố gắng sử dụng những nghiên cứu gần đây để dịch và chú thích, hi vọng sẽ giúp được người đọc hơn.

Tại sao đặt tựa là *Những bước đường theo Chúa*? Bản Định Thức Thẻ Chế Dòng Tên do thánh I-nhã và các bạn cùng chí hướng soạn thảo, rồi được Tòa Thánh phê chuẩn, gọi Dòng Tên là một *con đường dẫn đến với Thiên Chúa*. Thánh I-nhã là tổ phụ Dòng Tên đã được Thiên Chúa dẫn qua các chặng đường mà các Giêsu hữu được mời gọi đi lại hành trình ấy. Đó là ý của thánh I-nhã khi thuật lại Chúa đã dẫn dắt ngài thế nào. Ý của cha Nadal khi xin và ý của thánh I-nhã khi kể đều coi đây là *di chúc và giáo huấn* của vị sáng lập Dòng Tên, nhằm giúp anh em trong Dòng đi đến *nguồn gốc và nền tảng* của Dòng. Chính trong cái nhìn đó, chúng ta mới hiểu được *những bước đường theo Chúa* của thánh I-nhã cũng phải là *những bước đường theo Chúa* của từng Giêsu hữu cũng như của toàn thể Dòng Tên: (1) quyết tâm phục vụ Đức Kitô; (2) phục vụ Đức Kitô bằng cách giúp đỡ các linh hồn; (3) không sống và làm việc đơn độc nhưng trong một nhóm bạn mà Chúa Giêsu là đầu; (4) nhận sứ mạng từ Đức Thánh Cha trong cương vị người thay thế Đức Kitô ở trần gian.

Thánh I-nhã là một trong những người gây tranh cãi hạng nhất trong lịch sử Hội Thánh cũng như lịch sử thế giới. Người ta có cái nhìn rất khác nhau về ngài, thậm chí đôi khi hoàn toàn trái ngược nhau. Rất nhiều người chỉ nói về ngài theo thành kiến hay suy đoán, hoặc theo người này người kia nói. Đọc bản *Hồi Ký*, chúng ta mới biết đời sống nội tâm phong phú và thâm sâu của ngài, để thấy đa số các ý kiến về ngài, ngay cả nơi những tác giả khá nổi tiếng, đôi khi chỉ mới dừng lại ở phần vỏ chứ chưa đi vào phần ruột của ngài. Riêng tại Việt Nam, người ta còn hiểu rất ít về thánh I-nhã. Ngay cả những sách viết về ngài, vốn rất hiếm, lại khá sơ sài, mà nhiều khi chỉ là những suy đoán! Đã đến lúc chúng ta để cho ngài trực tiếp nói với người Việt Nam nói chung, và với người Công Giáo Việt Nam nói riêng. Bản *Hồi Ký* chính là cơ hội để chúng ta được nghe đích thân ngài nói, chứ không chỉ nghe người ta nói về ngài.

Ước mong bản dịch cùng với giới thiệu và chú thích của chúng tôi giúp người đọc hiểu được chính xác và sâu xa hơn một chút về một vị thánh có vai trò khá quan trọng trong lịch sử đời tu, lịch sử Hội Thánh, và lịch sử thế giới.

Hiền Linh 1.1.2002
HOÀNG SÓC SƠN

DẪN NHẬP

Hành Trình Thiêng Liêng Của Thánh I-nhã

Những bước đường theo Chúa khởi đầu với sự kiện Pamplona năm 1521 và kết thúc với năm 1538, sau khi thánh I-nhã đến ở hẳn tại Rôma. Đó là 17 năm quan trọng đặc biệt trong cuộc đời thánh I-nhã (1491-1556), 17 năm người ta thường gọi là giai đoạn hành hương. Tuy nhiên, đó chưa phải là toàn bộ đời sống ngài. Chúng tôi sẽ trình bày sơ lược 30 năm đầu (1491-1521) và 18 năm cuối (1538-1556), nhờ đó chúng ta có thể dễ hiểu 17 năm giữa hơn. Chúng ta cũng biết rằng Những bước đường theo Chúa không phải là bản tự thuật đầy đủ và theo nghĩa thông thường của thánh I-nhã:

1) Ngài không chỉ thuật lại như một nhà báo, mà ngài nhìn lại cả đời sống dưới ánh sáng đã nhận được trong suốt cuộc đời, đặc biệt là kinh nghiệm thân bí.

2) Hình như ngài chỉ kể những gì các bạn đầu tiên của ngài chưa biết: vì thế đôi khi ngài kể sơ sài về một sự kiện rất quan trọng, thí dụ thị kiến La Storta, nhưng đôi khi lại kể khá chi li về những sự kiện không thật cần thiết, thí dụ trong chuyến hành hương Giêrusalem;

3) Hình như ngài kết thúc đột ngột vì cha L. G. da Câmara phải đi Tây Ban Nha.

Ngoài ra, lúc ấy, thánh I-nhã đã tương đối lớn tuổi, và rất bận rộn, nên có thể bỏ qua một số chi tiết. Thứ đến, ngài cũng không quan tâm đặt những điều ngài kể trong bối cảnh lịch sử thế giới và Hội Thánh đang chuyển biến, mà chỉ thuật lại những điều ngài xét là sẽ giúp ích cho con cái thiêng liêng của ngài thôi.

Chúng ta sẽ cố gắng bổ sung những điều ấy trong bài dẫn nhập này.

I

BA MƯƠI NĂM ĐẦU 1491-1521

Thánh I-nhã tên thật là Inigo López de Loyola. Ngài sinh năm 1491 [4] tại lâu đài Loyola, thuộc giáo xứ Azpeitia, trong tỉnh Guipuzcoa, miền bắc Tây Ban Nha. Gia đình ngài thuộc dân tộc thiểu số Basco. Tiếng mẹ đẻ của ngài là tiếng Basco (khác với tiếng Tây Ban Nha). Ngài là con trai út trong gia đình: trên ngài có 10 anh chị; ngoài ra cha ngài còn có ít là hai người con ngoại hôn nữa.

Gia đình ngài thuộc hàng quý tộc ở Tây Ban Nha, đã lập được nhiều công trạng với triều đình và luôn luôn trung thành với triều đình. Cha ngài làm chủ lâu đài Loyola, có quyền thu tô của nông dân trong vùng, có quyền chỉ định cha sở nhà thờ xứ Azpeitia. Về đời sống tôn giáo, gia đình ngài luôn luôn gắn bó với Hội Thánh Công Giáo. Tuy nhiên, về đời sống luân lý, gia đình ngài không phải lúc nào cũng đáng nêu gương. Thí dụ cha ngài có mấy người con rơi; anh ngài, linh mục Pero, cha sở Azpeitia, khi qua đời cũng để lại mấy người con rơi.

Tên rửa tội của ngài là Inigo (người Tây Ban Nha thường thêm dấu ngã trên chữ n để đọc là I-nhi-gô), được Latinh hóa là Enneco. Trong tiếng Basco hiện thời, thay vì Inigo, người ta viết là Eneko. Đây là tên vị viện phụ đan viện Biển Đức Ona ở Burgos, qua đời năm 1057, và dân chúng trong vùng tôn kính như một vị thánh. Ignatius (Inhaxiô hay I-nhã) lần đầu tiên xuất hiện trong văn bằng tốt nghiệp đại học Paris của ngài năm 1535, hình như đơn giản vì các nhân viên đại học tưởng Inigo trong tiếng Basco

chính là Ignatius trong tiếng Latinh. Về sau, ngài có lòng sùng kính đặc biệt thánh giám mục Inhaxiô thành Antiôchia.

Có lẽ ngài mồ côi mẹ từ nhỏ. Chúng ta không thấy thánh I-nhã nhắc đến mẹ của ngài lần nào. Ngài được gia đình giao cho bà Maria de Garín gần nhà nuôi dưỡng. Bà vú nuôi này là vợ một người thợ rèn, tức là thuộc giới bình dân. Bà đã dạy ngài nói, đọc kinh, và cả lòng đạo của người bình dân xứ Basco. Sau khi ngài qua đời, bà xác định năm sinh của ngài là 1491 chứ không phải 1493 như lúc ấy có nhiều người nghĩ. Chúng ta không biết chính xác ngài ở với bà vú nuôi trong thời gian nào. Anh cả của ngài là Juan Perez chết năm 1496 trong một chiến dịch của Tây Ban Nha ở Napoli, nước Ý. Anh thứ hai là Martín García hưởng quyền thừa kế. Anh này cưới chị Magdalena de Araoz năm 1498. Có lẽ trong khoảng thời gian này, thánh I-nhã trở về lâu đài của gia đình, vì có chị dâu chăm sóc, và để học hành. Trình độ học vấn của ngài vào lúc hoán cải là biết đọc biết viết. Có lẽ gia đình thuê thầy đến dạy ngài tại nhà, như các gia đình quý tộc đương thời thường làm. So với mặt bằng dân trí thời nay thì trình độ học vấn của ngài thấp, nhưng so với người đương thời thì kể là đủ.

Có lẽ cha ngài muốn sau này ngài làm linh mục để hưởng bổng lộc nhà thờ xứ Azpeitia, nên hình như đã cho ngài “chịu chức cắt tóc” [5]. Tuy nhiên, có lẽ ngài muốn tiến thân trên đường công danh hơn, nên năm 15 tuổi, được cha gửi đến tập sự tại dinh quan Thống Đốc Ngân Khố Hoàng Gia Juan Velásquez de Cuéllar ở Arévalo, cách Loyola chừng 600 km. Cùng với các con trai của viên thống đốc, ngài được huấn luyện làm quan chức triều đình sau này: cỡi ngựa, đấu kiếm, giao tiếp, ca hát, khiêu vũ... Cũng tại Arevalo, ngài làm quen với những cuốn tiểu thuyết kiếm hiệp rất thịnh hành thời đó. Viên thống đốc thường phải đi đây đó để giải quyết công việc, nhiều khi thánh I-nhã cũng tháp tùng.

Một sự kiện đáng kể trong giai đoạn này xảy ra trong dịp lễ Hóa Trang (thứ ba trước Lễ Tro) ngày 2.2.1515. Thánh I-nhã bị tố cáo là 'kẻ chủ mưu' trong một vụ 'rất nghiêm trọng' xảy ra vào 'ban đêm, có sắp đặt trước', được thực hiện bằng một cuộc 'phục kích.' Cho đến nay, người ta vẫn không biết điều gì đã thực sự diễn ra. Sau đây là điều người ta phỏng đoán. Cụ thân sinh thánh I-nhã đã qua đời năm 1507. Gia đình Loyola 'bảo trợ' giáo xứ Azpeitia, nghĩa là có quyền chỉ định cha xứ. Từ lâu, cha xứ Azpeitia trên danh nghĩa (được hưởng giáo bổng) là cha Juan de Anchieta. Cha này sống ở triều đình, coi sóc nhà nguyện của hoàng gia, giao việc của giáo xứ cho các cha phụ tá. Năm 1515, cha này tính về hưu, nên chỉ định người cháu là cha García López de Anchieta kế nhiệm, trong khi gia đình Loyola muốn anh của thánh I-nhã là linh mục Pero López làm cha sở để hưởng giáo bổng. Lợi dụng đêm lễ Hóa Trang, thánh I-nhã cùng với người anh linh mục tổ chức một 'tiết mục' nào đó chống lại các giáo sĩ ở Azpeitia. Sự việc được kể là nghiêm trọng, nên hai anh em thánh I-nhã bị truy tố ra tòa. Hai anh em nại đến luật: cả hai là giáo sĩ, nên không thể bị truy tố ra tòa án dân sự. Người anh là linh mục nên cứ luật thì chỉ bị xét xử ở tòa án đạo. Riêng thánh I-nhã, người ta không thấy tên trong danh sách những người chịu chức cắt tóc trong sổ sách của giáo phận Pamplona [6]. Và lại, ai cũng thấy ngài không hề cắt tóc theo kiểu hàng giáo sĩ thời đó (chỉ để tóc lại thành như một vòng tròn trên đầu) và cũng không hề thấy ngài mặc áo giáo sĩ (áo chùng thâm); trái lại ngài để tóc dài tới vai, đội mũ có gắn lông chim, mặc quần áo màu sáng, mang giày chạt, mang kiếm và dao găm, đôi khi còn mặc áo giáp nữa, đúng như các hiệp sĩ đương thời. Nhưng rồi mọi chuyện cũng được bỏ qua, vì gia đình ngài rất thế lực và 'nén bạc đâm toạc tờ giấy!'

Đầu năm 1516, vua Fernando của Tây Ban Nha qua đời, lẽ ra công chúa Juana thừa kế ngài vàng cả hai vương quốc Castilla và Aragon tồn tại song song ở Tây Ban Nha từ gần 300 năm, nhưng vì bà bị coi là điên, nên con bà là Carlos (cháu ngoại vua Fernando và nữ hoàng Isabel, thường được gọi là Các Quân Vương Công Giáo, đồng thời là cháu nội hoàng đế Maximilian nước Đức; từ năm 1519 lên nối ngôi ông nội làm hoàng đế Đức, trong khi vẫn giữ ngôi vua Tây Ban Nha) lên nối ngôi, và chính thức thống nhất

Tây Ban Nha. Nhà vua ra lệnh cho Arévalo và các thành phố khác thuộc quyền của thống đốc Velasquez trợ cấp cho thái hậu Germaine (vợ sau của vua Fernando). Viên thống đốc cùng với dân chúng trong vùng, nhất là những khu vực được miễn thuế, không chấp nhận, và mưu toan kháng cự bằng vũ lực. Thống đốc Velasquez bị cách chức năm 1516 và qua đời năm 1517.

Thánh I-nhã đến giúp việc cho công tước Antonio Manrique de Lara, xứ Nájera, kiêm phó vương xứ Navarra. Hai sự kiện nhỏ xảy ra trong thời gian này nói lên phần nào con người của thánh I-nhã. Năm 1520, dân chúng Nájera nổi loạn chống lại công tước. Thánh I-nhã đã cùng với đoàn quân vào dẹp loạn. Dân trong thành bị đoàn quân của công tước cướp đoạt tài sản, nhưng thánh I-nhã không hề đụng đến cây kim sợi chỉ của dân. Đầu năm 1521, dân hai thành phố San Sebastian và Hernani trong tỉnh Guipuzcoa nổi loạn, thánh I-nhã được công tước phái đến để dàn xếp hòa bình, và ngài đã thành công.

Chính từ bối cảnh ấy, thánh I-nhã tham dự vào trận đánh tại Pamplona mà ngài dùng để khởi đầu Những bước đường theo Chúa.

II

MƯỜI BẢY NĂM HÀNH HƯƠNG 1521-1538

Khi chọn ai để thi hành một sứ mạng đặc biệt, thường Thiên Chúa chuẩn bị rất kỹ, nhưng không cho đương sự biết hết ngay từ đầu, mà dùng các biến cố để dần dần cho người ấy biết ý định của Chúa và chuẩn bị người ấy đón nhận và thi hành sứ mạng. Khoa sư phạm của Chúa là 'từng bước một thôi' như Đức Hồng Y John Newman diễn tả.

1. Phục vụ Đức Kitô (cuối tháng 5.1521 đến cuối tháng 2.1522).

Cho đến khi bị thương ở Pamplona năm 1521, thánh I-nhã là một người mãi mê sự đời. Ngài thừa hưởng đức tin của gia đình, nhưng đức tin của ngài phần nào như nén bạc được chôn giấu kỹ. Phục vụ thống đốc Velasquez rồi phục vụ công tước Manrique, ngài nhắm trước hết là công danh. Đối với ngài, Pamplona có thể là một cơ may để ngài tiến thân. Nhưng Chúa đã biến Pamplona thành khúc quanh quyết định của đời ngài: từ chỗ làm hiệp sĩ phục vụ triều đình Tây Ban Nha, ngài trở thành hiệp sĩ phục vụ Đức Kitô.

Vua François I của Pháp và vua Carlos I của Tây Ban Nha (đồng thời là hoàng đế Karl V [thường được gọi là Charles Quint] của "Đế quốc Rôma thánh của dân tộc Đức"), là hai kẻ thù không đội trời chung. Một trong những điểm tranh chấp là vương quốc Navarra nhỏ bé, quê hương thánh Phanxicô Xavier. Năm 1512, Tây Ban Nha xua quân chiếm đóng Navarra, một vương quốc độc lập từ lâu. Năm 1515, Tây Ban Nha sáp nhập Navarra và đặt phó vương cai trị. Năm 1521, Pháp đem quân vào Navarra, bao vây thủ phủ Pamplona. Cả phó vương cũng như viên tướng chỉ huy quân đội Tây Ban Nha tại Pamplona đều bỏ chạy. Chỉ còn lại thánh I-nhã và một số hiệp sĩ cố thủ trong pháo đài. Thứ hai sau lễ Chúa Thánh Thần Hiện Xuống, ngày 20.5.1521, quân Pháp tấn công pháo đài. Thánh I-nhã bị thương nặng ở chân. Ngày 24, pháo đài đầu hàng. Thánh I-nhã được quân Pháp đưa về dưỡng bệnh tại lâu đài Loyola của gia đình.

Ngài được người chị dâu Magdalena tận tình chăm sóc. Các bác sĩ được mời đến để chữa trị. Có lúc bác sĩ tưởng ngài không qua được. Tuy nhiên, mọi sự cuối cùng cũng tốt đẹp, nhưng ngài phải nằm liệt giường một thời gian, và sau này suốt đời đi cà nhắc. Trong lúc chữa trị, ngài vẫn mơ tưởng đến công

danh. Ngài xin chị Magdalena tìm cho tiểu thuyết kiếm hiệp để đọc, nhưng người phụ nữ đạo đức này chỉ có hai cuốn sách đạo là Hạnh các thánh và Cuộc đời Đức Kitô, nên ngài đành phải đọc để giết thời giờ. Hai hình ảnh thay phiên nhau chiếm đoạt tâm trí ngài: một bên là hình ảnh các hiệp sĩ tìm công danh và làm đẹp lòng một phụ nữ quý phái, bên kia là hình ảnh các thánh, sống nghèo khó và khiêm tốn, làm môn đệ Đức Kitô. Hình ảnh trước đem đến cho ngài niềm vui hời hợt và mau qua, sau đó là trống rỗng, vô nghĩa. Trái lại, hình ảnh sau làm cho ngài hưởng niềm vui sâu xa và lâu dài. Gương các thánh thúc đẩy ngài: "Thánh Phanxicô đã làm như thế, tôi cũng phải làm như thế; thánh Đaminh đã làm như vậy, tôi cũng phải làm như vậy." Thế là ngài quyết định thay vì tiếp tục làm hiệp sĩ phục vụ triều đình Tây Ban Nha thì noi gương các thánh đi phục vụ Đức Kitô. Ngài đã được Đức Kitô chiếm đoạt" (Pl 3,12).

Ngài phác họa tương lai: đi chân không, chỉ ăn bánh mì và rau cỏ, chỉ uống nước lã, đi hành hương Giêrusalem để đền tội, sau đó có thể vào một dòng khổ tu, hay sẽ không vào dòng để được tự do sống khổ hạnh. Một ngày cuối tháng 12 năm 1522, sau khi bình phục, ngài cỡi la rời bỏ lâu đài Loyola lên đường mà không cho gia đình biết sẽ đi đâu. Giã từ dĩ vãng.

2. Giúp đỡ các linh hồn (cuối tháng 2.1522 đến tháng 9.1523)

Đây là giai đoạn Thiên Chúa cho ngài thấy rõ ngài được gọi làm tông đồ.

Trước hết, ngài đến đan viện dòng Biển Đức tại Montserrat để dứt bỏ quá khứ. Sau ba ngày xét mình và xưng tội chung cả đời, ngài tặng một người hành khát trang phục hiệp sĩ, rồi mặc trang phục của khách hành hương, canh thức suốt đêm trước tượng Đức Mẹ, theo thói quen trong nghi thức tấn phong hiệp sĩ, dâng kiếm và dao găm cho Đức Mẹ, rồi biểu đan viện con la: ngài trở thành một người hành hương đi bộ hoàn toàn vô danh.

Có lẽ theo lời khuyên của cha giải tội ở Montserrat, ngài đến Manresa nghỉ ngơi và tĩnh tâm để chuẩn bị đi Giêrusalem. Ngài đã ở lại đó hơn 10 tháng.

Trong bốn tháng đầu, ngài thực hiện ý định đã mơ ước: mỗi ngày quỳ gối cầu nguyện riêng 7 giờ, dự lễ, dự giờ kinh phụng vụ, hành khát, ăn uống kham khổ, để râu tóc và móng chân móng tay mọc bừa bãi. Ngài thực sự thi đua với các thánh ẩn tu và muốn hơn cả các thánh nữa. Ngài thấy rất vui với cuộc đời mới.

Nhưng rồi đến giai đoạn khó khăn. Ngài bối rối vì tội lỗi trong quá khứ, lo lắng về tương lai. Những giờ cầu nguyện của ngài trở nên khô khan. Ngài chán ngán đến nổi tính cả tội chuyện tự tử. Ngài tìm hết cha linh hướng này đến cha linh hướng khác mà tình trạng vẫn ngày càng khó khăn hơn. Ngài không biết rằng Thiên Chúa đang dùng đêm tối thiêng liêng để thanh luyện linh hồn ngài, điều khá bình thường nơi những người sắp có bước tiến quyết định. Ngài chỉ còn biết kêu xin Chúa: dù phải theo một con chó nhỏ, ngài cũng sẵn lòng.

Cuối cùng là giai đoạn soi sáng và an ủi mãnh liệt. Thiên Chúa dạy dỗ ngài như thầy giáo dạy một em bé. Những chân lý đức tin trở nên sáng tỏ: Thiên Chúa Ba Ngôi, Sáng Tạo, Cứu Chuộc, Thánh Thể, Hội Thánh... Đỉnh cao là ơn soi sáng ở Cardoner. Đây là một ơn ngoại thường thấu tóm tất cả các ơn khác đã nhận, đồng thời soi sáng ý nghĩa tất cả các ơn khác đã nhận. Thánh I-nhã được đưa vào các mâu nhiệm thần linh, đồng thời được mời gọi cộng tác với Đức Kitô để thực hiện chương trình cứu độ của Thiên Chúa. Ôn soi sáng ở Cardoner xác định dứt khoát cái nhìn siêu nhiên của thánh I-nhã về thế giới và lịch sử, đồng thời biến ngài từ chỗ ước ao sống khổ hạnh đến chỗ xả thân 'giúp đỡ các linh hồn'.

Với ơn soi sáng ở Cardoner, thánh I-nhã thấy mình trở nên một con người mới. Bên trong, ngài không ước muốn sống như các vị ẩn tu khổ hạnh nữa, nhưng muốn giúp đỡ người ta, đặc biệt về đời sống thiêng liêng như học giáo lý, tập cầu nguyện. Muốn vậy, ngài phải thay đổi cách sống bên ngoài: ăn uống, quần áo... mặc dầu giản dị, nhưng phải tử tế hơn. Ngài cũng hút tóc, cạo râu, cắt móng chân móng tay để người ta chấp nhận cho mình đến giúp đỡ họ. Từ nay, ơn gọi tông đồ chi phối toàn bộ cuộc sống và việc làm của ngài.

Những kinh nghiệm thiêng liêng tại Manresa sẽ được thánh I-nhã đúc kết thành tập Linh Thao, sau này ngài dùng để giúp đỡ các linh hồn và qui tụ các bạn cùng chí hướng.

Giữa tháng 2 năm 1523, thánh I-nhã đi hành hương Giêrusalem, nhưng thay vì đi để làm việc đền tội như một người sám hối, thì đi như một người tông đồ. Ngài ước ao rèn luyện đức tin, đức cậy và đức mến, tức là đời sống siêu nhiên. Ngài muốn được sống gần gũi, thân thiết với Đức Kitô hơn, muốn đặt chân mình trên vết chân của Chúa tại Đất Thánh. Ngoài ra, ngài ước ao ở lại để truyền giáo cho người Hồi Giáo lúc ấy cai trị Đất Thánh. Đói khát, rét mướt, cực khổ, chê cười, nguy hiểm... ngài trải qua tất cả với lòng tin tưởng tuyệt đối nơi Thiên Chúa.

3. Để phục vụ Đức Kitô bằng cách giúp đỡ các linh hồn hơn: đi học và tìm bạn (1523-1537)

Thánh I-nhã muốn ở lại Giêrusalem để vừa được sống gần gũi với Chúa Giêsu, vừa làm việc tông đồ với người Hồi Giáo, nhưng giáo quyền sở tại không cho phép. Trên đường về lại Tây Ban Nha, ngài tự hỏi: "Phải làm gì?"

Không biết phải làm gì, thánh I-nhã để cho Chúa Thánh Thần dẫn dắt từng bước. Về đến Barcelona, ngài gặp lại những người bạn đã quen hơn một tháng trước. Dự tính học hành thêm để có thể làm việc tông đồ tốt hơn của ngài được họ ủng hộ. Sống nghèo, dành nhiều thời giờ để cầu nguyện, và học thêm: thật không phải là điều dễ dàng. Đôi khi ngài phải hy sinh giờ cầu nguyện và việc tông đồ để việc học hành đạt kết quả. Sau hai năm cố gắng, ngài nghe lời khuyên của thầy giáo và các bạn đến Alcalá học triết lý.

Alcalá cho ngài thấy rõ hơn: muốn giúp đỡ các linh hồn, phải tìm những người cùng chí hướng để hoạt động tông đồ được mở rộng hơn và hữu hiệu hơn. Lúc ở Barcelona, đã có ba thanh niên muốn bắt chước cách sống của ngài. Tại Alcalá, có thêm người thứ tư. Tuy nhiên, chẳng bao lâu sau, nhóm của ngài đã làm cho giáo quyền phải bận tâm: ngài và các bạn bị cấm dạy giáo lý và mặc đồng phục. Không được phép giúp đỡ các linh hồn ở Alcalá nữa, ngài và các bạn đến Salamanca. Chẳng bao lâu sau, chưa kịp học hành gì, ngài bị Tòa Án Giáo Lý ở Salamanca bắt giam rồi cấm giải thích cho người khác khi nào là tội trọng, khi nào là tội nhẹ, nếu chưa học xong bốn năm thần học. Kiên quyết phải học để có thể giúp đỡ các linh hồn hơn, năm 1528, ngài đi Paris để chuyên tâm học hành.

Nhận thấy vốn kiến thức của ngài vừa sơ sài, vừa mất căn bản, ngài quyết định bắt đầu việc học lại từ đầu. Ngài hy sinh việc tông đồ, bớt giờ cầu nguyện, chấp nhận bỏ đời sống hành khất đã quen từ nhiều năm, để có thể học hành đến nơi đến chốn. Nhóm bạn cùng chí hướng ở Tây Ban Nha bỏ ngài, mỗi người đi một ngả. Ngài tập họp nhóm mới gồm ba người, nhưng bị cộng đồng phản ứng mạnh, nên nhóm mau chóng tan rã. Qua hai lần thất bại về nhóm bạn, ngài thấy phải tiến hành chu đáo hơn.

Năm 1529, vì ở nhà trọ gặp khó khăn cho việc học, nên ngài xin vào nội trú tại học viện Sainte-Barbe. Ngài ở chung phòng với hai thanh niên khác là Phêrô Favre và Phanxicô Xavier. Ngài đã quyết định không làm việc tông đồ, cũng không đi tìm bạn cùng chí hướng, để chuyên tâm học tập. Nhưng chẳng bao lâu sau, lần lượt Phêrô Favre rồi Phanxicô Xavier muốn chia sẻ hướng tông đồ với ngài. Sau

đó đến bốn sinh viên khác nữa. Linh Thao giúp các bạn vừa gắn bó với Chúa Giêsu, vừa gắn bó với thánh I-nhã, vừa gắn bó với nhau. Mỗi Chúa nhật, thánh I-nhã và các bạn đến đan viện Notre-Dame de Vauvert để dự lễ và chia sẻ với nhau về lý tưởng tông đồ. Ngày 15.8.1534, nhóm bạn bảy người cùng nhau tuyên khấn sống thanh bần, đi hành hương Giêrusalem và làm việc tông đồ. Thánh I-nhã gọi đó là những người bạn trong Chúa. Một quyết định gần như đồng thời: thánh I-nhã và các bạn sẽ làm linh mục để giúp đỡ các linh hồn hơn.

Năm 1535, theo lời khuyên của bác sĩ, thánh I-nhã về quê chữa bệnh, các bạn ở lại cứ tiếp tục học, và hẹn sẽ gặp lại nhau để cùng đi hành hương Giêrusalem. Đầu năm 1537, thánh I-nhã gặp lại các bạn tại Venezia. Lúc này nhóm bạn đã có tất cả 11 người: nhóm Paris thu nhận thêm 3 bạn và thánh I-nhã thu nhận thêm 1 bạn. Trong khi chờ tàu đi Giêrusalem, các bạn chia nhau đi hoạt động tông đồ tại miền bắc nước Ý. Lúc ấy Venezia và Thổ Nhĩ Kỳ đang có chiến tranh, nên cơ may đi Giêrusalem thật mong manh. Tháng 3 năm 1537, một mình thánh I-nhã ở lại Venezia, trong khi các bạn đi Rôma xin phép lãnh Đức Giáo Hoàng trước khi đi hành hương. Đức Thánh Cha Phaolô III chẳng những cho phép và chúc lành cho chuyến hành hương, mà còn cho tiền lộ phí và cho phép tất cả các bạn chịu chức linh mục. Thánh I-nhã và 5 bạn khác thụ phong linh mục vào tháng 6. (Các bạn khác hoặc đã thụ phong rồi, hoặc phải chờ khi đủ tuổi). Để chuẩn bị dâng lễ mở tay, tất cả dành ra một thời gian để cầu nguyện. Sau đó, tất cả họp nhau tại Vicenza, đồng ý đặt tên cho nhóm là Đoàn Giêsu [7], vì chỉ một mình Chúa Giêsu là đầu và là trưởng.

Đến đây, mọi dự tính của thánh I-nhã khi ở Giêrusalem về đều đã được thực hiện: học hành đầy đủ, một nhóm bạn cùng chí hướng và chức thánh linh mục.

4. Để Đoàn Giêsu phục vụ Đức Kitô bằng cách giúp đỡ các linh hồn hơn: nhận sứ mạng từ Đức Thánh Cha (1537-1538)

Cho đến lúc ấy, thánh I-nhã và các bạn sống rất sâu đậm kinh nghiệm Kitô giáo, nhưng lại gần như không có quan tâm tích cực nào đối với giáo quyền, trừ những lần phải xin phép, bị thẩm vấn, bị giam giữ. Cả nhóm muốn đi Giêrusalem để trước là sống gần gũi thân thiết với Chúa Giêsu, sau là có thể ở lại để giúp người Hồi Giáo tại đó biết và tin Chúa Giêsu. Nhưng nếu không đi được? Cả nhóm đã nêu lên hai giả định: (1) Nếu đi được, tại Giêrusalem cả nhóm sẽ nhận định xem nên ở lại hay nên về Châu Âu; (2) Nếu không đi được, hoặc nếu nhóm quyết định trở về Châu Âu, cả nhóm sẽ đến đặt mình dưới quyền Đức Thánh Cha để ngài trao sứ mạng. Tại sao nại đến Đức Thánh Cha? Vì nhu cầu tông đồ rất nhiều, không biết nên làm điều nào thì hơn. Đức Thánh Cha là người đứng đầu toàn thể Hội Thánh, nên biết nơi nào có thể giúp đỡ các linh hồn hơn. Chẳng những thế, Đức Thánh Cha chính là đại diện Đức Kitô ở trần gian, và đây chính là điều thánh I-nhã luôn nhấn mạnh, nên nhận sứ mạng từ ngài là nhận sứ mạng từ chính Đức Kitô.

Điều bao nhiêu năm mới xảy ra một lần lại xảy ra vào đúng năm 1537: không có tàu từ Venezia đi Giêrusalem. Thánh I-nhã và các bạn đi Rôma trình diện Đức Thánh Cha.

Các bạn chia thành mấy toán. Thánh I-nhã cùng toán với chân phước Phêrô Favre và cha Láinez. Giữa tháng 11 năm 1537, ba người bạn đến một địa điểm gọi là La Storta, cách Rôma chừng 15 km. Tại đó, thánh I-nhã đã có một kinh nghiệm thiêng liêng hết sức quan trọng mà người ta quen gọi là thị kiến La Storta.

Trước hết, thánh I-nhã xác tín đã được ơn mà ngài xin từ lâu là được đặt với Chúa Con. Từ Loyola, ngài đã quyết tâm phục vụ Đức Kitô. Ở Manresa, như được diễn tả trong bài Hai cờ hiệu, ngài xin được nhận

vào dưới cờ của Đức Kitô. Gần hơn, ngài và các bạn mới tự xưng là Đoàn Giêsu. Ở La Storta, ngài thấy như Chúa Cha chỉ ngài mà nói với Chúa Giêsu đang vắc Thánh Giá: "Cha muốn Con nhận cho người này phục vụ Con." Rồi Chúa Con nói với ngài: "Ta muốn con phục vụ Chúng Ta." Không còn nghi ngờ gì nữa, ngài được liên kết với Đức Kitô vắc Thánh Giá.

Sau hết, Chúa Cha nói với thánh I-nhã: "Ta sẽ phù hộ các con ở Rôma." Vậy là Rôma đã thế chỗ cho Giêrusalem. Ngài và các bạn muốn đi Giêrusalem, nhưng Thiên Chúa muốn tất cả đi Rôma. Từ chỗ muốn phục vụ Đức Kitô bằng cách giúp đỡ các linh hồn, theo ý mình thích, ở nơi mình thích, cụ thể là truyền giáo cho người Hồi Giáo ở Giêrusalem, nay thánh I-nhã và các bạn được mời gọi đặt mình dưới sự điều động của Hội Thánh, mà tiêu biểu là Đức Giáo Hoàng Rôma, vị đại diện Đức Kitô ở trần gian, để ngài cử đi đâu, làm gì tùy ý.

Cuối tháng 11 năm 1538, thánh I-nhã cùng với chín người bạn (cha Diego Hoces đã qua đời trước đó tại Padova) đến trình diện Đức Thánh Cha Phaolô III, tự đặt mình dưới quyền điều động của ngài, sẵn sàng đi bất cứ nơi nào trên thế giới, thi hành sứ mạng vị đại diện Đức Kitô trao phó, để phục vụ Đức Kitô qua việc giúp đỡ các linh hồn hơn.

Nguồn gốc và nền tảng chính yếu đã được thiết lập, Dòng Tên chỉ còn chờ ngày chính thức ra mắt. Thánh I-nhã cũng chấm dứt giai đoạn hành hương để bước vào một giai đoạn mới. Ngày 25.12.1538, thánh I-nhã dâng lễ mở tay mừng Chúa Giáng Sinh tại nhà thờ Đức Bà Cả Rôma, nơi có giữ một máng cỏ mà người ta cho là chính máng cỏ Bêlem xưa kia: trước đây ngài vẫn mong được dâng lễ mở tay tại hang đá Bêlem. Từ nay, ngài định cư tại Rôma cho đến khi qua đời.

III

MƯỜI TÁM NĂM CUỐI 1538-1556

Được 10 linh mục có học, sống nghèo, lại nhiệt thành sẵn lòng nhận sứ mạng, Đức Thánh Cha Phaolô III rất mừng. Ngài lần lượt cử người này đi dạy thần học, người kia đi cải tổ một đan viện, người khác đi truyền giáo ở Ấn Độ.

Mùa Chay năm 1539, thánh I-nhã và các bạn họp nhau tại Rôma để suy nghĩ về tương lai. Đây là lần đầu tiên và cũng là lần duy nhất cả nhóm 10 cha đầu tiên [8] sống chung với nhau. Đoàn Giêsu đã có quá trình gần 5 năm: liên kết với nhau nhờ Linh Thao, tình bạn gắn bó, chia sẻ lý tưởng tông đồ. Giờ đây, Đức Thánh Cha cử các bạn đi hoạt động tông đồ, người chỗ này, người chỗ khác, Đoàn Giêsu đứng trước nguy cơ tan rã. Hai vấn đề được nêu lên: (1) Đoàn Giêsu nên hợp hay tan? (2) Nếu muốn hợp thì phải làm gì?

Câu hỏi thứ nhất được giải quyết khá dễ dàng và nhanh chóng: cần duy trì và củng cố Đoàn Giêsu, vì Đoàn do Thiên Chúa đã liên kết.

Câu hỏi thứ hai phức tạp hơn nhiều. Tất cả gia tăng cầu nguyện và hãm mình để xin Chúa soi sáng. Có nhiều ý kiến khác nhau, nhưng cuối cùng, vấn đề được nêu lên rõ ràng hơn: muốn duy trì và củng cố Đoàn Giêsu, có lẽ tốt nhất là mọi người khẩn tuân phục một người do Đoàn bầu lên làm bề trên. Tất cả mau chóng đồng ý là không có lời khẩn tuân phục thì khó lòng duy trì được Đoàn Giêsu. Nhưng nếu khẩn tuân phục?

Từ gần 5 năm, các bạn đã sống với nhau mà không ai là bề trên, không ai phải tuân phục, mọi sự vẫn tốt đẹp. Biết đâu khi có lời khẩn tuân phục, tình bạn tự do vốn rất đẹp sẽ biến mất, và Đoàn Giêsu trở thành một tổ chức gò bó!

Đoàn Giêsu đã khẩn thanh bản và khiết tịnh, nếu thêm lời khẩn tuân phục, Đoàn sẽ biến thành một dòng tu. Nếu Đoàn trở thành một dòng tu thì sao? (1) Lúc ấy các dòng tu đang suy thoái, nên trở thành một dòng tu có nghĩa là sẽ không ai muốn gia nhập Đoàn, và dân chúng cũng không quý mến Đoàn, nên Đoàn sẽ không thu lượm được hoa trái tông đồ; (2) Nếu biến thành dòng tu, Đoàn Giêsu sẽ phải theo qui chế chung của các dòng tu trong Hội Thánh, hoặc là sẽ bị Tòa Thánh ghép vào một dòng tu có sẵn, nghĩa là sẽ phải giam mình trong các tu viện, phải mặc áo dòng, phải họp nhau hát kinh thần vụ, phải làm việc hãm mình đền tội: thế là lý tưởng phục vụ Đức Kitô bằng việc giúp đỡ các linh hồn tiêu tan.

Sau gần một tháng cầu nguyện và nhận định cộng đoàn, cuối cùng Đoàn Giêsu đi đến quyết định khẩn tuân phục. Ba lý do chính được nêu lên là: (1) thi hành thánh ý Thiên Chúa hơn; (2) liên kết với nhau chặt chẽ và bền vững hơn; (3) anh em được chăm sóc chu đáo hơn. Chúng ta nên để ý đến ba chữ hơn: không khẩn tuân phục cũng được, nhưng khẩn tuân phục thì hơn. Ngày 15 tháng 4 năm 1539, cả nhóm ký tên vào bản cam kết nếu Hội Thánh cho phép thì Đoàn Giêsu sẽ khẩn tuân phục một bề trên do anh em bầu lên.

Trong hơn 2 tháng tiếp theo, các cha đầu tiên đề ra những nét căn bản của dòng tu mới, đó là một dòng tu hoạt động tông đồ, dưới quyền trực tiếp của Đức Thánh Cha. Ngoài ba lời khẩn khiết tịnh, thanh bản và tuân phục chung với mọi dòng tu khác, Đoàn Giêsu sẽ khẩn tuân phục Đức Thánh Cha khi ngài trao sứ vụ. Để đáp ứng mục tiêu tông đồ, anh em trong Đoàn phải được huấn luyện lâu dài và kỹ lưỡng về đời sống thiêng liêng và học vấn. Những điều Đoàn xét là làm thiệt hại đến mục đích tông đồ của Đoàn sẽ bị loại bỏ: tu viện, áo dòng, hát kinh thần vụ chung, ăn chay đánh tội. Đoàn sẽ bầu một Bề Trên Cả mà mọi người phải khẩn tuân phục. Sau này, thánh I-nhã sẽ viết: "Ôn gọi của chúng ta là đi đến bất cứ nơi nào trên thế giới có hy vọng giúp đỡ được các linh hồn." Không ai đặt vấn đề về tên dòng: Đoàn Giêsu hay Dòng Tên trước sau vẫn là Đoàn của Chúa Giêsu.

Bản Định Thức Thẻ Chết, đề ra những nét chính yếu trên đây, được Đức Thánh Cha Phaolô III phê chuẩn ngày 27.9.1540. Tháng 4 năm 1541, thánh I-nhã được tất cả các bạn nhất trí bầu làm Bề Trên Cả tiên khởi của Dòng. Rồi tất cả chính thức tuyên 4 lời khẩn tại nhà thờ Thánh Phaolô Ngoại Thành Rôma ngày 22.4.1541. Đoàn Giêsu chính thức nhập cuộc. Đến Việt Nam, Đoàn Giêsu được việt hóa thành Dòng Tên.

Trong 15 năm làm Bề Trên Cả, thánh I-nhã có hai nhiệm vụ chính: (1) Điều hành sinh hoạt Dòng: gửi người đi sứ vụ, huấn luyện thành viên mới, viết thư cho các anh em khắp nơi [9]. Khi ngài qua đời, Dòng Tên có khoảng 1000 anh em, trải rộng từ Châu Âu đến Châu Á, Châu Phi và Châu Mỹ. (2) Soạn thảo Hiến Chương Dòng Tên. Để làm việc này, ngài phải cầu nguyện, suy nghĩ về kinh nghiệm bản thân và kinh nghiệm Đoàn Giêsu, hỏi ý kiến các cha trong nhóm đầu tiên. Bản Hiến Chương của ngài khá độc đáo: mỗi người vào Dòng Tên phải sống lại hành trình và kinh nghiệm thiêng liêng của ngài và các cha đầu tiên.

Ngoài hai nhiệm vụ chính trên đây, ngài cũng tham gia hoạt động tông đồ tại Rôma: cứu giúp nạn nhân các vụ thiên tai, bệnh vực những người bị thiệt thòi như cộng đồng Do Thái, giới hành khất, các cô gái lầm lỡ.

Đặc biệt ngay trong những năm tháng bận rộn với trăm công ngàn việc này, ngài đạt tới đỉnh cao của đời sống thần bí. Thật ra, đối với ngài, thần bí và tông đồ chỉ là một. Tập Nhật ký thiêng liêng cho thấy

ngài kết hiệp mật thiết và thâm sâu với Thiên Chúa thế nào, và mọi điều ngài viết ra, nhất là các điều khoản Hiến Chương Dòng Tên, đều xuất phát từ kinh nghiệm thần bí ấy.

Trong những năm cuối đời, thánh I-nhã đau yếu khá thường xuyên. Sáng sớm ngày 31.7.1556, ngài êm ái tắt thở tại trụ sở Dòng Tên ở Roma. Ngài được Đức Thánh Cha Grêgôriô XV tuyên thánh năm 1622. Khuôn mặt nổi bật ngài để lại cho chúng ta là một bạn đường Chúa Giêsu, tiền từng bước theo Chúa Thánh Thần hướng dẫn, chứ không đi trước và khí cụ trong tay Thiên Chúa.

LỜI NÓI ĐẦU CỦA CHA JERONIMO NADAL [10]

1. Cha I-nhã đã nói với tôi cũng như với các cha khác là ngài đã xin Chúa ba ơn trước khi lìa khỏi đời này: một là Thể Chế Dòng được Tòa Thánh phê chuẩn, hai là Linh Thao cũng được như vậy, ba là ngài soạn xong Hiến Chương.

2. Nhớ điều ấy và thấy ngài đã đạt được tất cả [11], tôi sợ rằng ngài sắp được Thiên Chúa gọi đến một đời sống tốt hơn. Được biết là các vị thánh sáng lập các dòng đan tu thường để lại cho con cái những lời khuyên, như một bản di chúc, mà các ngài xét là hữu ích để họ tiến tới trong đức hạnh, tôi chờ dịp thuận tiện để xin Cha I-nhã cũng làm như vậy [12]. Vào năm 1551 [13], một hôm gặp cha I-nhã, và được nghe ngài nói: "Lúc này tôi vượt trên chín tầng mây rồi", tôi hiểu điều ấy nghĩa là ngài đã xuất thần hay ngất trí, như thường xảy ra cho ngài. Với lòng kính trọng sâu xa nhất, tôi hỏi: "Cha nói vậy là sao?" nhưng ngài chuyển đề tài trao đổi sang điều khác [14]. Cho là giây phút thuận tiện đã đến, tôi xin ngài thương kể cho chúng tôi biết Chúa đã hướng dẫn ngài thế nào từ khi ngài bắt đầu hoán cải, để chuyện ngài kể sẽ trở nên cho chúng tôi như một bản di chúc hay một bản huấn dụ của người cha cho con cái. Tôi nói với ngài: "Thưa cha, vì Chúa đã ban cho cha đủ ba ơn cha ước ao trước khi chết, chúng con sợ là chẳng bao lâu nữa Chúa sẽ gọi cha về trời."

3. Ngài thoái thác, nại lý do bận việc. Ngài nói không thể dành thời giờ hay chú tâm cho việc đó được. Tuy nhiên, ngài cũng thêm: "Xin cha cùng với cha Polanco [15] và cha Ponce [16] dâng ba lễ theo ý đó, và sau khi cầu nguyện, xin nói cho tôi biết cha nghĩ thế nào." Tôi đáp: "Thưa cha, chúng con sẽ vẫn nghĩ như bây giờ." Nhưng ngài nói rất tử tế: "Xin cha cứ làm như tôi đã nói." Chúng tôi dâng ba lễ, rồi báo cho ngài biết chúng tôi vẫn nghĩ vậy, và ngài hứa sẽ làm điều chúng tôi xin.

Năm sau, từ đảo Sicilia về lần thứ hai, để đi Tây Ban Nha, tôi hỏi ngài xem đã làm gì chưa, ngài đáp: "Chưa làm chi hết." Ở Tây Ban Nha về lại năm 1554, tôi lại hỏi ngài, nhưng ngài vẫn chưa khởi sự [17]. Không biết bị ai thúc bách, tôi đẩy thêm: "Tính đến nay đã bốn năm rồi, chẳng những con mà các anh em khác cũng xin cha thuật lại cho chúng con biết Chúa đã rèn luyện cha thế nào từ khi cha bắt đầu hoán cải, vì chúng con tin chắc là điều ấy rất hữu ích cho chúng con cũng như cho cả Dòng. Nhưng con thấy là cha không chịu làm, nên con dám quả quyết: nếu cha chấp thuận điều chúng con tha thiết mong ước, chúng con sẽ tận dụng những gì cha để lại; còn nếu cha không làm, chúng con cũng không vì vậy mà suy sụp đâu, và chúng con vẫn giữ nguyên lòng tin tưởng nơi Chúa như thể chính cha đã viết hết."

4. Ngài không trả lời chi cả, nhưng tôi nghĩ là đúng hôm ấy ngài gọi cha Luis Gonaves đến và bắt đầu kể. Cha này được Chúa ban cho trí nhớ tuyệt vời sau đó đã ghi chép lại. Cha Luis là đại biểu ở Đại Hội [18], trong đó cha được bầu làm phụ tá cho cha Bê Trê-n-cả Laínez. Về sau, cha ấy dạy riêng về

văn chương và luân lý Công Giáo cho vua Sebastian nước Bồ Đào Nha. Người ta nhìn nhận đó là một linh mục đạo hạnh và rất nhân đức. Cha Goncalves viết một phần bằng tiếng Tây Ban Nha, một phần bằng tiếng Ý, tùy theo người chép mà cha ấy có được. Cha Annibal du Coudret, một người học thức và đạo hạnh, đã dịch sang tiếng Latinh. Cả tác giả lẫn dịch giả đều còn sống.

LỜI NÓI ĐẦU [19]

CỦA CHA LUIS G. DA CÂMARA

1. Vào một buổi sáng, hôm ấy là thứ sáu ngày 4 tháng 8, áp lễ Đức Mẹ Xuống Tuyết [20], năm 1553, trong khi Cha [21] đang ở trong vườn, gần nhà hay căn hộ gọi là của công tước [22], tôi bắt đầu kể cho Cha nghe một số điều liên quan đến linh hồn mình, và trong những điều tôi kể, có nói đến hư vinh. Để chữa trị, Cha khuyên tôi thỉnh thoảng đến thưa chuyện với Chúa về những việc của mình, dâng lên Chúa tất cả những gì là tốt đẹp nơi mình, và nhìn nhận tất cả là ân huệ của Chúa, để tạ ơn Chúa về những điều ấy. Cha nói làm tôi rất xúc động, không sao cảm được nước mắt. Rồi Cha cho tôi biết Cha đã chiến đấu chống lại tật xấu ấy trong suốt hai năm, đến nỗi khi sắp xuống tàu ở Barcelona để đi Giêrusalem, Cha không dám nói với ai là mình đi Giêrusalem [23]. Và trong các trường hợp khác cũng vậy. Cha thêm là về mặt này, tâm hồn Cha từ đó về sau rất bình an [24].

Một hay hai giờ sau, ở bàn ăn, đang lúc cha Polanco và tôi cùng ăn với Cha, Cha nói là nhiều lần cha Nadal và những người khác trong Dòng đã nài nỉ Cha [25], nhưng Cha chưa bao giờ quyết định được [26]. Giờ đây, sau khi nói với tôi, Cha về phòng, và Cha cảm thấy được thúc đẩy mãnh liệt để đáp ứng. Cha quyết định thực hiện điều đó, tức là thuật lại tất cả những gì đã xảy ra trong tâm hồn Cha cho đến lúc này, đồng thời Cha quyết định tôi sẽ là người được Cha bày tỏ những điều ấy [27]. Cách Cha nói cho thấy rõ là Chúa gọi hứng cho Cha để thấy bồn phẫn phải làm gì.

2. Lúc ấy, Cha rất đau yếu, và không có thói quen hứa làm gì dù chỉ là một ngày sau. Khi có ai nói: "Hai tuần nữa" hay "một tuần nữa tôi sẽ làm", Cha phần nào ngạc nhiên và luôn luôn hỏi: "Sao? Còn sống được lâu vậy sao?" Tuy nhiên, trong dịp này, Cha nói Cha hi vọng sẽ sống được ba hay bốn tháng để hoàn tất công việc. Hôm sau tôi hỏi Cha khi nào thì bắt đầu, Cha trả lời là hằng ngày tôi phải nhắc Cha (tôi không nhớ được là bao nhiêu ngày!), cho tới khi Cha cảm thấy sẵn sàng. Vì công việc dồn dập, không có thời giờ, Cha muốn tôi mỗi Chúa nhật lại nhắc Cha. Thế là đến tháng 9 (tôi không nhớ ngày nào), Cha gọi tôi và bắt đầu kể cho tôi nghe toàn bộ đời sống Cha, cả những chuyện nông nổi thời trai trẻ [28], tất cả đều rõ ràng, rành rẽ, chi li. Sau đó, vẫn trong tháng ấy, Cha gọi tôi ba hay bốn lần và kể chuyện đời sống Cha cho tới những ngày đầu Cha ở Manresa, như người ta có thể thấy được vì chữ viết khác nhau [29].

3. Cách Cha thuật chuyện vẫn là cách Cha vẫn làm bình thường trong mọi thứ khác: Cha thuật rõ ràng, làm cho người nghe có cảm tưởng quá khứ hiện ra ngay trước mắt. Không cần hỏi Cha chi hết, vì bất cứ điều gì thiết yếu để hiểu Cha đều nhớ thuật lại. Ngay lập tức tôi lắng lắng đi ghi lại, lần đầu tự tay tôi viết các điểm tóm lược, sau đó dài hơn nhiều, như bản viết hiện nay. Tôi đã cố gắng không viết một chữ nào ngoài những điều tôi đã nghe Cha nói [30]. Điều tôi sợ là, vì không muốn viết gì ngoài lời Cha nói, tôi không làm nổi lên được một số điều.

Như đã nói trên, tôi đã khởi sự viết những điều này vào tháng 9 năm 1553. Từ đó tới khi cha Nadal đến, ngày 18.1.1554, Cha luôn luôn cáo lỗi, nêu lên việc cha bị đau yếu này nọ, hoặc giải quyết việc này việc khác. Cha bảo tôi: "Khi xong việc này, xin nhắc tôi." Và khi xong việc, tôi nhắc, Cha lại bảo : "Lúc này phải lo việc khác. Khi nào xong, xin nhắc tôi."

4. Khi cha Nadal đến và thấy công việc đã bắt đầu rồi thì vui lắm, bảo tôi hỏi thúc Cha tiếp tục, và nói với tôi nhiều lần là Cha không làm được gì tốt cho Dòng hơn điều ấy, vì đó là cho Dòng nền móng đích thực [31]. Chính cha ấy nói với Cha nhiều lần, và Cha bảo tôi nhắc khi việc gây quỹ cho Học Viện [32] hoàn tất. Khi việc ấy xong, lại phải chờ giải quyết xong vụ Tư Tế Gioan [33] và sau khi gửi thư từ [34] xong.

Chúng tôi tiếp tục câu chuyện vào ngày 9 tháng 3 [35]. Lúc ấy Đức Giáo Hoàng Giuliô III bệnh nặng và qua đời ngày 23, và Cha hẹn sẽ tiếp tục khi có Đức Giáo Hoàng mới, đó là Đức Marcellô II. Rồi Cha lại hoãn cho tới khi Đức Giáo Hoàng Phaolô IV được bầu. Sau đó, vì trời nóng và bận việc, Cha hoãn mãi đến ngày 21 tháng 9, khi đặt vấn đề tôi được gửi đi Tây Ban Nha. Nại lý do này, tôi hỏi thúc tới tập đòi Cha phải giữ lời hứa với tôi. Thế là Cha lên chương trình gặp tôi vào buổi sáng ngày 22 tại Tháp Đỏ [36]. Sau khi dâng lễ, tôi đến hỏi Cha tới giờ chưa.

5. Cha bảo tôi cứ đến chờ Cha ở Tháp Đỏ, và tôi phải có mặt sẵn khi Cha đến. Tôi nghĩ là phải đợi Cha ít lâu, nên khi tôi nói chuyện với một tu huynh hỏi chuyện tôi ở hành lang, Cha đến và quở trách tôi không vâng lời, vì không đến đợi Cha ở chỗ hẹn. Hôm ấy Cha không chịu làm chi hết. Chúng tôi đến nài nỉ Cha tiếp tục. Cha đến Tháp Đỏ và Cha vừa đi vừa kể, như mọi khi. Tôi nhích lại càng ngày càng gần Cha hơn, để quan sát nét mặt rõ hơn, nhưng Cha nói: "Phải giữ luật [37]." Tạm quên lời nhắc nhở, tôi cứ đến gần Cha, hai hay ba lần, Cha lại nhắc rồi tiếp tục. Sau đó, Cha tiếp tục trở lại Tháp để kể cho xong, như tôi ghi lại được. Vì tôi phải dành thời giờ để chuẩn bị cho chuyến đi (hôm trước ngày tôi lên đường cũng là ngày cuối Cha nói với tôi về những điều ấy), tôi không thể ghi lại đầy đủ mọi sự ở Rôma. Đến Genova, vì không có người biết tiếng Tây Ban Nha để chép, tôi đã đọc bằng tiếng Ý, dựa trên những điều tôi đã ghi được ở Rôma và đem theo.

Tôi hoàn tất công việc vào tháng 12 năm 1555.

I

ĐƯỢC MỜI GỌI PHỤC VỤ ĐỨC KITÔ

1. Cho đến năm 26 tuổi [38], kể ấy [39] chỉ mãi mê với những chuyện phù phiếm thế gian, đặc biệt là ham mê võ nghệ [40], với ước ao mãnh liệt và phù phiếm là được nổi tiếng [41].

Vì vậy, đang lúc ở trong một pháo đài bị quân Pháp [42] công hãm, và mọi người đồng ý là phải đầu hàng để thoát chết (vì họ thấy rõ không thể tự vệ được), kẻ ấy đưa ra cho vị chỉ huy [43] bao nhiêu lý lẽ để rồi thuyết phục được người này cố thủ, bất chấp ý kiến của tất cả các hiệp sĩ [44]. Những người này thấy kẻ ấy can đảm và kiên quyết thì cũng vững lòng.

Khi đến ngày biết là sẽ bị tấn công [45], kẻ ấy xưng tội với một chiến hữu [46]. Cuộc tấn công kéo dài được khá lâu thì kẻ ấy bị trúng đạn [47] vào một chân làm nó gãy nát ra. Vì đạn đi qua giữa hai chân, nên chân kia cũng bị thương nặng [48].

2. Kẻ ấy ngã xuống rồi, những người trong pháo đài đầu hàng người Pháp [49]. Sau khi chiếm được pháo đài, họ đối xử với người bị thương rất tử tế, vừa lịch sự, vừa thân thiện [50]. Sau 12 hay 15 ngày ở Pamplona, họ dùng cáng khiêng kẻ ấy về quê [51]. Tại đây, vì bệnh tình kẻ ấy rất tồi tệ, người ta đã mời các bác sĩ và các nhà phẫu thuật từ nhiều nơi đến. Theo họ thì phải kéo cái chân ra lại, xếp lại các xương đầu vào đó, vì lần trước đã làm sai, hoặc vì khi di chuyển các xương đã xô dịch, nên không ở đúng chỗ, và như vậy thì không khỏi được. Thế là kẻ ấy bị làm thịt lần nữa. Y như những lần trước đó, lần này kẻ ấy cũng không nói một tiếng nào, cũng không tỏ dấu hiệu đau đớn nào, ngoài việc nắm chặt hai bàn tay [52].

3. Nhưng bệnh tình càng ngày càng tệ hơn. Kẻ ấy không ăn được và có những triệu chứng khác như người ta thường thấy nơi một người sắp chết. Đến lễ thánh Gioan [53], vì các bác sĩ không tin tưởng kẻ ấy sẽ hồi phục được, nên kẻ ấy được khuyên nên xưng tội. Khi kẻ ấy chịu các bí tích [54], vào chiều hôm trước lễ hai thánh Phêrô và Phaolô [55], các bác sĩ cho biết nếu đến nửa đêm mà kẻ ấy không khá hơn thì kẻ như là chết. Bệnh nhân vốn có lòng sùng kính thánh Phêrô [56], và Chúa thương cho kẻ ấy bắt đầu cảm thấy khá hơn ngay chính nửa đêm hôm ấy. Và bệnh tình được cải thiện nhiều đến nỗi chỉ mấy ngày sau, người ta cho rằng kẻ ấy đã thoát cơn nguy tử.

4. Chẳng bao lâu, các miếng xương kết dính lại với nhau, nhưng bên dưới đầu gối lại có một cái xương chồm lên trên một cái khác, vì vậy mà chân bị rút ngắn lại, và cái xương kia nhô lên, làm cho nhìn chẳng đẹp mắt mấy. Đã quyết chí theo đuổi thế gian [57], và cho rằng để như vậy thì xấu xí [58], kẻ ấy không thể chịu được, nên hỏi các nhà phẫu thuật xem có thể cắt đi được không. Họ trả lời là có thể cắt được, nhưng sẽ phải chịu đau đớn hơn tất cả những gì kẻ ấy đã phải chịu trước đó, vì vết thương đã lành và phẫu thuật đòi hỏi nhiều thời giờ. Tuy nhiên, kẻ ấy nhất mực đòi bằng được, cho dầu người anh hoàng sợ cho biết chính anh ấy sẽ không dám để cho người ta hành hạ như vậy. Người bị thương vẫn chịu đựng với sự nhẫn nhục thường lệ [59].

5. Sau khi xẻ thịt và cắt khúc xương nhô lên, người ta làm hết cách để cái chân khỏi bị rút ngắn lại. Phải dùng nhiều thuốc và máy móc để kéo chân cho dài ra lại. Kẻ ấy chịu cực hình như vậy trong nhiều ngày.

Nhưng Chúa cho kẻ ấy được hồi phục. Kẻ ấy khỏe mạnh và tình trạng tổng quát rất khả quan, trừ việc kẻ ấy chưa thể đi đứng được, nên buộc phải ở trên giường. Thấy mình đã khỏe lại, kẻ ấy xin một số tiểu thuyết gọi là kiếm hiệp ^[60] để đọc cho qua ngày đoạn tháng, vì kẻ ấy vốn thích loại sách trần tục và dối trá [61] ấy. Nhưng khắp cả nhà, không tìm đâu được một cuốn nào trong số những cuốn kẻ ấy thường đọc; người ta đem đến cho kẻ ấy một cuốn Cuộc Đời Đức Kitô [62] và một cuốn về cuộc đời các thánh [63] bằng tiếng Tây Ban Nha.

6. Kẻ ấy thường xuyên đọc hai cuốn ấy, và phần nào cảm thấy bị thu hút vào những điều kể trong sách. Khi ngưng đọc, kẻ ấy suy nghĩ, lúc thì về những điều đã đọc được, lúc thì về những điều thế gian trước kia kẻ ấy vẫn thường nghĩ tới.

Trong số tất cả những ý tưởng phù phiếm đến trong trí, có một điều chi phối và xâm chiếm tâm hồn đến nỗi kẻ ấy mơ mộng suốt hai, ba hay bốn giờ mà không nhận ra. Kẻ ấy tưởng tượng những điều phải làm cho một thiếu nữ quý phái [64], phương tiện sẽ dùng để đến nơi nàng ở, những vần thơ [65], những lời

lẽ sẽ nói với nàng, những chiến công sẽ phải có để dâng cho nàng. Kẻ ấy quá tự phụ nên không thấy được là điều ấy không sao thực hiện được, vì thiếu nữ quý phái này không chỉ thuộc hàng quý tộc bình thường như bá tước hay công tước, nhưng ở hàng cao hơn thế nữa [66].

7. Tuy nhiên, Thiên Chúa đã đến cứu giúp kẻ ấy: sau những ý tưởng ấy là những ý tưởng khác, thai nghén từ những gì đọc được trong sách. Khi đọc về cuộc đời Chúa Giêsu và các thánh, thỉnh thoảng kẻ ấy suy nghĩ và tự nhủ: "Giả như tôi làm những điều thánh Phanxicô và thánh Đaminh đã làm thì sao?" [67] Kẻ ấy cũng nghĩ đến nhiều điều cho là tốt và luôn luôn nhắm đến những việc khó khăn và nhọc nhằn. Khi tự đề ra cho mình những việc ấy, kẻ ấy có cảm giác là sẽ dễ thực hiện. Trong suốt thời gian suy tính như vậy, kẻ ấy vẫn tự nhủ: "Thánh Đaminh đã làm điều này, vậy tôi cũng phải làm; thánh Phanxicô đã làm điều kia, vậy tôi cũng phải làm." Cả những suy nghĩ này cũng kéo dài một lúc lâu, rồi bị những ý tưởng khác cắt ngang, và tâm trí kẻ ấy lại quay về với những ý tưởng trần tục đã nói trên; những ý tưởng này cũng kéo dài một lúc lâu. Những ý tưởng rất khác biệt như vậy lần lượt nối tiếp nhau trong một thời gian lâu dài. Dầu là những kỳ tích thể gian mà kẻ ấy ước ao đạt được hay những kỳ tích mà trí tưởng tượng gọi lên để kẻ ấy làm cho Thiên Chúa, kẻ ấy luôn luôn dành thời giờ để suy nghĩ về những điều hiện đến trong trí, cho đến khi mệt, kẻ ấy mới bỏ điều này để nghĩ sang điều khác.

8. Dầu vậy, có sự khác biệt này: khi nghĩ đến những chuyện thể gian, kẻ ấy rất thích thú; nhưng khi mệt mỏi, thôi không nghĩ nữa, lại thấy trống rỗng và buồn chán; trái lại, khi nghĩ về việc đi chân đất đến Giêrusalem [68], chỉ ăn rau cỏ, và làm những việc khổ chế như các thánh đã làm, chẳng những ngay lúc ấy kẻ ấy cảm thấy an ủi [69], mà cả sau khi thôi không nghĩ đến nữa vẫn thấy vui và thích. Lúc đầu kẻ ấy không để ý điều ấy nên không dừng lại để suy xét về sự khác biệt. Một hôm, mắt kẻ ấy phần nào mở ra: kẻ ấy bắt đầu ngạc nhiên về sự khác biệt này, nên khởi sự suy tư. Kinh nghiệm cho kẻ ấy thấy có những ý tưởng khiến kẻ ấy buồn, có những ý tưởng giúp kẻ ấy vui. Dần dần kẻ ấy nhận ra các tác nhân [70] khác nhau tác động nơi mình, tác động của ma quỷ và tác động của Thiên Chúa.

Đây là lần đầu tiên Cha suy tư về những điều thuộc về Thiên Chúa. Sau này, khi tập Linh Thao, ngài sẽ khởi từ đây để rút ra những ánh sáng đầu tiên về các tác nhân khác nhau [71].

9. Nhờ đọc sách, kẻ ấy được soi sáng khá nhiều, nên bắt đầu suy nghĩ nghiêm chỉnh hơn về đời sống quá khứ của mình, và thấy rất cần phải làm việc đền tội [72]. Chính lúc ấy, kẻ ấy nảy sinh lòng ao ước bắt chước các thánh [73]. Kẻ ấy không lưu ý được hoàn cảnh riêng của từng vị, nhưng tự hứa với mình là, nhờ ơn Chúa, phải làm những điều các ngài đã làm. Nhưng điều kẻ ấy ước ao hơn hết là, ngay sau khi bình phục, sẽ đi Giêrusalem, như đã nói trên, và ăn chay đánh tội theo như một tâm hồn quảng đại và sốt mến Chúa có thể ước ao thực hiện [74].

10. Nhờ các ước muốn thánh thiện [75], kẻ ấy quên đi các mơ mộng xưa kia. Các ước muốn thánh thiện lại được xác chuẩn [76] bằng thị kiến sau đây. Một đêm kia, không ngủ, kẻ ấy thấy rõ ràng hình ảnh Đức Mẹ cùng với Chúa Giêsu Hải Đòng. Khi thấy như vậy, kẻ ấy cảm thấy rất hứng khởi một lúc khá lâu. Kẻ ấy cảm thấy ghê tởm tất cả cuộc sống quá khứ, đặc biệt là những chuyện xác thịt, và có cảm tưởng như tất cả những hình ảnh từng được ghi khắc vào tâm hồn mình đều bị xoá bỏ. Từ hôm ấy cho đến tháng 8 năm 1553, khi kể những điều này, kẻ ấy không bao giờ may mắn ưng thuận với những cảm dỗ xác thịt [77]. Do đó, có thể chắc chắn thị kiến ấy xuất phát từ Thiên Chúa, mặc dầu kẻ ấy không dám quả quyết như vậy, và không khẳng định gì ngoài những điều trên đây [78]. Anh của kẻ ấy, cũng như mọi người khác trong nhà, căn cứ vào những điều bên ngoài, đều ghi nhận sự thay đổi đang diễn ra trong tâm hồn kẻ ấy.

11. Riêng kẻ ấy, chẳng bận tâm gì, cứ mãi miết đọc sách và dự tính những việc tốt sẽ làm. Hễ có dịp nói chuyện với người nhà, kẻ ấy chỉ nói những điều về Thiên Chúa, nhằm mưu ích cho linh hồn họ [79].

Thấy những cuốn sách mình đọc rất hay, kẻ ấy nảy ra ý chép lại những điều quan trọng nhất trong đời sống Đức Kitô và các thánh, làm như một bản tóm lược. Kẻ ấy bắt đầu rất chăm chú viết một cuốn sách. Lúc ấy, kẻ ấy cũng bắt đầu đứng lên và đi lại trong nhà được rồi. Kẻ ấy viết các lời của Đức Kitô bằng mực đỏ, các lời của Đức Mẹ bằng mực xanh. Tập này dày khoảng 300 trang giấy khổ lớn viết kín hết. Giấy thì láng và có hàng kẻ, tất cả đều viết rất đẹp, vì kẻ ấy viết chữ rất đẹp.

Kẻ ấy dành một phần thời giờ để viết, phần còn lại để cầu nguyện. Kẻ ấy được sốt sắng nhất khi nhìn lên trời và các vì sao. Kẻ ấy thường nhìn như vậy và nhìn lâu giờ, vì điều này làm cho kẻ ấy cảm thấy rất hứng khởi để phục vụ Chúa [80]. Kẻ ấy thường xuyên nghĩ đến quyết tâm đã có và ước gì mình khỏi hoàn toàn rồi để lên đường.

12. Khi suy tính mình sẽ làm gì sau khi đi Giêrusalem về, để luôn luôn làm việc hãm mình đền tội, kẻ ấy dự tính sẽ lui vào đan viện Chartreux ở Sevilla [81], không cho ai biết mình là ai, để người ta khỏi kính nể, và chỉ ăn rau cỏ thô. Nhưng vào những lúc khác, khi suy nghĩ đến việc đi khắp thế giới để làm những việc đền tội kẻ ấy ước ao thực hiện, ước muốn vào dòng Chartreux của kẻ ấy nguội lạnh đi: kẻ ấy sợ ở đó không được tự do thể hiện sự thù ghét mình có đối với bản thân ^[82]. Dầu vậy, lúc ấy có một gia nhân phải đi Burgos [83], nên kẻ ấy bảo người ấy đến hỏi cho biết luật lệ dòng Chartreux, và thấy luật ấy hay. Tuy nhiên, vì lý do nêu trên, và vì kẻ ấy hoàn toàn bị hút vào chuyến đi sắp thực hiện, còn việc kia thì sau khi về sẽ tính, nên không quan tâm bao nhiêu. Thay vào đó, thấy mình đã phần nào khỏe mạnh, khởi hành được rồi, kẻ ấy thưa với anh: "Anh biết đó, công tước Najera [84] đã biết là em khỏi rồi. Chắc em phải đi Navarrete." (Lúc ấy, ông công tước đang ở đó.) Ông anh dẫn kẻ ấy từ phòng này sang phòng khác, tỏ nhiều dấu cho thấy sự ngạc nhiên, và xin kẻ ấy đừng uống phí một đời: phải nghĩ đến người ta kỳ vọng nơi mình thế nào, và giá trị của mình thế nào, và những lời tương tự. Anh kẻ ấy và một số người trong nhà nghi là kẻ ấy sắp có thay đổi lớn. Nhưng kẻ ấy trả lời khéo, không sai sự thật vì kẻ ấy đã rất sợ nói sai, và thoát được người anh.

13. Khi kẻ ấy lên la [85] để khởi hành [86], một người anh khác [87] muốn cùng đi với kẻ ấy đến Onate [88]. Trên đường, kẻ ấy thuyết phục được người anh cùng đến canh thức tại đền Đức Mẹ Aránzazu [89]. Đêm ấy, kẻ ấy xin được thêm sức mạnh [90] để thực hiện chuyến đi.

Từ ngày rời bỏ gia đình, đêm nào Cha cũng đánh tội.

Đến Onate, người anh ở lại với người chị mà người anh tính đến thăm [91], còn kẻ ấy đi tiếp đến Navarrete [92]. Kẻ ấy nhớ là vị công tước còn nợ mình một số tiền [93], nên viết một hóa đơn cho viên quản lý. Người này cho biết ông không còn tiền để trả [94]. Được tin ấy, vị công tước cho biết ông có thể thiếu tiền bất kỳ ai khác, nhưng không được thiếu một người thuộc gia đình Loyola. Vì những công trạng kẻ ấy đã lập được trong quá khứ, vị công tước còn muốn trao cho kẻ ấy một chức vụ quan trọng, nếu kẻ ấy muốn nhận [95]. Kẻ ấy nhận tiền, thanh toán nợ nần, phần còn lại để sửa sang và trang hoàng một ảnh tượng Đức Mẹ đã cũ kỹ [96]. Tạm biệt hai người đầy tớ tháp tùng, kẻ ấy rời Navarrete, lên la, một mình hướng về Montserrat [97].

14. Trên đường [98] có một chuyện xảy ra nên ghi nhận để người ta hiểu được Chúa đã đối xử với linh hồn ấy còn tối tăm mặc dầu đầy những ước nguyện nóng bỏng theo Chúa bất kỳ cách nào biết được. Chính vì vậy, kẻ ấy quyết định làm những việc phạt xác gắt gao, không chỉ để đền tội, nhưng chính là để làm vừa lòng Chúa và vui lòng Chúa.

Cha đã chê ghét tôi lỗi quá khứ và rất ước ao làm những việc lớn lao vì yêu mến Chúa nên mặc dầu không ý y Chúa đã tha thứ hết tội lỗi, Cha vẫn không chú tâm lắm đến tội lỗi khi tự ý làm việc phạt xác.

Khi nhớ đến một việc phạt xác các thánh đã làm xưa kia [99], kẻ ấy nghĩ mình cũng phải làm như vậy, và ngay cả hơn nữa [100]. Tất cả mọi an ủi kẻ ấy có được đều xuất phát từ những ý tưởng như vậy. Kẻ ấy không hề chú tâm gì đến chiều sâu nội tâm, cũng chẳng biết thế nào là khiêm tốn, bác ái, kiên nhẫn, hay đức khôn ngoan là khuôn mẫu và thước đo các nhân đức ấy. Kẻ ấy chỉ có ý thực hiện những công to việc lớn bên ngoài, vì các thánh đã từng làm như vậy [101] để tôn vinh Thiên Chúa [102] mà không để ý gì đến những hoàn cảnh riêng của mỗi vị.

15. Kẻ ấy đang đi đường thì có một anh chàng Môrô [103] cỡi la bắt kịp. Trong khi hai bên trao đổi với nhau chuyện này chuyện kia, họ nói đến Đức Mẹ [104]. Anh chàng Môrô nói chắc Đức Mẹ thụ thai mà không cần đến người nam, nhưng không thể tin là khi sinh con, Đức Mẹ vẫn còn đồng trinh [105]. Anh ta đưa ra những lý lẽ thuộc bình diện tự nhiên nảy sinh trong trí. Mặc dầu kẻ hành hương [106] đem bao nhiêu luận cứ ra chống đỡ, nhưng vẫn không làm được anh ta thay đổi ý kiến. Anh chàng Môrô lúc ấy phóng nhanh lên trước rồi mất hút [107]; kẻ ấy nghĩ lại những điều vừa diễn ra. Một số cảm xúc trỗi dậy trong kẻ ấy và gọi lên trong lòng sự bất bình, vì kẻ ấy có cảm tưởng đã không tròn bổn phận [108]. Lòng đầy tức giận anh chàng Môrô, và tự cho là mình đã sai khi để anh ta xô ra những lời lẽ như vậy về Đức Mẹ, kẻ ấy thấy nhất định phải bảo vệ danh dự cho Đức Mẹ. Phải đuổi theo anh ta và cho anh ta mấy nhát dao găm, vì đã nói như vậy [109]. Ý tưởng này thúc đẩy kẻ ấy một lúc lâu, nhưng cuối cùng kẻ ấy lưỡng lự, không biết phải làm gì [110]. Trước khi phóng lên mất hút, anh chàng Môrô đã nói là sẽ đến một nơi cách đó không xa, gần ngay đường lớn, nhưng đường lớn không chạy ngang qua [111].

16. Mãi không biết nên làm thế nào thì hơn, không quyết định dứt khoát được, kẻ ấy quyết định thế này: thả lỏng dây cương trên cổ la, để nó đi đến chỗ ngã ba; nếu nó theo con đường vào làng, kẻ ấy sẽ đi tìm anh chàng Môrô và cho anh ta ăn dao găm; nếu nó theo đường lớn, không vào làng, thì sẽ bỏ qua cho anh ta. Nghĩ sao kẻ ấy làm vậy, nhưng Chúa đã muốn cho con la theo đường lớn chứ không theo đường vào làng, mặc dầu làng chỉ cách đó 30 hay 40 bước, mà đường vào làng vừa rộng vừa tốt [112].

Đến một làng lớn [113] trước khi tới Montserrat, kẻ ấy mua quần áo dự tính sẽ mặc để đi Giêrusalem. Kẻ ấy mua loại vải bố, dệt thô và nhám, rồi may một cái áo dài đến gót chân. Kẻ ấy cũng kiếm được một cái gậy và một bi đồng [114], buộc tất cả vào cái yên trên lưng con la [115]. Cha cũng mua một đôi giày vải để cỡi, nhưng chỉ mang một chiếc, không phải vì lập dị, nhưng vì một chân còn phải băng và còn khá đau. Cho dù đi ngựa, mỗi tối chân ấy vẫn sưng lên, vì thế Cha nghĩ là bàn chân ấy phải mang giày.

17. Kẻ ấy đi tiếp lên Montserrat [116], vẫn mơ tưởng sẽ thực hiện những kỳ tích vì yêu mến Thiên Chúa. Vì đầu óc đầy những ý tưởng về kỳ tích, như kẻ ấy đã đọc được trong bộ Amadis de Gaula [117] và những sách truyện tương tự, nên kẻ ấy quyết định làm một đêm canh thức võ trang, trọn một đêm, không ngồi hay nằm, nhưng khi thì đứng, lúc thì quỳ trước bàn thờ Đức Mẹ ở Montserrat [118]. Kẻ ấy cũng quyết định tại đó sẽ cởi bỏ trang phục đang mặc để mang trang phục của Đức Kitô [119].

Bỏ nơi ấy, kẻ ấy tiếp tục hành trình, vẫn nghĩ về các dự tính như mọi khi. Đến Montserrat, sau khi đã cầu nguyện và đã đồng ý với cha giải tội [120], kẻ ấy dành ra ba ngày để xưng tội chung, ghi các tội trên giấy [121]. Kẻ ấy cũng thu xếp với cha giải tội để đan viện nhận con la, và treo kiếm và dao găm ở bàn thờ Đức Mẹ trong nhà thờ [122]. Cha giải tội này là người đầu tiên được kẻ ấy cho biết các dự tính, vì cho đến lúc ấy, kẻ ấy chưa bày tỏ cho cha giải tội nào [123].

18. Hôm trước ngày lễ Đức Mẹ trong tháng 3 năm 1522 [124], vào lúc đêm xuống, kẻ ấy ra đi, hết sức kín đáo. Tìm được một người nghèo, kẻ ấy cởi bỏ trang phục của mình [125], cho người ấy, và mặc chiếc áo mình từng ao ước [126]. Kẻ ấy đến quỳ trước bàn thờ Đức Mẹ, tay cầm gậy, ở đó suốt đêm, khi quỳ, lúc đứng [127]. Sáng tinh sương, kẻ ấy ra đi, để khỏi ai biết [128]. Kẻ ấy không theo đường đến thẳng Barcelona [129], vì sợ có thể gặp nhiều người quen biết và kính nể [130], nhưng đi đường vòng đến một làng gọi là Manresa [131] để lưu lại trong một nhà tế bần [132], ở đó mấy ngày và ghi chép đôi điều trong cuốn vở kẻ ấy giữ rất cẩn thận và đem lại cho kẻ ấy nhiều an ủi [133].

Đi khỏi Montserrat chừng một dặm, kẻ ấy bị một người đuổi theo và bắt kịp. Người này hỏi có phải kẻ ấy đã cho một người nghèo quần áo như anh ta khai không [134]. Khi trả lời đúng mình đã làm như vậy, kẻ ấy úa nước mắt vì cảm thương người đã được kẻ ấy cho quần áo: thế nào anh ta cũng bị làm phiền vì bị nghi là kẻ cắp.

Mặc dầu đã hết sức tránh việc người ta tỏ lòng quý trọng, kẻ ấy mới đến Manresa chưa được bao lâu thì người ta đã nói nhiều điều về kẻ ấy, tất cả vì những gì đã diễn ra tại Montserrat. Kẻ ấy càng nổi tiếng hơn và người ta nói còn hơn cả sự thật nữa: thí dụ kẻ ấy đã từ bỏ một gia tài khổng lồ, v.v.

II

HƯỚNG ĐẾN GIÚP ĐỠ CÁC LINH HỒN

19. Hằng ngày, kẻ ấy đi ăn xin tại Manresa [135]. Kẻ ấy không ăn thịt, không uống rượu, mặc dầu người ta cho. Các Chúa Nhật, kẻ ấy không ăn chay, và nếu ai cho một chút rượu thì kẻ ấy uống. Trước đây, chạy theo thời trang, kẻ ấy từng rất lưu tâm chăm sóc mái tóc của mình, vốn rất đẹp; nay kẻ ấy để mặc râu tóc mọc tự nhiên, không chải, không cắt, để đầu trần cả ngày lẫn đêm. Cũng vậy, kẻ ấy để móng chân móng tay tha hồ mọc, vì trước kia từng chăm lo quá [136]. Trong thời gian ở nhà tế bần, nhiều lần giữa ban ngày ban mặt, kẻ ấy thấy trong không khí, gần mình, một điều gì đó đem lại cho mình nhiều an ủi, vì nó tuyệt đẹp. Kẻ ấy chưa hiểu thực sự nó là gì, nhưng phần nào kẻ ấy thấy nó có hình dạng một con rắn, với nhiều điểm lấp lánh như những con mắt, nhưng không phải mắt. Thấy nó, kẻ ấy rất thích và được an ủi nhiều. Càng nhìn, kẻ ấy càng được an ủi hơn, và khi nó biến đi, kẻ ấy buồn [137].

20. Cho đến lúc ấy, có thể nói là kẻ ấy lúc nào cũng sống trong tình trạng nội tâm như trước, tức là trong niềm vui mãnh liệt và liên tục, mà chưa biết gì về đời sống nội tâm hay đời sống thiêng liêng. Trong thời gian thấy hình ảnh ấy, hoặc ít lâu trước khi nó bắt đầu xuất hiện, vì điều ấy kéo dài nhiều ngày, một ý nghĩ dai dẳng quấy rầy kẻ ấy là khó lòng sống được như vậy mãi. Làm như có ai nói trong đáy lòng kẻ ấy: "Làm sao mi chịu đựng nổi cuộc sống này suốt 70 năm còn lại?" [138] Nhận ra đó là tiếng nói của kẻ thù, kẻ ấy đáp lại rất mạnh mẽ trong lòng: "Ồ! Đồ khốn kiếp! Mà có hứa cho tao sống được một giờ không?" Thế là kẻ ấy thắng được cám dỗ và lấy lại bình an [139]. Đây là cám dỗ đầu tiên đến với kẻ ấy sau điều đã nói trên kia. Nó diễn ra đang khi kẻ ấy vào nhà thờ, nơi hằng ngày kẻ ấy đến dự lễ hát, dự các giờ kinh chiều và kinh tối, luôn luôn hát [140], và kẻ ấy được an ủi nhiều. Lúc dự lễ, kẻ ấy thường đọc Bài Thương Khó, tâm hồn lúc nào cũng sốt sắng [141].

21. Sau cám dỗ nói trên, kẻ ấy bắt đầu cảm thấy có những thay đổi đáng kể trong tâm hồn. Đôi khi kẻ ấy cảm thấy khô khan nguội lạnh đến nỗi không còn thú vị gì khi đọc kinh, dự lễ hay cầu nguyện bất kỳ cách nào. Đôi khi ngược hẳn lại, kẻ ấy đột ngột có cảm tưởng tất cả buồn chán và sầu khổ được cất

đi như người ta tháo bỏ cái áo choàng ra khỏi vai [142]. Kẻ ấy ngạc nhiên về các thay đổi này, vì trước kia chưa bao giờ trải qua, nên tự hỏi: "Minh bắt đầu cuộc sống mới nào đây?" [143]. Trong thời gian này, đôi khi kẻ ấy trao đổi với những người đạo đức kính trọng kẻ ấy và muốn nói chuyện với kẻ ấy, vì mặc dầu không hiểu biết gì các vấn đề của đời sống thiêng liêng, các lời nói của kẻ ấy cho thấy kẻ ấy rất sốt sắng và quyết tâm tiến tới trong việc phục vụ Thiên Chúa.

Lúc ấy ở Manresa có một bà đã cao tuổi, đã phục vụ Thiên Chúa từ lâu, được nhiều người ở Tây Ban Nha nhìn nhận như vậy, đến nỗi có lần vị Vua Công Giáo [144] đã mời bà đến để xin ý kiến [145]. Một hôm người phụ nữ ấy nói chuyện với người lính mới của Đức Kitô [146]. Bà nói: "Ôi, ước gì có ngày Chúa Giêsu Kitô hiện ra với anh!" Rất ngạc nhiên và hiểu lời ấy theo nghĩa đen, kẻ ấy đáp lại: "Đời nào Chúa Giêsu Kitô lại hiện ra với con!"

Kẻ ấy vẫn tiếp tục xưng tội và rước lễ mỗi Chúa Nhật như thường lệ [147].

22. Đến đây, kẻ ấy bắt đầu bị khuấy động mạnh vì các bối rối. Mặc dầu ở Montserrat, kẻ ấy đã xưng tội chung rất cẩn thận, viết hết ra giấy như đã nói, đôi khi kẻ ấy thấy như còn gì đó chưa xưng thú, nên bị dằn vặt nhiều. Mặc dầu có xưng thú hết rồi, kẻ ấy vẫn chưa yên lòng. Vì vậy, kẻ ấy bắt đầu đi tìm những người đạo đức để chữa trị bệnh bối rối. Nhưng uổng công. Cuối cùng, một người thông thái ở nhà thờ Chính Tòa [148], một người rất đạo đức, thường giảng ở nhà thờ ấy [149] một hôm, trong tòa giải tội, bảo kẻ ấy viết ra tất cả những gì nhớ được [150]. Kẻ ấy làm theo, nhưng sau khi kẻ ấy xưng tội, các bối rối trở lại mỗi lần một tinh vi hơn, nên kẻ ấy hết sức khổ tâm. Kẻ ấy biết là các bối rối ấy làm hại mình nhiều, nên phải xua đuổi đi, nhưng không sao xua đuổi được [151]. Đôi khi kẻ ấy nghĩ là muốn chữa trị được, cha giải tội phải nhân danh Chúa Giêsu ra lệnh cho kẻ ấy không được xưng lại bất cứ điều gì trong quá khứ nữa [152]. Kẻ ấy mong nhận được lệnh như vậy, nhưng không dám đề nghị với cha giải tội.

23. Tuy nhiên, mặc dầu kẻ ấy không nói với cha giải tội, ngài đã ra lệnh cho kẻ ấy không được trở lại với quá khứ, trừ phi có gì rất rõ. Khôn nỗi đối với kẻ ấy cái gì cũng rất rõ, nên lệnh ấy chẳng đem lại ích lợi nào. Day dứt vẫn nguyên [153].

Lúc ấy, trong một phòng nhỏ các cha Đaminh cho ở tại đan viện [154], kẻ ấy trung thành mỗi ngày quỳ gối cầu nguyện 7 giờ [155], hôm nào cũng thức dậy vào nửa đêm [156], và làm tất cả các việc đạo đức khác như đã nói [157]. Dầu vậy, kẻ ấy không tìm ra phương thuốc chữa trị bệnh bối rối đã hành hạ mình từ mấy tháng rồi. Một lần, quá rờn rã, kẻ ấy đi cầu nguyện và tha thiết kêu gào thật lớn với Thiên Chúa: "Lạy Chúa, xin cứu con! Không còn ai, không còn thụ tạo nào cứu chữa được con nữa. Nếu biết phải làm thế nào thì khó khăn đến đâu con cũng làm. Lạy Chúa, xin cho con biết phải tìm ở đâu. Dù có phải đi theo một con chó con để tìm được thuốc chữa trị, con cũng sẽ đi." [158]

24. Trong lúc đang miên man với những ý tưởng ấy, các cơn cảm dỗ dồn dập tấn công, mãnh liệt thôi thúc kẻ ấy lao mình vào một hố sâu trong phòng, gần nơi kẻ ấy cầu nguyện [159]. Nhưng biết tự tử là phạm tội, nên kẻ ấy lại kêu gào lên: "Lạy Chúa, con nhất định không làm gì xúc phạm đến Chúa!" Kẻ ấy lặp đi lặp lại những lời này cũng như những lời trên kia nhiều lần [160].

Kẻ ấy nhớ đến chuyện một vị thánh, vì muốn xin Chúa ban một ơn vị ấy rất mong ước, nên đã nhịn đói nhiều ngày cho tới khi nhận được ơn [161]. Nghĩ đi nghĩ lại, cuối cùng kẻ ấy quyết định cũng làm như vậy: tự nhủ sẽ không ăn không uống gì cho tới khi Chúa giải cứu, hoặc thấy mình đã gần đất xa trời. Vì nếu thấy mình bị nguy tử, nghĩa là nếu không ăn thì chẳng bao lâu nữa sẽ chết, kẻ ấy sẽ xin bánh mì để ăn. Làm như lúc nguy tử còn xin và ăn được! [162]

25. Một hôm Chúa Nhật, sau khi rước lễ, kẻ ấy bắt đầu nhịn đói. Suốt một tuần, không bỏ một miếng gì vào miệng, nhưng kẻ ấy vẫn giữ các việc đạo đức thường lệ như dự các giờ kinh thần vụ, qui gối cầu nguyện, thức dậy nửa đêm v.v... Chúa Nhật sau đó, kẻ ấy đi xưng tội như thường làm. Vì vẫn quen trình với cha giải tội chi li mọi điều mình làm, nên kẻ ấy cũng cho cha biết suốt tuần chưa ăn gì. Cha giải tội ra lệnh cho kẻ ấy chấm dứt việc nhịn đói. Mặc dầu thấy mình vẫn khỏe, kẻ ấy vâng lời cha. Hôm ấy và hôm sau, kẻ ấy thấy mình thoát được các bói rôi. Nhưng đến hôm thứ ba, cũng là ngày thứ ba trong tuần, đang lúc cầu nguyện, kẻ ấy lại nhớ đến tội cũ, rồi từ chuyện này sang chuyện nọ, kẻ ấy nghĩ hết tội này đến tội khác trong đời sống quá khứ, và cảm thấy phải đi xưng tội lại [163]. Nghĩ mãi, kẻ ấy thấy mình hết sức chán ngán cuộc sống đang theo đuổi và bị cám dỗ bỏ cuộc rất mạnh. Chúa đã chọn cách ấy để đánh thức kẻ ấy khỏi cơn mê. Lúc này đã có đôi chút kinh nghiệm về các tác nhân, nhờ Chúa đã dạy cho, nên kẻ ấy bắt đầu suy xét ý tưởng ấy đã đến với mình thế nào [164]. Thế là hoàn toàn sáng suốt, kẻ ấy quyết định không xưng lại bất cứ tội cũ nào nữa. Từ đó về sau, kẻ ấy được giải thoát khỏi các bói rôi. Chắc chắn nhờ lòng từ bi của Chúa mà kẻ ấy đã được giải thoát [165].

26. Ngoài 7 giờ cầu nguyện, kẻ ấy dành thời giờ giúp đỡ người khác [166] đến gặp mình về đời sống thiêng liêng. Tất cả thời giờ còn lại, kẻ ấy dùng để suy nghĩ những điều thuộc về Thiên Chúa, về những điều đã suy niệm hay đã đọc trong ngày [167]. Nhưng khi đi ngủ, kẻ ấy thường được soi sáng mãnh liệt và được an ủi mãnh liệt, khiến kẻ ấy mất một số giờ để ngủ vốn đã chẳng nhiều nhận gì. Sau khi suy đi nghĩ lại nhiều lần, kẻ ấy tự nhủ đã ấn định giờ để chuyện trò với Chúa rồi, lại còn những dịp khác trong ngày nữa, nên tự hỏi không biết những ánh sáng ấy có do thần lành không. Cuối cùng kẻ ấy kết luận nên gạt bỏ để đến giờ ngủ thì đi ngủ. Kẻ ấy đã làm như vậy [168].

27. Kẻ ấy vẫn không ăn thịt. Đã quyết định như vậy, kẻ ấy không hề nghĩ đến việc thay đổi. Đến một buổi sáng kia, lúc vừa thức dậy, kẻ ấy thấy thịt đã dọn sẵn để ăn, hình như thấy bằng mắt thật, dù trước đó không hề thèm thịt. Đồng thời, kẻ ấy cảm thấy rất muốn từ đó về sau sẽ ăn thịt. Mặc dầu vẫn nhớ quyết định đã có trước, kẻ ấy không do dự, nhưng quyết định phải ăn thịt. Sau đó, kẻ ấy kể cho cha giải tội biết, và cha bảo phải suy xét xem có thể đó là một cám dỗ chẳng. Nhưng sau khi suy nghĩ đến nơi đến chốn, kẻ ấy không bao giờ nghi ngờ chút nào [169].

Thời ấy, Thiên Chúa đối xử với kẻ ấy như một thầy giáo đối xử với một học trò: Thiên Chúa dạy, kẻ ấy học [170]. Có thể vì đầu óc kẻ ấy còn tối tăm, chậm chạp, cũng có thể vì Thiên Chúa đã ban cho kẻ ấy lòng cương quyết muốn phục vụ Người, dầu sao kẻ ấy thấy rõ, và mãi mãi vẫn như thế, đó chính là cách Thiên Chúa đối xử với mình. Hơn nữa, nếu nghi ngờ, kẻ ấy cảm thấy mình xúc phạm đến Thiên Chúa chí tôn. Có thể thấy phần nào qua năm điểm sau đây [171].

28. Một. Kẻ ấy rất sùng kính Ba Ngôi Chí Thánh. Mỗi ngày kẻ ấy cầu nguyện với Ba Ngôi riêng rẽ [172]. Vì kẻ ấy vẫn cầu nguyện với chung cả Ba Ngôi Chí Thánh, nên tự hỏi sao lại cầu nguyện bốn lần với Ba Ngôi. Nhưng ý tưởng ấy chẳng quan trọng mấy nên không làm kẻ ấy băn khoăn bao nhiêu.

Một hôm, đang đọc các giờ kinh kính Đức Mẹ ở tam cấp đan viện [173], trí hiểu kẻ ấy được nhắc bổng lên như thể thấy được Ba Ngôi Chí Thánh dưới dạng ba phím đàn [174]. Nước mắt trào ra [175], kẻ ấy thôn thức không sao kim hãm được. Sáng hôm ấy, tham dự một buổi rước kiệu khởi hành từ đan viện, kẻ ấy không sao cầm được nước mắt mãi cho đến bữa ăn trưa. Sau bữa ăn, không gì ngăn cản được kẻ ấy nói về Ba Ngôi Chí Thánh, trong lòng đầy niềm vui và an ủi, dùng nhiều thí dụ khác nhau để diễn tả. Kẻ ấy còn giữ ấn tượng này suốt đời, nên hề cầu nguyện với Ba Ngôi Chí Thánh kẻ ấy bắt đầu cảm thấy rất sốt sắng [176].

29. Hai. Một hôm, kẻ ấy được cho thấy trong tâm trí, với niềm vui thiêng liêng lớn lao, cách thức Thiên Chúa đã sáng tạo thế giới. Làm như kẻ ấy thấy một vật thể trắng phát ra những tia sáng và Thiên Chúa làm thành ánh sáng [177]. Nhưng kẻ ấy không biết giải thích thế nào, mà cũng không nhớ rõ lắm những hiểu biết thiêng liêng Thiên Chúa ghi tạc trong linh hồn kẻ ấy lúc bấy giờ [178].

Ba. Vẫn tại Manresa, kẻ ấy ở đó gần một năm, sau khi được Thiên Chúa an ủi và thấy hoa trái trở sinh [179] khi gặp gỡ tha nhân [180], kẻ ấy từ bỏ những điều thái quá trước kia đã thực hành, nên từ đây cắt móng chân móng tay và hớt tóc [181].

Mặt khác, vẫn tại đó, một hôm đang dự lễ trong nhà thờ của đan viện, vào lúc dâng Minh Thánh, kẻ ấy thấy, bằng con mắt nội tâm, những tia sáng trắng từ trên cao chiếu xuống. Mặc dầu đến nay đã nhiều năm, kẻ ấy vẫn chưa giải thích được điều này. Tuy nhiên, kẻ ấy thấy rõ ràng, bằng tâm trí, Chúa Giêsu Kitô ở trong bí tích Thánh Thể thế nào [182].

Bốn. Trong lúc cầu nguyện, kẻ ấy thường nhìn thấy trong một lúc lâu, bằng con mắt nội tâm, nhân tính của Đức Kitô. Kẻ ấy thấy như một vật thể trắng, không lớn lắm cũng không nhỏ lắm, nhưng kẻ ấy không phân biệt được các phần thân thể. Kẻ ấy thấy như vậy ở Manresa rất thường xuyên. Nếu nói là 20 hay 40 lần, kẻ ấy ấy không nghĩ là nói dối. Kẻ ấy cũng thấy như vậy một lần ở Giêrusalem và một lần khác khi đang ở Padova [183]. Kẻ ấy cũng thấy Đức Mẹ, với hình dạng tương tự, không phân biệt được các phần thân thể. Các thị kiến này củng cố và nâng đỡ đức tin của kẻ ấy rất nhiều, đến nỗi kẻ ấy vẫn thường tự nhủ: Giả như không có Kinh Thánh dạy chúng ta các chân lý đức tin ấy, thì chỉ cần căn cứ vào những điều đã thấy, kẻ ấy vẫn sẵn lòng chết vì các chân lý ấy [184].

30. Năm. Một hôm, do lòng sùng kính, kẻ ấy đang trên đường đến một nhà thờ cách Manresa chừng hơn một dặm, tôi nghĩ là nhà thờ Thánh Phaolô [185]. Con đường men theo bờ sông. Lòng đầy sốt sắng, kẻ ấy ngồi xuống một chút, nhìn xuống dòng sông chảy bên dưới. Đang lúc ngồi đó, mắt tâm trí kẻ ấy bắt đầu mở ra. Đó không phải là một thị kiến, nhưng kẻ ấy hiểu và biết được nhiều điều, cả những điều thuộc bình diện thiêng liêng cũng như những điều thuộc lãnh vực đức tin và kiến thức. Việc ấy diễn ra sáng tỏ đến nỗi đối với kẻ ấy mọi sự đều như mới mẻ. Không sao nói rõ các chi tiết trong những điều kẻ ấy hiểu được lúc ấy, vì rất nhiều. Tuy nhiên, có thể khẳng định là tâm trí kẻ ấy được soi sáng đến nỗi suốt đời, đến nay đã 62 năm, nếu kẻ ấy gom lại tất cả những trợ giúp đã nhận được từ Thiên Chúa và mọi điều kẻ ấy biết được, cộng chung lại, kẻ ấy không nghĩ là bằng những gì đã nhận được chỉ một lần ấy. Điều ấy để lại trong tâm hồn Cha một ánh sáng mạnh đến nỗi Cha thấy mình như trở thành một người khác, có một trí khôn khác với trí khôn đã có trước đó.[186]

31. Việc ấy diễn ra khá lâu. Sau đó kẻ ấy đến qui gối trước một Thánh Giá gần đó để tạ ơn Thiên Chúa.

Chính tại đó, kẻ ấy thấy thị kiến trước đây đã thấy nhiều lần mà chưa bao giờ hiểu, tức là điều đã nói trên kia, vật thể có vẻ rất đẹp và có nhiều mắt [187]. Nhưng trước Thánh Giá, kẻ ấy thấy rõ nó không có màu đẹp như trước, và hiểu rất rõ, hoàn toàn phù hợp với ý chí, đó là ma quỷ. Về sau, nó còn xuất hiện nhiều lần nữa, và lâu, nhưng kẻ ấy dùng cái gậy vẫn thường cầm trong tay để đuổi nó với vẻ khinh bỉ [188].

32. Trong một cơn bệnh tại Manresa, kẻ ấy bị sốt nặng đến nỗi tưởng không sao qua khỏi được. Kẻ ấy cảm chắc là linh hồn sắp lìa khỏi xác [189]. Lúc ấy, ý tưởng này đến trong tâm trí kẻ ấy là mình được kể vào số những người công chính, nhưng điều này làm cho kẻ ấy rất buồn, nên làm hết cách để xua đuổi và nhớ lại các tội cũ. Ý tưởng này làm cho kẻ ấy mệt hơn cả cơn sốt nữa. Nhưng làm đủ mọi thứ vẫn

không sao xua đuôidược [190]. Khi cơn sốt hạ, thấy mình không còn trong cơn nguy tử nữa, kẻ ấy lớn tiếng gọi mấy của phụ nữ đến thăm và dặn lần sau nếu thấy kẻ ấy sắp chết, vì lòng yêu mến Chúa, các bà phải hét lớn lên kẻ ấy là người tội lỗi, và nhắc kẻ ấy nhớ đến những tội lỗi đã phạm mất lòng Chúa.

33. Trong một dịp khác, khi đi tàu thủy từ Valencia sang Ý [191], gặp cơn bão lớn, bánh lái tàu bị gãy. Tình trạng nguy kịch đến nỗi kẻ ấy cũng như nhiều người khác trên tàu cho rằng chỉ với những phương tiện tự nhiên thì không sao thoát chết được. Chính lúc ấy, khi xét mình cẩn thận để dọn mình chết, kẻ ấy không cảm thấy sợ vì tội lỗi hay hình phạt, nhưng cảm thấy hối tiếc và đau đớn nhiều vì thấy mình đã không sử dụng các tặng phẩm và ân huệ Chúa ban.

Một lần khác, vào năm 1550, kẻ ấy đau nặng vì một cơn bệnh trầm trọng mà chính kẻ ấy và nhiều người khác nghĩ là cơn bệnh cuối cùng [192]. Vào giây phút ấy, khi nghĩ đến cái chết, kẻ ấy cảm thấy hân hoan và an ủi thiêng liêng với ý nghĩ mình sắp chết đến nỗi bật khóc. Việc này xảy đến thường xuyên, nên kẻ ấy phải tránh nghĩ đến cái chết để khỏi mừng rỡ quá [193].

34. Khi mùa đông đến, kẻ ấy ngã bệnh nặng. Để chăm sóc, làng cho kẻ ấy đến ở nhà cha của một người tên là Ferrera, sau này sẽ giúp việc cho ông Baltasar da Faria [194]. Ở đó, kẻ ấy được chăm sóc chu đáo và nhiều phụ nữ nổi tiếng quý mến nên đến canh suốt đêm [195]. Kẻ ấy bình phục nhưng vẫn yếu và thường đau dạ dày. Vì tình trạng của kẻ ấy và vì mùa đông rất khắc nghiệt, các bà cho kẻ ấy mặc quần áo dày đủ, mang giày và đội mũ. Họ bắt kẻ ấy phải nhận hai chiếc áo ngoài màu nâu, bằng vải rất thô, và một cái mũ nồi cũng bằng thứ vải ấy [196].

Trong thời gian ấy, nhiều ngày kẻ ấy rất ước ao tìm được những người có khả năng để nói chuyện với họ về đời sống thiêng liêng. Nhưng sắp đến lúc phải lên đường đi Giêrusalem rồi [197].

35. Đầu năm 1523 [198], kẻ ấy lên đường [199] đi Barcelona [200] để xuống tàu thủy. Mặc dầu một số người muốn tháp tùng, kẻ ấy chỉ muốn đi một mình, vì ước ao chỉ cậy dựa vào Thiên Chúa. Một hôm, những người thân hối thúc kẻ ấy phải có ai đồng hành: đây là điều rất hữu ích vì kẻ ấy không biết tiếng Ý, cũng chẳng biết tiếng Latinh [201]. Họ đề nghị một người, nhưng kẻ ấy trả lời là cho dầu con hay em của công tước xứ Cardona [202] kẻ ấy cũng không chịu cho cùng đi, vì muốn sống các nhân đức mến, tin và cậy [203]. Nếu có một người cùng đi, khi đói sẽ chờ mong người ấy giúp đỡ, khi ngã sẽ chờ mong người ấy nâng dậy. Kết quả là sẽ đặt tin tưởng nơi người ấy và quý mến người ấy. Phần mình, kẻ ấy muốn chỉ đặt trọn tin tưởng, yêu mến và hi vọng nơi một mình Thiên Chúa thôi. Từ đáy lòng mình, kẻ ấy nghĩ sao nói vậy.

Với ước nguyện ấy, chẳng những kẻ ấy muốn đi tàu một mình, mà cả đến không mang theo lương thực chi hết. Kẻ ấy xin được chủ tàu cho đi miễn phí, vì không có tiền, nhưng chủ tàu đòi kẻ ấy phải mang theo bánh mì khô đủ ăn suốt chuyến đi. Nếu vì bất cứ lý do nào mà không đủ thì không được đi.

36. Đang khi đi kiếm bánh mì khô, kẻ ấy bắt đầu cảm thấy rất bối rối: "Thế là trông cậy và tin tưởng Thiên Chúa không phụ mi sao? Vân vân." Ý tưởng này rất mạnh, nên kẻ ấy day dứt. Cuối cùng, chẳng biết phải làm thế nào, vì bên tám lạng bên nửa cân, kẻ ấy xin ý kiến của cha giải tội [204]. Kẻ ấy cho cha biết mình rất ước ao theo con đường hoàn thiện và theo điều nào tôn vinh Thiên Chúa hơn, rồi đến những điều khiến kẻ ấy do dự mang theo lương thực. Cha giải tội quyết định là kẻ ấy phải xin những điều cần thiết và mang theo.

Kẻ ấy đến xin một phụ nữ. Bà này hỏi kẻ ấy đáp tàu đi đâu. Kẻ ấy do dự đôi chút, không biết có nên nói không. Cuối cùng, kẻ ấy không dám nói hơn, chỉ nói là dự tính đi Ý và Rôma. Bà ấy sừng sốt nói với kẻ ấy: "Anh muốn đi Rôma à? Ai đến đó khi về chẳng biết có được gì không." Bà ấy muốn nói là đi

Rôma chẳng có lợi ích thiêng liêng bao nhiêu. Kẻ ấy không dám nói là mình đi Giêrusalem, vì sợ căm dỗ hư vinh [205]. Nỗi sợ này cũng khiến cho kẻ ấy không bao giờ dám nói về quê quán và gia đình mình [206]. Cuối cùng, khi đã có bánh mì khô, kẻ ấy vào tàu. Đặt chân xuống tàu, kẻ ấy thấy mình vẫn còn giữ 5 hay 6 đồng blancas [207], số tiền còn lại do những gì đã hành khát được từ nhà này sang nhà khác, vì đó là cách thức kẻ ấy dùng làm kế sinh nhai, nên kẻ ấy bỏ lại những đồng tiền trên một chiếc ghế dài ở gần bờ biển [208].

37. Kẻ ấy xuống tàu [209] sau khi đã ở Barcelona hơn 20 ngày một chút. Khi còn ở Barcelona, trước lúc xuống tàu, kẻ ấy giữ thói quen tìm kiếm những người đạo đức để nói chuyện với họ, thậm chí thăm cả những người ở trong các ản viện xa thành phố. Tuy nhiên, cả tại Barcelona cũng như tại Manresa, trong suốt thời gian ở đó, kẻ ấy không tìm được ai có thể giúp đỡ mình như lòng mong ước, trừ người phụ nữ ở Manresa đã nói trên kia, người đã nói với kẻ ấy là bà cầu xin Thiên Chúa để Chúa Giêsu Kitô hiện ra với kẻ ấy [210]. Theo kẻ ấy xét thì chỉ mình bà ấy đã tiến xa nhất trên đường thiêng liêng. Vì thế, sau khi rời Barcelona, kẻ ấy hoàn toàn không băn khoăn đi tìm những người đạo đức nữa [211].

38. Nhờ gió xuôi và mạnh, hành trình từ Barcelona đến Gaeta [212] mất năm ngày năm đêm, ai cũng rất sợ vì bão dữ dội.

Khắp trong vùng, người ta đang sợ bệnh dịch hạch [213]. Tuy nhiên, vừa lên bờ, kẻ ấy liền khởi hành đi bộ về hướng Rôma. Trong số các hành khách cùng đi trên tàu với kẻ ấy, có một phụ nữ cùng với cô con gái, mặc quần áo con trai, và một thanh niên cùng đi với kẻ ấy. Họ theo kẻ ấy vì họ cũng xin ăn trên đường. Đến một nông trại, họ thấy có một đồng lửa lớn và nhiều binh sĩ vây quanh. Những người này cho họ ăn và cho cả nhiều rượu, lại ép họ uống như thể muốn họ say. Rồi họ chia tay: hai mẹ con lên phòng trên gác, kẻ hành hương và anh thanh niên ra chuồng ngựa. Khoảng nửa đêm, kẻ ấy nghe từ trên gác có tiếng la hét lớn, nên dậy để xem chuyện gì xảy ra. Kẻ ấy thấy hai mẹ con đang khóc nức nở trong sân nhà dưới và than phiền là những người lính định hãm hiếp họ. Kẻ ấy ùng ùng nổi giận và la lớn: "Có ai chịu nổi không?" và những điều tương tự, khiến mọi người ở nhà ấy đều sợ và không ai đụng chạm gì đến kẻ ấy. Anh thanh niên đã trốn mất, nên ba người tiếp tục lên đường, ngay trong đêm tối [214].

39. Khi đến một thành phố gần đó, họ thấy công đóng, không vào được, nên cả ba qua đêm ở ngoài thành phố, trong một nhà thờ ngập nước vì trời mưa [215]. Khi trời sáng, họ không được vào thành, mà ở ngoài thì không xin bố thí được, nên họ đến một lâu đài không cách xa lắm. Đến nơi, kẻ hành hương mệt lả, hậu quả chuyến vượt biển và những điều khác. Không đi tiếp được nữa, kẻ ấy ở lại đó, trong khi hai mẹ con kia lên đường đi Rôma. Hôm ấy, có nhiều người ra ngoài thành. Được tin đệ nhất phu nhân khu vực [216] cũng ra ngoài, kẻ ấy tìm đến gặp bà, trình bày với bà là mình chỉ kiệt sức thôi, và xin phép bà cho vào trong làng để tìm ai giúp đỡ. Bà cho phép ngay. Kẻ ấy hành khát trong làng và nhận được khá nhiều đồng quattrini [217]. Sau hai ngày, thấy đã khỏe lại, kẻ ấy tiếp tục hành trình và đến Rôma vào Chúa Nhật Lễ Lá [218].

40. Ai nói chuyện với kẻ ấy ở Rôma cũng biết là kẻ ấy không có tiền để đi Giêrusalem, nên cố khuyên kẻ ấy đừng đi. Họ nêu đủ thứ lý do để kẻ ấy biết là không có tiền thì không sao đi được. Nhưng không phân vân chi hết, kẻ ấy xác tín trong lòng là sẽ tìm ra cách để đi Giêrusalem.

Sau khi nhận phép lành của Đức Thánh Cha Adrianô VI [219], kẻ ấy lên đường đi Venezia [220], khoảng 8 hay 9 ngày sau lễ Phục Sinh [221]. Kẻ ấy cũng mang theo 6 hay 7 đồng ducats [222] người ta đã cho để đi từ Venezia đến Giêrusalem. Kẻ ấy đã nhận phần nào vì sợ: người ta

nói chắc như đinh đóng cột là không có cách nào khác. Nhưng đi khỏi Rôma được hai ngày, kẻ ấy nhận ra mình đã thiếu lòng tin tưởng nơi Chúa, và việc bộitho những đồng ducats làm cho kẻ ấy áy náy, nên kẻ ấy nghĩ là bỏ đi thì hơn. Cuối cùng kẻ ấy quyết định phân phát rộng rãi cho những người gặp trên đường, mà thường là người nghèo. Kẻ ấy thực hiện như vậy nên khi đến Venezia chỉ còn trong người mấy đồng quattrini cần cho đêm hôm ấy.

41. Trong chuyến đi Venezia, vì có những biện pháp phòng chống bệnh dịch hạch, kẻ ấy phải ngủ ở các công thành. Một buổi sáng thức dậy, kẻ ấy chạm trán với một người qua đường: vừa thấy kẻ ấy, người kia bỏ chạy như bị ma đuổi. Chắc hẳn kẻ ấy phải nhột nhạt lắm [223]. Tiếp tục hành trình, kẻ ấy đến Chioggia [224]. Những người cùng đi với kẻ ấy cho biết không được phép vào Venezia. Những người kia quyết định đi Padova [225] để xin giấy chứng nhận sức khỏe tốt, kẻ ấy cùng đi với họ. Nhưng kẻ ấy không theo kịp họ, vì họ đi rất nhanh. Đêm xuống, họ bỏ kẻ ấy giữa cánh đồng. Đang lúc kẻ ấy ở đó, Chúa Kitô hiện ra với kẻ ấy theo cách thức Chúa vẫn thường hiện ra với kẻ ấy, như đã mô tả trên kia [226]. Việc này nâng đỡ kẻ ấy rất nhiều. Được an ủi như vậy, sáng hôm sau kẻ ấy đến công thành Padova, chẳng cần làm giả giấy chứng nhận, (tôi nghĩ vậy) như những người cùng đi hôm trước, kẻ ấy vào thành mà những người kiểm soát chẳng hỏi han gì. Khi ra cũng vậy. Những người cùng đi hết sức ngạc nhiên. Họ đã lo được giấy chứng nhận để đi Venezia, còn kẻ ấy chẳng lo chi cả.

42. Khi họ đến Venezia [227], những người kiểm soát đến xét mọi người trên thuyền, từng người một, từ người đầu đến người cuối. Chỉ một mình kẻ ấy là họ bỏ qua. Tại Venezia, kẻ ấy vẫn đi xin ăn, và ngủ ở quảng trường Thánh Marcô. Kẻ ấy không hề muốn đến Tòa Sứ Thần của Hoàng Đế [228], cũng chẳng bận tâm lắm để kiểm tâu đi biển. Kẻ ấy bụng bảo dạ cứ vững tin là Thiên Chúa sẽ liệu cho mình có phương tiện đến Giêrusalem. Điều này làm cho quyết tâm của kẻ ấy càng thêm mạnh mẽ, nên không lý luận nào, không đe dọa nào của ai làm cho kẻ ấy nao núng [229].

Một hôm, có một người Tây Ban Nha giàu sang gặp kẻ ấy và hỏi đang làm gì và muốn đi đâu. Biết được dự tính của kẻ ấy, người Tây Ban Nha kia dẫn kẻ ấy về nhà, cho ăn uống, giữ lại mấy ngày cho tới khi chuyến đi được xếp đặt chu đáo. Từ ngày còn ở Manresa, kẻ hành hương có thói quen không bao giờ nói gì với người khác trong bữa ăn, trừ những câu trả lời ngắn gọn. Kẻ ấy lắng nghe tất cả những gì người khác nói và ghi nhận trong tâm trí một số điều sau này vận dụng để nói về Thiên Chúa. Sau bữa ăn, kẻ ấy thực hiện điều ấy [230].

43. Vì vậy, người tốt bụng kia và cả nhà rất quý mến kẻ ấy, muốn kẻ ấy ở lại với họ, và cố gắng nài ép kẻ ấy ở lại. Ông chủ dẫn kẻ ấy đến gặp viên Công tước [231] của Venezia để kẻ ấy nói chuyện với vị ấy, hay đúng hơn để kẻ ấy đến cho vị ấy gặp. Vị này nghe kẻ hành hương nói và chỉ thị cho kẻ ấy được xuống tàu đưa các thống đốc sang đảo Síp [232].

Mặc dầu năm ấy có nhiều người hành hương muốn đi Giêrusalem, nhưng hầu hết đã trở về quê, vì đảo Rhodes mới bị chiếm [233]. Dầu vậy, vẫn có 13 người trên tàu hành hương; tàu này khởi hành trước [234], còn 8 hay 9 người khác trên tàu các thống đốc. Tàu này đang chuẩn bị nhổ neo thì kẻ hành hương bị cơn sốt rất cao hành hạ mấy ngày mới hết. Tàu khởi hành [235] đúng hôm kẻ ấy uống thuốc xổ. Những người chủ hỏi thầy thuốc xem kẻ ấy có thể đáp tàu đi Giêrusalem được không, và thầy thuốc trả lời là nếu kẻ ấy muốn đến Giêrusalem để được chôn tại đó, thì chắc chắn là được. Dầu vậy, kẻ ấy cứ xuống tàu hôm ấy. Khi tàu khởi hành, kẻ ấy nôn thốc nôn tháo, nhưng thấy bớt, và tàu đi được ít lâu thì kẻ ấy khỏe hẳn lại.

Trên tàu, một số người công khai làm điều dâm ô và tội bại, và bị kẻ ấy quở trách nghiêm khắc.

44. Những người Tây Ban Nha trên tàu khuyên kẻ ấy đừng nói gì, vì những người trong đoàn thủy thủ đã bàn đến việc bỏ kẻ ấy trên một hòn đảo nào đó. Nhưng Chúa đã cho họ sớm đến đảo Sýp. Họ rời tàu ấy, hành khách đi đường bộ đến một cảng khác gọi là Las Salinas [236], cách đó chừng 10 dặm. Tại đó họ xuống tàu hành hương và kẻ ấy không mang theo lương thực nào ngoài lòng tin tưởng nơi Thiên Chúa, như kẻ ấy đã làm trên chiếc tàu kia [237]. Trong thời gian này, Chúa Giêsu nhiều lần hiện ra với kẻ ấy, làm cho kẻ ấy rất hăng hái và phấn khởi. Làm như kẻ ấy nhìn thấy một vật thể tròn và lớn, hình như bằng vàng; kẻ ấy thấy như vậy từ khi rời đảo Sýp đến khi họ tới Jaffa [238]. Họ cỡi những con lừa nhỏ đi Giêrusalem. Khi còn cách Giêrusalem chừng 2 dặm, theo thông lệ, một người Tây Ban Nha, có vẻ là một người quý tộc, tên là Diego Manes, sốt sắng đề nghị những người hành hương vì sắp đến điểm họ nhìn thấy Thành Thánh, mọi người nên chuẩn bị tâm hồn và thỉnh lặng tiến bước.

45. Mọi người cho đó là ý hay, nên ai cũng cầm lòng cầm trí. Một chút trước khi có thể nhìn thấy Thành, họ xuống lừa vì thấy có các tu sĩ mang Thánh Giá chờ đón họ. Khi thấy Thành, kẻ hành hương rất phấn khởi, và mọi người khác cũng cảm thấy như vậy. Họ cho biết là họ cảm nhận một niềm vui không hẳn là tự nhiên. Kẻ ấy cũng cảm thấy sốt sắng như vậy trong tất cả những lần kẻ ấy viếng các Nơi Thánh [239].

Kẻ ấy quyết tâm ở lại Giêrusalem để thường xuyên viếng các Nơi Thánh. Ngoài ước muốn đạo đức này, kẻ ấy cũng có ý định giúp đỡ các linh hồn [240]. Chính vì thế, kẻ ấy mang theo các thư giới thiệu gửi cha tu viện trưởng. Trao thư cho cha, kẻ ấy bày tỏ ý định ở lại đó vì lòng sùng mộ, nhưng không nói gì về ước nguyện kia, tức là giúp đỡ các linh hồn. Kẻ ấy thường nói công khai với người khác về ý định ở lại, nhưng không ai biết về ước nguyện sau. Cha tu viện trưởng trả lời là cha ấy không hiểu người ấy ở lại thế nào, vì tu viện đang thiếu thốn, không đủ nuôi các tu sĩ, do đó cha ấy đã phải quyết định gửi một số anh em về Châu Âu cùng với đoàn hành hương. Kẻ hành hương trả lời là kẻ ấy không chờ đợi gì nơi tu viện, chỉ thỉnh thoảng đến xưng tội thì xin giải tội cho thôi. Cha tu viện trưởng nói nếu như vậy thì được, nhưng phải đợi cha giám tỉnh đến (theo tôi nghĩ đó là vị bề trên thượng cấp của Dòng tại Đất Thánh), lúc ấy ngài đang ở Bêlem.

46. Lời hứa ấy làm cho kẻ hành hương vững tâm nên bắt đầu viết thư cho những người đạo đức ở Barcelona. Kẻ ấy đã viết xong một lá, và đang viết lá thứ hai, vào hôm trước ngày đoàn hành hương lên đường, thì có người đến gọi đi gặp cha giám tỉnh, đã đến rồi, và cha tu viện trưởng.

Một cách tử tế, cha giám tỉnh nói với kẻ ấy rằng cha đã biết kẻ ấy có ý ở lại Đất Thánh, đó là điều tốt, nhưng ngài đã suy nghĩ cẩn thận, và theo kinh nghiệm về các trường hợp tương tự, ngài xét là không thích hợp. Nhiều người cũng đã có ước nguyện như vậy, nhưng người thì bị bắt, người thì bị giết. Rồi nhà dòng phải chuộc những người bị bắt. Vì thế kẻ ấy phải chuẩn bị hôm sau lên đường cùng với đoàn hành hương. Kẻ ấy trả lời là mình đã nhất quyết rồi, không có điều gì trên đời này ngăn cản được. Một cách nhã nhặn, kẻ ấy cho biết mặc dầu cha ấy không ủng hộ, chẳng có gì làm cho kẻ ấy sợ mà phải từ bỏ quyết định, trừ khi bị buộc thành tội. Đến đây, cha giám tỉnh nói các cha được Tòa Thánh trao quyền tùy ý buộc ai đi, cho ai ở, và có quyền ra vạ tuyệt thông bất kỳ ai không vâng lời. Riêng trường hợp này, các cha xét là không được ở lại v.v...

47. Cha ấy muốn lấy các trọng sắc của Tòa Thánh trao quyền ra vạ tuyệt thông cho kẻ ấy xem nữa, nhưng kẻ hành hương trả lời là không cần, vì kẻ ấy tin các cha, và vì các cha đã quyết định như vậy theo quyền các cha có, thì kẻ ấy vâng lời. Xong chuyện này, kẻ ấy trở về nơi trọ. Vì ý Chúa không muốn cho mình ở lại trên Đất Thánh [241], kẻ ấy bùng cháy ước nguyện trở lại viếng núi Ôliu lần nữa trước khi ra về. Ở núi Ôliu có một phiến đá Chúa Giêsu đã đứng trên đó trước khi lên trời, và ngày nay người ta còn

thấy dấu vết hai bàn chân Chúa. Đó là điều kẻ ấy muốn xem lại [242]. Thế là chẳng nói chẳng rằng, cũng không có người hướng dẫn, (mà đi đâu không có người Thổ Nhĩ Kỳ hướng dẫn thì rất nguy hiểm), kẻ ấy lên đoàn ra đi một mình lên núi Ôliu. Các người bảo vệ không chịu cho kẻ ấy vào, nên kẻ ấy cho họ một con dao xếp mang theo trong người. Sau khi đã cầu nguyện với lòng tràn ngập an ủi, kẻ ấy muốn đi Betphaghê [243]. Đến nơi, kẻ ấy mới nhớ là trên núi Ôliu, kẻ ấy chưa để ý bàn chân phải của Chúa quay về hướng nào [244]. Kẻ ấy quay lại và cho những người bảo vệ cái kéo, tôi nghĩ vậy, để họ cho vào.

48. Ở đan viện, khi biết là kẻ ấy đã ra ngoài mà không có ai hướng dẫn, các tu sĩ cho người đi tìm. Lúc kẻ ấy đang ở trên núi Ôliu xuống thì chạm trán một Kitô hữu thất đai [245] giúp việc tu viện. Anh ta cầm một cây gậy lớn, vẻ mặt hầm hầm, làm như muốn đánh đập kẻ ấy. Lên đến nơi, anh ta chộp thật mạnh cánh tay kẻ ấy. Kẻ hành hương để yên cho anh ta dẫn đi, nhưng anh chàng không chịu buông tay ra. Trên đường, trong khi bị anh chàng Kitô hữu thất đai giữ chặt, kẻ ấy được Chúa ban ơn an ủi mãnh liệt vì suốt quãng đường làm như kẻ ấy lúc nào cũng thấy Chúa Giêsu ở phía trên. Ôn an ủi này vẫn mãnh liệt cho tới khi kẻ ấy về đến tu viện [246].

49. Hôm sau, đoàn hành hương lên đường [247]. Đến đảo Sýp [248], các người hành hương phải tách ra, nhóm đi tàu này, nhóm đi tàu khác. Ở cảng, có 3 hay 4 tàu đi Venezia: một chiếc của người Thổ Nhĩ Kỳ, một chiếc khác rất nhỏ, và chiếc thứ ba vừa sang trọng vừa oai vệ, của một người Venezia giàu có. Một số người hành hương xin chủ tàu này cho kẻ hành hương đi, nhưng khi biết kẻ ấy không có tiền, thì không chịu. Nhiều người ca ngợi kẻ ấy và xin cho kẻ ấy. Chủ tàu trả lời là nếu kẻ ấy là một vị thánh thì cứ vượt biển như thánh Giacôbê đã làm, hoặc điều gì tương tự [249]. Những người kia dễ dàng xin được người chủ chiếc tàu nhỏ cho kẻ ấy đi. Đoàn tàu khởi hành cùng một ngày, vào một buổi sáng, khi có gió thuận. Nhưng đến chiều, có bão nổi lên, và các tàu tách xa nhau. Chiếc tàu lớn bị đắm ngoài khơi đảo Sýp, chỉ các hành khách thoát nạn. Trong khi ấy, chiếc tàu của người Thổ Nhĩ Kỳ và toàn bộ hành khách bị đắm cũng trong cơn bão ấy. Chiếc tàu nhỏ gặp nhiều khó khăn, nhưng cuối cùng cập bến tại Pulia [250]. Lúc ấy mùa đông đang ở thời điểm tệ hại nhất: tuyết rơi, thời tiết băng giá. Kẻ hành hương không có quần áo nào khác ngoài một cái quần bằng vải thô dài đến đầu gối, hai bấp chân để trần, đôi giày, một áo ngắn bằng vải đen, hai vai rách bươm, và chiếc áo choàng ngắn đã sờn.

50. Kẻ ấy đến Venezia vào giữa tháng Giêng năm 1524, sau khi lênh đênh trên biển trọn tháng 11, tháng 12 và nửa tháng Giêng, kể từ khi rời đảo Sýp. Tại Venezia, kẻ ấy gặp lại một trong hai người từng đón tiếp mình tại nhà họ trước khi kẻ ấy đi Giêrusalem. Ông này bố thí cho kẻ ấy 15 hay 16 đồng giulii và một miếng vải mà kẻ ấy dùng để quấn mấy vòng quanh bụng vì trời rất lạnh [251].

Từ khi nhận ra ý Chúa không muốn mình ở lại Giêrusalem, kẻ hành hương thường xuyên tự hỏi phải làm gì [252]. Cuối cùng, kẻ ấy cảm thấy nên dành thời gian học hành để có thể giúp đỡ các linh hồn, nên kẻ ấy quyết định đi Barcelona [253]. Thế là kẻ ấy rời Venezia đi Genova [254]. Một hôm, đang ở trong nhà thờ lớn tại Ferrara [255], sau khi kẻ ấy đã làm các việc đạo đức, có một người nghèo đến xin bố thí, kẻ ấy cho một đồng marchetto, trị giá 5 hay 6 quattrini. Rồi một người nghèo khác đến xin, kẻ ấy cho một đồng tiền mệnh giá lớn hơn. Rồi người thứ ba đến xin, kẻ ấy chỉ còn những đồng giulii, nên cho một đồng giulio. Những người nghèo thấy kẻ ấy bố thí nên kéo nhau đến xin, mãi đến khi kẻ ấy cho hết sạch. Cuối cùng kẻ ấy xin lỗi họ vì chẳng còn gì để cho nữa [256].

51. Rồi kẻ ấy rời Ferrara đi Genova. Trên đường, kẻ ấy gặp mấy người lính Tây Ban Nha và đêm hôm ấy được họ đối xử tử tế. Họ ngạc nhiên thấy kẻ ấy đi đường ấy, vì sẽ băng qua gần như chính giữa quân đội Pháp và quân đội của Hoàng Đế [257]. Họ đề nghị kẻ ấy bỏ đường chính, và chỉ cho kẻ ấy

đường khác an toàn hơn, nhưng kẻ ấy không chịu nghe lời họ khuyên [258]. Cứ thẳng đường mà đi, kẻ ấy đến một làng bị thiêu hủy và phá hủy, nên đến chiều vẫn chưa có ai cho gì ăn. Lúc mặt trời lặn, kẻ ấy đến một làng có tường thành chung quanh. Nghĩ là một kẻ do thám, những người lính gác lập tức bắt kẻ ấy. Họ đem kẻ ấy đến một cái chòi gần cổng thành và thẩm vấn, như người ta vẫn thường làm đối với kẻ bị tình nghi. Họ hỏi gì, kẻ ấy trả lời hết, cho họ thấy là mình chẳng biết gì cả. Họ lột quần áo để khám xét từ đỉnh đầu đến gót chân xem kẻ ấy có thư từ gì không. Làm hết cách mà không moi được gì, họ trói kẻ ấy lại, dẫn đến viên chỉ huy, để ông này có cách bắt phải khai. Kẻ ấy xin họ cho mình mặc áo hành hương để đi, nhưng họ không chịu, chỉ cho mặc quần và áo ngắn thôi, như đã nói trên [259].

52. Trên đường, kẻ hành hương làm như thấy Đức Kitô bị dẫn đi [260], nhưng đó không phải là một thị kiến như những lần khác. Kẻ ấy bị dẫn đi qua ba đường phố dài, chẳng buồn chi hết, trái lại còn vui và thích nữa [261]. Kẻ ấy có thói quen xưng hô đơn sơ với mọi người, chứ không kiêu cách, vì xưa Đức Kitô và các tông đồ cũng nói năng như vậy [262]. Đang đi, kẻ ấy nảy ra ý bỏ thói quen ấy trong dịp này, và gọi viên chỉ huy là ngài, vì hơi sợ sẽ bị người ta tra tấn, v.v... Nhưng nhận ra đó là một cám dỗ, kẻ ấy tự nhủ: "Đã vậy, mình sẽ không gọi ông ta là ngài, cũng chẳng kính cẩn hay giờ nón chi hết." [263]

53. Đến chỗ viên chỉ huy, kẻ ấy được dẫn đến một phòng thấp, và một lát sau thì viên chỉ huy đến gặp kẻ ấy. Chẳng tỏ dấu kính nể nào, kẻ ấy trả lời ngắn gọn, nhưng giữ khoảng cách giữa các từ thật dài. Viên chỉ huy cho kẻ ấy là khùng, nên nói với những người đã dẫn kẻ ấy đến: "Tên này lẩn thân, trả cho nó đồ đạc rồi tống cổ nó đi." [264]

Vừa ra khỏi dinh, kẻ ấy gặp một người Tây Ban Nha sinh sống ở đó. Ông này đưa kẻ ấy về nhà, cho ăn uống, vì đã nhận đỏi từ mấy tiếng đồng hồ [265], và mọi sự cần thiết trong đêm ấy. Sáng dậy, kẻ ấy lên đường và đi bộ cho tới chiều tối. Lúc ấy có hai người lính trên vọng gác thấy kẻ ấy nên xuống bắt. Họ dẫn kẻ ấy đến trước viên chỉ huy người Pháp [266]. Hỏi điều này điều kia, rồi ông ấy hỏi kẻ ấy quê quán ở đâu. Khi biết kẻ ấy quê ở tỉnh Guipuzcoa, ông ấy nói: "Tôi ở gần ngay đó." Hình như là ở vùng Bayonne [267]. Rồi ông ấy bảo lính: "Dẫn anh ấy đi, cho ăn uống và đỏi xử tử tế." [268]

Trong chuyến đi từ Ferrara đến Genova, kẻ ấy còn gặp những chuyện bất ngờ lý thú khác nữa, nhưng rốt cuộc cũng đến được Genova. Tại đó, có một người quê ở tỉnh Viscaya tên là Portundo nhận ra kẻ hành hương [269]. Trước kia, khi còn phục vụ ở triều đình Vua Công Giáo [270], kẻ ấy đã gặp ông ấy và hai người đã nói chuyện với nhau nhiều lần [271]. Ông này gọi kẻ ấy trên một chiếc tàu đi Barcelona [272]. Kẻ ấy rất có nguy cơ bị bắt, vì tàu bị Andrea Doria, lúc ấy đang phục vụ người Pháp, truy kích [273].

III

ĐI HỌC VÀ TÌM BẠN

54. Đến Barcelona [274], kẻ ấy cho bà Isabel Roser [275] và thầy Ardevol [276] biết về ước muốn đi học. Cả hai cùng thấy đó là ý tốt. Người trước sẵn lòng lo việc ăn ở, người sau sẽ lo việc dạy học miễn phí. Kẻ hành hương quen một đan sĩ ở Manresa, tối nghĩ là ở dòng Thánh Bênêđô [277], một người rất đạo đức, và kẻ ấy muốn ở với vị đan sĩ để học và để chăm lo đời sống thiêng liêng, và cũng để mưu ích cho các linh hồn nữa. Vì thế kẻ ấy trả lời là sẽ nhận lời họ nếu ở Manresa không tìm được lợi ích thiêng liêng như lòng mong ước. Đến đó, kẻ ấy được biết vị đan sĩ đã qua đời rồi. Kẻ ấy quay lại Barcelona và

bắt đầu chăm chỉ học hành [278]. Nhưng có một chuyện rất phiền phức là khi kẻ ấy muốn học thuộc lòng, ở những bước đầu học Latinh thường cần làm thế, những hiểu biết mới về đời sống thiêng liêng, những hứng khởi mới lại đến trong tâm trí, đến nỗi kẻ ấy không nhớ được gì, mà cố gắng đến đâu cũng không xua đuổi được [279].

55. Kẻ ấy thường suy nghĩ về việc này, và tự nhủ: "Ngay cả khi cầu nguyện hay dự lễ mình cũng không có được những ánh sáng mạnh mẽ như vậy." Rồi dần dần, kẻ ấy nhận ra đó là cảm dỗ. Sau khi đọc kinh, kẻ ấy đến nhà thờ Đức Mẹ Biển [280], gần nhà thầy giáo. Trước đó, kẻ ấy đã xin thầy đến nhà thờ để nghe kẻ ấy nói. Trong khi hai người ngồi với nhau, kẻ ấy kể hết cho thầy biết những điều xảy đến trong tâm hồn, việc ít tiến bộ trong học tập, và lý do tại sao. Kẻ ấy muốn hứa với thầy: "Xin hứa với thầy bao lâu có được bánh mì và nước lã để sống ở Barcelona, sẽ không bao giờ bỏ tiết học nào trong 2 năm này." Vì kẻ ấy cam kết với tất cả quyết tâm, nên không bao giờ bị cảm dỗ như vậy nữa [281]. Lúc ở Manresa, kẻ ấy bị đau dạ dày, nên phải mang giày. Từ khi khởi hành đi Giêrusalem, kẻ ấy thấy dạ dày trở lại bình thường. Vì vậy trong thời gian đi học ở Barcelona, kẻ ấy ước muốn làm việc hãm mình như xưa. Kẻ ấy khoét lỗ ở hai đế giày, và càng ngày càng khoét rộng hơn, nên khi cái lạnh mùa đông đến, giày không còn đế nữa, chỉ còn phân trên thôi [282].

56. Sau hai năm học hành, kẻ ấy được cho biết là đã tiến bộ nhiều, thầy giáo nói đã đến lúc kẻ ấy có thể theo học triết lý, nên khuyên kẻ ấy đi Alcalá [283]. Dầu vậy, kẻ ấy còn xin một tiến sĩ thần học kiểm tra, và vị này cũng khuyên kẻ ấy như vậy.

Kẻ ấy đi Alcalá một mình, mặc dầu tôi nghĩ là đã có mấy bạn cùng chí hướng [284]. Đến nơi, kẻ ấy bắt đầu xin ăn và sống nhờ của bố thí. Sống như vậy được khoảng 10 hay 12 ngày thì một hôm có một giáo sĩ và mấy người cùng đi thấy kẻ ấy xin ăn, nên chê cười và thốt ra những lời khinh bỉ, như người ta vẫn thường làm đối với một người khỏe mạnh mà đi xin ăn [285]. Đúng lúc ấy, người phụ trách nhà tế bần Antezana mới thành lập [286] đi qua, chạnh lòng thương kẻ ấy [287], nên gọi và dẫn kẻ ấy về nhà tế bần, cho kẻ ấy một phòng và tất cả những điều cần thiết.

57. Kẻ ấy học gần một năm rưỡi ở Alcalá [288]. Kẻ ấy đã đến Barcelona vào Mùa Chay năm 1524, rồi học ở đó 2 năm, nên đến Alcalá vào năm 1526. Kẻ ấy học môn biện chứng theo Soto, môn vật lý theo Albertô, và Tôn sư các Luận Đề [289]. Trong khi ở Alcalá, kẻ ấy cũng hướng dẫn Linh Thao [290] và dạy giáo lý Công Giáo, và thu được hoa trái để tôn vinh Thiên Chúa. Nhiều người đã hiểu sâu xa và ham mê những điều liên hệ đến đời sống thiêng liêng. Có những người khác bị cảm dỗ cách này cách khác. Thí dụ có người muốn đánh tội, nhưng không sao làm được, như thể có ai giữ tay lại vậy. Có những điều khác khiến cho công chúng bình phẩm, nhất là vì rất nhiều người trong thành phố xúm lại nghe kẻ ấy dạy giáo lý. Tôi nhớ lại một đêm kia Cha đã sợ hãi thế nào [291].

Sau khi đến Alcalá ít lâu, kẻ ấy gặp Don Diego de Eguia [292] lúc ấy đang sống với người anh. Ông này có một nhà in ở Alcalá và sống rất phong lưu. Hai anh em cũng cho kẻ ấy của bố thí để giúp người nghèo và cho 3 người bạn cùng chí hướng [293] của kẻ hành hương ở trọ tại nhà. Có lần kẻ ấy xin bố thí để làm chi đó, Don Diego lúc ấy không có tiền, nhưng mở một cái tráp ra, trong đó có nhiều thứ, và cho kẻ ấy những khăn phủ giường màu này màu khác, những chân nến và những thứ khác nữa. Kẻ hành hương lấy một cái khăn gói lại, đặt lên vai, đem đi giúp người nghèo [294].

58. Như đã nói trên kia, dân chúng trong vùng bắt đầu bàn tán xôn xao về những điều xảy ra tại Alcalá, người nói thế này, kẻ nói thế kia [295]. Tiếng đồn đến tai Tòa Án Giáo Lý ở Toledo [296]. Khi các thanh tra đến Alcalá [297], người chủ nhà báo tin cho kẻ hành hương, và cho biết các vị ấy gọi họ là bọn áo vải bố, đám thần khải, hình như vậy, và định tra tấn họ. Các vị ấy lập tức mở một cuộc kiểm

tra và điều tra về đời sống của họ, nhưng rút cuộc quay về Toledo mà không triệu tập họ, dù các vị ấy đến cốt để làm điều đó [298]. Các vị ấy giao vụ này cho cha đại diện Figueroa, người hiện nay đang ở với Hoàng Đế [299]. Mấy hôm sau [300], cha đại diện triệu tập họ và thông báo các vị thanh tra đã điều tra và kiểm tra về đời sống của họ và thấy không có gì sai lạc trong cách sống cũng như trong giảng dạy, nên họ có thể tiếp tục làm như cũ, không bị hạn chế chi hết. Nhưng vì họ không phải là tu sĩ trong một dòng tu, việc họ mặc quần áo giống nhau là không thích hợp. Vì thế họ nên, và cha ấy ra lệnh cho họ: hai người, cha ấy chỉ kẻ hành hương và Arteaga, nhuộm quần áo màu đen, hai người kia, Calixto và Caceres, màu nâu tươi, còn Juanico [301], một thanh niên người Pháp, có thể giữ nguyên.

59. Kẻ hành hương nói họ sẽ tuân lệnh, và thêm: "Nhưng con không biết là điều tra như vậy để làm gì. Mới đây thôi, có cha không chịu cho một người trong nhóm chúng con rước lễ, vì anh ấy rước lễ hằng tuần. Cả con cũng bị làm khó dễ nữa. Xin cho con biết là các vị ấy có thấy chúng con lạc giáo gì không ạ." Cha Figueroa trả lời: "Không. Nếu có thì các anh bị thiếu rồi!" Kẻ hành hương tiếp: "Nếu lạc giáo thì cả cha cũng bị thiếu!" [302]. Họ nhuộm quần áo theo lệnh trên, và khoảng hai ba tuần sau, cha Figueroa lại bắt kẻ hành hương phải mang giày, cấm đi chân không. Họ tuân lệnh, không thắc mắc gì, như kẻ ấy vẫn luôn luôn làm khi nhận được lệnh như vậy [303].

Bốn tháng sau, chính cha Figueroa lại điều tra về họ [304]. Ngoài các lời cáo buộc cũ, tôi nghĩ lý do là vì có một phụ nữ, đã kết hôn và nổi tiếng, rất quý mến kẻ hành hương. Một hôm bà đến nhà tế bần lúc sáng sớm, trời còn tối, để người ta khởi nhận ra. Khi đi, bà trùm khăn theo thói quen ở Alcalá. Đến nơi, bà gỡ khăn ra, và tới phòng kẻ hành hương. Nhưng cả lần này người ta cũng không làm gì họ: không triệu tập sau khi điều tra và cũng chẳng bảo họ gì hết [305]. Tôi nhớ lại những điều cha Bustamente đã kể. [306]

60. Bốn tháng sau nữa, lúc kẻ ấy sống trong một căn nhà nhỏ ngoài nhà tế bần, một hôm [307] có một cảnh sát đến cửa gọi kẻ ấy ra ngoài và nói: "Đi với tôi một chút." Anh ta tổng giam kẻ ấy và nói: "Không được ra khỏi đây cho tới khi có lệnh." Lúc ấy là mùa hè. Vì kẻ ấy không bị canh gác chặt chẽ lắm, nhiều người đến thăm kẻ ấy. Trong số ấy có M., cha giải tội của kẻ ấy. [308] Kẻ ấy dạy giáo lý và hướng dẫn Linh Thao như lúc còn tự do [309]. Mặc dầu nhiều luật sư và biện lý muốn giúp, nhưng kẻ ấy từ chối. Kẻ ấy nhớ đặc biệt Dona Teresa de Cardenas [310]. Bà gửi người đến thăm kẻ ấy và nhiều lần muốn giúp cho kẻ ấy được thả, nhưng kẻ ấy không chịu, luôn luôn trả lời: "Tôi đã vào đây vì yêu mến ai, thì Đấng ấy sẽ đưa tôi ra, nếu điều ấy phục vụ Người." [311]

61. Kẻ ấy ở trong tù 17 ngày mà không có ai thăm vấn, và cũng không biết tại sao mình lại bị giam. Cha Figueroa cuối cùng đến nhà giam [312] và hỏi kẻ ấy nhiều điều, cả đến hỏi kẻ ấy có khuyên ai giữ ngày sabát không [313]. Cha ấy cũng hỏi kẻ ấy có biết hai người kia, một phụ nữ và cô con gái không. Kẻ ấy trả lời là có. Cha ấy lại hỏi trước khi họ đi, kẻ ấy có biết gì không; kẻ ấy trả lời là không, vì đã thề [314]. Cha Tổng Đại Diện đặt tay trên vai kẻ ấy tỏ vẻ hài lòng, rồi nói: "Đó là lý do khiến anh phải vào đây." Trong số nhiều người trước đó hay đến với kẻ ấy, có hai mẹ con bà kia, cả hai cùng góa chồng, người con rất trẻ và rất đẹp. Họ đã tiến tới nhiều trong đời sống thiêng liêng, nhất là người con. Mặc dầu thuộc hàng quý tộc, họ đã đi bộ đến viếng đền thờ có khăn bà Vêrônica ở Jaen [315], hình như chỉ có hai mẹ con, và xin ăn trên đường. Việc này đã gây xôn xao ở Alcalá. Tiễn sĩ Ciruelo, phần nào như người bảo trợ họ, nghĩ rằng kẻ ấy đã thổi cho họ ý tưởng đó, nên cho bắt kẻ ấy [316]. Nghe cha đại diện nói rồi, kẻ ấy hỏi: "Cha có muốn con nói thêm về vụ này không?" Cha ấy trả lời: "Nói đi." Kẻ ấy tiếp: "Cha nên biết là hai mẹ con bà ấy đã nhiều lần nói với con về ước nguyện đi khắp thế giới để phục vụ người nghèo trong nhà tế bần này, nhà tế bần khác. Con luôn luôn cố gắng khuyên họ bỏ ý định ấy, vì người con gái còn trẻ và đẹp. Con đã bảo họ nếu muốn thăm bệnh nhân, họ có thể làm ngay tại Alcalá,

và cùng đi với các cha đem Minh Thánh cho bệnh nhân." [317] Sau khi trao đổi, cha Figueroa ra đi cùng với viên kiểm sát, người đã ghi chép mọi sự [318].

62. Lúc ấy Calixto đang ở Segovia [319]. Nghe tin kẻ ấy bị bắt giam, anh ấy đến ngay lập tức, mặc dầu vừa mới hồi phục sau một cơn bệnh nặng, và muốn cùng bị giam với kẻ ấy. Nhưng kẻ hành hương bảo anh ấy nên đến gặp cha đại diện. Cha này tiếp đón anh ấy tử tế, nhưng cho biết là cha sẽ tống giam anh ấy, tới khi nào hai phụ nữ kia trở về, để xem họ có xác nhận lời khai của kẻ ấy không. Calixto ở tù được ít hôm thì kẻ hành hương thấy có hại cho sức khỏe của anh ấy, vì anh ấy vẫn chưa hồi phục hoàn toàn, nên nhờ một thầy thuốc là bạn giúp đỡ để anh ấy được thả [320].

42 ngày trôi qua kể từ khi kẻ ấy bị bắt giam đến hôm được thả. Hai phụ nữ sốt sáng đã trở về [321], và viên kiểm sát vào nhà giam đọc bản án. Kẻ ấy được tự do, nhưng kẻ ấy và các bạn cùng chí hướng phải mặc quần áo giống các sinh viên khác [322], và không được đề cập các vấn đề thuộc về đức tin trong vòng 4 năm [323], cho tới khi học hành đến nơi đến chốn, vì như lúc ấy thì chưa đủ. Nói cho đúng thì kẻ hành hương được học hành nhiều nhất, nhưng không có nền tảng vững chắc, và mỗi lần bị thẩm vấn, đó là điều đầu tiên kẻ ấy thường khai.

63. Với bản án, kẻ ấy hơi phân vân không biết phải làm gì. Hình như kẻ ấy bị đóng cửa, không cho giúp đỡ các linh hồn, vì người ta không nêu lý do nào khác ngoài việc chưa học đủ. Cuối cùng, kẻ ấy quyết định đi gặp Đức Tổng Giám Mục Fonseca của Toledo để ngài xem xét sự việc.

Kẻ ấy rời Alcalá [324] đi Valladolid gặp Đức Tổng Giám Mục [325]. Kẻ ấy thuật lại chính xác những điều đã xảy ra, và nói mình không còn thuộc quyền tài thẩm của ngài nữa [326], nên cũng không bị buộc phải tuân theo quyết định của ngài [327], nhưng kẻ ấy sẽ làm bất kỳ điều gì ngài truyền dạy. Kẻ ấy vẫn giữ cách xưng hô đơn giản như với mọi người khác [328]. Đức Tổng Giám Mục lắng nghe chăm chú, và thấy kẻ ấy muốn đi Salamanca [329], ngài cho biết là ở Salamanca ngài có nhiều bạn, có cả một học viện nữa [330], và ngài sẵn lòng giúp đỡ kẻ ấy. Ngoài ra, khi kẻ ấy đi, ngài còn cho 4 đồng escudos nữa.

64. Sau khi đến Salamanca [331], một hôm kẻ ấy đang cầu nguyện trong một nhà thờ, một bà đạo đức nhận ra kẻ ấy cùng nhóm với 4 người bạn cùng chí hướng đã đến đó mấy hôm trước [332]. Bà này hỏi tên kẻ ấy, rồi dẫn đến chỗ các bạn cùng chí hướng ở. Lúc còn ở Alcalá, họ đã bị buộc phải mặc quần áo giống như các sinh viên, kẻ hành hương đã trả lời: "*Trước đây, cha ra lệnh cho chúng con nhuộm quần áo, chúng con đã nhuộm rồi. Bây giờ cha ra lệnh như vậy, chúng con không làm được, vì không có tiền để mua quần áo khác.*" Thế là chính cha đại diện cấp cho họ quần áo, mũ, và tất cả những gì các sinh viên phải có. Họ đã ăn mặc như vậy mà rời Alcalá.

Ở Salamanca, kẻ hành hương xưng tội với một cha Dòng Đaminh ở tu viện San Esteban [333]. Một hôm, khoảng 10 hay 12 ngày từ khi kẻ ấy đến, cha giải tội nói với kẻ ấy: "*Các cha trong nhà muốn nói chuyện với anh.*" Kẻ ấy đáp: "*Nhân danh Thiên Chúa, con xin vâng.*" Cha giải tội nói tiếp: "*À, Chúa Nhật này, anh đến đây ăn cơm trưa, nhưng tôi báo trước là các cha muốn biết nhiều điều về anh đấy.*"

Vào Chúa Nhật, kẻ ấy cùng với Calixto đến. Sau bữa ăn, cha tu viện phó (cha tu viện trưởng đi vắng), cha giải tội và một cha khác nữa, tôi nghĩ vậy, cùng với họ vào một nhà nguyện. Cha tu viện phó, rất dễ thương, khởi đầu nói là các cha nhận được những báo cáo tốt về đời sống và cung cách của họ; họ rao giảng theo cách thức tông đồ [334], nhưng các cha mong được biết thêm chi tiết về tất cả những điều ấy. Trước hết, cha hỏi họ đã học hành thế nào. Kẻ hành hương đáp: "*Trong tất cả chúng con thì con được học nhiều nhất.*" Rồi kẻ ấy trình bày rõ ràng là mình đã học được ít thôi và thiếu nền tảng nữa.

65. Cha tu viện phó hỏi: "VẬY các anh giảng gì?" Kê hành hương đáp: "Chúng con không giảng, chỉ nói chuyện với năm bảy người cách thân mật về những điều thuộc về Thiên Chúa, thí dụ sau bữa ăn, với mấy người mời chúng con." Vị tu sĩ hỏi tiếp: "Nhưng các anh nói những điều về Thiên Chúa thế nào? Đó là điều chúng tôi muốn biết." Kê hành hương nói: "Chúng con nói về nhân đức này nhân đức kia, luôn luôn ca ngợi; lúc khác lại nói về tội xấu này, tội xấu kia, luôn luôn kết án." Vị tu sĩ lại nói: "Các anh không được học mà nói về nhân đức và tội xấu sao? Chỉ có hai trường hợp người ta nói được như vậy: hoặc là được học, hoặc là do Chúa Thánh Thần." [335] Đến đây, kê hành hương suy nghĩ một chút, vì thấy cách lý luận này không ổn. Chính những điều các anh cho là Chúa Thánh Thần soi sáng thì chúng tôi muốn biết. Thịnh lặng giây lát, rồi kê ấy nói không cần phải thêm gì nữa [336]. Vị tu sĩ dẫn giọng: "Hiện nay, biết bao lầm lạc của Erasme [337] và của nhiều người khác đang lừa gạt thiên hạ, vậy mà anh không chịu giải thích mình giảng dạy những gì sao?"

66. Kê hành hương đáp: "Thưa cha, con không nói gì thêm nữa, trừ khi đến trước các bề trên có quyền buộc con phải nói." [338] Trước đó, vị tu sĩ đã hỏi tại sao Calixto mặc quần áo như vậy. Anh ấy mặc một cái áo khoác ngắn, đầu đội một cái mũ rộng, tay cầm gậy, chân mang giày cao tới gần đầu gối. Vì anh ấy cao lêu nghêu, nên nhìn rất kỳ cục. Kê hành hương kể cho cha ấy nghe chuyện họ đã bị bắt giam ở Alcalá và đã được lệnh phải mặc quần áo giống như các sinh viên, nhưng vì trời nóng quá, anh bạn cùng chí hướng ấy cho một giáo sĩ nghèo chiếc áo chùng thâm. Vị tu sĩ lẩm bẩm trong miệng để họ hiểu là vị ấy không hài lòng: "Bác ái phải khởi đầu từ chính mình." [339]

Nhưng hãy trở về với câu chuyện. Ngoài câu vừa nêu, vị tu viện phó không moi được câu nào khác của kê hành hương, nên nói: "Cứ ở lại đây, chúng tôi sẽ biết cách làm cho các anh phải nói." Tất cả các tu sĩ phần nào vội vàng bỏ đi. Trước đó, kê hành hương đã hỏi xem họ phải ở lại nhà nguyện hay nơi nào khác, vị tu viện phó đã trả lời: "Trong nhà nguyện." Thế là các tu sĩ khóa hết cửa lại, và hình như đi thảo luận với các vị quan tòa. Tuy nhiên, hai người ở trong tu viện ba ngày mà không nghe ai nói gì về việc xét xử cả. Họ dùng bữa trong phòng ăn với các tu sĩ, và phòng họ hầu như lúc nào cũng đầy các tu sĩ đến thăm. Kê hành hương luôn luôn nói về các đề tài trước đến nay vẫn nói. Kết quả là giữa các tu sĩ có sự chia rẽ, vì nhiều người tỏ ra có thiện cảm với họ.

67. Sau ba ngày, một viên kiểm sát đến dẫn họ vào nhà giam [340]. Họ không bị nhốt bên dưới, chung với các thường phạm, nhưng ở phòng phía trên, vì phòng này đã cũ và không dùng đến, nên rất dơ bẩn [341]. Hai người bị buộc vào nhau bằng một sợi xích, mỗi người một chân. Sợi xích này dài chừng hơn 3 mét, được buộc vào một cái cột ở giữa phòng. Mỗi khi một người muốn làm gì thì người kia phải đi theo. Suốt đêm họ không ngủ [342]. Hôm sau, khi nghe tin họ bị giam, bạn bè trong thành phố gởi vào nhà giam cho họ những gì cần để ngủ và mọi thứ cần thiết khác. Nhiều người đến thăm họ, và kê hành hương tiếp tục nói chuyện về Thiên Chúa.

Cha Frias cao đẳng [343] đến hỏi riêng từng người, và kê hành hương trao cho cha ấy tất cả tập vở, tức là cuốn Linh Thao [344], để cha ấy xem xét. Cha ấy hỏi họ có bạn cùng chí hướng không, họ trả lời có, và cho biết địa chỉ. Ngay lập tức, cha ấy ra lệnh cho người đi bắt Caceres và Arteaga, nhưng không bắt Juanico [345], và tổng giam. Sau này Juanico vào dòng tu [346]. Người ta không nhốt hai người sau ở phòng trên với hai người trước, nhưng ở bên dưới với các thường phạm. Ở đây, hơn lúc nào hết, kê hành hương không chịu nhờ đến luật sư hay biện lý.

68. Mấy ngày sau, kê ấy bị triệu tập đến trước 4 thẩm phán: đó là các tiến sĩ Sanctisidoro [347], Paravinhas [348], Frias [349], và người thứ tư là cha Frias cao đẳng. Cả bốn vị đều đã đọc tập Linh Thao. Các vị này hỏi kê ấy về nhiều điều, chẳng những về Linh Thao, mà cả về thần học, thí dụ hiểu các điều

khoản đức tin về Chúa Ba Ngôi, về bí tích Thánh Thể thế nào. Trước hết, kẻ ấy nói lời mào đầu [350]. Tuy nhiên, theo lệnh của các thẩm phán, kẻ ấy nói thế nào mà các vị ấy không bắt lỗi được chi hết. Cha Frias cao đẳng, luôn luôn tỏ ra khó hơn các vị khác, hỏi cả một câu về giáo luật [351]. Bị buộc phải trả lời mọi câu hỏi, kẻ ấy luôn luôn mở đầu bằng việc lặp lại là mình không biết ý kiến của các tiến sĩ về các điểm ấy. Kế đến, các vị ấy ra lệnh cắt nghĩa Điều Răn Thứ Nhất như kẻ ấy vẫn thường làm. Kẻ ấy mở máy, nói dài dòng và rất nhiều thứ về Điều Răn Thứ Nhất, đến nỗi các vị ấy không còn muốn hỏi thêm gì nữa. Trước đó, khi nói về Linh Thao, các vị ấy tỏ ra lưu ý đặc biệt đến chỉ một điểm ở phần đầu: khi nào một ý nghĩ là tội nhẹ, và khi nào là tội trọng? Vì kẻ ấy chưa được học mà dám quả quyết. Kẻ ấy đáp: *"Xin quý cha cứ xét những điều con nói có đúng không, nếu không đúng, xin cứ kết án."* Cuối cùng các vị ấy đi mà không kết án chi hết.

69. Trong số nhiều người đến thăm kẻ ấy trong tù, có Don Francisco de Mendoza, hiện là hồng y ở Burgos [352]. Lần ấy, vị này cùng đến với cha Frias cao đẳng. Thân mật như bạn bè, vị ấy hỏi ở tù thấy thế nào, có nặng nề không; kẻ hành hương đáp: *"Xin trả lời anh bạn như tôi mới trả lời một bà tớ ra xót xa vì thấy tôi bị giam. Tôi đã nói thế này: Như vậy là bà không ước ao bị giam vì yêu mến Chúa. Bà cho bị giam là ghê gớm lắm sao? Đối với tôi, xin thưa bà là ở Salamanca này chưa có đủ gông cùm xiềng xích đâu, tôi còn ước ao chịu hơn nữa vì yêu mến Chúa."*

Trong thời gian ấy, có hôm tất cả những người bị giam giữ trốn khỏi nhà tù, nhưng hai người bạn cùng chí hướng bị giam với họ lại không trốn. Sáng hôm sau, người ta thấy chẳng còn ai, chỉ còn họ bên trong các cửa đã mở toang, mọi người đều rất cảm phục, và người ta bàn tán nhiều ở thành phố. Ngay tức khắc, người ta cho họ đến ở tù trong nguyên một lâu đài gần đó [353].

70. 22 ngày sau khi bị bắt, họ được triệu tập để nghe phán quyết. Họ không sai lỗi gì trong cách sống cũng như trong lời giảng dạy, vì thế họ được tiếp tục làm như trước, nghĩa là dạy giáo lý và nói những điều thuộc về Thiên Chúa, với điều kiện là không bao giờ được xác định một hành vi nào đó là tội trọng hay tội nhẹ, bao lâu họ chưa học xong 4 năm [354]. Sau khi tuyên đọc bản án, các vị thẩm phán tỏ ra rất thiện cảm, như thể các vị ấy muốn làm cho họ chấp nhận. Kẻ hành hương nói bản án ra thế nào, mình sẽ thi hành như vậy, nhưng sẽ không chấp nhận. Vì họ không bị kết án chi cả, thế mà bị người ta bịt miệng không cho giúp đỡ các linh hồn theo cách thức của họ [355]. Tiến sĩ Frias tỏ ra rất cố gắng thuyết phục, và tỏ ra rất tình cảm, nhưng kẻ hành hương một mực nhắc lại là chỉ tuân lệnh bao lâu còn thuộc quyền tài thẩm của giáo phận Salamanca thôi. Họ được trả tự do ngay lập tức [356].

71. Thế là kẻ ấy quyết định đi Paris để theo đuổi việc học [357]. Tại Barcelona, khi suy xét nên đi học không và đi học bao nhiêu năm, quan tâm duy nhất của kẻ ấy là muốn biết sau khi học sẽ gia nhập một dòng tu hay sẽ đi nơi này nơi khác trên thế giới. Và khi nghĩ đến việc gia nhập một dòng tu, kẻ ấy cảm thấy ngay ước ao chọn một dòng tu nào suy thoái và ít được cải tổ, vì nếu kẻ ấy gia nhập dòng tu chính là để chịu đau khổ hơn. Kẻ ấy tin rằng Thiên Chúa cũng sẽ giúp đỡ họ vì Thiên Chúa ban cho kẻ ấy lòng tin tưởng sắt đá là mình sẽ dễ dàng chịu được tất cả những gian khổ và tất cả những sỉ nhục người ta có thể gây ra [358].

Tại Salamanca, thời gian bị giam giữ đã không làm phai nhạt nơi kẻ ấy những ước nguyện mưu ích cho các linh hồn. Chính vì thế, kẻ ấy đã quyết định đi học và qui tụ những người cùng chí hướng cũng như giữ những bạn cùng chí hướng đã có. Sau khi quyết định đi Paris, kẻ ấy thỏa thuận với họ là họ sẽ ở lại chờ kẻ ấy; còn kẻ ấy sẽ xem có thể tìm được phương tiện để họ đi học được không [359].

72. Nhiều người nổi tiếng đã hết sức năn nỉ kẻ ấy đừng đi, nhưng không sao thuyết phục được. Chưa đầy 15 hay 20 ngày sau khi được thả, kẻ ấy một mình ra đi [360], mang theo mấy quyển sách trên một

con lừa nhỏ [361]. Đến Barcelona [362], kẻ ấy được mọi người từng quen biết cố can ngăn đừng sang Pháp, vì chiến sự dữ dội đang diễn ra ở đó [363]. Họ nêu lên những thí dụ rất rõ ràng, cả đến cho rằng người Tây Ban Nha bị xiên đẽ nướng. Nhưng kẻ ấy không hề mảy may sợ sệt.

73. Một mình và đi bộ, kẻ ấy lên đường đi Paris [364], và tới nơi vào khoảng tháng 2. Tôi nghĩ đó là năm 1528 hay 1527. Trong khi Cha bị giam ở Alcalá thì hoàng tử Tây Ban Nha chào đời. Điều này cho phép đình niên đại tất cả các biến cố, ngay cả trước đó. [365] Kẻ ấy trọ với mấy người Tây Ban Nha khác và theo các lớp học cổ văn tại Montaigu [366]. Trước đây do học vội học vàng quá [367], nên kẻ ấy bị mất căn bản. Kẻ ấy cùng học với các trẻ em [368], theo chương trình và phương pháp Paris [369].

Ngay khi đến, kẻ ấy đã được một nhà buôn trả cho 25 đồng escudos theo một tín phiếu mang từ Barcelona tới [370]. Kẻ ấy trao cho một người Tây Ban Nha cùng nhà trọ giữ giùm. Nhưng chỉ ít lâu sau, người này tiêu xài hết, không sao hoàn lại được. Thế là sau Mùa Chay [371], kẻ hành hương trắng tay, một phần do chính mình đã tiêu, một phần vì lý do nêu trên. Kẻ ấy bắt buộc phải đi ăn xin và ngay cả phải rời nhà trọ [372].

74. Kẻ ấy được nhận vào nhà tế bần Saint-Jacques [373], bên kia chỗ Các Thánh Anh Hải [374]. Ở đó bất tiện cho việc đi học, vì nhà tế bần cách học viện Montaigu khá xa [375], mà kẻ ấy phải về nhà tế bần trước khi đổ chuông Truyền Tin thì cửa mới còn mở, và phải chờ trời sáng mới ra khỏi nhà tế bần được [376]. Vì thế kẻ ấy không theo dự đầy đủ các tiết. Một bất tiện khác là kẻ ấy phải đi ăn xin để sống [377].

Từ khoảng gần 5 năm, kẻ ấy không bị đau dạ dày nữa, nên bắt đầu gia tăng các việc đền tội và hãm mình.

Sống ở nhà tế bần và ăn xin được ít lâu, kẻ ấy thấy việc học hành không tiến bộ bao nhiêu, nên tự hỏi phải làm gì. Vì thấy trong các học viện có những sinh viên giúp việc cho một số phụ khảo [378] và có giờ để học, nên quyết định tìm một chỗ làm [379].

75. Kẻ ấy tự nghĩ mình sẽ hình dung giáo viên là Đức Kitô, và mỗi sinh viên được gọi bằng tên của một tông đồ, thí dụ Phêrô, Gioan... và dự định này làm cho kẻ ấy vui thích. "*Khi giáo viên ra lệnh, mình sẽ nghĩ là Đức Kitô ra lệnh cho mình và khi một người khác ra lệnh, mình sẽ nghĩ là thánh Phêrô ra lệnh cho mình*" [380] Kẻ ấy bỏ ra nhiều công để tìm một chỗ làm. Kẻ ấy nhờ anh Castro [381], nhờ một đan sĩ Chartreux [382], vì người này quen biết nhiều giáo viên, và nhờ những người khác nữa, nhưng không ai tìm được việc cho kẻ ấy.

76. Không tìm ra giải pháp, có lần kẻ ấy được một tu sĩ người Tây Ban Nha cho biết là tốt hơn mỗi năm nên đến miền Flanders, bỏ ra hai tháng, có thể ít hơn, và trở về với tiền đủ để học cả năm [383]. Kẻ ấy trình bày với Thiên Chúa, và thấy điều ấy tốt. Theo lời khuyên ấy, hằng năm kẻ ấy mang từ Flanders về số tiền tạm đủ sống. Có một lần kẻ ấy sang cả nước Anh và nhận được của bố thí nhiều hơn các năm khác [384].

77. Từ khi đi Flanders về lần đầu, kẻ ấy bắt đầu dành nhiều thời giờ hơn để nói chuyện về đời sống thiêngliêng [385]. Kẻ ấy hướng dẫn Linh Thao gần như đồng thời cho ba người [386], đó là *Peralta* [387] *Castro* ở Sorbonne [388], và một người Basco tên là *Amador* [389] đang học ở Sainte-Barbe [390]. Cả ba thay đổi đời sống rất nhiều. Có gì họ cho người nghèo hết, kẻ cả sách, và bắt đầu đi xin ăn tại Paris. Họ đến sống tại nhà tế bần Saint-Jacques, nơi trước đây kẻ ấy đã ở, nhưng sau đó kẻ ấy đã rời đi vì những lý do đã nói trên [391]. Họ gây ra một vụ chấn động ở đại học, vì hai người trước là những người xuất sắc và rất nổi tiếng. Ngay lập tức, các sinh viên Tây Ban Nha làm dữ với hai người

giáo viên [392], nhưng dù thuyết phục, dù lý luận thế nào cũng không ép hai người trở về đại học được. Một hôm, họ kéo đến đông đảo, mang theo cả hung khí, lôi hai người ra khỏi đó [393].

78. Đưa hai người về đại học rồi, họ thỏa thuận với hai người như sau: hai người trước hết phải học xong đã, sau đó mới thực hiện ý định.

Castro sau đó về Tây Ban Nha, giảng thuyết tại Burgos một thời gian, rồi vào dòng Chartreux tại Valencia. Peralta đi hành hương Giêrusalem, đi bộ [394], nhưng đến Ý thì bị một người bà con làm sĩ quan giữ lại, dẫn đến gặp Đức Giáo Hoàng và được Đức Giáo Hoàng khuyên nên trở về Tây Ban Nha. Nhưng chuyện vừa kể mấy năm sau mới xảy ra, chứ không phải liền sau đó.

Tại Paris, nhất là giữa cộng đồng Tây Ban Nha, người ta xầm xì với nhau nhiều về kẻ ấy [395]. Giáo sư *de Gouvea* [396] tố cáo kẻ ấy đã làm cho Amador, sinh viên của học viện mình, mất trí. Vì thế, ông ấy quyết định: hễ kẻ ấy đặt chân đến Sainte-Barbe, ông sẽ cho *đánh đòn công khai* về tội dụ dỗ sinh viên [397].

79. Anh chàng Tây Ban Nha từng ở chung nhà trọ với kẻ ấy lúc đầu, và đã tiêu xài tiền của kẻ ấy mà không hoàn lại, một hôm về Tây Ban Nha qua ngã Rouen [398]. Đang khi ở Rouen chờ tàu, anh ta ngã bệnh. Kẻ hành hương nhận được thư của anh ta báo tin, thì ước ao đi thăm và giúp anh ta. Đồng thời kẻ ấy nghĩ là mình đến gặp anh ta như vậy sẽ cảm hóa được anh ta để anh ta lìa bỏ thế gian mà xả thân phục vụ Thiên Chúa [399]. Muốn được vậy, kẻ ấy dự tính sẽ đi bộ 28 dặm [400] từ Paris đến Rouen, đi chân không, và không ăn uống chi hết. Khi cầu nguyện về việc này, kẻ ấy thấy mình run sợ. Cuối cùng, kẻ ấy đến nhà thờ Saint-Dominique [401]. Tại đó, kẻ ấy quyết định thực hiện những điều đã dự tính, và điều trước đó kẻ ấy rất sợ là mình thử thách Thiên Chúa lúc ấy tan biến đi [402].

Hôm sau, vào buổi sáng kẻ ấy lên đường, kẻ ấy thức dậy rất sớm. Lúc bắt đầu mặc áo, kẻ ấy cảm thấy ghê rợn đến nỗi làm như không sao mặc được. Bất kể, kẻ ấy ra khỏi nhà và cả thành phố trước khi trời sáng rõ. Cái sợ đeo bám kẻ ấy đến tận Argentueil, một làng cách Paris 3 dặm trên đường đi Rouen [403]. Theo người ta nói thì ở đó có cái áo của Chúa Giêsu [404]. Kẻ ấy đi qua làng, trong lòng vẫn xao xuyến. Nhưng khi kẻ ấy leo lên một sườn đồi thì sự xao xuyến bắt đầu tan biến. Thay vào đó, kẻ ấy thấy hứng khởi, hăng hái và vui mừng đến nỗi bắt đầu reo hò giữa cánh đồng và nói lớn với Chúa... Tới hôm ấy, đã qua được 14 dặm [405], kẻ ấy đến trọ, cùng với một người hành khát, tại một nhà tế bần. Hôm sau, kẻ ấy ở trọ qua đêm tại một kho thóc. Ngày thứ ba, người ấy đến Rouen. Trong suốt thời gian ấy, kẻ ấy không ăn không uống chi hết, đúng như đã quyết định từ trước [406].

Tại Rouen, kẻ ấy an ủi người bệnh và giúp anh ta xuống tàu thủy về Tây Ban Nha. Kẻ ấy nhờ anh ta chuyển thư gửi các bạn cùng chí hướng ở Salamanca, tức là Calixto, Caceres và Arteaga [407].

80. Những bạn cùng chí hướng ấy về sau thế nào, xin nói ngay để khỏi phải nhắc lại nữa.

Như họ đã thỏa thuận trước, từ Paris, kẻ hành hương thường xuyên viết thư cho họ về việc khó đem họ đến Paris học được [408]. Kẻ ấy có viết thư cho Dona Leonor Mascarenhas [409], xin bà viết thư cho triều đình vua Bồ Đào Nha để xin một suất học bổng tại Paris do nhà vua ban. Bà có gửi thư cho Calixto, tặng một con la để đi đường và tiền để chi tiêu. Calixto đến triều đình Bồ Đào Nha, nhưng cuối cùng không đi Paris [410]. Anh ấy về lại Tây Ban Nha rồi đến Ấn Độ của hoàng đế [411] cùng với một phụ nữ đạo đức [412]. Sau đó, anh về lại Tây Ban Nha, rồi đi Ấn độ nữa. Cuối cùng, anh ấy quay về Tây Ban Nha, lần này đã giàu có, làm cho mọi người từng quen biết anh ấy ở Salamanca trước kia đều ngạc nhiên.

Caceres về quê ở Segovia sống như thể đã quên mất ý định ban đầu.

Arteaga được phong làm *nghĩa sĩ* [413]. Sau đó, khi Dòng Tên đã được thành lập ở Rôma, anh ấy được đề cử làm giám mục ở Ấn Độ [414]. Anh ấy viết thư cho kẻ hành hương để nhường chức vụ ấy cho một anh em trong Dòng. Khi kẻ ấy từ chối, anh ấy thụ phong giám mục, rồi sang Ấn Độ của hoàng đế, nhưng chết trong hoàn cảnh khá lạ thường. Lúc bị bệnh, anh ấy có hai chai để đựng nước giải khát, một chai nước do thầy thuốc chỉ định, chai kia đựng nước có chất độc. Người ta cho anh ấy uống lộn chai có chất độc, thế là anh ấy chết [415].

81. Từ Rouen, kẻ hành hương trở lại Paris và được biết là sau vụ Castro và Peralta, người ta đồn thổi tùm lum những điều bất lợi cho kẻ ấy và thanh tra giáo lý đã đặt vấn đề [416]. Không muốn chờ đợi thêm, kẻ ấy đến gặp vị thanh tra, cho biết là kẻ ấy nghe nói vị ấy muốn gặp, và vị ấy muốn gì kẻ ấy cũng sẵn sàng. Viên thanh tra là cha Ory, tu sĩ dòng Thánh Đaminh [417]. Kẻ ấy xin vị thanh tra giải quyết nhanh cho, vì kẻ ấy có ý định bắt đầu các khóa học triết lý vào lễ thánh Rêmi [418]. Nhưng trước hết, kẻ ấy muốn mọi chuyện ổn đã, để có thể học hành tốt hơn. Vị thanh tra không gọi lại kẻ ấy lần nào. Vị ấy chỉ nói là quả thực người ta có nói về những điều kẻ ấy đã làm v.v...[419]

82. Sau đó ít lâu đến lễ thánh Rêmi vào đầu tháng 10 [420]. Kẻ ấy bắt đầu học triết lý [421] dưới sự hướng dẫn của một giáo viên tên là Juan Pena [422]. Kẻ ấy dự tính chỉ giữ các bạn cùng chí hướng đã quyết tâm phục vụ Thiên Chúa, không chiêu mộ thêm, để có thể thuận lợi hơn cho việc học hành [423].

Vừa bắt đầu theo các giảng khóa, các cám dỗ trước kia đã đến khi kẻ ấy học Latinh ở Barcelona lại tấn công kẻ ấy. Khi nghe giảng, không sao kẻ ấy tập trung chú ý được, vì nhiều ý nghĩ đạo đức cứ lờn vờn. Nhận thấy nếu cứ tiếp diễn như vậy, việc nghe giảng sẽ không ích lợi mấy, nên kẻ ấy đến với giáo viên và hứa không bao giờ vắng mặt, nhưng sẽ dự tất cả khóa học bao lâu còn có được bánh mì và nước lã để sống. Sau khi kẻ ấy hứa, tất cả những ý tưởng đạo đức vô duyên cũng cuốn gói ra đi, và kẻ ấy được yên ổn theo đuổi việc học.

Trong giai đoạn này, kẻ ấy gặp cha Phanxicô Xavier và cha Favre mà kẻ ấy dùng Linh Thao để dẫn đến đời sống phục vụ Thiên Chúa [424].

Trong thời gian học hành này, kẻ ấy không bị tấn công như trước kia. Về việc này, tiến sĩ Frago [425] một hôm nói với kẻ ấy là ông ngạc nhiên thấy kẻ ấy được yên ổn, không bị ai làm phiền. Kẻ ấy đáp : *"Đơn giản là vì tôi không nói chuyện với ai về những điều thuộc về Thiên Chúa, nhưng khi học xong, tôi sẽ bắt đầu lại như trước kia."*

83. Hai người đang nói chuyện với nhau thì có một tu sĩ đến xin tiến sĩ Frago tìm giúp một chỗ trọ, vì chỗ người ấy ở đang có nhiều người chết, người ta cho là do dịch hạch. Đúng là dịch hạch đã bắt đầu hoành hành ở Paris rồi. Tiến sĩ Frago và kẻ hành hương muốn đi xem nhà. Họ dẫn theo một phụ nữ am hiểu vấn đề. Bà này vào nhà và xác nhận đúng là dịch hạch. Kẻ hành hương cũng muốn vào xem người bệnh, vừa an ủi vừa đặt tay vào vết thương của người ấy. Sau khi an ủi và khuyên bảo người bệnh, kẻ ấy ra về một mình. Kẻ ấy bắt đầu cảm thấy đau ở bàn tay, và có cảm tưởng như mình bị dịch hạch. Điều tưởng tượng ấy mạnh đến nỗi không sao xoa đuổi được, cho đến khi kẻ ấy thọc bàn tay vào miệng, xoay qua xoay lại mà nói: *"Đã bị dịch hạch ở tay thì cho bị ở miệng luôn!"* Ngay sau đó, điều tưởng tượng kia và cả việc đau tay nữa cùng biến mất [426].

84. Nhưng khi về lại học viện Sainte-Barbe, nơi kẻ ấy ăn học, những người trong học viện biết là kẻ ấy đã vào nhà người nhiệm dịch hạch, nên chạy trốn và không chịu cho kẻ ấy vào. Kẻ ấy buộc lòng phải ở bên ngoài mấy ngày.

Ở Paris có một thói quen là trong năm thứ ba triết học, muốn nhận bằng *cao đẳng*, phải 'lấy đá' [427] như người ta nói và vì phải trả lệ phí 1 escudo cho việc này, nên nhiều sinh viên nghèo không thực hiện được. Kẻ hành hương phân vân chẳng biết có nên làm không. Thấy mình dùng dằng mãi không xong, kẻ ấy quyết định xin ý kiến giáo viên của mình. Ông này khuyên kẻ ấy là nên, vì thế kẻ ấy lấy. Tuy nhiên, có không ít người phê bình kẻ ấy, ít là một người Tây Ban Nha chỉ trích [428].

Trong thời gian ở Paris này, kẻ ấy bị đau dạ dày [429], cứ hai tuần lại bị đau khoảng một giờ, và bị sốt nữa. Một lần cơn đau kéo dài đến 16 hay 17 giờ. Sau này khi đã hoàn tất chương trình triết học [430], kẻ ấy học mấy năm thần học, và thu nhận các bạn cùng chí hướng [431], nhưng bệnh tình ngày càng nặng hơn. Kẻ ấy đã tìm thầy chạy thuốc khắp nơi, nhưng không có kết quả.

85. Các thầy thuốc xét là không có gì ích lợi cho kẻ ấy hơn khi hậu quê nhà. Các bạn cùng chí hướng cũng khuyên như vậy, mà còn thúc giục nữa.

Ngay từ thời gian ấy, tất cả đã quyết định phải làm gì: đi Venezia và Giêrusalem, để xả thân mưu ích cho các linh hồn. Nếu không được phép ở lại Giêrusalem, họ sẽ trở về Rôma, đến trình diện vị Đại Diện Đức Kitô [432], để ngài sử dụng họ ở đâu ngài xét là sẽ tôn vinh Thiên Chúa hơn và mưu ích cho các linh hồn hơn. Họ cũng sẽ quyết định sẽ chờ tàu thủy ở Venezia một năm. Nếu trong năm ấy không có tàu đi Phương Đông, họ sẽ không bị ràng buộc với lời khấn đi Giêrusalem nữa, và sẽ đến trình diện Đức Giáo Hoàng, v.v...[433]

Cuối cùng, các bạn cùng chí hướng thuyết phục được kẻ hành hương, một phần cũng vì kẻ ấy có thể dàn xếp công việc cho các bạn trong nhóm quê ở Tây Ban Nha. Mọi người đồng ý là sau khi sức khỏe khá hơn, kẻ ấy sẽ đi lo công việc cho các bạn, rồi đến Venezia chờ các bạn [434].

86. Đó là năm 1535, mà theo chương trình, các bạn cùng chí hướng sẽ lên đường năm 1537, vào lễ Thánh Phaolô Trở Lại [435]. Nhưng vì chiến tranh bùng nổ, họ lên đường vào tháng 11 năm 1536 [436].

Sắp lên đường thì kẻ hành hương được tin mình đã bị tố cáo với vị thanh tra giáo lý và một phiên tòa sắp được mở ra để kết án [437]. Nghe vậy, mặc dầu chưa bị triệu tập, kẻ ấy tự mình đến gặp vị thanh tra và nói với vị ấy về điều mình nghe được, rồi thêm là mình sắp đi Tây Ban Nha và mình có các bạn cùng chí hướng. Vì thế kẻ ấy xin được xét xử [438]. Vị thanh tra [439] xác nhận là có người tố cáo, nhưng vị ấy thấy chẳng có gì quan trọng. Vị ấy chỉ muốn xem tập Linh Thao. Sau khi đọc, vị ấy ca ngợi lắm và xin kẻ hành hương cho mình một bản. Điều này đã được thực hiện. Tuy nhiên, kẻ ấy lại xin tiến hành xét xử, để có bản án. Vì vị thanh tra từ chối, kẻ ấy đi mời một viên kiểm sát và các nhân chứng đến gặp vị ấy, và viên kiểm sát lập biên bản về toàn bộ sự việc [440].

87. Sau việc đó, kẻ ấy cỡi một con ngựa nhỏ mà các bạn cùng chí hướng đã mua cho, và một mình lên đường về quê [441]. Trên đường, kẻ ấy cảm thấy sức khỏe khá hơn. Về đến Tinh [442] kẻ ấy bỏ đường lớn, theo đường núi, vì ít người qua lại hơn [443]. Đi được một quãng ngắn, kẻ ấy thấy có hai người mang vũ khí tiến lại phía mình. (Con đường này nổi tiếng về những vụ ám sát). Sau khi đã đi quá, họ quay lại đuổi theo kẻ ấy, nên kẻ ấy chột dạ. Tuy nhiên, kẻ ấy hỏi họ, và được biết họ là người giúp việc của anh kẻ ấy, và ông anh gọi họ đi đón kẻ ấy. Hình như lúc kẻ ấy đến Bayonne [444], bên Pháp, có người đã nhận ra kẻ ấy [445]. Thế là hai người giúp việc đi trước dẫn đường, kẻ ấy theo sau, vẫn trên con đường cũ. Trước khi đặt chân vào phần lãnh địa của gia đình, kẻ ấy gặp lại họ. Họ một

mục này ni kể ấy theo họ về nhà người anh, nhưng họ không lay chuyển được kể ấy. Kể ấy đến trọ tại nhà tế bần ^[446], và vào giờ thích hợp thì đi xin ăn trong vùng lân cận.

88. Tại nhà tế bần, kể ấy bắt đầu nói những điều về Thiên Chúa cho nhiều người đến thăm, và nhờ ơn Chúa, nhiều hoa trái đã trở sinh. Vừa đến nơi, kể ấy quyết định mỗi ngày dạy giáo lý cho trẻ em. Anh của kể ấy phản đối: chẳng ai thèm đến đâu! Nhưng ngay từ đầu, có nhiều người đến nghe, kể cả người anh [447]. Ngoài giáo lý, kể ấy còn giảng, vào các Chúa Nhật và ngày lễ, để giúp những người phải đi bộ mấy dặm đến để nghe [448].

Kể ấy cũng cố gắng xóa bỏ một số lạm dụng, và nhờ ơn Chúa giúp, đã sửa chữa được điều này điều kia. Thí dụ về nạn bài bạc [449], kể ấy thuyết phục được người phụ trách tư pháp ra lệnh cấm và có những biện pháp để thi hành luật. Có một lạm dụng khác là các cô gái trong vùng luôn luôn để đầu trần, và chỉ đội khăn khi đã kết hôn. Nhưng có nhiều phụ nữ làm nhân tình của các linh mục hay những người khác, và trung thành với những người đàn ông ấy như thể là vợ họ. Vì thế, thường có những cô nhân tình chẳng xấu hổ chi hết khi mình đội khăn vì người này người kia, mà thiên hạ ai cũng biết rõ hết.

89. Thói quen ấy sinh ra lắm thứ tội. Kể hành hương thuyết phục nhà hữu trách ra luật sẽ phạt như tội hình sự tất cả những người đội khăn vì ai đó không phải là chồng mình [450]. Thế là lạm dụng này bắt đầu bị xóa bỏ. Đối với người nghèo, kể ấy vận động để có một qui định công quỹ cấp phát đều đặn cho họ những điều cần thiết. Kể ấy cũng can thiệp để người ta ấn định mỗi ngày đổ chuông ba lần, sáng, trưa và tối, để mọi người đọc kinh Truyền Tin như tại Rôma [451].

Mặc dầu lúc đầu khỏe mạnh, sau đó kể ấy ngã bệnh nặng. Khi bình phục, kể ấy quyết định lên đường để làm những công việc các bạn cùng chí hướng đã nhờ [452]. Kể ấy cũng quyết định lên đường mà không mang theo đồng nào trong mình. Anh của kể ấy rất bất bình vì quyết định này, lại thêm xấu hổ vì kể ấy đi bộ. Tối đến, kể hành hương đồng ý như sau: sẽ cỡi ngựa cùng với người anh và người nhà cho đến ranh giới tỉnh.

90. Ra khỏi ranh giới tỉnh, kể ấy xuống ngựa, không đem theo gì, hướng về Pamplona [453], rồi đi Almazan [454], quê của cha Láinez rồi đi Siguenza [455] và Toledo [456]; rồi từ Toledo đi Valencia [457]. Tại quê của các bạn cùng chí hướng, kể ấy không nhận gì, mặc dầu được cho rất nhiều, mà người ta còn năn nỉ nữa [458].

Tại Valencia, kể ấy gặp được Castro, đan sĩ dòng Xitô [459]. Kể ấy muốn đáp tàu đi Genova [460], nhưng bạn bè xin đừng đi, vì họ nói tên Râu Đỏ đang ở trên biển cùng với nhiều tàu chiến...[461] Mặc dầu họ nói đủ điều để làm cho kể ấy sợ, nhưng không gì làm cho kể ấy thay đổi ý định.

91. Kể ấy xuống một chiếc tàu lớn và gặp bão lớn như đã kể trước đây, khi nói về ba lần chết hụt [462].

Đến Genova [463], kể ấy lên đường đi Bologna [464]. Trên đường, kể ấy khổ cực trăm bề, nhất là có lần bị lạc và phải đi bộ dọc theo bờ sông. Nước chảy mãi dưới sâu, đường đi tít trên cao. Càng đi xa, đường càng hẹp, hẹp đến nỗi tiến không được mà lùi cũng không được. Kể ấy bắt đầu phải bò, và tiến được khá xa, nhưng rất sợ, vì hề nhúc nhích là thấy như sắp lặn tòm xuống sông. Chưa bao giờ kể ấy gặp khó khăn phần xác và phải gắng sức đến như vậy. Nhưng cuối cùng cũng thoát nạn. Ngay cửa ngõ Bologna, lúc đi qua một chiếc cầu gỗ nhỏ, kể ấy ngã xuống nước. Đứng lên được thì người ướt nhem và dính đầy bùn, làm cho những người gần đó phá ra cười. Vào Bologna, kể ấy đi xin bố thí, nhưng không được một xu nào, mặc dầu đã đi khắp nơi [465]. Kể ấy ở lại Bologna ít lâu vì ốm đau, rồi đi Venezia, vẫn theo cách ấy [466].

92. Trong thời gian ở Venezia [467], kẻ ấy hướng dẫn Linh Thao và nói chuyện về đời sống thiêng liêng. Đặc biệt kẻ ấy hướng dẫn Linh Thao cho một số người có tiếng như cha Pietro Contarini [468], cha Gasparo de Dotti [469], một người Tây Ban Nha tên là Rozas [470] Cũng có một người Tây Ban Nha nữa là cha Hoces, liên hệ nhiều với kẻ hành hương [471], và cả với vị giám mục Cette nữa [472]. Mặc dầu cha ấy cũng mong tập Linh Thao, nhưng chẳng khởi sự làm chi hết [473]. Cuối cùng, cha ấy quyết định bắt đầu tập, và được 3 hay 4 ngày, cha ấy mới bộc lộ tâm tình với kẻ hành hương: cha ấy sợ là trong Linh Thao sẽ được dạy một giáo thuyết sai lạc, như cha ấy nghe có người nói. Vì thế, cha ấy đã đem theo một số sách để có thể tham khảo, nếu bị lừa gạt. Cha ấy được lợi ích rất nhiều nhờ Linh Thao, và cuối cùng quyết định theo cách sống của kẻ hành hương. Chính cha ấy là người qua đời trước nhất [474].

93. Ở Venezia, kẻ hành hương lại bị tấn công lần nữa, vì nhiều người kẻ là người ta đã đốt hình nộm của kẻ ấy ở Tây Ban Nha và ở Paris [475]. Vụ này đi xa đến nỗi người ta mở một phiên tòa để xét xử, nhưng kết quả là kẻ ấy đã thắng.

Chín người bạn cùng chí hướng đến Venezia đầu năm 1537 [476]. Họ chia nhau đến phục vụ trong các nhà tế bần [477]. Sau hai hay ba tháng, họ đi Rôma để xin Đức Thánh Cha ban phép lành cho chuyến đi Giêrusalem [478]. Kẻ hành hương không đi, vì ngại gặp tiến sĩ Ortiz và cả vị hồng y Thêatinô [479]. Các bạn cùng chí hướng từ Rôma trở về [480], mang theo một tín phiếu trị giá khoảng 200 đến 300 escudos là của bố thí để đi Giêrusalem. Họ chỉ nhận tín phiếu [481]. Sau đó, vì không đi Giêrusalem được, họ gửi trả lại những người đã cho.

Đi thế nào, các bạn cùng chí hướng về lại Venezia như vậy, nghĩa là đi bộ và xin ăn, nhưng chia thành ba toán, mỗi toán có những người thuộc các quốc tịch khác nhau. Tại Venezia, ai chưa làm linh mục thì được phong chức [482], và vị sứ thần, sau này là hồng y Veralla, ban các năng quyền [483]. Họ thụ phong với tư cách thanh bần [484], và mỗi người khấn thanh bần và khiết tịnh [485].

IV

NHẬN SỬ MẠNG TỪ VỊ ĐẠI DIỆN ĐỨC KITÔ

94. Năm ấy không có tàu đi Phương Đông, vì Venezia và Thổ Nhĩ Kỳ đoạn giao [486]. Thấy rằng khả năng đi còn xa, họ phân tán trong vùng Venezia để chờ đợi một năm như đã định trước, và nếu một năm sau mà không có tàu thì họ sẽ đi Rôma [487].

Kẻ hành hương cùng với Favre và Láinez đi Vicenza [488]. Tại đó, họ tìm được một căn nhà ở ngoài thành phố, không có cửa ra vào cũng không có cửa sổ [489]. Họ ở đó và ngủ trên ít rom họ đem vào. Mỗi ngày hai người vào trong thành phố xin ăn hai lần, nhưng được rất ít, nên chỉ sống cầm hơi. Thường thì họ ăn một chút bánh mì nướng, khi có; ai ở nhà thì lo nướng bánh. Họ sống 40 ngày như vậy, chẳng làm gì khác ngoài cầu nguyện.

95. Sau 40 ngày, cha Jean Codure tới, và bốn người quyết định bắt đầu giảng. Bốn người đến bốn quảng trường của thành phố, và vào cùng ngày cùng giờ, họ kêu gọi lớn tiếng và dùng mũ để mời người ta tập hợp lại nghe giảng. Những bài giảng đó làm đề tài cho người ta chuyện trò với nhau trong thành phố, nhiều người xúc động với lòng sốt sắng và cung cấp cho họ tất cả những điều họ cần về vật chất.

Trong thời gian ở Vicenza, trái với thời gian ở Paris, kẻ hành hương có nhiều thị kiến thiêng liêng, còn các an ủi thì vừa nhiều vừa nối tiếp nhau. Trong các chuyến đi, nhất là ở Venezia, khi chuẩn bị thụ phong linh mục và khi chuẩn bị dâng lễ, kẻ ấy có nhiều cuộc thăm viếng siêu nhiên tương tự như thường có khi kẻ ấy ở Manresa.

Khi còn ở Vicenza, kẻ ấy được tin một người bạn cùng chí hướng [490] bị bệnh nặng gần chết ở Bassano [491]. Ngay lúc ấy, chính kẻ ấy cũng đang bị sốt. Bất chấp, kẻ ấy lên đường và đi nhanh đến nỗi người cùng đi là Favre không theo kịp. Trong chuyến đi ấy, kẻ ấy được Thiên Chúa bảo đảm, và kẻ ấy kể cho Favre biết, người bạn cùng chí hướng ấy không chết vì cơn bệnh đó. Quả thật khi hai người đến Bassano, người bệnh rất vui và hồi phục nhanh chóng.

Sau đó, họ quay về Vicenza: cả 10 người ở lại đó trong một thời gian, một số đi xin ăn trong các làng quanh Vicenza [492].

96. Họ đã quyết định sau một năm mà không có tàu, họ sẽ đi Rôma, cả kẻ hành hương nữa, vì trong chuyến trước, hai nhân vật kẻ ấy sợ lại tỏ ra ưu ái các bạn cùng chí hướng.

Họ chia thành ba hay bốn toán đi Rôma [493] Kẻ hành hương cùng đi với Favre và Láinez. Trong chuyến đi, kẻ ấy được Thiên Chúa viếng thăm rất đặc biệt. Sau khi thụ phong, kẻ ấy đã quyết định chưa dâng lễ trong vòng một năm, để dọn mình và khẩn xin Đức Mẹ thương đặt mình với Con của Mẹ. Và một hôm, kẻ ấy đang cầu nguyện trong một nhà thờ, cách mấy dặm nữa thì đến Rôma, kẻ ấy cảm thấy một sự biến đổi trong tâm hồn và thấy rõ Thiên Chúa Cha đặt mình với Đức Kitô là Con của Người, đến nỗi kẻ ấy không bao giờ dám nghi ngờ việc Thiên Chúa Cha đã đặt mình với Con của Người.

Tôi, người viết chuyên này [494], đã nói với kẻ hành hương, khi nghe Cha kể, rằng cha Láinez đã kể chuyên này với những chi tiết khác. Cha trả lời rằng tất cả những gì cha Láinez kể đều đúng, vì chính Cha không nhớ các chi tiết. Trong lúc kể chuyện, Cha biết chắc Cha chỉ kể sự thật. Về một số vấn đề khác, Cha cũng nói như vậy [495].

97. Trên đường vào Rôma, kẻ ấy nói với các bạn cùng chí hướng là mình thấy các cửa sổ đều đóng kín, nghĩa là họ sẽ gặp nhiều trở lực. Kẻ ấy cũng nói: "*Chúng ta phải luôn luôn cảnh giác, chỉ nên giao tiếp với những phụ nữ nổi tiếng thôi.*" Về điều này, sau đó ở Rôma, cha Phanxicô (Xavier) giải tội cho một phụ nữ, và thỉnh thoảng gặp gỡ để nói chuyện về đời sống thiêng liêng. Sau đó, phụ nữ ấy có thai. May là Chúa thương cho người ta khám phá ra kẻ làm bậy. Chuyện tương tự cũng xảy đến cho cha Jean Codure với một trong các cô gái là con thiêng liêng: cô này bị bắt gặp cùng với một người đàn ông [496].

98. Từ Rôma, kẻ hành hương đến Monte-Cassino hướng dẫn tiến sĩ Ortiz tập Linh Thao [497]. Kẻ ấy ở đó 40 ngày và trong thời kỳ ấy có lần thấy cha Hocés lên trời. Nước mắt trào ra, kẻ ấy được an ủi thiêng liêng rất nhiều [498]. Kẻ ấy thấy rõ ràng đến nỗi nếu nói ngược lại sợ là mình nói dối. Từ Monte-Cassino về, kẻ ấy đem theo Francisco Estrada [499]. Về lại Rôma, kẻ ấy vẫn giúp đỡ các linh hồn và vẫn ở vườn nho [500]. Kẻ ấy hướng dẫn Linh Thao cho nhiều người cùng một lúc, người thì ở gần nhà thờ Đức Bà Cả, người thì ở gần Ponte Sisto [501]. Rồi các đợt tấn công bắt đầu [502]. Miguel mở đầu bằng việc nói xấu kẻ hành hương, và kẻ ấy bị triệu tập đến gặp vị Tổng Đốc [503]. Trước hết kẻ hành hương cho vị Tổng Đốc xem một lá thư chính Miguel đã viết, trong đó anh ta ca ngợi kẻ ấy hết lời. Vị Tổng Đốc thăm vấn Miguel và kết cục là anh ta bị trục xuất khỏi Rôma.

Rồi Mudarra và Barreda ra tay: họ rêu rao kẻ hành hương và các bạn cùng chí hướng đã bị trục xuất khỏi Tây Ban Nha, Paris rồi Venezia [504]. Cuối cùng, cả hai thú nhận trước mặt vị Tổng Đốc và vị đại diện Đức Thánh Cha là không có gì đáng trách nơi kẻ hành hương và các bạn cùng chí hướng, cả trong cách

sống cũng như trong lời giảng dạy. Vị đại diện yêu cầu bỏ qua toàn thể sự việc, nhưng kẻ hành hương không đồng ý, đòi phải có phán quyết dứt khoát. Chẳng những vị đại diện và vị Tổng Đốc, mà cả những người ngay từ đầu vẫn bên vực kẻ ấy, đều không muốn như vậy. Cuối cùng, Đức Thánh Cha về Rôma sau mấy tháng vắng mặt [505]. Kẻ hành hương gặp ngài ở Frascati [506] để trình bày sự việc. Được biết rõ đầu đuôi, Đức Giáo Hoàng ra lệnh phải có phán quyết bên vực kẻ ấy. [507] Kẻ hành hương và các bạn cùng chí hướng đã giúp đỡ để khởi sự tại Rôma vài ba công cuộc từ thiện, thí dụ nhà cho các dự tòng, nhà Thánh Martha, nhà cô nhi. Cha Nadal có thể kể phần còn lại [508].

PHỤ LỤC

99. Sau khi Cha ngừng kể, vào ngày 20 tháng 10, tôi hỏi Cha về Linh Thao và Hiến Chương [509], vì muốn biết Cha đã viết thế nào. Cha cho tôi biết là đã không soạn toàn bộ Linh Thao ngay một lúc, nhưng khi nhận ra những diễn biến trong tâm hồn mình, và thấy là có thể giúp người khác, thì Cha ghi lại, thí dụ việc xét mình theo hàng kẻ. [510] Cha nói với tôi là đặc biệt giữa các cách lựa chọn đã được rút ra từ sự khác biệt giữa các tác nhân và các ý tưởng mà Cha đã nhận ra tại Loyola, lúc còn đau chân [511]. Còn về Hiến Chương, Cha bảo là tối hôm ấy sẽ nói.

Vẫn hôm ấy, trước bữa tối, Cha gọi tôi và tỏ ra trầm ngâm hơn thường lệ. Cha làm như thể ra một tuyên ngôn cho tôi, cơ bản là cho tôi biết Cha thành thật trong tất cả những gì đã kể, chắc chắn không cường điệu chút nào, và từ khi bắt đầu phục vụ Chúa, Cha đã nhiều lần xúc phạm đến Chúa, nhưng chưa bao giờ chiều theo một tội trọng nào. Hơn nữa lòng sốt sắng của Cha, tức là việc Cha dễ dàng gặp được Chúa, càng ngày càng gia tăng, hiện nay hơn bất cứ lúc nào khác trong suốt cả đời. Bất cứ lúc nào muốn gặp Chúa, Cha đều gặp được [512]. Ngay cả hiện giờ, Cha vẫn có nhiều thị kiến như đã nói trên, tức là Cha thấy Đức Kitô như mặt trời [513]. Điều này thường diễn ra khi Cha đề cập những điều quan trọng, và các thị kiến ấy xuất hiện để xác chuẩn [514].

100. Khi dâng lễ, Cha cũng có nhiều thị kiến. Khi Cha soạn Hiến Chương, Cha cũng rất thường có thị kiến. Điều này Cha có thể chứng minh rất dễ dàng vì mỗi ngày Cha đều ghi chép những điều diễn ra trong tâm hồn, và Cha đã ghi chép mọi sự. Rồi Cha cho tôi xem một đồng rất lớn giấy tờ Cha đã ghi chép, và Cha đọc cho tôi nghe khá nhiều, hầu hết là những thị kiến xác chuẩn một số điểm trong Hiến Chương. Đôi khi Cha thấy Thiên Chúa Cha, những lần khác Cha thấy Ba Ngôi Thiên Chúa, những lần khác nữa lại thấy Đức Mẹ lúc thì chuyển cầu cho Cha, lúc thì xác chuẩn cho Cha.

Cha đặc biệt nói với tôi về một số điểm Cha dừng lại nhận định trong 40 ngày : mỗi sáng dâng thánh lễ, và lần nào cũng chảy nước mắt. Đó chính là việc các nhà thờ có lợi tức không và Dòng có được thụ hưởng không.

101. Cách Cha tiến hành khi soạn Hiến Chương là mỗi ngày dâng lễ, trình lên Thiên Chúa điểm Cha đang đề cập, rồi cầu nguyện về điểm ấy. Và luôn luôn Cha chảy nước mắt khi cầu nguyện và dâng lễ.

Tôi mong được xem tất cả giấy tờ ấy về Hiến Chương, và tôi xin Cha cho tôi đọc ít lâu, nhưng Cha không cho [515].

THAM KHẢO:

1. Autobiografia de San Ignacio de Loyola, bản tiếng Tây Ban Nha và tiếng Ý, cùng với giới thiệu và chú thích, của Victoriano Larranaga, S.J; trong Obras completas de S. Ignacio de Loyola, Tomo I, Biblioteca de Autores Cristianos, Madrid MCMXLVII.
2. Le récit du Pèlerin, Autobiographie de Saint Ignace de Loyola, bản dịch tiếng Pháp, cùng với giới thiệu và chú thích của A. Thiry, S.J; Desclée de Bouver 1956.
3. Trên Đường Tìm Chúa (Hồi Ký của thánh I-nhã Loyola), bản dịch tiếng Việt Nam, cùng với giới thiệu và chú thích, của Hoàng Văn Lục, S.J; Nhà Tĩnh Tâm Thánh I-nhã, TPHCM 1976.
4. A Pilgrims Journey, The Autobiography of Ignatius of Loyola, bản dịch tiếng Anh, cùng với giới thiệu và chú thích, của Joseph N. Tylanda, S.J; Michael Galpier 1985.
5. Saint Ignace de Loyola, Récit, bản dịch tiếng Pháp của A. Lauras, chú thích của J.C. Dhôtel, trong Ecrits, traduits et présentés sous la direction de Maurice Giuliani, S.J; Collection Christus n. 76, Desclée de Bouver 1991.
6. Réminiscences or Autobiography of Ignatius of Loyola, bản dịch tiếng Anh, cùng với giới thiệu và chú thích, của A. Munitis và Philip Endean, trong Personal Writings, Penguin Books 1996.
7. El peregrino, Autobiografia de San Ignacio de Loyola, bản gốc tiếng Tây Ban Nha và tiếng Ý, Josep M. Rambla Blanch, S.J., dẫn nhập, chú thích và bình giảng, Mensajero - Sal Terrae 1998.

[1] Cha L. G. da Câmara gọi thánh I-nhã là Cha (viết hoa).

[2] Thí dụ ở *Lời nói đầu*, số 2, có vẻ cha ấy nói thánh I-nhã bắt đầu kể vào tháng 9 năm 1553, trong khi ở số 2 bản *Hồi Ký* lại nói là đã bắt đầu từ tháng 8. Cũng vậy, số 5 của *Lời nói đầu* cho biết cha ấy gặp thánh I-nhã lần cuối vào hôm trước ngày rời Rôma, tức là ngày 22. 10.1555, trong khi số 99 bản *Hồi Ký* lại cho là ngày 20.

[3] Về cha này, trong thư ngày 21.5.1547, cha Polanco cho biết: "Tôi chắc chắn là cha I-nhã thương anh ấy với lòng triu mến vượt trên mức bình thường đối với mọi người nói chung và cả cách đặc biệt đối với anh em trong Dòng Tên."

[4] Vì sổ Rửa Tội của giáo xứ Azpeitia bị thiêu hủy trong một cuộc hỏa hoạn, nên chúng ta không biết chính xác ngày sinh của ngài. Ở số 1, thánh I-nhã nói ngài 26 tuổi khi xảy ra sự kiện Pamplona năm 1521, tức là ngài phải sinh năm 1495. Ở số 30, ngài lại nói vào năm 1555, ngài 62 tuổi, tức là ngài phải sinh năm 1493. Thực ra, theo lời chứng của bà vú nuôi ngài, và theo những tài liệu mới khám phá gần đây, chúng ta chắc được là ngài sinh năm 1491, mặc dầu không biết chính xác ngày và tháng.

[5] Nghi thức gia nhập hàng giáo sĩ thời xưa: cắt phần tóc trên đỉnh đầu. Đây không phải là chức thánh và Hội Thánh đã bỏ từ Công Đồng Vaticanô II.

[6] Sau này, khi xin phép Đức Thánh Cha đi hành hương Giêrusalem, thánh I-nhã khai mình là *giáo sĩ giáo phận Pamplona*. Có lẽ việc ngài chịu chức cắt tóc là có thật, nhưng sau đó ngài không ăn mặc và xử sự như một giáo sĩ. Dầu vậy, không hiểu vì sao trong danh sách của giáo phận Pamplona không có tên ngài.

[7] Tiếng Ý là *Compania di Gesu*.

[8] *Primi patres*: từ để chỉ thánh I-nhã và các bạn cùng chí hướng đã quyết định lập Dòng Tên.

[9] Hiện số thư của ngài còn giữ được lên đến 6815 lá.

[10] Cha Jeronimo Nadal sinh năm 1507 tại đảo Mallorca, nước Tây Ban Nha, gia nhập Dòng Tên tại Rôma năm 1545. Năm 1552, cha được thánh I-nhã cử đi công bố Hiến Chương Dòng Tên (giải thích và giải đáp thắc mắc) ở đảo Sicilia, rồi ở Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha. Năm 1554, cha được thánh I-nhã đặt làm Tổng Đại Diện. Sau khi thánh I-nhã qua đời, năm 1556, cha Nadal sống nhiều năm tại Rôma, được cử đi kinh lược nhiều tỉnh dòng. Cha được coi là người am hiểu hạng nhất về thánh I-nhã và về linh đạo Dòng Tên. Cha qua đời tại Rôma năm 1580. Giữa *Lời nói đầu* của cha L.G. da Câmara và *Lời nói đầu* của cha J. Nadal có một vài điều về thời gian không khớp với nhau. Có lẽ cha L. G. da Câmara là người trong cuộc, và ghi chép liền sau sự việc, nên chính xác hơn.

[11] Dòng Tên được Đức Thánh Cha Phaolô III phê chuẩn ngày 27.9.1540; Linh Thao cũng được ngài phê chuẩn ngày 31.7.1548. Hiến Chương Dòng Tên được thánh I-nhã cơ bản soạn xong năm 1550, nhưng đến năm 1558, tức là sau khi thánh I-nhã qua đời, mới được Đại Hội I của Dòng Tên phê chuẩn.

[12] Ý hướng rất rõ: ngoài những văn kiện chính thức được Hội Thánh phê chuẩn, như Định Thức Thể Chế, Linh Thao, Hiến Chương, cha Nadal thay mặt cho anh em bày tỏ ước nguyện có được một bản di chúc dưới dạng bản tường thuật những kinh nghiệm thiêng liêng của chính thánh I-nhã, trong cương vị của người được Thiên Chúa dùng để sáng lập Dòng Tên.

[13] Không chính xác, vì suốt năm 1551, cha Nadal ở đảo Sicilia, không gặp thánh I-nhã.

[14] Ngài đánh trống làng!

[15] Juan Alfonso Polanco

[16] Ponce Cogordan

[17] Chắc cha Nadal nhớ lộn: thánh I-nhã đã khởi sự từ tháng 8 hay tháng 9 năm 1553.

[18] Đại Hội I Dòng Tên năm 1558.

[19] Chính cha L.G. da Câmara cho biết tập *Hồi Ký* của thánh I-nhã được chép xong tại Genova, miền bắc nước Ý, trong tháng 12 năm 1555. Có thể ngay sau đó ngài viết *Lời nói đầu* này, trước khi thánh I-nhã qua đời ngày 31.7.1556, vì (1) không thấy tác giả nhắc đến sự kiện quan trọng ấy; (2) các động từ của *Lời nói đầu* này được dùng ở thì hiện tại.

[20] Lễ này được bãi bỏ sau Công Đồng Vaticanô II.

[21] Trong suốt lời nói đầu này, cha L.G. da Camâra dùng từ Cha, viết hoa, để chỉ thánh I-nhã.

[22] Trong năm thánh 1550-1551, thánh Phanxicô Borja, lúc ấy đã vào Dòng Tên rồi, nhưng còn giữ kín, nên người ta vẫn gọi là Công Tước xứ Gandía, đến Rôma hành hương và để gặp thánh I-nhã. Trong thời gian ấy, thánh nhân lưu trú tại một căn nhà trong khuôn viên Dòng Tên ở Rôma. Từ đó, người ta quen gọi căn nhà ấy là *nhà của công tước*.

[23] Hành hương Giêrusalem là một việc chỉ những người đạo đức lắm mới làm; thánh I-nhã sợ người ta sẽ coi mình là người đạo đức, và như vậy là rơi vào hư danh.

[24] Thánh I-nhã được tiếng là nhà linh hướng đại tài.

[25] Từ năm 1552, hai người sát cánh với thánh I-nhã nhất lúc ấy là cha Juan de Polanco và cha Jeronimo Nadal đã tha thiết xin ngài kể lại Thiên Chúa đã dẫn đưa ngài thế nào kể từ những ngày đầu tiên, để làm như một bản di chúc cho anh em trong Dòng Tên. Lúc ấy việc soạn thảo Hiến Chương Dòng Tên đã kể như xong, nên ngài không quá bận rộn, mà sức khỏe ngài suy yếu nhiều, hai cha sợ ngài sẽ không sống được lâu nữa.

[26] Thánh I-nhã thường rất ngại kể chuyện về mình.

[27] Thấy điều mình kể giúp ích thiêng liêng cho cha L.G. da Camâra, có lẽ thánh I-nhã nghĩ những điều ngài kể có thể sẽ giúp ích thiêng liêng cho người khác nữa.

[28] Những điều này không được cha L.G. da Camâra giữ lại trong tập *Hồi Ký*, một phần có thể vì sợ gương xấu, nhưng lý do chính có thể là không thuộc lãnh vực *Thiên Chúa đã làm cho thánh I-nhã* để Dòng Tên coi là *di chúc và giáo huấn*.

[29] Bản văn cha L.G. da Camâra ghi lại do thánh I-nhã kể trong ba đợt: (1) trong tháng 9 năm 1553; (2) trong tháng 3 năm 1555; (3) trong tháng 9 và tháng 10 năm 1555. Hai đợt trước được chép lại ở Rôma bằng tiếng Tây Ban Nha; đợt thứ ba được chép lại ở Genova bằng tiếng Ý. Mỗi đợt cha L.G. da Camâra đọc cho một người chép tay, do đó xem nét chữ có thể nhận ra được chỗ thay người chép. Tuy nhiên, bản gốc đã thất lạc, hiện chúng ta chỉ có những bản sao chép tay. Do đó khó thấy được chính xác chỗ thay người chép.

[30] Nên nhớ lại câu nói của cha Nadal, người biết rõ cha L. G. da Camâra: "*trí nhớ tuyệt vời*".

[31] Có thể dịch nguyên văn là *sáng lập Dòng*. Trong cái nhìn của cha Nadal, những điều thánh I-nhã kể sẽ là cơ sở để hiểu sâu xa và chính xác các văn kiện chính thức thiết lập Dòng Tên như Định Thức Thể Chế, Hiến Chương và cả Linh Thao nữa.

[32] Học viện Rôma, nay là Đại Học Grêgôriana.

[33] Tức là việc Dòng Tên được Đức Thánh Cha ủy thác việc gửi một Thượng Phụ sang Êtiôpi.

[34] Thánh I-nhã thường xuyên viết và gửi thư, đặc biệt cho các anh em Dòng Tên khắp nơi.

[35] Năm 1555.

[36] Tên ngôi nhà mới mua, ngay sát trụ sở Dòng.

[37] Theo các *Qui Tắc về Doan Trang* do thánh I-nhã soạn, khi nói chuyện, không được nhìn thẳng vào mặt người khác.

[38] Thật ra lúc ấy thánh I-nhã 30 tuổi.

[39] Khi thuật lại Hồi Ký này cho cha Luis G. da Câmara, thánh I-nhã kín đáo dùng đại từ ngôi thứ ba số ít để nói về chính mình. Ở đây chúng tôi dùng từ *kể ấy*.

[40] Đôi khi có người nghĩ thánh I-nhã từng là một *quân nhân*, một *sĩ quan*, thậm chí là *đại úy*. Thực ra, ngài chưa hề tham gia quân đội bao giờ. Suốt đời ngài không hề cầm súng bao giờ, kể cả lần ở Pamplona ngài sắp kê. Ham mê võ nghệ của ngài chẳng qua là thích mang gươm và dùng gươm, một phần như trang phục bình thường của hiệp sĩ, để làm việc nghĩa hiệp hay để tự vệ, nhưng mặt khác cũng để biểu diễn hay thị uy lấy tiếng. Trong gia đình Loyola, người ta cho rằng có ba con đường tiến thân: Hội Thánh, hàng hải và triều đình. Hình như cha của thánh I-nhã muốn chọn cho ngài con đường thứ nhất, nhưng chính ngài đã chọn con đường thứ ba.

[41] Ngài cho cha L. G. da Câmara biết là lúc mới hoán cải, ngài phải mất hai năm mới khắc phục được tính ham danh.

[42] Pháo đài ở thành phố Pamplona, thủ phủ tỉnh Navarra ở đông bắc Tây Ban Nha hiện nay. Cho đến thế kỷ XVI, Navarra còn là một vương quốc độc lập của dân Basco, miêng mỗi tranh chấp liên miên giữa Pháp và Tây Ban Nha. Năm 1512, vua Fernando của Aragón (Tây Ban Nha) chiếm đóng Navarra, và năm 1515 sáp nhập Tây Ban Nha, khiến vua Jean d'Albret phải chạy sang cầu cứu nước Pháp. Mùa xuân năm 1521, lợi dụng lúc quân Tây Ban Nha phải rút khỏi Navarra để đi dẹp loạn ở Castilla, vua Francois I gọi 12 ngàn quân Pháp, cùng với 26 cỗ đại pháo, do công tước André de Foix chỉ huy, đưa vua Henri, con của vua Jean d'Albret, về lại Pamplona. Viên phó vương Manrique vội vã rời Pamplona, vừa để giữ lấy mạng, vừa để xin tiếp viện. Viên chỉ huy trưởng Tây Ban Nha là Pedro de Beaumont cho rút toàn bộ số quân hơn 1000 tay súng khỏi thành phố. Cùng bỏ chạy với đoàn quân có cả vị giám mục và những người Navarra trung thành với triều đình Tây Ban Nha. Trong pháo đài chỉ còn một toán hiệp sĩ. Ngày 18.5.1521, dân Pamplona mở cửa thành đón vua Henri và quân Pháp. (Trong đoàn quân này cũng có những người Navarra trung thành với vua Henri, đặc biệt có hai anh Miguel và Juan của thánh Phanxicô Xavier). Lúc này, toán viện binh từ Guipuzcoa, do anh của thánh I-nhã là ông Martin chỉ huy, mới đến. Từ khi đến giúp việc cho phó vương xứ Navarra, Pamplona là nhiệm sở của thánh I-nhã. Trong dịp này, chúng ta không biết rõ ngài đã ở sẵn tại đó hay mới ở đâu về. Chúng ta cũng không biết chắc nếu ở nơi khác về thì do lệnh trên hay tự ý. Chỉ biết sau khi Pamplona thất thủ, ngài không bị phạt, và sau khi Tây Ban Nha tái chiếm Pamplona vào tháng 6, ngài không được thưởng chi hết. Hai anh em ngài gặp nhau ở ngoại ô Pamplona. Không được dân Pamplona chấp nhận, và cũng vì không còn hi vọng cứu vãn tình thế, ông Martin rút quân. Thánh I-nhã chia tay người anh, cùng với mấy hiệp sĩ khác phóng ngựa vào pháo đài.

[43] Người chỉ huy pháo đài lúc ấy là Miguel de Herrera.

[44] Thánh I-nhã có tài thuyết phục. Trước đó, trong tháng 4, ngài đã thay mặt phó vương thương lượng với những người nổi loạn ở tỉnh Guipuzcoa: hòa bình được vẫn hồi mà không cần dùng đến súng đạn. Sau này, ngài vẫn có tài thuyết phục người khác.

[45] Ngày 19.5.1521, lễ Chúa Thánh Thần Hiện Xuống, viên chỉ huy pháo đài dẫn theo ba người khác, trong đó có thánh I-nhã, đi thương lượng với quân Pháp. Công tước André de Foix buộc toán hiệp sĩ trong pháo đài phải đầu hàng, nếu không thì hôm sau sẽ bị tấn công. Thánh I-nhã cho việc đầu hàng là nhục nhã, nên không chấp nhận. Do đó, ngài biết trước là ngày thứ hai 20.5.1521, pháo đài sẽ bị quân Pháp tấn công.

[46] Theo thói quen thời Trung Cổ, khi không có linh mục: dĩ nhiên không có giá trị bí tích. Ở đây chúng ta thấy được hai điều quan trọng. Trước hết, thánh I-nhã cảm chắc cái chết, vì so với đạo quân hùng hậu của Pháp đang bao vây bên ngoài, toán người bên trong chỉ như trúng chọi đá. Sau nữa, thánh I-nhã mặc dầu sống phần nào bừa bãi, nhưng vẫn giữ đức tin và có lòng đạo. Xưng thú tội với người khác, nhất là với một người không phải là linh mục, diễn tả thái độ và bước đầu tiến đến một cuộc thanh luyện sâu xa.

[47] Cuộc tấn công xảy ra ngày 20.5.1521. Thánh I-nhã bị thương khi nào và do đạn gì? Chúng ta biết là pháo đài đầu hàng ngày 24. Khởi đầu, quân Pháp bắn súng nhỏ vào pháo đài, chỉ ngày 23 và 24 mới bắn trọng pháo. Theo thánh I-nhã kể, đạn đi qua giữa hai chân ngài là *bambarda* tức là đạn đại pháo. Một số người cho là nếu bị trúng đạn đại pháo, hẳn là ngài không chỉ bị thương thôi, nên cho rằng có lẽ ngài trúng đạn súng nhỏ trong vòng ba ngày đầu, và đến ngày thứ năm thì pháo đài đầu hàng.

[48] Thánh I-nhã bị gãy chân phải và bị thương nặng ở chân trái. Sau này ngài sẽ đi cà nhắc suốt đời.

[49] Một số bản dịch làm cho người ta có cảm tưởng là thánh I-nhã bị thương thì ngay lập tức pháo đài đầu hàng. Thực ra, bản văn chỉ nói là *luego* (vừa có nghĩa là *ngay lập tức*, vừa có nghĩa là *sau đó*, không xác định bao lâu). Dầu sao, thánh I-nhã được coi như linh hồn của cuộc tử thủ. Xem Luis Fernandez Martin, S.J., bài *Rendicion de la fortaleza de Pamplona*, trong *Ignacio de Loyola en Castilla*, Valladolid, 1989, và bài *Inigo Lopez de Loyola y el proceso contra Miguel de Herrera, alcaida de la fortaleza de Pamplona*, trong *Los anos juveniles de Inigo de Loyola, su formacion en Castilla*, Caja de ahorros popular de Valladolid, 1981.

[50] Bản dịch Latinh khoảng năm 1560 của Coudret thêm: thánh I-nhã vẫn ở nguyên tại phòng vẫn ở trước đó, và được các bác sĩ giỏi nhất của quân đội Pháp săn sóc.

[51] Hình như toán hiệp sĩ tại pháo đài Pamplona đầu hàng sau khi thương lượng với quân Pháp, nên quân Pháp đối xử tử tế với những người bị thương. Pamplona cách Loyola chừng 70 km.

[52] Có lẽ chưa bằng Quan Vân Trường, trong Tam Quốc Chí, bình tĩnh chơi cờ trong khi Hoa Đà mổ vết thương, nhưng thánh I-nhã cũng tỏ ra rất can đảm, đứng như một hiệp sĩ.

[53] Lễ Sinh Nhật Thánh Gioan Tẩy Giả ngày 24 tháng 6.

[54] Các bí tích dành cho người sắp qua đời: xưng tội, xúc dầu thánh, rước Mình Thánh Chúa.

[55] Lễ hai thánh Phêrô và Phaolô ngày 29 tháng 6.

[56] Vào khoảng 1547-1548, cha J. A. Polanco, thư ký của thánh I-nhã, cho biết khi còn phục vụ triều đình, thánh I-nhã đã từng làm thơ về thánh Phêrô. Tất cả đã thất lạc. Cha J. Brodrick bình luận: *Chắc là nền văn học thế giới không thiệt hại gì; chỉ tiếc là chúng ta không biết được một người viết văn không xuôi thì làm thơ thế nào!*

[57] Cụm từ *theo thế gian* được thánh I-nhã dùng để chỉ việc theo đuổi lý tưởng trần tục, như ngài vẫn làm trước khi bị thương, thay vì lý tưởng ngược lại được diễn tả bằng công thức Tin Mừng là *theo Đức Kitô*.

[58] Các hiệp sĩ thời thánh I-nhã thường mặc quần ngắn, trên đầu gói, để dễ xoay xở khi chiến đấu.

[59] Ở đây thánh I-nhã cho thấy hai điều: quyết tâm theo thế gian và khí phách người hiệp sĩ. Mặc dầu ngài nhìn nhận đã được chữa lành gần như nhờ một phép lạ, Thiên Chúa chưa lọt được vào trong tim của ngài.

[60] Loại tiểu thuyết về những kỳ tích và những mối tình lãng mạn của các hiệp sĩ khá thịnh hành vào thời ấy. Vào đầu thế kỷ XVI ở Tây Ban Nha, cuốn tiểu thuyết nổi tiếng nhất loại này là *Amadis de Gaula*, xuất bản năm 1506, thánh I-nhã nhắc đến ở số 17. Nổi tiếng nhất về loại này cho đến nay là cuốn *Don Quijote de La Mancha* của *Miguel de Cervantes* ấn hành năm 1606. Thường nhân vật chính là một hiệp sĩ, một mình một ngựa, lang thang khắp nơi để làm việc nghĩa hiệp, hành động kiêu quân tử Tàu, nhận một phụ nữ quý phái làm *bà chúa*, vừa thúc đẩy hiệp sĩ chiến đấu, vừa đón nhận những thành tích của hiệp sĩ. Nói chung loại tiểu thuyết này bị các tác giả linh đạo thời ấy kết án là ủy mị và bệnh hoạn.

[61] Ngược lại với sách về đời sống Đức Kitô và các thánh là *thiên liêng và chân thật*.

[62] Tức là cuốn *Vida de Cristo* của *Ludolphe de Saxe*, dòng Chartreux (+ 1377), bản dịch Tây Ban Nha của *Ambrosio Montesino*, ấn hành tại Alcalá năm 1502. Tác giả không chỉ kể chuyện về cuộc đời Đức Kitô, nhưng bình giảng rộng rãi các trình thuật Tin Mừng, làm chất liệu cho người đọc suy niệm.

[63] Tức là cuốn *Legenda aurea* hay *Flos Sanctorum* của *Jacques de Vogarine*, dòng Đaminh (+ 1298), bản dịch Tây Ban Nha của *Gauberto M. Vagad*, ấn hành năm 1493 tại Zaragoza, tái bản năm 1511 tại Toledo. Tác giả kể về cuộc đời các thánh theo lịch phụng vụ thời ấy, mà đa số là các vị ẩn sĩ và đan sĩ. Tác giả ít phân biệt lịch sử với truyền thuyết, và đề cao những việc làm anh hùng khổ hạnh kiêu ăn chay và đánh tội.

[64] Theo thói quen đương thời, mỗi hiệp sĩ tự chọn cho mình một thiếu nữ dòng dõi quý phái làm *bà chúa*: vì nàng, chàng sẽ lập những thành tích, rồi dâng lên nàng để tỏ lòng ngưỡng mộ, mong được nàng chiếu cố. Có thể nói đây là một hình thức lấy lòng người đẹp.

[65] Tiếng Tây Ban Nha là *mote*. Các hiệp sĩ thường dùng những cách nói văn hoa, bóng bẩy, để nói với *bà chúa* của mình. Có thể đó chỉ là một vài câu văn xuôi ngắn, có thể đó là một vài câu văn vần.

[66] Cao hơn hàng bá tước hay công tước chỉ có hoàng tộc. Người ta không biết rõ người phụ nữ trong mộng của thánh I-nhã lúc ấy là ai. Có người nghĩ đến *Dona Leonor de Mascarenhas*, tùy viên danh dự của Hoàng Hậu Isabel, hay *Dona Germaine de Foix*, cháu gái vua Louis XII nước Pháp, hoàng hậu (vợ sau) của vua Fernando, ở goá vào tuổi 30 từ năm 1516, hoặc *Dona Leonor de Austria*, chị gái hoàng đế Carlos V, sau này lần lượt là hoàng hậu nước Bồ Đào Nha rồi nước Pháp. Nhiều người cho rằng bà

hoàng ấy phải là *Dona Catalina de Austria*, em gái út hoàng đế Carlos V, từ 1525 là hoàng hậu, vợ vua Juan III nước Bồ Đào Nha. Cô công chúa này sinh năm 1507, nổi tiếng là xinh đẹp, bị bà mẹ là thái hậu Juana, lúc ấy đã mắc bệnh tâm thần, giữ như cầm tù trong dinh ở Tordesillas, gần nơi thánh I-nhã làm tiểu đồng ở Arevalo. Có thể thánh I-nhã cũng nghĩ đến việc *giải phóng* cô khỏi chiếc *lồng vàng* khốn khổ của bà mẹ. Tuy nhiên, có thể cũng như đối với chàng *Amadis de Gaula* hay chàng *Don Quijote de La Mancha*, người phụ nữ trong mộng của thánh I-nhã chỉ thuần túy là người trong mộng thôi.

[67] Thánh Phanxicô và thánh Đaminh là hai vị thánh sáng lập hai dòng tu khát thực, mở đầu một giai đoạn mới trong lịch sử đời tu. Trước đó chỉ có các dòng chiêm niệm, mà thánh I-nhã nhắc đến nhiều nhất là dòng Chartreux, rồi đến dòng Xitô. Chắc thánh Phanxicô Assisi phải có ảnh hưởng đáng kể trên ngài, vì ở quê ngài, đời sống Công Giáo gần như đồng nghĩa với tinh thần thánh Phanxicô: dòng ba thánh Phanxicô, tu viện dòng nhất Phanxicô, đan viện dòng thánh Clara. Đời sống nghèo, đời sống câu nguyện, đời sống huynh đệ, cả đến đời sống thần bí của ngài chắc chắn mang nhiều âm hưởng của đời sống thánh Phanxicô Assisi. Điều thánh Đaminh sẽ ảnh hưởng trên ngài nhiều nhất là việc học hành và hoạt động tông đồ. Ngay từ đầu, nếu ngài nghĩ đến đời sống khổ hạnh có lẽ chỉ vì ngài muốn thi đua với các thánh; nhưng thực ra, chính gương thánh Phanxicô và thánh Đaminh mới đánh động tâm hồn ngài nhiều. Ngược với ý muốn lúc ấy còn thô thiển của ngài, Thiên Chúa đã bắt đầu nhen nhúm điều gì đó mà chính ngài chưa ý thức đủ.

[68] Hành hương Giêrusalem là ước nguyện của nhiều tín hữu Châu Âu đương thời. Trong cuốn *Cuộc Đời Đức Kitô*, tác giả Ludolphe de Saxe ngay ở những trang đầu tiên đã khích lệ độc giả đến Giêrusalem để chiêm ngắm Đất Thánh, chiêm ngắm các nhà thờ ghi dấu những kỷ niệm trong cuộc đời trần thế của Chúa Giêsu. Chắc điều này đã đánh động tâm hồn thánh I-nhã rất nhiều. Sau này, khi lập nhóm bạn cùng chí hướng, tiền thân của Dòng Tên, việc hành hương Giêrusalem đã trở thành một lời khẩn của cả nhóm. Mặc dầu điều này các anh em khác trong nhóm không thực hiện, nhưng có người như thánh Phanxicô Xavier cho đến cuối đời vẫn nghĩ khi đến được Trung Hoa thì sẽ khởi hành từ đó đi Giêrusalem.

[69] *Consolación* và *desolación* là hai từ rất quan trọng thánh I-nhã dùng để diễn tả những cảm nghiệm trong đời sống thiêng liêng. Trong cuốn *Linh Thao*, thánh I-nhã định nghĩa: "*Tôi gọi là sự yên ủi thiêng liêng khi ở trong linh hồn nảy sinh một chuyển động bên trong nào đó mà nhờ nó linh hồn tôi tôi được độ bốc cháy trong tình yêu mến Đáng Tạo Hoá và Chúa của mình; và khi, do đó, đối với bất cứ vật thụ tạo nào trên mặt đất, linh hồn không có thể yêu nó ở nơi nó, mà chỉ yêu ở nơi Đáng Tạo Hoá của mọi vật thụ tạo đó. Cũng thế, khi linh hồn chảy nước mắt kích thích lòng yêu mến Chúa của mình, hoặc bởi tại nỗi đau đớn vì những tội của mình hay vì sự Tuẫn nạn của Đức Kitô Chúa chúng ta, hoặc bởi tại những điều khác hướng thẳng đến việc phụng sự và tán dương Ngài. Sau cùng, tôi gọi là consolacion mọi sự gia tăng lòng trông cậy, lòng tin và lòng mến, và mọi sự vui mừng bên trong [nào] kêu gọi và lôi kéo đến những sự trên trời và đến phần rỗi riêng của linh hồn mình, làm cho linh hồn được an tĩnh và bằng yên trong Đáng Tạo Hoá và Chúa của mình". "Tôi gọi là sự sầu khổ thiêng liêng tất cả những gì trái ngược với qui tắc thứ ba [trên đây], chẳng hạn như sự tối tăm của linh hồn, sự rối loạn nơi nó, sự chuyển động tới những cái thấp hèn và trần tục, sự bất an do những lay động và những cảm dỗ khác nhau, [sự bất an này] gây ra sự thiếu lòng tin tưởng, không lòng trông cậy, không lòng mến, [vì thế linh hồn] thấy mình rất lười biếng, hững hờ, buồn rầu và như bị chia li khỏi Đáng Tạo Hoá và Chúa của mình. Vì như sự yên ủi trái ngược với sự sầu khổ thế nào, thì các ý tưởng xuất phát từ sự yên ủi cũng trái ngược như thế với các ý tưởng xuất phát từ sự sầu khổ." (LT 316-317, bản dịch của Đinh Văn Trung, S.J., trong cuốn *Những Bài Linh Thao*, không ghi nơi và năm xuất bản). Hai từ này xuất hiện khá nhiều trong các bút tích của thánh I-nhã, đã mang một ý nghĩa độc đáo, rất khó dịch cho chính xác. Người Việt Nam thường gọi là *sốt sắng* và *khô khan*. Ở đây chúng ta dùng từ *an ủi* và *sầu khổ* theo nghĩa chuyên môn thánh I-nhã viết trong *Linh Thao*.*

[70] *Espiritus*: thường được dịch là *thần khí* hay *tinh thần*; ở đây, thánh I-nhã dùng theo một nghĩa độc đáo: *sức mạnh, do tác nhân ngoại nhiên, tác động vào tâm trí con người*; chúng tôi dịch tạm là *tác nhân*. Kinh nghiệm về hai tác nhân là bước đầu tiên và căn bản về đời sống thiêng liêng của thánh I-nhã. Trong Linh Thao, *nhận định các tác nhân* là một trong những điểm căn bản cho những người muốn tiến bước trên đường thiêng liêng: thánh I-nhã đề ra hai loạt qui tắc để nhận định các tác nhân, một cho những người khởi sự bước vào đời sống thiêng liêng (LT 314-327), một cho những người đang tiến tới trên đường thiêng liêng (LT 328-336).

[71] Phần được in nghiêng và gạch dưới là lời bình của cha *L. G. da Câmara*, được viết ở lề trong nguyên bản. Trong toàn bộ tập này, có 13 lần cha *da Câmara* thêm vào ít lời bình như vậy.

[72] Nền tu đức thời Trung Cổ thường nhấn mạnh đến tội lỗi và việc đền tội. Hẳn là nếp sống khổ hạnh của các vị thánh trong cuốn *Flos Sanctorum* ảnh hưởng không ít trên suy nghĩ của thánh I-nhã. Dầu vậy, như chúng ta sẽ thấy, ngài đã sống khắc khổ không chỉ vì muốn làm việc đền tội, nhưng phần nào như muốn thi đua với các thánh. Dần dần, do được soi sáng hơn và do đòi hỏi của đời sống tông đồ, quan niệm của ngài về việc hãm mình đền tội sẽ thay đổi rất nhiều. Dầu sao, ở đây chúng ta thấy được là ngài đã quyết tâm hoán cải và phác họa một nếp sống mới trong tương lai.

[73] *Bất chước các thánh* hẳn không phải là điều gì mới trong lịch sử Hội Thánh. Tuy nhiên, vào thời Trung Cổ, có nhiều gương xấu trong Hội Thánh, nên việc *bất chước các thánh*, hay thậm chí hơn, *ước nguyện nên thánh*, là một điều khá hiếm hoi. Và ở bất kỳ thời đại nào, gương các thánh cũng có ảnh hưởng rất lớn đến tâm hồn các tín hữu. Trong Linh Thao, đến tuần II, cùng với việc chiêm ngắm các mẫu nhiệm đời sống Đức Kitô, thánh I-nhã khuyên người tập nên đọc Tuyển truyện Các Thánh.

[74] Đến đây, quyết tâm hoán cải của thánh I-nhã đã rõ. Hơn nữa, ngài không chỉ chừa bỏ tội lỗi, mà còn muốn thay đổi hẳn nếp sống trong tương lai. Máu hiệp sĩ thúc đẩy ngài hào hiệp với Chúa Giêsu như các thánh đã làm: hoán cải luân lý và khởi đầu hoán cải thần bí với quyết tâm hành hương Giêrusalem.

[75] Mặc dầu vẫn biết là những ước ao này mong manh, thánh I-nhã sẽ luôn luôn coi chúng như dấu chứng tỏ đó là một tâm hồn quảng đại. Trong Hiến Chương Dòng Tên, ngài đòi những người muốn xin vào Dòng phải có những ước ao thánh thiện, và nếu vì bản tính yếu đuối nên chưa có được những ước ao như vậy, ngài đòi họ phải "*ước ao có được lòng ao ước đó*" (HC 102).

[76] Xác chuẩn: Chúa xác nhận những điều linh hồn quyết định là đúng; có thể bằng cách ban sự bình an, có thể bằng cách ban một thị kiến. Thánh I-nhã hay được Chúa xác chuẩn bằng thị kiến.

[77] Thánh I-nhã không nói về việc *hiện ra* theo nghĩa thông thường, nhưng là một *hình ảnh* như một cuộc *thăm viếng* thiêng liêng, nghĩa là ngài được Thiên Chúa ban ơn cảm nhận sự hiện diện của Người. Ngài không nói về xuất xứ, nhưng chỉ nói đến hiệu quả: an ủi và thanh luyện.

[78] Xem quả biết cây. Tuy nhiên thánh I-nhã vẫn còn phần nào dè dặt về nguồn gốc thần linh của thị kiến này.

[79] *Mưu ích cho linh hồn họ*: ngay khi mới hoán cải, thánh I-nhã đã bắt đầu nghĩ đến việc giúp đỡ tha nhân, đến hoạt động tông đồ.

[80] Có lẽ trước kia thánh I-nhã chỉ biết nhìn những sự trần gian, chưa để ý đến trên đầu mình trời vừa cao vừa đẹp.

[81] Thành phố miền nam Tây Ban Nha, cách Loyola khoảng 750 km, thời ấy có Đan viện *Santa Maria de las Cuevas* ở ngoại ô, hiện nay không còn nữa. Dòng tu *ám ảnh* thánh I-nhã nhất là Dòng Chartreux.

[82] Nền tu đức thời Trung Cổ thường đề cao việc thù ghét và hành hạ thân xác mình. Và lại, lúc này thánh I-nhã mới manh nha những dự tính. Đây là lần duy nhất thánh I-nhã dùng trong tập Hồi Ký; còn ở cuốn Linh Thao, không thấy ngài dùng lần nào. Trong thư ngày 27(?) .5.1547 gửi cộng đoàn Dòng Tên ở Coimbra, Bồ Đào Nha, thánh I-nhã viết: "*Bất kỳ ai xir tẹ với đền thờ sống động của Thiên Chúa đều mắc tội phạm thánh.*"

[83] Thị trấn cách Loyola chừng 120 km về phía tây nam, có đan viện *Miraflores* thuộc dòng Chartreux. Dòng chiêm niệm này do thánh Brunô (1035-1101) sáng lập tại Pháp năm 1084. Mỗi đan sĩ Chartreux ở trong một chòi, suốt đời thĩnh lặng, ăn uống nhiệm nhặt, thường xuyên khổ chế, cầu nguyện riêng, làm việc riêng, chỉ họp nhau dự thánh lễ chung. Sau này tại Paris, mỗi Chúa Nhật, ngài và các bạn cùng chí hướng đến dự lễ và chia sẻ tại đan viện Chartreux.

[84] Antonio Manrique de Lara, công tước Nájera từ năm 1515 và phó vương Navarra từ 1516 đến 1521, cấp trên của thánh I-nhã, mất chức phó vương sau khi Pamplona thất thủ.

[85] Cởi la chứ không cởi ngựa: la đi nhẹ nhàng hơn ngựa. Có lẽ vì ngài còn đau, cởi la dễ chịu hơn.

[86] Cuối tháng 2 năm 1522. Có hai người đẩy tứ tháp tùng, theo phong cách quý tộc, chắc do anh ngài ép buộc.

[87] Linh mục Pero López, người đã cùng với thánh I-nhã tổ chức vụ bạo hành dịp lễ Hóa Trang năm 1515 dẫn đến việc cả hai bị truy tố ra tòa. Vị linh mục này làm cha sở giáo xứ Azpeitia từ năm 1520.

[88] Cách Loyola khoảng 4 km về phía nam.

[89] Aránzazu, tiếng Basco, nghĩa là ở trong bụi gai. Đền này cách Loyola khoảng 45 km về phía nam. Năm 1468, một chú bé chăn cừu cho biết đã thấy Đức Mẹ hiện ra trong bụi gai tại địa điểm ấy. Dân chúng trong vùng đã xây một ngôi đền kính Đức Mẹ Bụi Gai. Người ta thường đến canh thức tại ngôi đền này. Sau này thánh I-nhã cho biết trên đường từ Loyola đến Montserrat, ngài đã khẩn sống khiết tịnh, nhưng không cho biết địa điểm và thời gian rõ ràng. Chúng ta phỏng đoán có thể ngài đã khẩn trong đêm canh thức tại đền Đức Mẹ Bụi Gai. Trong thư gửi thánh Phanxicô de Borja ngày 20.8.1554, thánh I-nhã viết: "*Khi Thiên Chúa ban ơn cho tôi thay đổi đời sống, tôi nhớ là đã nhận được một số ích lợi cho linh hồn tôi khi canh thức một đêm ở nhà thờ ấy.*" Hiện nay, thay vào một ngôi đền đơn sơ và nhỏ bé xưa kia là một Vương Cung Thánh Đường nguy nga tráng lệ được xây cất vào giữa thế kỷ XX. Tượng Đức Mẹ Bụi Gai được đặt ở chính điện.

[90] Có lẽ cả sức mạnh thể xác lẫn sức mạnh thiêng liêng.

[91] Có lẽ là Magdalena, mới kết hôn với Juan López de Gallaitzegui. Đây là người chị ruột, cùng tên với người chị dâu (vợ anh Martin Garcia ở Loyola).

[92] Cách Loyola khoảng 100 km về phía nam.

[93] Lương bổng trả cho công việc thánh I-nhã đã làm trong năm 1521, ít là vụ dàn xếp hòa bình ở Guipuzcoa. Lúc thánh I-nhã đến, viên công tước đang ở Nájera, nên ngài trao cho viên quản lý giấy nợ.

[94] Viên công tước mới bị cách chức sau vụ Pamplona thất thủ, nên viên quản lý ngần ngại.

[95] Dĩ nhiên thánh I-nhã không nhận.

[96] Bản Tây Ban Nha dùng từ *imagen*: không rõ là ảnh hay tượng. Có lẽ là ảnh hay tượng Đức Mẹ tại nhà thờ Navarrete, hay ở một ngôi đền nào gần đó.

[97] Cách Navarrete khoảng 400 km về phía đông. Đi một mình, không có đầy tớ: dần dần thánh I-nhã từ bỏ đời sống cũ mà người đời tha thiết, như thế gian dạy bảo họ (Hc 101).

[98] Có lẽ thánh I-nhã theo lộ trình Logrono, Calahorra, Tudela, Zaragoza, Igualada.

[99] Mà ngài đọc được trong cuốn *Tuyển truyện Các Thánh*, trong đó hầu hết là các thánh ần tu, những vị hành xác rất gắt gao, nhiều khi dùng roi đánh vào mình đến chảy cả máu.

[100] *Hơn nữa* là một nét đặc trưng trong linh đạo thánh I-nhã. Ban đầu ngài muốn làm hơn người khác, kể cả các thánh. Sau đó, ngài hiểu theo nghĩa bản thân vượt lên chính mình và đi vào chiều sâu. Trong Linh Thao số 97, mọi người có trí khôn đều đáp lại lời Đức Kitô mời gọi, nhưng có những người muốn chứng tỏ tình yêu lớn hơn, muốn trỗi vượt trong việc phục vụ Đức Vua muôn đời, sẽ hiến dâng những của lễ giá trị hơn và cao quý hơn. Trong Hiến Chương Dòng Tên và các thư, thánh I-nhã thường xuyên nhấn mạnh đến *hơn nữa*. Ngài lựa chọn điều này hay điều khác đều vì điều nào *hơn*.

[101] Các hiệp sĩ thường thích làm những việc hơn người để chứng tỏ tài ba và lòng dũng cảm của mình, đồng thời cũng để lập công hay lấy lòng một phụ nữ mình yêu quý. Đã quyết tâm theo Đức Kitô, thánh I-nhã thấy gương các thánh đã làm những việc hơn người như ăn chay, đánh tội. thì ngài muốn bắt chước và làm hơn cả các thánh.

[102] Thánh I-nhã là người suốt đời tha thiết hết lòng muốn Thiên Chúa được *tôn vinh*. *Tôn vinh* thường liên kết chặt chẽ với thái độ *cung kính* và *thờ lạy* mà ngài có đối với Thiên Chúa uy linh. Rất gần với cụm từ *để tôn vinh Thiên Chúa* (các số 14, 36, 57, 85) là các cụm từ *để phục vụ Thiên Chúa* (các số 21, 27, 60, 79, 82), và *viên mến Thiên Chúa* (các số 17, 60, 69).

[103] Tây Ban Nha bị người Ả-rập Hồi Giáo cai trị suốt 7 thế kỷ. Trong thời gian ấy, có một số người Tây Ban Nha theo Hồi Giáo. Người Tây Ban Nha gọi tất cả những người theo Hồi Giáo là Mô-rô. Khi Tây Ban Nha được giải phóng vào thế kỷ XV, một số người Mô-rô theo Công Giáo, nhưng chỉ theo ngoài mặt. Có thể đó là trường hợp của người Mô-rô trong câu chuyện này.

[104] Có lẽ hai người hỏi thăm nhau, và thánh I-nhã cho biết ngài mới viếng Đức Mẹ Bụi Gai và đang đi viếng Đức Mẹ Đen ở Montserrat.

[105] Theo kinh Koran của Hồi Giáo, Đức Mẹ thụ thai do quyền năng của Thiên Chúa, chứ không phải do người nam (Sura 3:47). Nhưng trong khi người Công Giáo tin Đức Mẹ đồng trinh cả trong khi sinh và sau khi sinh Chúa Giêsu, người Hồi Giáo cho rằng khi sinh Chúa Giêsu, Đức Mẹ không còn đồng trinh nữa (Sura 19:22-23).

[106] Thánh I-nhã nhiều lần tự xưng là *kẻ hành hương*. Ngài không chỉ dùng khi nói về chuyến hành hương Giêrusalem, mà muốn nói về cả cuộc đời của ngài. Hành hương là một chiều kích quan trọng trong linh đạo Kitô giáo được thánh I-nhã nhấn mạnh đặc biệt. Vì ơn gọi Dòng Tên là đi đến bất kỳ nơi

nào trên thế giới để giúp đỡ các linh hồn, theo lệnh Đức Thánh Cha, nên hành hương gắn liền với đời sống các Giêsu hữu. Hành hương cũng là một thực nghiệm quan trọng trong việc huấn luyện các Giêsu hữu. Thánh Phanxicô Xavier, một trong những môn đệ thân tín nhất của thánh I-nhã, sau này sẽ nói: "*Muốn sống tốt ở đời này, chúng ta phải làm khách hành hương, để đi bất cứ nơi đâu, đến nơi chúng ta có thể phục vụ Chúa.*" (Thư gởi cha Francisco Mansilhas ngày 7.4.1545).

[107] Có lẽ vì thấy Thánh I-nhã nổi giận, mà lại sẵn kiếm và dao găm nữa!

[108] Thánh I-nhã tự cho là mình có bổn phận bảo vệ danh dự của Đức Mẹ, như các hiệp sĩ thường có bổn phận bảo vệ danh dự của những người mình quý mến.

[109] Phong cách hiệp sĩ: kẻ nào xúc phạm danh dự người mình quý mến thì phải dùng kiếm hay dao găm để trả thù.

[110] Khi đọc *Cuộc đời Đức Kitô* và *Tuyển truyện Các Thánh*, có lẽ thánh I-nhã đã biết câu Chúa Giêsu nói với thánh Phêrô trong Vườn Dầu: "*Hãy xô gươm vào vỏ*" (Mt 26,52). Vì thế diễn ra sự giằng co trong lòng ngài.

[111] Có lẽ là làng Pedrola, cách Zaragoza khoảng 40 km về phía tây.

[112] Cách tìm ý Chúa dưới cả mức thô thiển! Thực ra không chỉ một mình thánh I-nhã làm như vậy. Thời Trung Cổ, nhiều người tin rằng loài vật biết thánh ý Thiên Chúa. Thánh I-nhã kể chuyện này có ý minh họa điều ngài nói ở số 14 là lúc ấy ngài còn *tối tăm*. Ở Manresa, ngài sẽ được *soi sáng*.

[113] Chắc là Igualada, ngay dưới chân Montserrat, địa điểm nổi tiếng về vải vóc và may mặc.

[114] Trang phục và vật dụng truyền thống của khách hành hương.

[115] Sau 20 ngày đường, vượt qua khoảng 550 km, giờ đây thánh I-nhã sẵn sàng ra mắt Đức Mẹ Đen.

[116] Nghĩa đen là Núi Cửa, vì nhìn từ xa, dãy núi giống hình một lưỡi cửa. Treo truyền tụng, ngày xưa, khi còn nhỏ, Chúa Giêsu lúc vui chơi đã cửa dãy núi ấy ra như vậy. Trên núi có một số tu viện, đặc biệt có ngôi đền nổi tiếng với tượng Đức Mẹ Đen (*La Moreneta*, theo cách gọi của dân đị phương) thu hút nhiều khách hành hương. Thánh I-nhã bắt đầu lên núi ngày 21.3.1522, lễ thánh Biển Đức, tổ phụ Dòng Biển Đức. Tượng Đức Mẹ Đen được tạc trong khoảng thế kỷ XII-XIII. Vương Cung Thánh Đường hiện nay được xây dựng vào cuối thế kỷ XVI, tượng Đức Mẹ Đen được đặt tại chính điện từ năm 1592.

[117] Bộ tiểu thuyết kiếm hiệp nhiều tập nổi tiếng đương thời, tương tự những *Anh hùng xạ điêu*, *Cô gái Đồ Long*, *Nửa cõi sơn hà* ngày nay.

[118] Chắc thánh I-nhã nhớ đến chuyện con trai của Amadis là Esplandian đã canh thức võ trang trước tượng Đức Mẹ trong dịp được phong hiệp sĩ, nên ngài cũng muốn bắt chước.

[119] Trang phục gồm quần áo, mũ giày, phù hiệu và những phụ kiện khác. Thời thánh I-nhã, đầy tớ của một lãnh chúa mang trang phục giống nhau, để nói lên mình là người của ai. Mang trang phục của Đức Kitô nghĩa là làm đầy tớ phục vụ đức Kitô, làm môn đệ Đức Kitô. Việc thay đổi trang phục, dâng kiếm và dao găm cho Đức Mẹ, diễn tả quyết tâm bỏ đời sống cũ, phục vụ vua Tây Ban Nha, để sống cuộc đời

mới, phục vụ Đức Kitô. Sau này thánh I-nhã đòi ai muốn vào Dòng Tên phải mặc trang phục của Đức Kitô (Hc 101).

[120] Thánh I-nhã đến xin xưng tội ở đan viện dòng Biển Đức. Đan viện này nổi tiếng khắp Châu Âu về phong trào canh tân. Nhưng đối với khách hành hương thì Montserrat nổi tiếng với tượng Đức Mẹ Đen, mà người ta nói là hay làm phép lạ. Vô số khách hành hương đến cầu nguyện trước tượng Đức Mẹ Đen. Không biết vì Đức Mẹ Đen hay vì đan viện Biển Đức mà thánh I-nhã đến Montserrat. Có lẽ ngài đến vì lòng mộ mến Đức Mẹ, nhưng Chúa cho ngài đến ngay điểm đang nhen nhúm ngọn lửa canh tân trong Hội Thánh để chuẩn bị ngài góp phần vào công cuộc canh tân Hội Thánh. Ngay trong những ngày đầu, ngài gặp một linh mục người Pháp tên là Jean Chanon được chỉ định giải tội cho khách hành hương. Có lẽ thánh I-nhã đã trình bày ý định xưng tội chung cả đời, và cha Chanon trao cho ngài cuốn *Ejercitatorio de la vida espiritual (Thực hành đời sống thiêng liêng)* do viện phụ Montserrat là Garcia Jimenez de Cisneros soạn và in tại đan viện năm 1500, để ngài dọn mình.

[121] Ba ngày không phải là trường hợp cá biệt, vì thời ấy các tập sinh xưng tội lần đầu, khi mới vào đan viện, còn lâu hơn nữa. Trong ba ngày ấy, thánh I-nhã suy niệm theo các đề tài cuốn *Thực hành đời sống thiêng liêng* đã dọn sẵn, xét mình, ghi lại các tội lỗi nhớ được trên giấy. Hôm trước lễ Truyền Tin, ngài đọc bản xét mình cho cha giải tội nghe và nhận ơn xá giải.

[122] Thời thánh I-nhã, các nhà thờ, đặc biệt trong các đan viện, thường có nhiều bàn thờ để các linh mục dâng lễ độc tế, vì lúc ấy chưa có đồng tế như hiện nay. Nơi mỗi bàn thờ, có một ảnh tượng Chúa Giêsu, Đức Mẹ hay các thánh. Hiện nay, tại Vương Cung Thánh Đường Montserrat, từ ngoài đi vào theo đường lên viếng Đức Mẹ Đen, phía tay phải, trên tường ở gian thứ hai, có trưng bày một thanh kiếm tại nơi xưa kia là nơi thánh I-nhã dâng kiếm và dao găm cho Đức Mẹ Đen. Đó là một thanh kiếm phục chế. Thanh kiếm được cho là đích thực mà thánh I-nhã đã dâng cho Đức Mẹ hiện được lưu giữ và trưng bày tại nhà thờ của Dòng Tên ở số 27 Carrer Casp, Barcelona (Tây Ban Nha). Tại Loyola một thanh kiếm được cho là của thánh I-nhã cũng được lưu giữ và trưng bày, nhưng không phải chính thanh kiếm ngài đã dâng cho Đức Mẹ Đen.

[123] Mặc dầu đã dự tính đi Giêrusalem từ 7 tháng trước, thánh I-nhã chưa cho ai biết, kể cả người nhà hay các cha giải tội trước.

[124] Lễ Truyền Tin, ngày 25 tháng 3. Đây là lễ bổn mạng của đan viện, nên được tổ chức long trọng và có nhiều khách hành hương. Thời thánh I-nhã, lễ Truyền Tin là lễ kính Đức Mẹ. Sau Công đồng Vaticanô II, lễ Truyền Tin được trả lại ý nghĩa ban đầu là mừng mầu nhiệm Ngôi Lời Nhập Thể.

[125] Trang phục hiệp sĩ, gắn liền với địa vị và danh vọng.

[126] Tức là chiếc áo dài bằng vải bố của khách hành hương, đã may ở Igualada mấy hôm trước.

[127] Thánh I-nhã thực hiện đúng theo nghi thức tấn phong hiệp sĩ. Việc cầu nguyện kéo dài suốt đêm. Hiệp sĩ phải mặc áo giáp, mang kiếm và dao găm, quỳ bao lâu còn quỳ được. Muốn nghỉ, được phép đứng lên, nhưng không bao giờ được ngồi hay nằm. Buổi canh thức chỉ được thực hiện một lần trong đời, vào đêm hôm trước ngày được nhận làm người phục vụ một lãnh chúa. Trước khi canh thức, phải xưng tội và sau khi canh thức phải rước lễ. Chắc chắn thánh I-nhã muốn trở nên hiệp sĩ hay đầy tớ và môn đệ của Chúa Giêsu nhân ngày lễ mừng Chúa nhập thể.

[128] Chắc là sau khi dự lễ và rước lễ, theo đúng nghi thức tấn phong hiệp sĩ. Ngài vội vã ra đi để khỏi ai nhận ra ngài đã bỏ quần áo hiệp sĩ để mặc quần áo của khách hành hương. Trong thư ngày 7.8.1547, thánh I-nhã viết: "*Kết thân với người nghèo, chúng ta sẽ trở thành bạn của Đức Vua muôn đời*" và "*Ai tự nguyện trở nên nghèo về của cải trần gian sẽ được giàu có về ân huệ của Thiên Chúa*".

[129] Thành phố cảng, phía đông bắc Tây Ban Nha, cách Montserrat 30 km về phía đông nam. Từ Barcelona có tàu sang Ý để đi Giêrusalem.

[130] Hình như năm 1519, thánh I-nhã đã tháp tùng công tước Najera, đồng thời là phó vương Navarra, đến Barcelona nhân dịp vị này được vua Carlos trao huy hiệu hiệp sĩ *Toison de Oro* (ngày 7 tháng 3 tại nhà thờ Chính Tòa), nên quen biết một số người ở Barcelona. Ngoài ra, lúc ấy có đoàn tùy tùng đông đảo đang theo Đức Giáo Hoàng tân cử Adrianô VI từ Tây Ban Nha đi Rôma đăng quang, thánh I-nhã sợ bị những người trong đoàn ấy nhận ra.

[131] Cách Montserrat 20 km về phía bắc. Tại sao thánh I-nhã đến Manresa? Có phải chỉ để tránh đoàn tùy tùng Đức Giáo Hoàng Adrianô VI? Có phải chỉ dự trừ ở lại mấy ngày? Có phải vì sau đó có bệnh dịch hạch nên ngài không được phép vào Barcelona? Hình như theo lời khuyên của cha Jean Chanon, ngài đến Manresa nghỉ ngơi và tĩnh tâm ít lâu để chuẩn bị đi hành hương Giêrusalem. Nhưng có lẽ chính ngài cũng không ngờ là sẽ ở lại Manresa hơn 10 tháng.

[132] Thời thánh I-nhã, ở Tây Ban Nha hay có những nhà tế bần, phần nào như một trạm xá dành cho người nghèo, . Các nhà tế bần này thường cho những người không nhà không cửa ở trọ.

[133] Đây là những điều sẽ khởi đầu cuốn Linh Thao sau này.

[134] Cảnh sát thấy một người hành khất có bộ quần áo hiệp sĩ thì nghĩ là người ấy ăn cắp.

[135] Thánh I-nhã đến Manresa chiều tối ngày 25.3.1522. Bà Inés Pascual nhớ lại hình ảnh ngài trong lần gặp đầu tiên tại Manresa : "*Không cao lớn mấy, nước da trắng trẻo, hồng hào, nét mặt đẹp trai, đặc biệt ánh mắt rất khiêm tốn. dáng vẻ rất mệt mỏi và chân phải khập khiễng.*" Lúc ấy Manresa là một trung tâm công nghiệp bông vải nhỏ có khoảng 2000 dân, đa số làm nghề trồng, chế biến hay buôn bán bông vải. Ngài đến xin ở trọ tại nhà tế bần Santa Lucia bên ngoài tường thành. Để trả ơn, ngài làm những công việc phục dịch tại nhà tế bần. Ban ngày, ngài đến một hang đá gần bờ bắc sông Cardoner, cách Nhà Thờ Lớn khoảng 500 mét, để cầu nguyện trong 7 giờ, và đánh tội 3 lần. Ngài dự lễ tại Nhà Thờ Lớn hay tại tu viện dòng Đaminh. Cha P. Arrupe viết : "*Những ngày tháng ở Maresa, cùng với hàng loạt những soi sáng ở Cardoner, tạo nên một bước ngoặt Copernic nơi thánh I-nhã (cũng như việc khai sinh và đặc sủng Dòng về sau). Sự kiện mỗi khi cần xác định cụ thể anh em trong Dòng phải phục vụ tha nhân thế nào, thánh I-nhã suốt đời nhắc đi nhắc lại chuyện đã xảy ra cho tôi tại Manresa là một lời khẳng định về liên hệ chặt chẽ giữa những soi sáng ngài nhận được ở đó - mang dấu ấn Ba Ngôi, như chúng ta đã thấy - với sự chuyển biến sang đời sống tông đồ qua những chủ đề trọng tâm của Linh Thao, và với bước chuyển từ việc tông đồ cá nhân ban đầu sang việc tông đồ được định chế hóa trong Dòng Tên*" (Cung cách hành xử của chúng ta, số 22, trong *Sống đặc sủng thánh I-nhã*, Hiền Linh 2001).

[136] Chắc thánh I-nhã bắt chước gương các vị thánh ần tu mà ngài đọc được trong cuốn *Tuyển truyện Các Thánh*, thí dụ thánh Ônuphiô. Vị thánh này được kể là để tóc mọc dài che kín hết cả người. Dân chúng Manresa gọi ngài là *ông bao bố* và *chàng điên của Đức Kitô*. Sau này, ngài rút ra được kinh nghiệm từ những việc hãm mình quá đáng ấy. Trong Linh Thao (82-89), cũng như trong các thư gởi các

học viên Dòng Tên ở Coimbra hay gọi thánh Phanxicô Borja, ngài đều khuyên phải nhận định để giữ điều độ.

[137] Do hãm mình thái quá trong những ngày đầu ở Manresa, sức khỏe thánh I-nhã phần nào suy sụp, và tâm lý phần nào rối loạn. Ma quỷ thừa cơ để lừa gạt ngài. Ban đầu, ngài chưa biết hình dạng con rắn là gì, nhưng về sau ngài biết đó là ma quỷ bày trò cám dỗ ngài (xem số 31). Dầu vậy, ma quỷ tiếp tục quấy rối ngài như vậy trong 15 năm, nghĩa là cho tới khi ngài định cư tại Rôma.

[138] Trong thư ngày 18.6.1536 gửi nữ tu Teresa Rejadell, thánh I-nhã viết: "Chiến thuật tổng quát của kẻ thù đối với những người bắt đầu muốn phục vụ Thiên Chúa là gọi lên những trở ngại và khó khăn. Đó là đòn đầu tiên. Thí dụ: làm sao mi có thể sống suốt đời khổ hạnh như vậy, không gia đình, không bè bạn, không của cải, sống đơn độc, không lúc nào được nghỉ ngơi? Muốn được rỗi linh hồn, cần gì phải cực khổ như vậy?" Ngài cho biết là ma quỷ chỉ nêu lên những khó khăn, cố làm cho người ta nghĩ là mình sẽ phải chịu đựng lâu dài, mà không đã động gì đến những an ủi, những nâng đỡ mà Thiên Chúa sẽ ban để người ta vượt qua được. Ngài thêm: "Kẻ thù chẳng quan tâm việc nó nói thật hay nói dối, mục đích duy nhất của nó là thắng được chúng ta."

[139] Mặc dầu thánh I-nhã lấy lại được bình an, nhưng hình ảnh con rắn tuyệt đẹp và ý nghĩ trên đây báo hiệu dòng tổ sắp đến.

[140] Chắc là Nhà Thờ Lớn. Xưa kia, Manresa từng là nơi đặt tòa giám mục, và nhà thờ này từng là Nhà thờ Chính Tòa.

[141] Có lẽ thánh I-nhã dùng cuốn *Sách Các Giờ Kinh*, trong đó có các giờ kinh thần vụ, và thường có cả Bài Thương Khó theo thánh Gioan hay Bài Thương Khó hợp tuyên dựa trên 4 Tin Mừng. Năm 1598, cha Balduin Delange cho biết là vào năm 1551, thánh I-nhã có nói với cha ấy là ngài đã dùng quyển sách ấy lúc ngài mới hoán cải. X. FN 1: 392, 5. Thời ấy, linh mục cử hành thánh lễ bằng tiếng Latinh. Hầu hết giáo dân không hiểu gì, nên thường đọc và suy ngắm cuộc Thương Khó của Chúa Giêsu. Về hát lễ trọng thể, và hát kinh thần vụ, suốt đời thánh I-nhã vẫn thích. Năm 1554, ngài nói với cha Ribadeneira: "*Theo sở thích và thiên hướng cá nhân, chắc tôi ấn định việc hát lễ và hát kinh thần vụ trong Dòng. Tôi không làm như vậy vì Chúa cho tôi hiểu là Chúa không muốn điều đó: Chúa không muốn dùng chúng ta để ca hát trong nhà thờ, nhưng muốn chúng ta làm những việc khác để phục vụ Chúa.*" (Scripta de Sancto Ignatio de Loyola, M.I; series 4, vol I, 1904-1918, trang 418).

[142] Sau này, thánh I-nhã viết trong Qui Tắc Nhận Định Thần Loại: "Chỉ một mình Thiên Chúa Chúa chúng ta mới ban cho linh hồn sự yên ủi không có nguyên nhân trước; bởi vì đặc điểm của Đấng Tạo Hóa là vào, ra, thúc đẩy linh hồn, lôi cuốn trọn linh hồn vào tình yêu mến Thiên Chúa uy linh" (LT 330, bản dịch của Đinh Văn Trung).

[143] Thánh I-nhã ngạc nhiên vì lúc ấy còn non nớt, chưa từng trải trong đời sống thiêng liêng. Thật ra, ngài bắt đầu một giai đoạn khó khăn, thường được các tác giả tu đức gọi là giai đoạn thanh luyện: tâm hồn cảm thấy tối tăm, khô khan, chán nản, cả đến tuyệt vọng. Thuật ngữ thánh I-nhã dùng để chỉ tình trạng này là *sầu khổ*. Đây là một phần trong diễn biến khá bình thường nơi một tâm hồn muốn tiến tới trên đường thiêng liêng.

[144] Tiếng người Tây Ban Nha thường dùng để chỉ Vua Tây Ban Nha.

[145] Các nhà nghiên cứu về tiểu sử thánh I-nhã đã bỏ ra nhiều công sức để nhận diện nhân vật này, nhưng cho đến nay vẫn chưa có kết quả nào.

[146] X. 2 Tm 2,3-10. Thánh Phaolô so sánh đời sống của người tông đồ với đời sống của một chiến binh, một vận động viên, một nông dân. Ngài khuyên người môn đệ *'đồng lao cộng khổ như một người lính giỏi của Đức Kitô Giêsu'* và chia sẻ: *"Tôi cam chịu mọi sự, để mưu ích cho những người Thiên Chúa đã chọn, để họ cũng đạt tới ơn cứu độ trong Đức Kitô Giêsu, và được hưởng vinh quang muôn đời."* Thời Trung Cổ, người ta thường dùng hình ảnh chiến sĩ, chiến đấu, chiến trường, để chỉ người hiến thân cho Chúa trong đời tu hay đời tông đồ. Bản Định Thức Thể Chế Dòng Tên nói về người muốn vào Dòng: *"chiến đấu cho Thiên Chúa dưới cờ Đức Kitô"* (ĐT 1. Trong thư gửi anh em Dòng Tên ở Học viện Coimbra, ngày 27(?) .5.1547, thánh I-nhã cũng viết: *"Hơn bất cứ điều gì khác, anh em phải đánh thức nơi mình lòng yêu mến tinh ròng đối với Chúa Giêsu Kitô, lòng ước ao tôn vinh Người và cứu rỗi các linh hồn mà Người đã cứu chuộc. Vì trong Dòng này, anh em là chiến sĩ với một danh hiệu đặc biệt và một lương bổng đặc biệt."* Điều này hoàn toàn không bao hàm ý nghĩa quân sự trong đời tu nói chung, hay trong Dòng Tên nói riêng.

[147] Thời ấy, người ta thường chỉ xưng tội rước lễ mỗi năm một lần trong mùa Phục Sinh. Việc xưng tội và rước lễ hằng tuần có lẽ do cha Jean Chanon ở Montserrat khuyên thánh I-nhã. Đời sống thiêng liêng của ngài tập trung ở bí tích Hòa Giải và bí tích Thánh Thể (tức là thanh luyện và kết hiệp). Sau này, ngài và Dòng Tên sẽ cổ võ việc năng xưng tội rước lễ, cả đến rước lễ hằng ngày. Mãi đến đầu thế kỷ XX, Đức Thánh Giáo Hoàng Piô X mới cho phép và khuyến khích việc rước lễ hằng ngày.

[148] Nhà Thờ Lớn, lúc ấy không còn là nhà thờ Chính Tòa nữa, nhưng dân chúng vẫn quen gọi như vậy.

[149] Chắc là một linh mục kinh sĩ.

[150] Thánh I-nhã nghĩ là một linh mục tài cao đức trọng sẽ giúp ngài thoát được các bồi rối.

[151] Xưa kia thánh Phaolô cũng cảm nhận sâu xa tình trạng bi đát ấy: "Tôi thật là một người khốn nạn! Ai sẽ giải thoát tôi khỏi thân xác phải chết này?" (Rm 7,24).

[152] Mặc dầu chưa được học và cũng chưa có kinh nghiệm, thánh I-nhã đã có linh cảm chính xác về phương thuốc chữa trị bệnh bồi rối.

[153] Khoa sư phạm của Chúa: dồn người muốn tiến tới trên đường thiêng liêng đến chỗ phải nhìn nhận bản thân không tự cứu được mình (tự độ), mà mọi người khác cũng không ai cứu được mình (tha độ), để người ấy tìm ơn giải thoát nơi một mình Thiên Chúa. Như thánh Phaolô: *"Tạ ơn Thiên Chúa, nhờ Đức Kitô Giêsu, Chúa chúng ta"* (Rm 7,25).

[154] Phải gọi là tu viện mới đúng, nhưng thánh I-nhã thường không phân biệt đan viện của dòng chiêm niệm với tu viện của dòng khổ thực. Tu viện này ở cách Nhà Thờ Lớn chừng 500 mét về phía tây, hiện nay đã bị phá hủy.

[155] Có lẽ tương ứng với 7 giờ kinh thần vụ thời ấy: kinh đêm (nửa đêm), kinh sáng (khoảng 6 giờ), kinh giờ ba (9 giờ), kinh giờ 6 (12 giờ trưa), kinh giờ 9 (15 giờ), kinh chiều (khoảng 18 giờ), và kinh tối (khoảng 21 giờ).

[156] Để dự giờ kinh đêm của tu viện.

[157] Sau này, thánh I-nhã khuyên người gặp sầu khổ chẳng những phải trung thành mà còn phải tăng cường việc cầu nguyện và hãm mình (Lt 319).

[158] Thánh I-nhã phần nào giống Giona bị xô xuống vực thẳm: "Ngài đã ném con vào vực sâu, giữa lòng biển, làn nước mênh mông vây bọc con, sóng cồn theo nước cuốn, Ngài để cho tràn ngập thân này" (Gn 2,4). Chúng ta cũng có thể nghe vang vọng lời cầu xin của người lâm cơn cùng khốn: "Từ vực thẳm, con kêu lên Ngài, lạy Chúa" (Tv 129,1). Cảm nghiệm vực thẳm là một chặng đường rất quan trọng để một người biết đặt trọn tin tưởng nơi một mình Thiên Chúa.

[159] Thánh I-nhã bị cám dỗ tự tử. Bản văn nói rõ về một hố sâu (agujero) trong phòng. Thật khó hình dung được là có một hố sâu trong một phòng nhỏ tại tu viện. Có người nghĩ đó là một lỗ trên tường. Nhưng theo thói quen của dòng Đaminh, phòng dành cho khách trọ thường ở tầng trệt, nên thánh I-nhã có lao ra cũng chẳng hề hấn gì! Có người phỏng đoán là tu viện xây dựng bên cạnh một vực sâu, lao mình ra khỏi lỗ thì rơi xuống vực sâu. Tiếc là tu viện ấy đã bị phá hủy từ lâu, nên chúng ta khó kiểm chứng được.

[160] Có thể nói kinh nghiệm của thánh I-nhã phần nào tương tự kinh nghiệm Chúa Giêsu cảm thấy bị Thiên Chúa bỏ rơi trên thập giá: "*Lạy Thiên Chúa! Lạy Thiên Chúa! Sao Ngài bỏ rơi con ?*" (Mc 15,34).

[161] Cuốn *Tuyển truyện Các Thánh*, mà thánh I-nhã đọc ở Loyola, có thuật chuyện thánh Anrê Tông đồ nhịn ăn để cầu xin Chúa thương một kẻ tội lỗi. Một ông già tên là Nicôla đến gặp thánh Anrê: "*Thưa thầy, suốt 60 năm qua, tôi luôn luôn ham mê sắc dục. Tôi đã nghe được Tin Mừng và xin Chúa ban ơn thanh sạch. Nhưng ý tưởng xấu vẫn luôn luôn ở trong đáy lòng tôi, nên khi bị cám dỗ, tôi lại ngứa quen đường cũ. Một hôm, dục vọng bùng lên, tôi quên mất Tin Mừng vẫn mang trên mình, tôi đến nhà chứa, gặp một cô gái xấu, nhưng cô này nói ngay: Ông già, đi ra khỏi đây, đừng đụng vào tôi. Không được bước qua cửa, vì tôi thấy nơi ông những điều kỳ diệu. Rất ngạc nhiên về lời cô gái, tôi nhớ có mang Tin Mừng trong người. Giờ đây, thầy là bạn của Thiên Chúa, xin cầu nguyện cho tôi.*" Nghe vậy, thánh Anrê bắt đầu cầu nguyện, từ giờ thứ ba đến giờ thứ chín. Khi chỗi dậy, ngài không muốn ăn và tự nhủ: "*Tôi sẽ không ăn gì hết cho tới khi biết Chúa thương đến ông già ấy.*" Sau khi nhịn ăn 5 ngày, ngài nghe có tiếng nói: "*Anrê, con xin ơn cho ông già được rồi đấy; nhưng cũng như con đã hãm mình bằng việc ăn chay, nếu muốn được cứu, ông ấy cũng phải thanh luyện bằng việc kiêng thịt và đền tội.*" Trong sáu tháng, ông già chỉ ăn bánh mì và uống nước lã. Sau đó, đầy công phúc, ông ấy đã được an nghỉ. Còn thánh Anrê thì nghe có tiếng nói: "*Nhờ lời cầu nguyện của con, Ta đã tìm lại được người đầy tớ đi lạc.*" Thánh I-nhã muốn bắt chước để được Chúa ban ơn.

[162] Thánh I-nhã làm hết cách, chỉ sợ một điều là phạm tội.

[163] Ma quỷ cố vót vát lẫn chót.

[164] "Đặc điểm của Thiên Chúa và của các thiên thần của Ngài trong những thúc đẩy của Ngài và của các thiên thần là ban sự hoan hỉ và niềm vui thiêng liêng chân thật, trong khi gạt bỏ đi mọi sự buồn rầu và xáo động do kẻ thù gây ra; đặc điểm của kẻ thù này là chiến đấu chống lại sự hoan hỉ và sự yên ủi thiêng liêng kia bằng cách đưa ra những lý do (chỉ có đáng về) bề ngoài, những cái xảo diệu và những lừa đảo liên tiếp" (Lt 329, bản dịch của Đinh Văn Trung).

[165] Thánh I-nhã thấy rõ chính mình cũng như không ai khác làm được gì: chính Chúa đã thương giải thoát ngài. Có thể so sánh tâm trạng của ngài với tâm trạng của người bị lưu đày được Chúa giải

thoát: "Khi Chúa dẫn tù nhân Sion trở về, ta tưởng mình như giữa giấc mơ. Vang vang ngoài miệng câu cười nói, rộn rã trên môi khúc nhạc mừng" (Tv 125,1-2).

[166] Nguyên văn là *giúp đỡ các linh hồn*. Đừng hiểu cụm từ này theo nghĩa chỉ giúp phần hồn chứ không giúp phần xác. Cụ thể là chính thánh I-nhã thường giúp đỡ người khác cả về phần hồn cũng như phần xác. Phải hiểu chính xác là giúp đỡ người khác. Đây là lần đầu tiên thánh I-nhã nói về *giúp đỡ các linh hồn*, điều sẽ làm ngài bận tâm suốt đời, coi đó là điều đặc trưng Chúa muốn ngài thực hiện để *phục vụ Đức Kitô*.

[167] Trong số những sách mà thánh I-nhã đã đọc và suy niệm tại Manresa, có cuốn Gương Chúa Giêsu. Ngày nay, chúng ta biết tác giả là Thomas a Kempis, nhưng vào thời thánh I-nhã, người ta nghĩ tác giả là Jean Gerson, nguyên chương án Đại Học Paris. Thánh I-nhã gọi thân mật cuốn Gương Chúa Giêsu là *Cuốn Gerson Nhỏ*: "Tại Manresa, lần đầu tiên tôi được đọc *Cuốn Gerson Nhỏ*, và từ đó không có cuốn sách đạo đức nào tôi thích hơn." Cha L. G. da Câmara cũng cho biết suốt đời, ngày nào thánh I-nhã cũng đọc một chương trong cuốn Gương Chúa Giêsu. X. FN 1: 584.

[168] Thánh Phaolô cảnh giác: "Chính Satan cũng đội lốt thiên thần sáng láng" (2 Cr 11,14). Đến giai đoạn này, thánh I-nhã tỏ ra đã thành thạo về nhận định thần loại. Sau này, ngài khuyên người tập Linh Thao: "*Chúng ta phải chú ý nhiều đến diễn biến của các ý tưởng và nếu phân khởi đầu, phần giữa và phần cuối, tất cả đều thật là tốt, hướng về sự thiện trọn vẹn, thì là dấu hiệu của thiện thần; nhưng nếu diễn biến của các ý tưởng (do thần) đưa tới, kết thúc bằng một điều nào đó xấu hoặc làm cho dăng trí, hoặc bằng một điều nào đó không tốt bằng điều mà trước đó linh hồn đã định làm, hoặc nếu diễn biến đó làm cho linh hồn suy nhược hoặc lo lắng hoặc bối rối bằng cách cắt khởi linh hồn sự bằng yên, sự êm lạng và sự an tĩnh mà linh hồn đã có trước kia, thì là dấu hiệu rõ ràng điều đó đến từ ác thần, kẻ thù chống lại ích lợi và phần rỗi đời đời của chúng ta*" (Lt 333, bản dịch của Đinh Văn Trung). Trong thư gửi nữ tu Teresa Rajedell ngày 11.9.1536, thánh I-nhã viết: "*Điều sau đây thường xảy ra cho những người siêng năng cầu nguyện hay chiêm niệm. Họ thấy khó ngủ vì ngay khi lên giường, họ nghĩ về đề tài suy ngắm, và cứ nghĩ về điều ấy, nên không ngủ được. Chính kẻ thù lợi dụng lúc ấy để gọi lên trong tâm trí họ những ý tưởng lành thánh. Nó chỉ nhắm một mục đích là làm cho người ta mất ngủ để thể xác mệt mỏi. Phải dứt khoát tránh. Muốn làm được điều này điều kia thì thể xác phải mạnh khỏe. Nếu chị ốm yếu, tôi không biết chị sẽ làm được gì. Thể xác mạnh khỏe có thể giúp rất nhiều để người ta làm điều tốt hay điều xấu: những kẻ hư hỏng với thói quen xấu sẽ làm điều xấu, còn những người hoàn toàn sống cho Chúa và có thói quen tốt sẽ làm điều tốt.*"

[169] Ở đây, thánh I-nhã khám phá một qui tắc hết sức quan trọng trong thuật nhận định thần loại: an ủi không có nguyên nhân trước (Lt 336).

[170] Có thể nói đến đây, giai đoạn thanh luyện đã hoàn tất. Thánh I-nhã bắt đầu được Thiên Chúa soi sáng bằng những chân lý mặc khải.

[171] Thánh I-nhã bắt đầu được Thiên Chúa đưa vào kinh nghiệm thần bí.

[172] Trong các sách kinh thời ấy thường có những lời cầu nguyện với riêng từng Ngôi trong Ba Ngôi Thiên Chúa. Chắc thánh I-nhã đọc các kinh ấy.

[173] Vẫn là tu viện dòng Đaminh.

[174] Một hợp âm thường gồm ba nốt chính, thí dụ do-mi-sol hay fa-la-do. Mỗi phím đàn vẫn là một nốt riêng, nhưng ba phím làm thành một hợp âm: ba trong một, và một mà ba.

[175] Biểu hiện đầu tiên về *ơn nước mắt*, rất thường gặp trong toàn bộ đời sống thiêng liêng của thánh I-nhã (x. các số 33, 98, 100, 101), mà chúng ta không thấy có trường hợp tương tự trong nền văn học tu đức Công Giáo. Các nhà nghiên cứu ghi nhận trong tập *Nhật Ký Thiêng Liêng* sau này của thánh I-nhã, có 175 lần đề cập việc ngài chảy nước mắt. Trong thư gửi Nicolas Gaudano (Rôma 22.11.1553), thánh I-nhã cho biết: "*Đừng nằng nặc xin ơn nước mắt: đó là điều không cần thiết, không tuyệt đối tốt hay thích hợp đối với mọi người... Một số người được ơn này vì nơi họ những rung động ở phần thượng đẳng của linh hồn có hồi ứng ở phần hạ đẳng, hoặc vì Thiên Chúa thấy điều ấy thích hợp với họ nên ban cho họ. Dầu sao, điều ấy không làm cho họ có đức ái lớn hơn, hoặc khiến họ làm được nhiều điều tốt hơn những ai không được ơn ấy, tuy đức ái ở phần thượng đẳng của những người này không hề kém.*" (Ep V, 513).

[176] Mầu nhiệm Ba Ngôi là cơ sở, đồng thời là đỉnh cao của nền thần bí của thánh I-nhã. Điều này rõ ràng nhất trong tập *Nhật ký thiêng liêng* của ngài. Xin cũng đọc thêm bài "*Nguồn hứng Ba Ngôi trong linh đạo thánh I-nhã*" của cha P. Arrupe, S.J; trong *Sống đặc sủng thánh I-nhã*, Hiền Linh 2001.

[177] Mọi loài thụ tạo đều xuất phát từ Thiên Chúa Duy Nhất và Ba Ngôi.

[178] Mấy lần thánh I-nhã nói không nhớ hết được chi tiết các ơn đã nhận (x. Số 96).

[179] Xem Mt 3,8-10; 7,17-19; 13,8; Lc 3,8-9; 6,43; 13,9. Đây là điều rất quan trọng trong linh đạo thánh I-nhã: hiệu quả tông đồ sẽ chi phối các qui định cơ bản về đời tu trong Dòng Tên.

[180] Nguyên văn là tiếp xúc với các linh hồn.

[181] Thay đổi bên ngoài thứ ba, sau thay đổi về ngủ nghỉ (số 26) và về ăn uống (số 27). Thánh I-nhã thay đổi do hai nguyên nhân: ơn an ủi và kết quả tông đồ. Trong thư gửi cha Antonio Araoz, S.J., ngày 31.10.1547, thánh I-nhã viết: "*Xác cũng như hồn đều do Chúa, phải gìn giữ để phục vụ Thiên Chúa chí tôn. Vì vậy, phải lo đàng hoàng cho cả hai, vì yêu mến Đáng là Tạo Hóa và Chúa chúng ta.*"

[182] Sau mầu nhiệm Ba Ngôi và mầu nhiệm Sáng Tạo, thánh I-nhã được ơn soi sáng về mầu nhiệm Thánh Thể.

[183] X. Các số 41, 48.

[184] Cha J. De Guibert nhấn mạnh hai nét : (1) các thị kiến này rất nghèo về hình ảnh; (2) tuy nhiên, các thị kiến này ảnh hưởng sâu xa và lâu dài nơi thánh I-nhã. Theo tác giả này, chúng ta không giải thích được thấu đáo nếu đó chỉ là những thị kiến bằng hình ảnh, cho dù có nguồn gốc ngoại nhiên. Nội dung của các thị kiến ấy được diễn tả qua những hình dạng thị giác và theo mức độ những hình ảnh này có thể bộc lộ được. Nhưng các hình ảnh thánh I-nhã thuật lại chỉ có thể cho ngài biết những chân lý sơ sài nhất về Ba Ngôi. Giả như đó chỉ là những ảo giác thì lại càng khó giải thích hơn nữa. Do đó, phải nhìn nhận là ngay từ Manresa, các ân huệ thánh I-nhã nhận được thực chất là những ơn soi sáng cao trọng, đó Thiên Chúa trực tiếp phú ban cho trí khôn ngài, còn các hình ảnh ngài ghi nhận chỉ là hiệu ứng của ơn soi sáng ấy trên một tâm hồn dễ rung động nhưng thiếu hình ảnh tượng trưng thích hợp với bình diện nhận thức này (*La Spiritualité de la Compagnie de Jésus, Esquisse historique*, Rome 1953, trang 13-14).

[185] Có lẽ là nhà thờ tại đan viện Thánh Phaolô Ân Tu, dòng Xitô, ở phía đông nam Manresa.

[186] Sự kiện này diễn ra vào cuối tháng 8 hay đầu tháng 9 năm 1522, thường được gọi là *On Soi Sáng Cardoner*. Đây là cao điểm của 'giáo án' mà 'thầy giáo' Thiên Chúa dành cho 'học trò' I-nhã. Hình như những gì Thiên Chúa ban không phải là điều này hay điều kia, nhưng là một ánh sáng siêu nhiên mãnh liệt giúp thánh I-nhã xác tín về các chân lý đức tin đã được dạy trước đó, đồng thời xác tín về ơn gọi tông đồ ngài đã bắt đầu nhận ra. Điều này chẳng những được coi là *cốt lõi* của Linh Thao, mà còn được coi là *hạt giống* sẽ nảy nở thành Dòng Tên. Có thể so sánh với *kinh nghiệm Giordan*: phần nào như Chúa Giêsu khi chịu phép rửa, thánh I-nhã được Thiên Chúa cho biết kế hoạch cứu độ và vai trò mình phải thể hiện trong kế hoạch ấy. Xem P. Cantin, *L'illumination du Cardoner*, Sciences ecclésiastiques, Janvier 1955; P. Arrupe, *On Soi Sáng Cardoner*, trong bài *Nguồn hứng Ba Ngôi của đặc sủng thánh I-nhã*, Hiền Linh 2001.

[187] Xem số 19 về vật thể hình dáng con rắn có nhiều điểm lấp lánh như con mắt.

[188] Nhờ ánh sáng của ơn nhận được tại Cardoner, thánh I-nhã nhận ra *con rắn đẹp* vẫn thường xuất hiện chính là ma quỷ đến cám dỗ ngài. Phần nào như Chúa Giêsu trong hoang mạc nhận ra ma quỷ cám dỗ về vinh hoa trần gian đã xua đuổi: "*Xéo đi*" (Mt 4,11).

[189] Có lẽ vào mùa hè năm 1522. Thánh I-nhã hãm mình thái quá nên bị bệnh, chúng ta cũng chẳng lấy gì làm lạ,

[190] Trước đây thánh I-nhã khốn khổ mấy tháng vì thấy mình tội lỗi. Giờ đây đến cám dỗ ngược lại : ngài thấy mình thánh thiện! Có thể đây là tiếng chuông báo hiệu Chúa sắp dẫn ngài vào trường huấn luyện đức khiêm tốn.

[191] Xem số 91.

[192] Sau cơn bệnh này, thánh I-nhã xin từ nhiệm Bề Trên Cả Dòng Tên (xem thư ngày 30.1.1551), nhưng các cha đầu tiên không chấp thuận.

[193] Nhân dịp gần chết ở Manresa, thánh I-nhã liên tưởng đến hai lần gần chết khác. Cả ba lần ngài đều không sợ chết. Tuy nhiên, chúng ta thấy rõ những bước tiến thiêng liêng. Lần đầu, ngài không sợ, vì nghĩ mình là người công chính. Lần thứ hai, ngài không sợ, nhưng hồi tiếc vì đã phạm ơn Chúa. Lần thứ ba, ngài vui mừng, hẳn là vì chết thì được kết hiệp trọn vẹn và vĩnh viễn với Chúa. Cái tội của ngài dần dần nhường chỗ cho Chúa.

[194] Lúc này thánh I-nhã được dân chúng Manresa quý mến, nên chính làng đứng ra lo việc chữa trị. Ngài được đưa đến nhà ông Antonio Benito Ferrera. Ngài nhớ rõ gia đình này vì sau đó một người con trong gia đình sẽ giúp việc cho ông Baltasar da Faria là đại diện vua Bồ Đào Nha tại Rôma từ năm 1543 đến năm 1551, mà thánh I-nhã quen biết.

[195] Trước đó, thánh I-nhã đã giúp nhiều người, đặc biệt là các phụ nữ, học giáo lý và tập cầu nguyện. Người ta rất kính trọng ngài, gọi ngài là *ông thánh*.

[196] Thánh I-nhã thường chỉ mặc một cái áo dài, đầu trần, chân không, nên các bà thấy là phải ăn mặc đầy đủ hơn mới chịu nổi cái lạnh khắc nghiệt của mùa đông.

[197] Lúc thánh I-nhã khỏe lại, có thể làm việc tông đồ được, thì mùa xuân đã đến. Đây là thời gian thuận tiện để đáp tàu từ Barcelona sang Ý, xin phép Đức Thánh Cha tại Rôma, rồi phải đến Venezia vào mùa hè để đáp tàu hành hương đi Giêrusalem. Manresa đã để lại dấu ấn không bao giờ phai mờ được nơi thánh I-nhã và trong Dòng Tên. Tính từ ngày rời Barcelona đến ngày trở lại Barcelona lần đầu, thánh I-nhã dành ra xấp xỉ một năm cho cuộc hành hương. Ngài chỉ ở trên Đất Thánh 18 ngày. So với thời gian ở Manresa, ngài không được nhiều ơn đặc biệt lắm. Tuy nhiên, ngài thuật lại chuyện đi khá kỹ. Tại sao? Chắc không phải chỉ vì đã lớn tuổi, ngài miên man với quá khứ. Chính ngài nói đó là thời gian ngài thực tập đức tin, đức cậy và đức mến. Đó là những ngày tháng không hẳn là được soi sáng và an ủi mãnh liệt, trái lại phải trải qua nhiều gian khổ và nguy hiểm, lúc được đón tiếp và giúp đỡ, lúc bị từ chối và xua đuổi. Đó là điều ngài chờ mong nơi các Giêsu hữu, những người sẽ phải đi đây đi đó khắp mặt đất để *giúp đỡ các linh hồn*. Chính vì vậy, trong Hiến Chương Dòng Tên, ngài ấn định hành hương là một *thực nghiệm* cho tập sinh, điều trước đó chưa từng có trong các dòng tu.

[198] Chính xác là khoảng giữa tháng 2.

[199] Một số người theo tiền chân thánh I-nhã đến tận cầu Vilomara trên sông Llobregat, cách Manresa 5 km.

[200] Cách Manresa chừng 50 km về phía đông nam. Lúc ấy Barcelona là một thành phố có 30.000 dân và có tường thành dài 5 km bao quanh. Tại Barcelona, ngài ở trọ nhà bà Inés Pascual (ngài đã quen tại Manresa), gần bến cảng. Theo José Ignacio Tellechea Idígoras, có lẽ bà Inés Pascual là người phụ nữ duy nhất trên đời được thánh I-nhã gọi là mẹ (*Ignatius of Loyola, The Pilgrim saint*, Loyola University Press, Chicago, 1994, trang 228). Cha W. J. Young, S.J., cho biết "*Thánh I-nhã luôn luôn coi bà như là mẹ của ngài, và hết sức kính trọng bà*" (*Letters of St. Ignatius of Loyola*, Loyola University Press, Chicago, Illinois 1959, trang 4).

[201] Thánh I-nhã không nói rõ là ngài đi Giêrusalem, chỉ nói đi Rôma thôi, vì sợ căm dỗ hư vinh, nên người ta nghĩ cần phải biết tiếng Ý.

[202] Công tước xứ Cardona là người thuộc hàng quý phái và nổi tiếng nhất ở xứ Catalunya. Ngoài ra, thánh I-nhã biết em gái hay chị của công tước, vì đó chính là vợ của công tước xứ Nájera mà ngài từng giúp việc.

[203] Nguyên văn: *có các nhân đức*. Đề ý: (1) chiều sâu thiêng liêng của chuyến hành hương: ba nhân đức đối thần; (2) thánh I-nhã đặt đức mến lên đầu.

[204] Không chịu có người cùng đi, không có tiền mà được người ta cho đi tàu, chỉ còn phải mang bánh mì khô đủ cho mình ăn, thế mà thánh I-nhã phải bối rối. Điều then chốt là vì ngài muốn chỉ trông cậy và tin tưởng nơi một mình Thiên Chúa thôi. Chắc chắn thái độ của ngài phần nào '*cực đoan*', nhưng phải nhớ là ngài đang muốn *thực tập đức cậy, đức tin và đức mến*. Xưa kia tổ phụ Abraham quyết định hiến tế Isaac chẳng phải là '*cực đoan*' sao? "*Con chồn có hang, con chim có tổ, Con Người không có chỗ dựa đâu*" (Lc 9,58) chẳng phải là '*cực đoan*' sao? Đây không còn phải là vấn đề hợp lý nữa, nhưng là đòi hỏi siêu lý. Đúng là "*trái tim có những lý lẽ mà lý trí không hiểu được*" (Pascal). Thánh I-nhã đang được Thiên Chúa huấn luyện để có khả năng làm tông đồ trong bất kỳ hoàn cảnh nào, như thánh Phaolô: "*Tôi sống thiếu thốn cũng được, mà sống dư dật cũng được. Trong mọi hoàn cảnh, no hay đói, dư dật hay túng bần, tôi đã tập quen cả. Với Đấng ban sức mạnh cho tôi, tôi chịu được hết.*" (Pl 4,12-13). Sau này, trong thư gởi cha Nicolas Bobadilla năm 1543, thánh I-nhã viết: "*Nếu đôi khi phải thiếu thốn, tôi nghĩ*

rằng Thiên Chúa có ý thử tôi, cho tôi cơ hội để có công phúc hơn trong việc phục vụ, ca ngợi và tôn vinh Người."

[205] Thánh I-nhã sợ nếu nói đi hành hương Giêrusalem sẽ được người ta coi là đạo đức, thánh thiện. Đây chính là đề tài trao đổi giữa ngài và cha L. G. da Câmara, sau đó dẫn đến việc ngài kể lại cho cha ấy chép tập Hồi Ký này.

[206] Vì nếu người ta biết một nhà quý tộc, một hiệp sĩ, từ bỏ đời sống thế gian để sống nghèo và chuyên chăm cầu nguyện, ngài sẽ được người ta kính nể, ca ngợi.

[207] Đây là những đồng tiền có mệnh giá thấp nhất ở Tây Ban Nha, tương tự tờ 100 đồng ở Việt Nam, đồng cent ở Hoa Kỳ.

[208] Sau này, trong thư gửi Jacobo Crescenzi ngày 14.6.1544, thánh I-nhã viết: "Với lời khẩn thanh bản, tôi không muốn đồng tiền nào lừng xoảng trong túi khi mình chết."

[209] Khoảng giữa tháng 3 năm 1523.

[210] Xem số 21.

[211] Cha Ribadeneira cho biết trong hai năm đầu, kể từ khi hoán cải, hề nghe nói ở đâu có một người được tiếng là thánh thiện, thánh I-nhã liền tìm đến, chủ yếu là để xem hai bên có *tâm đầu ý hợp không* (FN II, 327-328). Có lẽ như trước kia Chúa đã dồn thánh I-nhã chỉ cậy dựa nơi một mình Chúa để thoát bệnh bối rối, thì nay Chúa cũng đòi thánh I-nhã chỉ cậy dựa vào một mình Chúa trong đời sống thiêng liêng và ơn gọi tông đồ (xem số 35). Dần dần, Chúa sẽ cho ngài tìm được những người tâm đầu ý hợp như Phêrô Favre, Phanxicô Xavier...

[212] Thành phố cảng của Ý, cách Rôma khoảng 130 km về phía nam, cách Napoli khoảng 90 km về phía bắc.

[213] Vào thế kỷ XVI, bệnh dịch hạch hoành hành khá thường xuyên tại Châu Âu và làm rất nhiều người chết.

[214] Thánh I-nhã nổi máu hiệp sĩ! May là ngài đã dâng kiếm và dao găm cho Đức Mẹ Đen ở Montserrat rồi! Bệnh vực những người bé mọn, thể cô sức yếu, sẽ vẫn là một trong những nét nổi bật trong cuộc đời và trong linh đạo thánh I-nhã.

[215] Bệnh dịch thường làm cho nhiều người chết, nên các thành phố ở Ý đóng cổng, chỉ cho ai có giấy chứng nhận sức khỏe tốt được phép vào. Gần Gaeta, về hướng bắc, có hai làng là Paliano, thuộc quyền công tước Ascanio Colonna, và Fondi, thuộc quyền công tước Vespasiano Colonna. Không biết thánh I-nhã nói đến làng nào.

[216] Vợ viên công tước.

[217] Đây là đồng tiền có mệnh giá thấp nhất ở Ý lúc ấy, tương tự tờ 100 đồng ở Việt Nam hiện nay.

[218] Ngày 29.3.1523.

[219] Theo thói quen thời ấy, khách hành hương đi Giêrusalem trước hết phải xin phép và nhận phép lành của Đức Thánh Cha. Thánh I-nhã nhận được phép ngày 31 tháng 3. Văn khố Rôma còn giữ được tên ngài: "*Inigo de Loyola, giáo sĩ giáo phận Pamplona*". Đức Thánh Cha Adrianô VI, người Hà Lan, từng là thầy dạy hoàng đế Carlos V, đang làm thủ tướng Tây Ban Nha thì được bầu làm Giáo Hoàng ngày 9.1.1522. Lúc thánh I-nhã ở Montserrat, thì Đức Thánh Cha Adrianô VI đang ở Barcelona chuẩn bị sang Rôma đăng quang. Hơn 450 năm sau ngài mới lại có một vị Giáo Hoàng khác không phải là người Ý: Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II hiện nay.

[220] Thành phố cửa biển ở đông bắc Ý. Thời ấy, do thỏa ước giữa Đế quốc Ottoman (Thổ Nhĩ Kỳ) và cộng hòa Venezia, tàu hành hương từ Châu Âu đi Giêrusalem đều xuất phát từ Venezia.

[221] Ngày 13 hay 14 tháng 4 năm 1523.

[222] 6 hay 7 ducats thực ra còn xa mới đủ để trả tiền vé tàu.

[223] Hẳn là người kia tưởng thánh I-nhã bị bệnh dịch hạch.

[224] Làng cửa biển, cách Venezia chừng 30 km về phía nam.

[225] Thành phố trong đất liền, cách Chioggia chừng 3 km về phía tây. Padova có phân khoa y học cấp giấy chứng nhận sức khỏe.

[226] Xem số 29. Đối với thánh I-nhã, việc Chúa Giêsu hiện ra trên đường đến Padova mang ý nghĩa chính Chúa che chở ngài trong cuộc hành hương, không cần lo âu về tiền bạc hay giấy chứng nhận sức khỏe.

[227] Khoảng ngày 14.5.1523, sau 4 tuần đi bộ và một chuyến đò ngắn. Venezia là một thành phố cửa biển. Thời ấy Venezia là một quốc gia độc lập.

[228] Thánh I-nhã không muốn đến xin viên sứ thần của Tây Ban Nha giúp đỡ, vì muốn đặt trọn tin tưởng nơi Thiên Chúa.

[229] Thật ít có ai '*vô lý*' và '*cứng đầu*' như thánh I-nhã! Ngài là hạng '*điếc không sợ súng*' chăng? Người ta có thể lý giải hai cách: (1) chỉ dựa trên những lý do tự nhiên, ngài quả là một kẻ lý lợm, ngang bướng; (2) có một ánh sáng và sức mạnh thần bí soi dẫn và thúc bách ngài. Sau này, thí dụ về việc có người đòi đổi danh hiệu Đoàn Giêsu, ngài cũng '*lỳ lợm*' và '*ngang bướng*' như vậy: ngài đã thực sự có một xác tín thần linh.

[230] Như loài ong đi hút nhụy hoa, sau đó cho mật ngọt.

[231] Đứng ra làm *Thống Lĩnh*, người đứng đầu Nhà Nước Cộng Hòa ở Châu Âu thời Trung Cổ. Viên Thống Lĩnh này tên là Andrea Gritti (1455-1538) vừa mới nhậm chức hôm 5.10.1523, tức là chỉ mấy ngày trước.

[232] Lúc ấy, Venezia vừa mới tiếp thu đảo Síp, phía đông Địa Trung Hải, nên có ba thống đốc được gởi đến ba địa điểm Linassol, Larnaka và Famagusta.

[233] Ngoài khơi tây nam Thổ Nhĩ Kỳ hiện nay. Đảo này bị người Thổ Nhĩ Kỳ chiếm vào tháng 12 năm 1522. Thổ Nhĩ Kỳ, dưới danh xưng Đế quốc Ottoman, đạt tới đỉnh cao sức mạnh dưới thời Suleyman I

(1520-1566), trở nên mối đe dọa nguy hiểm cho Châu Âu. Vì chỉ còn lại 21 người hành hương, con số quá ít đối với chiếc tàu hành hương đã dự trù, nên những người hành hương được đưa xuống hai tàu buôn: 13 người trên chiếc tàu nhỏ mà thánh I-nhã gọi là '*tàu hành hương*', còn 8 người kia, trong đó có thánh I-nhã, trên tàu *Negrona* mà thánh I-nhã gọi là '*tàu các thống đốc*'.

[234] Ngày 29.6.1523.

[235] Ngày 14.7.1523.

[236] Nay là Larnaka. Theo nhật ký của P. Fussli, người Thụy Sĩ cùng đáp chuyến tàu *Negrona* với thánh I-nhã, trên tàu có đoàn thủy thủ 32 người và nhiều hành khách gồm các quan chức chính quyền, vợ con và gia nhân họ, và các nhà buôn. Ngày 14 tháng 8, tàu cập bến cảng Famagusta trên đảo Síp. Các viên thống đốc lên bờ tại đó. Đáng lẽ tàu sẽ chạy tiếp đến Beyrouth ở Libăng, rồi những người hành hương sẽ đi đường bộ đến Giêrusalem. Nhưng được tin Beyrouth có bệnh dịch hạch, thuyền trưởng quyết định cho tàu dừng lại. 8 người hành hương phải đi bộ gần 50 km đến Larnaka.

[237] Vẫn theo Fussli, viên thuyền trưởng *tàu hành hương* định bỏ 13 người hành hương trên đảo Síp, nhưng 7 người trên tàu *Negrona* đồng ý trả mỗi người 20 ducats cho chuyến khứ hồi Đảo Síp-Jaffa. Được một món tiền lớn, viên thuyền trưởng *tàu hành hương* cho cả thánh I-nhã đi miễn phí.

[238] Thị trấn ven biển Địa Trung Hải, cách Giêrusalem chừng 55 km về hướng tây bắc. Vẫn theo Fussli, tàu cập bến Jaffa ngày 25.8.1523. Trước khi những người hành hương lên bờ, viên thuyền trưởng phải đi Ramle báo tin cho các tu sĩ dòng Thánh Phanxicô, là những người phụ trách các Nơi Thánh, rồi đi Giêrusalem xin giấy thông hành và xin người Thổ Nhĩ Kỳ cùng đi để bảo vệ an ninh. Đoàn hành hương đặt chân đến Đất Thánh ngày 31 tháng 8 và đi bộ theo toán bảo vệ chờ sẵn. Đường từ Jaffa đến Giêrusalem có thể đi khoảng một ngày là tới, nhưng vì người Thổ Nhĩ Kỳ làm khó nên phải đi mất 4 ngày.

[239] Đoàn hành hương đến Giêrusalem ngày 4 tháng 9. Tại Giêrusalem, đoàn trọ tại nhà tế bần Thánh Gioan, gần nhà thờ Mồ Thánh, nơi khách hành hương thường trọ. Hôm sau, đoàn được các tu sĩ dòng Thánh Phanxicô hướng dẫn theo hành trình truyền thống để thăm các Nơi Thánh: Núi Sion, Nhà Tiệc Ly, Cột Đá nơi Chúa Giêsu bị đánh đòn, tu viện Đức Mẹ An Giác, dinh Khanna, dinh Caipha, dinh Philatô (ngày nay đã được chuyển thành các nhà nguyện), nhà thờ Mồ Thánh. Mồng 6 là Chúa Nhật, đoàn dự lễ tại nhà thờ Mồ Thánh, buổi chiều đi Đường Thánh Giá. Mồng 7, đoàn viếng Bêthania và Núi Ôliu. Mồng 8 và mồng 9, đoàn đi Bêlem. Mồng 10, viếng thung lũng Giôsaphát và suối Kedron. Suốt đêm 11 (thứ sáu), đoàn ở trong nhà thờ Mồ Thánh. Ngày 12 và 13, đoàn nghỉ ngơi. Ngày 14 đi Giêrikhô và sông Giođan (ở đó có người tắm, có người uống nước sông). Vì có 500 kỵ binh Thổ Nhĩ Kỳ từ Damas đến Giêrusalem vào ngày 16, nên đoàn được khuyên ở nguyên trong nhà cho đến hôm rời Giêrusalem, tức là ngày 23.

[240] Tại Loyola, thánh I-nhã nghĩ về cuộc hành hương Giêrusalem như một việc đền tội, sau đó trở về và tiếp tục sống khổ hạnh trong một dòng đan tu hay ở ngoài, chưa nghĩ đến việc ở lại Giêrusalem để thường xuyên viếng các Nơi Thánh và giúp đỡ các linh hồn. Tại Manresa, thánh I-nhã đã '*giúp đỡ các linh hồn*' bằng việc giúp một số người học giáo lý và tập cầu nguyện. Tuy nhiên, đến Giêrusalem, ngoài việc ước ao được thường xuyên viếng các Nơi Thánh, ngài nghĩ cách '*giúp đỡ các linh hồn*' đáng ước ao nhất có lẽ là truyền giáo cho người ngoại để họ nhận biết và tin kính Chúa Giêsu. Ngài sẽ truyền ý tưởng này cho *các cha đầu tiên* làm nên Đoàn Giêsu hay Dòng Tên. Theo bản dự thảo Định Thúc Thẻ Ché (năm 1539), và được Tòa Thánh phê chuẩn năm 1540, Dòng Tên được thành lập để *truyền bá đức tin*; mỗi 10

năm sau, trong bản Định Thúc Thẻ Chế năm 1550, mới thêm *bảo vệ và truyền bá đức tin*. Ai nghĩ Dòng Tên được thành lập để đương đầu với phong trào Tin Lành là không đúng.

[241] Thánh I-nhã rất cương quyết với ý định thánh thiện của mình, nhưng coi quyết định của bề trên có thẩm quyền là ý muốn của Chúa, nên ngài vâng lời.

[242] Phiến đá mà theo truyền tụng Chúa Giêsu đã đứng trên đó trước khi lên trời vẫn được giữ nguyên ở đó. Dấu chân bên trái đã bị xóa gần hết vì khách hành hương hôn kính, nhưng dấu chân bên phải vẫn còn khá rõ. Thánh I-nhã tin đó là nơi Chúa Giêsu lên trời, để lại dấu chân trên đá. Nhưng có lẽ không chỉ là ngài tò mò. Ngài kết thúc Linh Thao với màu nhiệm Thăng Thiên, mà trước khi lên trời, Chúa Giêsu cử các tông đồ đi khắp cùng mặt đất. Ngài không muốn trở về như một người bị trục xuất, nhưng như một tông đồ được Chúa Giêsu cử đi.

[243] Làng Betphaghê ở triền núi Ôliu.

[244] Cha A. Thiry viết: "Có lẽ đây không chỉ là nét cảm động của lòng sùng kính thánh I-nhã có đối với Ngôi Lời Nhập Thể. Hình như ngài muốn biết rõ Chúa Giêsu nhìn về phần nào của thế giới khi cử các môn đệ đi." Sđd trang 88, cước chú 2. Chắc chắn khi biết không được phép ở lại Giêrusalem, và phải đi ngay hôm sau, thánh I-nhã vừa tiếc nuối vừa hoang mang. Hình như ngài muốn trở lại xem vết chân Chúa Giêsu để hiểu là Chúa nhìn về hướng nào và đòi ngài phải nhìn về cùng một hướng với Chúa. Ngài sẽ được chuẩn y khi bị bắt, bị dẫn đi và thấy Chúa Giêsu luôn ở với mình. Hướng Chúa muốn ngài theo sẽ là Hội Thánh, cụ thể là người Kitô hữu thất đai đang lồi ngài đi, và Chúa sẽ luôn luôn ở với ngài trong hướng ấy. Hướng này sau thị kiến La Storta sẽ một lần nữa không cho ngài đến Giêrusalem như ngài mong ước, mà đến Rôma, nơi có vị Đại Diện Đức Kitô trên trần gian.

[245] Từ quen dùng để chỉ giáo dân người Syri giúp việc tu viện Núi Sion của dòng Thánh Phanxicô tại Giêrusalem. Như chúng ta biết là ngày 16 tháng 9, một đoàn kỵ binh từ Damas đã đến Giêrusalem. Đoàn quân này rất thù ghét người Công Giáo. Thậm chí họ đòi chiếm đóng tu viện Núi Sion. Do đó, các tu sĩ lo lắng khi nghe tin thánh I-nhã lên núi Ôliu một mình.

[246] Có lẽ thánh I-nhã chìm ngập trong vui sướng vì thấy mình được Chúa Giêsu cử đi và Chúa luôn ở với mình. Xem Mt 28,19-20. Hoặc ngài hồi tưởng xưa kia Chúa Giêsu cũng bị bắt ở núi Ôliu và cũng bị điệu đi như vậy, và sung sướng vì mình được nên giống Chúa. Trong Linh Thao, thánh I-nhã khuyên người tập xin ơn *khiêm nhường loại ba*, tức là yêu mến Chúa Giêsu đến mức ước ao chia sẻ đau khổ và sỉ nhục với Chúa

[247] Đêm 23.9.1523. Trên đường đi Jaffa, đoàn bị những người Bedouins tấn công và lấy mất đồ ăn. Đến Ramle, đoàn bị những người Thổ Nhĩ Kỳ bắt nhốt và phải chịu đói chịu khát 3 ngày. Cuối cùng, đoàn đến Jaffa ngày 2 tháng 10. Hôm sau, đoàn rời Jaffa đi đảo Síp. Hầu như thánh I-nhã quên hết những trắc trở trên đường, vì lòng tràn ngập niềm vui thiêng liêng.

[248] Tại Larnaka, ngày 14 tháng 10.

[249] Theo truyền tụng, sau khi qua đời tại Giêrusalem, xác thánh Giacôbê tông đồ được đưa xuống một chiếc tàu ở Jaffa, và không cần chèo hay buồm, tàu này tự động đưa xác vị thánh đến miền bắc Tây Ban Nha.

[250] Bản tiếng Tây Ban Nha ghi là *Apulia*, khu vực ở miền nam nước Ý. Tuy nhiên, tàu không thể đi từ *Apulia* đến *Venezia* trong thời gian ngắn, từ thời điểm khắc nghiệt nhất của mùa đông đến giữa tháng Giêng, như thánh I-nhã kể. Do đó người ta nghĩ chắc phải là *Pulia* ở phía nam Trieste, gần *Venezia* hơn nhiều. Trong ba chiếc tàu, chỉ có chiếc tàu nhỏ chở thánh I-nhã thoát nạn, nhưng phải mất hai tháng rưỡi mới đến được *Venezia*. Chuyến đi từ *Venezia* đến đảo Síp của thánh I-nhã trước đó chỉ mất 25 ngày (từ 24 tháng 7 đến 19 tháng 8). Chắc chắn chuyến tàu về đã gặp rất nhiều trắc trở. Vì Frussli về bằng tàu khác, nên chúng ta không biết thêm chi tiết về hai tháng rưỡi chiếc tàu nhỏ của thánh I-nhã rong duỗi thế nào.

[251] Có lẽ là ông Marcantonio Trevisano, nghị sĩ của *Venezia*. Dinh ông này ở đầu vương cung thánh đường Thánh Marcô. Giulii (số ít là *giulio*) là những đồng tiền bằng bạc chế tạo thời Đức Thánh Cha Giulio II (1503-1513). 10 *giulii* đổi được 1 *ducat*.

[252] Nguyên văn bằng tiếng Latinh là '*quid agendum*'. Thánh I-nhã dự định ở lại Giêrusalem để viếng các Nơi Thánh và để truyền giáo cho người Hồi Giáo, nhưng không được phép của giáo quyền, nên phần nào hụt hẫng. Ngài lại tiếp tục lần mò để tìm hiểu ý Chúa.

[253] Điều thánh I-nhã xác tín là Chúa muốn ngài giúp đỡ các linh hồn, tức là hoạt động tông đồ. Ngài định thực hiện bằng việc truyền giáo cho người Thổ Nhĩ Kỳ ở Giêrusalem, nhưng Chúa không muốn. Vì chưa biết phải thực hiện ở đâu, thực hiện thế nào, ngài thấy nên đi học 'để có thể giúp đỡ các linh hồn'. Đối với thánh I-nhã mục đích tông đồ luôn luôn rõ ràng, chỉ phương thế thực hiện là cần suy xét thôi. Tại Manresa, ngài đã thay đổi cách sống để có thể giúp đỡ các linh hồn. Giờ đây, ngài quyết định đi học, vẫn là để có thể giúp đỡ các linh hồn. Tại Barcelona, người ta nói tiếng Tây Ban Nha, và thánh I-nhã có nhiều người giúp đỡ trong việc ăn học, nên ngài quyết định về lại đó. Trong thư gửi anh em Dòng Tên ở Coimbra, Bồ Đào Nha, ngày 27(?) .5.1547, sau khi nói về việc hoàn toàn hiến thân cho Đức Kitô, ngài thêm: "*Hãy sẵn sàng bằng cách miệt mài cố gắng làm cho mình trở nên những khí cụ thích hợp cho ân sủng Thiên Chúa.*" Đối với ngài, đó chính là mục đích của việc học.

[254] Thành phố cửa biển đông bắc nước Ý, cách *Venezia* chừng 250 km, qua Padova, Ferrara và Parma.

[255] Nhà thờ Chính Tòa, dâng kính thánh George.

[256] Từ khi rời gia đình, thánh I-nhã chỉ sống nhờ của bố thí. Thinh thoảng ngài cũng chia sẻ với người khác. Tại Ferrara, ngài ngẫu nhiên trở thành người bố thí, cho đến khi tay trắng lại hoàn trắng tay.

[257] Tức là quân đội hoàng đế Carlos V của Tây Ban Nha. Pháp và Tây Ban Nha lúc ấy đang tranh dành Milano ở miền bắc nước Ý. May là vào đầu năm 1524, hai bên đang trong giai đoạn hòa hoãn.

[258] Nhất định không chịu theo sự khôn ngoan của loài người!

[259] Xem số 49.

[260] Lần đầu tiên thánh I-nhã có thị kiến về Đức Kitô trong cuộc Thương Khó: *Đức Kitô bị dẫn đi* ở đây có thể là khúc dạo đầu của *Đức Kitô và Thánh Giá* tại La Storta sau này.

[261] Bị bắt, bị trói và bị dẫn đi, thánh I-nhã, thường hay đọc bài Thương Khó, lại mới ở Giêrusalem về, liền nhớ đến Chúa Giêsu bị bắt, bị trói, bị dẫn đi. Ngài không lo, không tìm cách thoát, chỉ nghĩ mình đang theo Chúa. Ngài vui thích vì thấy mình được giống Chúa Giêsu.

[262] Trong tiếng Tây Ban Nha, có ba cách xưng hô ở ngôi thứ hai: cách thân mật, cách đơn sơ và cách trang trọng. Thuộc tầng lớp quý tộc, lại được huấn luyện ở các dinh phủ, thánh I-nhã từng nói năng hoa mỹ và xưng hô cầu kỳ, theo kiểu nói *đại nhân, tại hạ, đức ông, chúa công, tướng quân, lệnh bà, công nương...* Trở thành môn đệ Chúa Giêsu, ngài cho là mình bất chước Chúa và các tông đồ khi xưng hô đơn sơ như người bình dân.

[263] Đây là cách phản ứng *agere contra (làm ngược lại)* để thắng một cám dỗ như thánh I-nhã hướng dẫn cho người tập Linh Thao (Lt 97 và 325).

[264] Phần nào thánh I-nhã giống Chúa Giêsu ở dinh Hêrôđê: làm như kẻ khù khờ và bị coi là mất trí, không đáng để người ta bận tâm. Xem Lc 23,8-11.

[265] Có lẽ từ sáng đến tối.

[266] Lần trước thánh I-nhã bị lính Tây Ban Nha bắt, lần này bị lính Pháp bắt.

[267] Làng cửa biển đông nam nước Pháp.

[268] Dân tộc Basco ở hai bên dãy núi Pyrênê, phía nam thuộc Tây Ban Nha, phía bắc thuộc Pháp. Viên sĩ quan quân đội Pháp này cũng là người Basco như thánh I-nhã. Vậy là 'bà con họ hàng cả'!

[269] Tướng Rodrigo Portuondo (bản văn của cha L. G. da Câmara viết là Portundo, nhưng đúng ra phải viết là Portuondo) là người dân tộc Basco, chỉ huy các tàu chiến của Tây Ban Nha. Tỉnh Viscaya ở sát tỉnh Guipuzcoa.

[270] Vua Tây Ban Nha.

[271] Thánh I-nhã thường tháp tùng Thống Đốc đến triều đình (lúc ấy triều đình Tây Ban Nha di động) và có lẽ ngài gặp viên tướng đồng hương ở Sevilla.

[272] Lại chẳng tổn đồng nào!

[273] Đô đốc Andrea Doria, người Ý, quê tại Genova, nhưng phục vụ vua Pháp, nên cho tàu chiến Pháp truy kích tàu chiến Tây Ban Nha.

[274] Cuối tháng 2 hoặc đầu tháng 3 năm 1524. Thánh I-nhã sau này sẽ viết: "*Tôi mắc nợ Barcelona hơn bất kỳ thành phố nào khác trên thế giới*" (Thư gửi Diego Cazador, Venezia 12.2.1536).

[275] Bà này là một phụ nữ giàu có và đạo đức nổi tiếng ở Barcelona. Một hôm thấy thánh I-nhã ngồi với trẻ em ở nhà thờ Sants Just i Pastor, để chăm chú nghe giảng, bà cảm động và mời ngài về nhà dùng bữa. Nghe ngài nói chuyện về Chúa và đời sống thiêng liêng, bà và chồng rất thích, nên giúp đỡ ngài về đời sống vật chất. Bà là ân nhân hàng đầu của ngài trong 2 năm ngài ăn học tại Barcelona cũng như sau này khi ngài ở Paris. Thánh I-nhã sau này viết về việc bà giúp ngài: "*Cả đến cha mẹ cũng không lo cho con cái hơn được*" (Thư gửi Diego Cazador, Venezia 12.2.1536). Năm 1543, sau khi chồng qua đời, bà đến Rôma cùng với hai người bạn gái, Frances Cruyllas và Lucretia Brandina, và năm 1545, cả ba được Đức Thánh Cha cho phép tuyên khấn trong Dòng Tên. Sau đó vì một số rắc rối, cả ba được giải lời khấn năm 1546. Bà trở về Barcelona năm 1547, gia nhập tu viện *Santa Maria de Jerusalem*, và qua đời tại đó năm 1554. Hiện nay, tại cộng đoàn Dòng Tên số 3 Carrer Palau, Barcelona, trong nhà nguyện từng là

nhà nguyện Triều Đình, nơi tôn kính Đức Mẹ Chiến Thắng, còn lưu giữ và trưng bày một cái nệm và một cái ghế thánh I-nhã từng sử dụng tại nhà bà Isabel Roser.

[276] Cử nhân Jeronimo Ardevol nhận lời đề nghị của bà Isabel Roser dạy thánh I-nhã học tiếng Latinh, điều bắt buộc phải biết để có thể học các môn khác.

[277] Thánh Bênadô (1074-1153) là vị thánh nổi tiếng nhất dòng Xitô, mặc dầu không phải là vị sáng lập, nên nhiều người gọi dòng Xitô là dòng Thánh Bênadô. Dòng chiêm niệm Xitô được thành lập tại Pháp năm 1098, do thánh Rôbertô, tách khỏi dòng Thánh Biển Đức, chủ trương sống nghèo, tự lực mưu sinh, nhấn mạnh đến đời sống phụng vụ như thánh lễ và hát kinh thần vụ. Dòng Xitô có đan viện Thánh Phaolô Ân Tu tại Manresa, gần nơi thánh I-nhã được *On Soi Sáng Cardoner*. Đến đây, thánh I-nhã quyết định đi học, nhưng hình như vẫn muốn giữ nguyên nếp sống ở Manresa.

[278] Ban đầu, thánh I-nhã học riêng một mình. Năm 1525, thầy Ardevol trở thành giảng viên đại học Barcelona, nên ngài đến lớp học chung với các thiếu niên.

[279] Thời ấy, ở Châu Âu, muốn học lên cao thì phải học tiếng Latinh. Thánh I-nhã lúc ấy rất sốt sắng với việc đạo đức. Việc học thì không phải là dễ: ngài đã trên 30 tuổi rồi, mà tiếng Latinh lại rất hóc búa. Việc ngài bị cảm dỗ bỏ học là chuyện thường tình.

[280] Nhà thờ lớn ở Barcelona, gần cảng. Trong thời gian 2 năm ăn học tại Barcelona, thánh I-nhã ở trọ nhà bà Inés Pascual. Ngài đã quen bà trong thời gian ở Manresa. Bà có một cửa tiệm nhỏ tại Barcelona, gần nhà thờ Đức Mẹ Biển. Ngài được bà cho ở trong một phòng nhỏ. Hằng ngày, ngài đi xin ăn trên đường phố, không phải vì bà Roser hay bà Pascual không lo được, nhưng vì ngài muốn sống bằng của bố thí. Xin được gì, ngài giao hết cho bà Pascual.

[281] Ở đây chúng ta có thể lưu ý 2 điều: (1) Thánh I-nhã nhận ra đó là cám dỗ, và (2) cách ngài vượt thắng được.

[282] Trong thời gian đi học ở Barcelona, thánh I-nhã vẫn dành nhiều thời giờ để cầu nguyện, vẫn làm việc hãm mình, và *giúp đỡ các linh hồn* bằng việc dạy giáo lý, hướng dẫn Linh Thao cũng như gặp gỡ riêng. Mấy năm sau ngài mới nhận ra là như vậy việc học hành không đạt kết quả tốt.

[283] Thị xã ở Tây Ban Nha, cách Barcelona chừng 500 km về phía tây nam, cách Madrid chừng 30 km về phía đông.

[284] Trong thời gian ở Barcelona, thánh I-nhã gặp được ba người trẻ cũng ước ao giúp đỡ các linh hồn như ngài: *Calixto de Sa* (hình như quê ở Segovia, Tây Ban Nha, đã hành hương Giêrusalem năm 1524, trước khi gặp thánh I-nhã); *Lope de Caceres* (quê ở Segovia, Tây Ban Nha, từng giúp việc cho phó vương xứ Catalonia); và *Juan de Arteaga* (quê ở Estepa, Tây Ban Nha). Tạm biệt Barcelona, ngài đi bộ một mình đến Alcalá để tiếp tục việc học. Hình như tại Barcelona ngài chưa tha thiết gì lắm với các bạn cùng chí hướng, nên không thấy nhắc đến lần nào, và cũng không đem theo khi đi Alcalá.

[285] Đối với đa số dân chúng, người mạnh khỏe như thánh I-nhã mà đi xin ăn thì đúng là đáng chê cười và khinh bỉ. Chắc chắn ngài biết điều ấy. Dầu vậy, ngài vẫn muốn làm như thế để thực sự đặt hết tin tưởng nơi Thiên Chúa.

[286] Antezana là tên người sáng lập. Tên chính thức của nhà tế bần ấy là *Đức Mẹ Từ Bi*.

[287] Có lẽ không chỉ là thương hại, nhưng phần nào cảm phục thánh I-nhã.

[288] Tọa lạc bên bờ sông Henares, thị xã Alcalá hãnh diện với trường đại học được Đức Hồng Y Ximenes de Cisneros, Tổng Giám Mục Toledo, thành lập năm 1508. Đến năm 1526, khi thánh I-nhã đến, Alcalá đã trở thành một trung tâm văn hóa nổi tiếng rồi.

[289] Mặc dầu thánh I-nhã học ba môn, nhưng hình như ngài không đăng ký chính thức, nên trong danh sách sinh viên không thấy có tên ngài. Có lẽ ngài chưa có chương trình lâu dài mà chỉ muốn *học tất* một số điều để có thể dạy giáo lý và hướng dẫn Linh Thao. Môn biện chứng tức là *luận lý học*. Domingo Soto (1494-1560) từng là giáo sư tại Alcalá trước khi vào Dòng Đaminh năm 1524, là tác giả cuốn *Summulae*, sách giáo khoa luận lý học mà thánh I-nhã dùng; cuốn này mãi đến năm 1529 mới được ấn hành, nhưng có lẽ đã được sử dụng tại Alcalá từ trước. Môn vật lý tức là *triết học về thiên nhiên* hay *vũ trụ luận*. Sách giáo khoa là bộ *Physicorum libri VIII* của thánh Albertô Cả (1200-1280), được soạn trong các năm 1245-1248, là bản bình giải rộng rãi triết lý về thiên nhiên của Aristôt. Tôn sư các Luận Đề là tước hiệu người ta dùng để gọi nhà thần học Pierre Lombard (1095-1160). Bộ *Sententiarum libri IV*, được hoàn tất năm 1157, trình bày có hệ thống nền *thần học kinh viện*, đã trở thành sách giáo khoa chính về thần học suốt thời Trung Cổ.

[290] Chắc không phải Linh Thao 30 ngày, nhưng là một số những bài tập được gọi là *nhẹ*: cắt nghĩa các điều răn, phân biệt tội trọng với tội nhẹ, các cách cầu nguyện và xét mình, việc xưng tội và rước lễ hằng tuần.

[291] Có thể thánh I-nhã ám chỉ điều cha Polanco thuật lại: "Trong một phần căn nhà nơi ngài ở, (nhà này có ma), trong khi ban đêm lo lắng sợ hãi, ngài thấy là vô cố, ngài không chịu thua, nhưng kêu cứu Chúa. Ngài bắt đầu vừa nghĩ vừa nói lớn để thách thức ma quỷ: được Chúa cho phép làm gì thì cứ làm, ngài sẵn lòng chịu mọi sự Chúa muốn, ma quỷ chẳng làm được gì ngoài quyền phép Chúa. Với thái độ kiên quyết ấy, và với lòng tin cậy vững vàng, chẳng những đêm ấy ngài thoát khỏi nỗi sợ hãi ma quỷ mà từ đó đêm đến ngài không còn sợ gì nữa" (FN II, 145).

[292] Một linh mục quê ở Estella, tỉnh Navarra, lúc ấy đang ở với anh là Miguel, chủ một nhà in ở Alcalá. Sau này, theo lời khuyên của thánh I-nhã (trong thư viết tại Venezia ngày 16.11.1536: "*Con nghĩ Linh Thao là điều tốt nhất trên đời này để giúp một người thu được lợi ích cho mình cũng như để người ấy đem lại ích lợi cho người khác.*"), cha ấy tập Linh Thao 30 ngày do cha J. Domenech hướng dẫn, rồi vào Dòng Tên, và làm cha giải tội cho thánh I-nhã tại Rôma một thời gian.

[293] Từ Barcelona tới.

[294] Mặc dầu sống nhờ của bố thí, thánh I-nhã vẫn lo giúp đỡ người nghèo. Sau này trong Định Thức Thê Chế cũng như trong Hiến Chương Dòng Tên, ngài luôn luôn dành chỗ cho hoạt động bác ái đi kèm với việc giúp đỡ các linh hồn về đời sống thiêng liêng. Hiện nay, chiều *kíchthăng tiến công bình* được Dòng Tên coi là điều sinh tử đối với Dòng.

[295] Một số phụ nữ và trẻ em tập họp đây đó nghe thánh I-nhã dạy giáo lý hay dạy cầu nguyện: đó là điều lạ thường ở Alcalá. Chẳng những vậy, còn có những người xui, ói mửa, hoặc làm những việc khác thường. Người ta thắc mắc về ngài, về các bạn cùng chí hướng, và việc họ dạy giáo lý. Vì mọi người trong nhóm đều mặc quần áo vải thô may cùng một kiểu, nên vô tình người ta để ý. Không phải là linh mục, lại giảng dạy ngoài đường: có người nghĩ là họ theo *phái Luther*, tức là Tin Lành; có người lại nghĩ

họ thuộc nhóm *Thần khai*, tiếng Tây Ban Nha là *Alumbrados*, chủ trương tiếp xúc trực tiếp với Chúa Thánh Thần, không cần qua giáo quyền hay nghi lễ. Cả hai đều là đối tượng của Tòa Án Giáo Lý.

[296] Một tổ chức của chính quyền Tây Ban Nha, buộc mọi người dân phải theo giáo lý Công Giáo, và phạt, có khi là tử hình, những người bị kết án là *lạc giáo* hay *ly giáo*.

[297] Alcalá thuộc Tổng Giáo Phận Toledo.

[298] Có hai vị thanh tra đến Alcalá họp với vị Tổng Đại Diện của Đức Tổng Giám Mục tại Alcalá là cha Juan Rodriguez de Figueroa làm thành Ban Thanh Tra. Ban này họp ngày 19.11.1526, triệu tập 4 nhân chứng để hỏi về cách sống và nội dung giảng dạy của thánh I-nhã và các bạn cùng chí hướng. Kết quả Ban Thanh Tra thấy là không có gì sai trái, nên không triệu tập thánh I-nhã và các bạn cùng chí hướng. Hai vị thanh tra trở về Toledo và giao cho cha Figueroa thông báo cho thánh I-nhã và các bạn cùng chí hướng.

[299] Về sau, Hoàng đế Carlos V bổ nhiệm cha Figueroa làm nhiếp chính vương quốc Napoli, rồi chủ tịch Hội Đồng Hoàng Gia Castilla.

[300] Ngày 21.11.1526.

[301] Nghĩa là *Gioan Nhỏ*, có lẽ để phân biệt với Juan de Arteaga là Gioan lớn, tên thật là *Jean Reynald*, mới vào nhóm tại Alcalá.

[302] Có lẽ thánh I-nhã ngậm than phiền: ngài và các bạn đâu có lỗi gì mà bị giáo quyền áp đặt kỷ luật.

[303] Thánh I-nhã luôn luôn muốn thi hành ý Chúa, mà Chúa Giêsu nói với các tông đồ: "*Ai nghe anh em là nghe Thầy; và ai khước từ anh em là khước từ Thầy; mà ai khước từ Thầy là khước từ Đấng đã sai Thầy*" (Lc 10,16), nên hễ giáo quyền ra lệnh là ngài tuân hành.

[304] Ngày 6.3.1527.

[305] Cha Figueroa triệu tập ba nhân chứng, nhưng cả ba đều ca ngợi cách sống cũng như việc giảng dạy của thánh I-nhã, nên chẳng có vấn đề gì.

[306] Cha Bartholomé de Bustamente gia nhập Dòng Tên năm 1552. Trước đó, cha ấy từng là thư ký của Đức Tổng Giám Mục Toledo, nên có thể kể cho cha L. G. da Câmara về điều này.

[307] Ngày 18 hay 19 tháng 4, tức là hôm thứ năm hay thứ sáu Tuần Thánh.

[308] Có lẽ cha Manuel Miona, cha giải tội của thánh I-nhã tại Alcalá và sau này tại Paris. Cha này sẽ gia nhập Dòng Tên năm 1545.

[309] Chỉ đổi địa điểm!

[310] Vợ của viên quan coi công khổ Castilla, nổi tiếng là bác ái và sùng kính Thánh Thể.

[311] Có lẽ thánh I-nhã nhớ lời Chúa Giêsu: "Anh em hãy ghi lòng tạc dạ điều này, là anh em đừng lo nghĩ phải bào chữa cách nào" (Lc 21,14).

[312] Cùng với một kiểm sát viên.

[313] Ngâm ý nghi ngờ thánh I-nhã dạy giáo lý đạo Do Thái. Ở Tây Ban Nha có nhiều người, vì chính quyền ép buộc, bên ngoài theo Công Giáo, nhưng vẫn ngầm giữ đạo Do Thái. Thánh I-nhã trả lời: *"Các ngày thứ bảy, con làm việc kính Đức Mẹ, không giữ điều gì khác. Và lại, ở quê con, tỉnh Guipuzcoa, không có ai theo đạo Do Thái."* FN 1: 174.

[314] Được triệu tập ra trước thẩm quyền tư pháp, Thánh I-nhã trước đó đã phải thề. Nếu dịch thành câu trực tiếp, như bản dịch Latinh làm, thì thánh I-nhã nói thề này: *"Nhân danh lời đã thề, xin thưa là không."*

[315] Theo truyền tụng, Chúa Giêsu trên đường lên Đồi Sọ đã được một phụ nữ gọi là Vêrônica lau mặt cho, và tấm khăn ấy, có in hình khuôn mặt Chúa, được giữ tại một ngôi đền tại Jaen, miền Andalucia, cách Alcalá khoảng 500 km về phía nam. Thực ra một số nơi khác cũng tự nhận là lưu giữ tấm khăn ấy.

[316] Bà Maria del Vado và cô con gái là Luisa Velasquez, cùng với cô giúp việc là Catalina đột ngột biến khỏi Alcalá. Tiến sĩ Pedro Ciruelo, người bảo trợ họ, biết là họ thường tiếp xúc với thánh I-nhã, nên nghi ngại xúi giục họ. Ông tố cáo với cha Tổng Đại Diện. Chính cha này ra lệnh bắt giam thánh I-nhã.

[317] Chắc hai mẹ con ấy đã bày tỏ ước nguyện với thánh I-nhã, và vì ngài khuyên làm điều khác, nên họ cứ đi mà không cho ngài biết.

[318] Nhưng thánh I-nhã vẫn bị giam tiếp.

[319] Cách Alcalá khoảng 150 km về phía tây bắc, bên kia dãy núi Guadarrama.

[320] Thánh I-nhã có tài vận động, thí dụ cho Calixto được thả, và sau này nhiều điều khác quan trọng hơn nữa, nhưng nhất định không vận động cho mình. Ngài luôn luôn đòi hỏi mọi sự, về phần ngài, phải trắng đen rõ ràng, trước là vì ngài muốn chia sẻ với Chúa Giêsu, sau là ngài sợ thiệt hại đến hoạt động tông đồ.

[321] Ngày 21.5.1527 (FN 1: 448). Họ đến gặp cha Tổng Đại Diện và cho biết hai mẹ con đi hành hương đến Jaen để viếng đền Thánh Nhan. Rồi họ đi Guadalupe để cầu nguyện trước một tượng Đức Mẹ hay làm phép lạ. Họ cũng cho biết là họ tự ý đi chứ không phải do thánh I-nhã khuyên.

[322] Tức là mặc áo chùng thâm, đội mũ vuông đen. Sau này, chỉ còn các linh mục và chủng sinh mặc như vậy.

[323] Thánh I-nhã nói 4 năm, nhưng bản án chỉ nói 3 năm (xem FN 1: 450, số 31). Có lẽ ngài nhớ lộn với bản án 4 năm ở Salamanca sau này (xem số 70).

[324] Ngày 21.6.1527.

[325] Đức Tổng Giám Mục đến hoàng cung tại Valladolid, cách Alcalá khoảng 200 km về phía tây bắc, để rửa tội cho hoàng tử Felipe, con trai hoàng đế Carlos V, sinh ngày 21.5.1527. (Sau này hàng tử sẽ kế vị cha, tức là vua Felipe II của Tây Ban Nha). Đức cha Alonso de Fonseca, làm Tổng Giám Mục Toledo từ năm 1524 đến năm 1534, là một người đầu óc cởi mở, chuộng học thức, thậm chí gần như đỡ đầu cho Erasme, một học giả bị Hội Thánh nghi ngờ về giáo lý.

[326] Vì ở ngoài tổng giáo phận Toledo.

[327] Do cha Tổng Đại Diện của ngài tại Alcalá.

[328] Xem cước chú về cách xưng hô ở số 52.

[329] Vậy là thánh I-nhã đã quyết định bỏ Alcalá đi Salamanca trước khi gặp Đức Tổng Giám Mục Toledo. Các bạn cùng chí hướng đã đến Salamanca trước ngài. Ngài đi gặp Đức Tổng Giám Mục để làm gì? Có lẽ chỉ để chứng tỏ ngài hoàn toàn tuân phục giáo quyền. Biết đâu chẳng vì vậy mà ngài và các bạn được trở về Alcalá! Ít là để sau này, nhờ vị Tổng Giám Mục này đã biết, ngài đỡ bị khó khăn trong hoạt động tông đồ. Có lẽ chính thái độ cởi mở của Đức Tổng Giám Mục làm ngài hi vọng. Tuy nhiên, về sau không thấy ngài nhắc lại vị này nữa.

[330] Ngài thành lập học viện Thánh Giacôbê ở Đại Học Salamanca. Vào thời thánh I-nhã, *học viện* hiểu là một *phân viện đại học có ký túc xá* cho sinh viên.

[331] Giữa tháng 7 năm 1527. Thánh I-nhã đi bộ, như thường lệ, vượt qua hơn 100 km từ Valladolid đến Salamanca ở phía tây nam. Tại sao ngài quyết định đi Salamanca? Chúng ta có thể phỏng đoán: (1) Salamanca nằm ngoài thẩm quyền Tổng Giáo Phận Toledo, nên ngài có thể tiếp tục làm việc tông đồ (2) Đại học Salamanca là đại học nổi tiếng nhất ở Tây Ban Nha thời ấy: ngài hi vọng sẽ học hành đàng hoàng hơn để làm việc tông đồ tốt hơn.

[332] Trong khi thánh I-nhã đi Valladolid, 4 người bạn cùng chí hướng đã đến Salamanca trước. Từ *nhóm* ở câu này trong bản văn Tây Ban Nha là *compania*. Sau này ở Vicenza, năm 1537, với một *nhóm* khác, thánh I-nhã và các bạn cùng chí hướng sẽ tự xưng là *Compania de Jesús* mà chúng ta sẽ dịch là *Đoàn Giêsu*. Chúng ta thấy ngay từ đây *compania* chỉ có nghĩa là một nhóm các bạn cùng chí hướng tông đồ, không dính chút nào đến ý nghĩa quân sự như đôi khi có người nghĩ.

[333] Thánh Stêphanô. Tu viện gồm đa số các cha là giáo sư đại học nổi tiếng là một trung tâm trí thức và một thành trì bảo vệ giáo lý chân chính.

[334] Ban đầu, cụm từ *vita apostolica* (*đời sống tông đồ*) chỉ đời sống nghèo khó cộng đoàn trong các cộng đoàn tu sĩ, theo gương cộng đoàn tín hữu tiên khởi tại Giêrusalem. Về sau, từ khi các dòng tu khát thực, đặc biệt dòng Đaminh ra đời, cụm từ này mang ý nghĩa là đi rao giảng như các thánh Tông Đồ.

[335] Nghe có vẻ vô tội vạ, nhưng đây là cái bẫy hết sức nguy hiểm. Nhóm *thần khải* cho rằng họ được Chúa Thánh Thần soi sáng trực tiếp, không cần phải học. Nếu nhận là *do Chúa Thánh Thần*, thánh I-nhã và các bạn cùng chí hướng sẽ bị kết án là *alumbrados*, và có thể bị tử hình. Chắc thánh I-nhã biết điều này.

[336] Hoặc là thánh I-nhã thấy không biết phải trả lời thế nào, *há miệng mắc quai*, nên im lặng thì hơn; hoặc là ngài không chịu trả lời một người không muốn tìm hiểu sự thật, chỉ tìm cách để kết án ngài và các bạn.

[337] Học giả người Hà Lan (1446-1536) là học giả nổi tiếng nhất Châu Âu vào đầu thế kỷ XVI. Các đối thủ của ông cho rằng ông công kích các định chế cơ bản của Hội Thánh, và dọn đường cho phong trào Tin Lành.

[338] Thánh I-nhã biết rằng các vị này chưa phải là đại diện chính thức của giáo quyền.

[339] Nguyên văn bằng tiếng Latinh: *Charitas incipit a seipso*.

[340] Hình như là nhà giam ở Tòa Giám Mục, chứ không phải ngay tại tu viện dòng Thánh Đaminh.

[341] Cha Polanco nói phòng ấy tối om, và có *rất nhiều loại thú vật* (FN 1: 175-176).

[342] Chắc không phải vì sợ hay buồn, nhưng vì có *rất nhiều loại thú vật!*

[343] Cha Martín Frias, Tổng Đại Diện của Đức Giám Mục Salamanca, được gọi là *cao đẳng* để phân biệt với một thẩm phán khác cùng tên, được gọi là *tiến sĩ*.

[344] Đây là lần đầu tiên Linh Thao được đề cập như một tài liệu viết.

[345] Thánh I-nhã không nói tại sao Gioan Nhỏ không bị bắt. Có lẽ vì còn ở tuổi vị thành niên.

[346] Cha Nadal cho biết Gioan Nhỏ vào dòng Phanxicô. FN 1: 458, số 6.

[347] Có lẽ là Fernando Rodriguez de San Isidoro.

[348] Không biết là ai.

[349] Có lẽ là Francisco de Frias.

[350] Xem số 62, câu cuối.

[351] Chắc lúc ấy thánh I-nhã không biết chút gì về giáo luật.

[352] Sinh năm 1508, làm hồng y năm 1545, làm giám mục Burgos năm 1550 và qua đời năm 1560. Lúc đến gặp thánh I-nhã trong tù ở Salamanca, vị này mới 19 tuổi và đang dạy tiếng Hilap tại đại học Salamanca.

[353] Cả bốn người, dưới hình thức quản thúc tại chỗ.

[354] Bản án này nhẹ hơn bản án ở Alcalá nhiều: được phép làm việc tông đồ, chỉ không được xác định hành vi nào là tội trọng, hành vi nào là tội nhẹ. Dầu vậy, thánh I-nhã cho biết chỉ tuân lệnh chứ không đồng ý! Thánh I-nhã có biết là các vị thẩm phán Salamanca đang được Thiên Chúa dùng để dẫn ngài đến chỗ làm linh mục để được quyền *giúp đỡ các linh hồn* hơn, kể cả theo *cách thức* của ngài không?

[355] Điểm bị đặt vấn đề là một phần của Linh Thao, *cách thức giúp đỡ các linh hồn* độc đáo của thánh I-nhã, nên ngài đấu tranh đến cùng.

[356] Khoảng 20 đến 22 tháng 8 năm 1527.

[357] Paris lúc ấy có chừng 300.000 dân, một trong những thành phố lớn nhất Châu Âu. Tại sao thánh I-nhã chọn Paris? Trước hết có lẽ vì ngài muốn tránh Tây Ban Nha. Tòa Án Giáo Lý ở Tây Ban Nha lúc ấy nổi tiếng là khát khe nhất. Ngoài ra, ở Tây Ban Nha, ngài bị lôi kéo vào việc tông đồ, vừa thiệt hại

đến việc học, vừa dễ bị Toà Án Giáo Lý làm phiền. Ở Pháp, vì không biết tiếng Pháp, ngài không hoạt động tông đồ được, nên có thể tập trung vào việc học hành. Tích cực hơn, lúc ấy, với 4000 sinh viên từ nhiều nước, Đại Học Paris có tính quốc tế nhất Châu Âu, và phương pháp học hành cũng tân tiến nhất. Trong thư viết vào cuối tháng 6 năm 1532, gửi cho người anh là Martín García, về việc ông này muốn gửi con đến Paris học, thánh I-nhã cho biết: "*Muốn tiến tới trên đường học vấn, em chắc là trong khắp Hội Thánh không ở đâu người ta được trang bị tốt như ở đại học này.*" Trong thư ngày 24(?) .9.1539, ngài thêm: "*Ở đó, chỉ trong ít năm, cháu sẽ tiến bộ hơn ở các đại học khác trong nhiều năm. Ngoài ra, các sinh viên ở xứ ấy ngay thẳng và đức độ hơn.*" Ở Paris ngài cũng hy vọng sẽ tìm được thêm một số bạn cùng chí hướng để công việc tông đồ có thể được mở rộng và hữu hiệu hơn. Phần nào Tây Ban Nha đã trở nên *chật hẹp* và *ngột ngạt* đối với một người linh cảm cả thế giới đang chuyển mình. Sâu xa hơn, Thiên Chúa đang dẫn ngài đến chỗ trở thành khí cụ để thực hiện một dự án đặc biệt mà chính ngài chưa biết.

[358] Cho đến lúc này, thánh I-nhã chưa thể nghĩ đến một đời tu khác hơn những hình thức đã có. Ngài phân vân giữa gia nhập dòng tu và đi đây đi đó để làm việc tông đồ. Dòng Tên sẽ là một dòng tu mà các thành viên sẽ đi đây đi đó để làm việc tông đồ. Sau này, khi Dòng Tên đã được Tòa Thánh phê chuẩn, ngài sẽ viết trong Hiến Chương: "*Chúng ta được kêu gọi để đi nơi này nơi khác và sống ở bất kỳ nơi nào trên thế giới chúng ta có hi vọng phục vụ Thiên Chúa hơn và giúp các linh hồn hiệu quả hơn*" (HC 304).

[359] Hai ý hướng song hành rất rõ: học hành và qui tụ những người cùng chí hướng. Cả hai nhắm cùng một mục đích là để giúp đỡ các linh hồn hơn. Chắc chắn đến đây thánh I-nhã đã bỏ ý định gia nhập một dòng tu có sẵn, nhưng chọn về thứ hai là đi đây đó trên thế giới để giúp đỡ các linh hồn. Trong thư gửi ông M. S. de Morrano ngày 22.2.1549, thánh I-nhã viết: "*Dòng Tên có thể nói là phải đặt sẵn một chân trên đường để mau mắn đi từ nơi này đến nơi khác.*"

[360] Giữa tháng 9 năm 1527. Thánh I-nhã ở Salamanca từ giữa tháng 7 đến giữa tháng 9. Trong thời gian ấy, ngài bị tù 22 ngày. Ngài chưa kịp ghi danh vào học viện dành cho sinh viên nghèo của Đức Tổng Giám Mục Fonseca!

[361] Thánh I-nhã đi bộ, con lừa chở sách vở.

[362] Thay vì đường gần hơn là về quê rồi sang Pháp, ngài chọn đường xa hơn: đến Barcelona rồi đi Pháp. Có lẽ vì ngài muốn tránh gặp người quen. Hơn nữa Barcelona đã trở nên thân thiết với ngài vì ở đó ngài có nhiều người quen biết từng giúp đỡ ngài bước đầu.

[363] Chiến tranh thực ra chưa tái phát giữa hoàng đế Carlos V của Tây Ban Nha và vua Francois I của Pháp, nhưng tình hình đã trở nên căng thẳng vì Pháp không tôn trọng hiệp ước Madrid 1526: giữ lại miền Bourgne và đưa quân đội vào Ý.

[364] Lộ trình có thể là Barcelona, Perpignan, Narbonne, Carcassone, Toulouse, Limoges, Bourges, Orléans, Paris: tổng cộng chừng 1100 km. Thánh I-nhã khởi hành vào đầu tháng Giêng và đến Paris đầu tháng 2, tức là đi ngay giữa mùa đông.

[365] Chúng ta biết chắc chắn đó là năm 1528 chứ không phải 1527. Vua Felipe II của Tây Ban Nha sinh tại Valladolid ngày 21.5.1527. Về ngày thánh I-nhã đặt chân đến Paris, thì trong thư gửi bà Inés Pascual ngày 3.3.1528, ngài viết: "*Nhờ thời tiết tốt và sức khỏe hoàn hảo, nhờ ân huệ và lòng nhân từ của Thiên Chúa, tôi đến thành phố Paris này ngày 2 tháng 2, để tiếp tục việc học cho tới khi Chúa truyền lệnh*

khác". Chúng ta cũng có thể ghi nhận hai điều nơi thánh I-nhã khi đến Paris : (1) học ; (2) chờ lệnh Chúa. Ngài sẽ đạt được cả hai.

[366] Đại học Paris lúc ấy gồm hơn 50 *học viện*, mỗi *học viện* gần như một *phân hiệu*, tức là một trường đại học nhỏ, có qui chế riêng, có ký túc xá riêng. Lúc thánh I-nhã đến, năm học đang dở dang. Ngài ghi tên theo học tại học viện Montaigu. Học viện này được thành lập vào thế kỷ XIV do Đức Tổng Giám Mục Aycelin de Montaigu. Đây là một trong những học viện có nhiều sinh viên Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha theo học. Những sinh viên nổi tiếng nhất của học viện này, cho đến lúc ấy, là Erasme, Rabelais và Calvin. Riêng Jean Calvin, một trong những người sáng lập phong trào Tin Lành, vừa rời học viện này được mấy ngày thì thánh I-nhã đến. Khi nhập học, ngài nhận ra vốn liếng Latinh của ngài còn kém, nên quyết định học lại từ đầu.

[367] Một mặt khác, lúc ấy thánh I-nhã dành nhiều thời gian để xin ăn, để làm việc tông đồ, lại còn bị thẩm vấn và bị bắt giam nữa.

[368] Vì thánh I-nhã học lại từ đầu, nên trong lớp có cả những trẻ em mới 10 tuổi.

[369] Chương trình và phương pháp học ở Paris được coi là chặt chẽ và tiên bộ nhất thời đó. Ở Tây Ban Nha chủ yếu là thầy giảng trò nghe. Tại Paris, có hội thảo thường xuyên và thi cử đều đặn. Đây cũng là một phần lý do khiến thánh I-nhã chọn theo học tại Paris và sau này các trường của Dòng Tên cũng theo phương pháp này.

[370] Khi thánh I-nhã rời Barcelona, các ân nhân ở đó trao cho ngài một tín phiếu trị giá 25 escudos có thể đổi ở Paris. Mỗi escudo đủ cho một sinh viên ăn học một tháng tại Paris. Số tiền này có thể giúp ngài ăn học trong khoảng 2 năm. Theo thánh I-nhã trong thư tháng 6 năm 1532 gửi người anh, số tiền cần cho một sinh viên ăn học trong một năm tại Paris là 50 ducats.

[371] Lễ Phục Sinh năm ấy vào ngày 12 tháng 4.

[372] Tưởng là sau 6 năm, thánh I-nhã được yên tâm học hành, thế mà lại phải tiếp tục đi xin ăn.

[373] Tên đầy đủ là *Saint Jacques aux Espagnols* (Thánh Giacôbê cho người Tây Ban Nha), được thành lập từ thế kỷ XIV dành cho khách hành hương đi viếng đền thánh Giacôbê ở Compostela, Tây Ban Nha.

[374] Gồm một nghĩa trang và một nhà thờ cùng mang tên *Các Thánh Anh Hài*, hiện nay còn vết tích là phố *Innocents*. Người ta cho thánh I-nhã ở trong một phòng dành cho khách hành hương. Ngài trở thành *chuyên gia* ở trọ nhà tế bần!

[375] Khoảng 2 km, băng qua sông Seine.

[376] Nhà tế bần chỉ mở cửa khi mặt trời mọc và đóng cửa lúc mặt trời lặn, mà tiết học đầu tiên ở lớp là 4 giờ sáng, và tiết cuối là 7 giờ tối. Thánh I-nhã luôn luôn mất những tiết đầu và những tiết cuối.

[377] Thánh I-nhã đã cố thu xếp để dồn mọi nỗ lực vào mục đích chính là học, nhưng cây muốn lặng mà gió chẳng ngừng.

[378] Phụ khảo là những người đang tập sự làm giáo sư. Thánh Phanxicô Xavier cũng có thời gian làm phụ khảo, và cũng có người giúp việc.

[379] Trước đây, mặc dầu có người muốn giúp đỡ, thánh I-nhã nhất định đi xin ăn. Giờ đây, ngài thấy phải ưu tiên cho việc học.

[380] Thánh I-nhã quả là giàu óc tưởng tượng. Tuy nhiên, chúng ta có thể lưu ý hai điều : (1) ngài sẵn sàng với tư thế của một người hầu hạ cả giáo viên cũng như các sinh viên; (2) ngài đặt tất cả vào trong bầu khí thiêng liêng chứ không chỉ thuần túy là một phương tiện kiếm tiền.

[381] Juan Castro, thánh I-nhã gọi là *cao đẳng Castro*, lúc ấy đang dạy tại học viện Sorbonne và đang dọn luận văn tiến sĩ.

[382] Ở đan viện *Notre-Dame de Vauvert*. Mỗi Chúa Nhật, thánh I-nhã đến đó để xưng tội và dự lễ. Sau này, cả các bạn cùng chí hướng cũng làm như vậy.

[383] Nước Bỉ và Hà Lan hiện nay. Thời thánh I-nhã, miền này thuộc quyền cai trị của Tây Ban Nha, nên có nhiều người Tây Ban Nha đến làm ăn sinh sống. Đặc biệt hai trung tâm thương mại Bruges và Antwerp có nhiều nhà buôn giàu có người Tây Ban Nha. Nói chung, người Tây Ban Nha hay bố thí hơn người Pháp.

[384] Thánh I-nhã đi tất cả 3 chuyến: (1) Mùa Chay năm 1529 ; (2) mùa hè năm 1530 ; và (3) Mùa hè năm 1531. Trong chuyến cuối, ngài đến Luân đôn. Sau đó, ngài không phải đi nữa, vì các ân nhân gửi tiền đến Paris cho ngài.

[385] Được các ân nhân giúp đỡ, thánh I-nhã bỏ nhà tế bần, dọn đến ở một phòng trọ nào đó trong khu đại học, chúng ta không xác định được.

[386] Mỗi người riêng rẽ.

[387] Pedro de Peralta, quê ở giáo phận Toledo (Tây Ban Nha), nhận bằng cử nhân năm 1529, sau đó về Toledo làm kinh sĩ nhà thờ chính tòa, và trở thành một vị giảng thuyết nổi tiếng: luôn luôn quý mến thánh I-nhã và Dòng Tên.

[388] Juan Castro, sinh tại Burgos (Tây Ban Nha) năm 1485, gặp thánh I-nhã lúc đang làm phụ khảo tại học viện Sorbonne, nhận bằng tiến sĩ năm 1532 ; sau đó về Tây Ban Nha vào đan viện *Chartreux Porta Caeli* (Cửa Trời) tại Valencia, làm tu viện trưởng năm 1542, qua đời năm 1556.

[389] Amador de Elduayen, người cùng tỉnh Guipuzcoa với thánh I-nhã, ghi danh vào học viện Sainte-Barbe năm 1526.

[390] Sau này, thánh I-nhã cũng sẽ đến nội trú tại học viện Sainte-Barbe.

[391] Hình như họ tự ý làm như vậy, không có ý kiến của thánh I-nhã, vì không lẽ ngài để cho các bạn rơi vào tình trạng ngài đã cố gắng thoát ra.

[392] Tức là Peralta và Castro.

[393] Hình như lúc ấy thánh I-nhã đi Rouen như ngài sắp kể.

[394] Chắc là bắt chước thánh I-nhã hay theo lời khuyên của ngài.

[395] Người ta nghĩ là hai giáo viên ấy mất trí và qui tội cho thánh I-nhã.

[396] Giám đốc học viện Sainte-Barbe.

[397] *Đánh đòn công khai*: người có lỗi phải cởi trần, quì gối; các giáo sư và sinh viên lần lượt mỗi người đến đánh một roi vào lưng. Có lẽ sau này vị giáo sư này hiểu rõ đầu đuôi hơn, nên thánh I-nhã không bị nhục hình ấy. Ít lâu sau, ngài sẽ đến nội trú tại Sainte-Barbe mà không gặp khó khăn nào.

[398] Cách Paris khoảng 140 km về phía đông bắc. Chắc dự tính đi đường biển.

[399] Từ đầu đến đây, bản gốc viết bằng tiếng Tây Ban Nha. Từ chỗ này cho đến hết, bản gốc viết bằng tiếng Ý.

[400] Mỗi dặm của thánh I-nhã tương đương 5 km.

[401] Thánh Đaminh.

[402] Thí dụ này cho thấy thánh I-nhã không phải là người duy ý chí như đôi khi có người nghĩ. Trước hết, ngài nhận ra một cơ may tông đồ. Kế đến, ngài suy tính phải làm thế nào để đạt mục tiêu: ngài dùng cả các phương tiện siêu nhiên và tự nhiên. Nhưng ngài cảm thấy rất sợ là mình thử thách Thiên Chúa, nên đến nhà thờ cầu nguyện. Cuối cùng, ngài quyết định dứt khoát trước mặt Chúa. Ngài khác người duy ý chí ở chỗ ngài là con người kết hiệp thâm sâu với Thiên Chúa. Ai không biết đời sống thiêng liêng của ngài thì chỉ nghĩ ngài duy ý chí thôi.

[403] Thực ra là khoảng 10 km.

[404] Theo truyền tụng, Đức Mẹ đã dệt cho Chúa Giêsu một cái áo dài đến gót chân, không có đường may nào. Khi Chúa Giêsu bị đóng đinh, các lý hình đã bắt thăm, ai trúng thì lấy áo ấy. Cuối cùng, áo ấy được chuyển đến Argentueil.

[405] Tức là nửa đường.

[406] Có lẽ ý chí con người chưa đủ, phải có một sức mạnh siêu nhiên mới làm được như vậy.

[407] Thánh I-nhã không cho chúng ta biết tên người đã lấy tiền của ngài, và cũng không cho biết sau này anh ta thế nào. Có lẽ ước nguyện của ngài là giúp anh ta tận hiến cho Chúa không thành công, nhưng câu chuyện này cho chúng ta thấy rõ hơn khuôn mặt tông đồ và thần bí của ngài.

[408] Một mình thánh I-nhã cũng đã khó rồi!

[409] Phụ nữ quý tộc Bồ Đào Nha (1503-1584).

[410] Calixto có được học bổng không? Chúng ta không biết.

[411] Các từ *Ấn Độ* trong số 80 này đều nghĩa là Mêhicô. Khi tìm ra Châu Mỹ năm 1492, Colombo tưởng đó là Ấn Độ. Vì thế trong thời gian đầu, người ta gọi Châu Mỹ là Ấn Độ.

[412] Tên là *Catalina Hernandez*, người Salamanca.

[413] Nhiều người dịch là *hiệp sĩ*. Nguyên văn là *comendatore*: tước dành cho một giáo sĩ được hưởng vinh dự và bổng lộc như một hiệp sĩ.

[414] Chính xác là giáo phận Chiapas ở Mêhicô.

[415] Khi thánh I-nhã bắt đầu đi học tại Barcelona, có ba thanh niên muốn chia sẻ cách sống của ngài. Đến Alcalá thêm người thứ tư và thế là một nhóm các bạn cùng chí hướng thực sự thành hình. Qua cuộc khủng hoảng Salamanca, nhóm đứng vững. Đến Paris, một nhóm thứ hai thành hình, nhưng mau chóng tan rã. Rồi tất cả các bạn cùng chí hướng trong nhóm đầu tiên cũng mỗi người một ngã. Tại sao? Có lẽ ban đầu ngài nghĩ mọi sự đều đơn giản và dễ dàng. Nhóm thứ nhất gồm 4 thanh niên vừa ít tuổi vừa ít học, chưa chín chắn về ơn gọi. Nhóm thứ hai gồm 3 người lớn tuổi hơn và có học hơn, nhưng vội vàng quá. Rút kinh nghiệm, ngài sẽ tuyển chọn kỹ lưỡng hơn, huấn luyện đầy đủ hơn. Nhóm thứ ba sẽ là những người cùng với ngài thành lập Dòng Tên.

[416] Có người nói là tiến sĩ Pedro Ortiz (1501-1548), lúc ấy ở học viện Montaigu và là người bảo trợ của Peralta, đã tố cáo thánh I-nhã trước Tòa Án Giáo Lý, làm cho thánh I-nhã hơi ngại gặp ông. Tuy nhiên, sau này, làm đại diện hoàng đế Carlos V tại Rôma, chính ông xin Đức Thánh Cha Phaolô III cho thánh I-nhã và các bạn cùng chí hướng làm linh mục, và sau này tập Linh Thao với thánh I-nhã.

[417] Cha Matthieu Ory, giáo sư thần học tại tu viện Saint-Jacques của dòng Đaminh.

[418] Ngày 1 tháng 10.

[419] Thế là vụ *Castro và Peralta* coi như đã giải quyết xong.

[420] Cuối tháng 9 năm 1529, thánh I-nhã đến ghi danh vào học viện Sainte-Barbe. Học viện này được thành lập năm 1460, thu nhận sinh viên đủ mọi quốc tịch, nhưng có nhiều sinh viên Tây Ban Nha. Từ năm 1526, học viện này được vua João III của Bồ Đào Nha bảo trợ và tiến sĩ Diego de Gouvea, người Bồ Đào Nha, làm giám đốc. Hiện nay tại khuôn viên học viện ấy, người ta xây một ngôi trường cấp hai vẫn mang tên cũ: công vào ở số 4 Rue Valette, gần điện Panthéon.

[421] Vào thời ấy, giai đoạn triết học kéo dài 3 năm, mỗi năm có một chủ nhiệm. Các giáo sư chỉ làm một công việc là bình giảng các tác phẩm của Aristôt. Các môn chính là luận lý, siêu hình, đạo đức. Các môn phụ gồm có toán, địa lý, thiên văn.

[422] Người Tây Ban Nha, ở cùng phòng với thánh I-nhã, vừa dạy triết lý ở Sainte-Barbe, vừa tiếp tục học y khoa.

[423] Có lẽ lúc ấy thánh I-nhã chưa biết là tất cả những người mà ngài gọi là các bạn cùng chí hướng, ở nhóm Tây Ban Nha cũng như nhóm Paris, đều sẽ mỗi người một ngã. Còn nhóm thứ ba thì ngài không muốn nghĩ tới, vì sợ ảnh hưởng đến việc học. Nhưng đúng là *murus in ruinas, templum in caelum*.

[424] Đây là biến cố rất quan trọng, nhưng lúc thánh I-nhã thuật, anh em Dòng Tên ở Rôma ai cũng biết rồi, nên ngài chỉ nói phớt qua. Tại ký túc xá học viện Sainte-Barbe, ngài ở chung phòng với giáo viên Juan Pena và hai sinh viên là Phêrô Favre và Phanxicô Xavier. Chân phước Phêrô Favre sinh năm 1506 tại xóm Le Villaret, miền Savoie, nước Pháp, đến Paris học năm 1525. Thánh Phanxicô Xavier cũng sinh năm 1506 tại miền Navarra, nước Tây Ban Nha, cũng đến Paris học năm 1525. Giáo viên Juan Pena xin thánh Phanxicô Xavier kèm thánh I-nhã, nhưng ngài đẩy cho chân phước Phêrô Favre. Chẳng bao

lâu, chân phước Phêrô Favre được thánh I-nhã thu phục. Mấy năm sau, đến phiên thánh Phanxicô Xavier. Hai vị này sẽ là bước đầu của nhóm các bạn cùng chí hướng thứ ba, hạt nhân của Dòng Tên sắp được khai sinh.

[425] Jeronimo Frago, người Tây Ban Nha, giáo sư Kinh Thánh tại học viện Sorbonne, thầy dạy thánh I-nhã và thánh Phanxicô Xavier.

[426] Con dịch hạch thánh I-nhã đề cập ở đây khởi sự tại Paris năm 1531, nhưng đạt tới cao điểm vào tháng 8 năm 1533. Quả là ngài giàu tưởng tượng. Tuy nhiên, chắc là về mặt tự nhiên, ngài hoảng sợ. Nếu cứ để cái sợ như vậy chi phối thì ngài làm sao có thể đáp lại tiếng Chúa mời gọi được! Ngài có cách của ngài, đó là *chiến thắng bản thân* (Lt 21). Trong Linh Thao cũng như trong Hiến Chương Dòng Tên, ngài cũng nêu nguyên tắc này để áp dụng vào những điều giác quan sợ hay ngại. Ngài đang được Chúa dạy bảo, nên có những điều ngài làm mà chúng ta không nên bắt chước. Tuy nhiên, bài học ngài rút ra được, tức là nguyên tắc *chiến thắng bản thân*, là bài học chung cho mọi người muốn tiến tới trên đường thiêng liêng.

[427] Tại đại học Paris, chương trình triết học kéo dài 3 năm rưỡi. Tốt nghiệp năm thứ hai, sinh viên được lấy bằng *cao đẳng*; tốt nghiệp cuối khóa 3 năm rưỡi thì được lãnh bằng cử nhân. Muốn nhận bằng, sinh viên phải *lấy đá*. Người ta không lưu giữ được nội dung chính xác của từ *rất sinh viên* này. Thời đó, tại đại học Coimbra ở Bồ Đào Nha, có thói quen sau đây. Muốn được lãnh bằng, ứng viên phải đến trước mặt các giám khảo. Khi các giám khảo ngồi trên ghế giáo sư, ứng viên phải ngồi trên một hòn đá trước mặt mỗi giám khảo để trả lời các câu hỏi được nêu lên. Khi trả lời xong một giám khảo, ứng viên lại đến ngồi trên một hòn đá khác trước mặt một vị giám khảo khác để tiếp tục. Ngồi trên một hòn đá trước mặt giám khảo diễn tả sự khiêm tốn của trò trước mặt thầy. Có thể ở đại học Paris cũng vậy chăng?

[428] Tại sao thánh I-nhã phân vân? Ngài đã quyết định sống nghèo khó và khiêm tốn. Bỏ tiền ra để lấy bằng có phải là giàu có và ham danh không? Tuy nhiên, có lẽ việc *'lấy đá'* đòi sinh viên phải cố gắng học hành chu đáo hơn, nên ngài muốn coi đó là dịp để học hành đến nơi đến chốn. Hình như ngài hơi buồn vì người ta không hiểu mình trong việc này.

[429] Bệnh này sẽ kéo dài cho đến khi thánh I-nhã qua đời. Thực ra không phải là ngài đau dạ dày, nhưng sau khi ngài qua đời, bác sĩ giải phẫu tìm thấy những viên sỏi trong thận và trong túi mật của ngài. Thời ấy người ta chưa biết đến bệnh sỏi thận hay sỏi mật, nên chỉ nghĩ là đau dạ dày.

[430] Khoảng tháng 4 năm 1533.

[431] Từ năm 1533 đến năm 1534, thánh I-nhã thu nhận vào nhóm thêm 4 người nữa: Simão Rodrigues, người Bồ Đào Nha, sinh năm 1510; Diego Laínez, người Tây Ban Nha, sinh năm 1512; Alfonso Salmeron, người Tây Ban Nha, sinh năm 1515; và Nicolas Bobadilla (tên thật là Nicolas Alonso y Perez?), người Tây Ban Nha, sinh khoảng năm 1509. Cả 4 cùng là sinh viên đại học Paris.

[432] *Vicarius* trong tiếng Latinh thường được dịch là *đại diện*, nghĩa là *thay mặt*, nhưng nghĩa gốc là *người thay thế*. Ở đây, có lẽ phải hiểu *đại diện* là *người thay thế*.

[433] Đây là sự kiện hết sức quan trọng, nhưng vì cho là mọi người đều biết rồi, nên thánh I-nhã chỉ kể sơ qua thôi.

Chúng ta nhớ lại là năm 1529, khi đến học viện Sainte-Barbe, vì muốn học hành đến nơi đến chốn, thánh I-nhã đã quyết định không lo thunhận các bạn cùng chí hướng nữa, chỉ giữ các bạn cùng chí hướng cũ thôi. Nhưng những người cũ lần lượt vượt khỏi tầm tay ngài. Trái lại chân phước Phêrô Favre và thánh Phanxicô Xavier đứng là hai người bạn cùng chí hướng 'từ trên trời rơi xuống'. Kể đến là 4 người nữa. Ngài lần lượt hướng dẫn từng người tập Linh Thao. Hằng tuần, nhóm bạn họp nhau ở đan viện Notre Dame de Vauvert, dòng Chartreux, (hiện nay là Vườn Luxembourg) để cầu nguyện và chia sẻ. Những người bạn mới này vừa trưởng thành hơn vì tuổi lớn hơn và có học hơn, vừa được huấn luyện chu đáo hơn, nên liên kết với nhau sâu xa hơn và bền chặt hơn hai nhóm trước. Một dự án tông đồ lâu dài thành hình: sau khi học xong, họ sẽ làm linh mục, sẽ đi hành hương Giêrusalem, sẽ hiến thân làm việc tông đồ, hoặc là ở Đất Thánh, hoặc là theo sự điều động của Đức Thánh Cha.

Ngày 15.8.1534, lễ Đức Mẹ Lên Trời, cả nhóm, gồm 7 người, đến nhà thờ Montmartre ở Paris để tuyên khấn. Họ đến nhà thờ dâng kính thánh Denis, giám mục tiên khởi của Paris, họp nhau dâng lễ tại nhà nguyện dâng kính Đức Mẹ ở tầng hầm. Chân phước Phêrô Favre, lúc ấy là linh mục duy nhất của nhóm, chủ sự thánh lễ. Trước khi hiệp lễ, lần lượt từng người đọc lời khấn. Có thể tóm tắt nội dung lời khấn vào mấy điểm: Sau khi học xong, họ sẽ (1) sống thanh bần; (2) đến Venezia chờ tàu một năm để đi hành hương Giêrusalem; (3) nếu được phép ở lại Giêrusalem thì sẽ nhận định xem có nên ở lại để hoạt động tông đồ tại đó không; (4) nếu không đi Giêrusalem được, hoặc nếu đi được nhưng không ở lại, thì sẽ đến Rôma đặt mình dưới quyền sử dụng của Đức Thánh Cha.

Chúng ta có thể lưu ý hai điều sau: (1) họ không khấn khiết tịnh, vì giả thiết điều ấy đi đôi với việc thụ phong linh mục; (2) nhóm không có tên, không có luật, không ai có quyền trên người khác, chỉ liên kết với nhau vì cùng lý tưởng tông đồ và vì tình bạn.

[434] Sau khi tuyên khấn, thánh I-nhã và các bạn tiếp tục học thần học. Ngày 14.3.1535, ngài nhận bằng *cử nhân*. Từ đây, ngài được gọi là *Magister Ignatius*. Một số bạn trong nhóm, thí dụ Phêrô Favre và Phanxicô Xavier, đã nhận bằng cử nhân trước ngài.

[435] Trước khi thánh I-nhã về quê, các bạn cùng chí hướng đồng ý sẽ rời Paris ngày 25.1.1537 để đi Venezia. Dự trù vào thời điểm ấy, các bạn sẽ học xong và lấy được bằng tiến sĩ.

[436] Trong thực tế, các bạn cùng chí hướng sẽ rời Rôma ngày 11 và 15.11.1536, sớm hơn dự tính 2 tháng, để vượt mắt bằng tiến sĩ trong tầm tay.

[437] Vào khoảng cuối tháng 3 năm 1535, thánh I-nhã bị tố cáo vì tiếp tục hướng dẫn Linh Thao và vì các bạn cùng chí hướng rước lễ hằng tuần, lại thường xuyên hội họp tại đan viện Chartreux nữa.

[438] Như vậy thánh I-nhã có hai lý do để xin được xét xử: vì sắp phải về Tây Ban Nha và vì muốn các bạn cùng chí hướng ở lại Paris được yên ổn.

[439] Valentin Liévin.

[440] Người ta không còn giữ được tờ biên bản này. Tuy nhiên, một tài liệu khác vào năm 1537 có nói đến nội dung sự việc. Cha Thomas Laurent, O.P., thanh tra giáo lý tại Paris xác nhận vị tiền nhiệm, Valentin Liévin, nhìn nhận thánh I-nhã vô tội và ca ngợi ngài nữa. Việc thánh I-nhã đòi bằng được giấy chứng nhận ngài vô tội: một phần ngài đã bị tố cáo nhiều lần rồi, nếu có giấy chứng nhận về sau sẽ bớt phiền phức; mặt khác ngài sợ ảnh hưởng đến hoạt động tông đồ của ngài và đến các bạn cùng chí hướng.

[441] Thánh I-nhã rời Paris vào khoảng đầu tháng 4 năm 1535. Lần này, vì lý do sức khỏe, ngài cỡi ngựa, 'sang' nhất từ khi bỏ nhà ra đi 13 năm trước. Đường từ Paris đến Azpeitia dài chừng 900 km. Ngài phải đi mất khoảng 1 tháng. Lộ trình của ngài có lẽ là Paris, Chartres, Tours, Poitiers, Bordeaux, Bayonne, Azpeitia.

[442] Tỉnh Guipúzcoa, quê thánh I-nhã.

[443] Có lẽ vừa thanh thản hơn, vừa tránh gặp người quen.

[444] Làng cửa biển, phía tây nam nước Pháp, dưới chân núi Pyrênê, cách biên giới Tây Ban Nha 20 km.

[445] Có lẽ một người hàng thịt ở Azpeitia, tên là Juan de Eguibar, đã nhận ra thánh I-nhã lúc ngài ở Bayonne, và đã về báo tin cho anh ngài là Martin Garcia.

[446] Trạm xá Magdalena, dành cho người nghèo, do gia đình chính Loyola của thánh I-nhã bảo trợ, ở bên ngoài làng Azpeitia. Thánh I-nhã tặng trạm xá con ngựa của mình. Không chịu ở trong lâu đài của gia đình, tự nguyện đến ở trọ trạm xá với những người nghèo khổ nhất, ngài thực sự đã sống như người chỉ còn "tha thiết với những gì Chúa Giêsu tha thiết" (Hc 101). Anh ngài đem giường đến cho ngài, nhưng ngài cũng từ chối.

[447] Ban đầu, thánh I-nhã dạy giáo lý cho trẻ em. Sau đó, cả người lớn cũng đến, nên mỗi tuần ngài dành ra ba buổi để nói chuyện với họ. Kế đến, vì người ta thích, ngài nói chuyện với họ hằng ngày. Chẳng bao lâu, vì trong phòng chật quá, ngài phải gặp dân chúng ở ngoài trời.

[448] Tại sao dân chúng thích đến nghe thánh I-nhã giảng? Có lẽ vì hai lý do. Trước hết, dân chúng trong vùng thực sự đói khát lương thực nuôi linh hồn. Mặc dầu trong khu vực có cả chục linh mục, nhưng họ hầu như không được nghe giảng. Thứ đến, thánh I-nhã là một nhà quý tộc từng nổi tiếng trong vùng, nay đã từ bỏ vinh hoa phú quý để chuyên chăm cầu nguyện, sống như người nghèo và với người nghèo, nhất là khi đã nghe ngài nói, người ta nhận ra đúng là Thiên Chúa ở với ngài.

[449] Dân Azpeitia rất mê bài bạc, phần nào vì vậy mà hết đời này sang đời khác vẫn nghèo khổ.

[450] Luật này đã có từ năm 1484 do vua Fernando và nữ hoàng Isabel ban hành, nên chỉ cần áp dụng nghiêm túc.

[451] Phải nói là song song với việc canh tân đời sống thiêng liêng, thánh I-nhã thúc đẩy cả một cuộc cải cách đời sống luân lý và xã hội. Một điều ở Azpeitia ai cũng biết là ngài giúp 3 cô gái buôn son bán phấn trở lại đời sống đạo đức. Một cô nói : "*Lời chú ấy làm thay đổi đời tôi. Trước kia tôi phục vụ người đời, từ nay tôi muốn phục vụ Thiên Chúa.*" Có người ở Azpeitia nói dân chúng coi ngài như một giám mục và như một thẩm phán. Mặc dầu chỉ kéo dài 3 tháng, nhưng chắc chắn kinh nghiệm Azpeitia sẽ là những bài học quý báu cho ngài sau này khi nắm cương vị điều hành Dòng Tên xả thân góp phần vào cuộc canh tân của Hội Thánh. Sau này, từ Rôma, ngài gởi thư, viết trong khoảng tháng 8 hay tháng 9 năm 1540, cho đồng hương Azpeitia nhắc lại những điều cũ và khuyến khích họ năng xưng tội rước lễ, chẳng được hằng ngày hay hằng tuần thì ít là hằng tháng, thay vì mỗi năm chỉ một lần như thói quen cũ.

[452] Trong thời gian ở Azpeitia, thánh I-nhã có lần nào về thăm gia đình không? Một hôm chị dâu là Magdalena đến trạm xá xin ngài về nhà thăm gia đình, nhưng ngài từ chối. Chị ấy nài nỉ ngài về gia đình để giúp đỡ người nhà về đời sống thiêng liêng, ngài vẫn từ chối. Chị ấy quì xuống, nhân danh cuộc

Thương Khó của Chúa Giêsu Kitô để xin, ngài chấp thuận. Ngài về nói chuyện với gia đình suốt một đêm, không ngủ; đến sáng ngài trở lại trạm xá.

[453] Cách Azpeitia khoảng 50 km về phía đông nam.

[454] Cách Pamplona khoảng 135 km về phía nam.

[455] Cách Almazan khoảng 4 km về phía nam.

[456] Cách Siguenza chừng 13 km về phía nam.

[457] Thành phố cửa biển, cách Toledo khoảng 300 km về phía đông. Mặc dầu sức khỏe chưa bảo đảm lắm, thánh I-nhã đã đi bộ, vừa đi vừa xin ăn, vượt qua 650 km, để gặp gỡ gia đình của các bạn cùng chí hướng người Tây Ban Nha, vừa báo tin cho gia đình, vừa thu xếp những điều cần thiết để các bạn yên tâm đi Giêrusalem. Chẳng hạn ra khỏi Pamplona, ngài đến Obanos gặp anh của thánh Phanxicô Xavier và trao thư, đồng thời cải chính tin đồn thất thiệt, thí dụ thánh Phanxicô Xavier đã theo một nhóm lạc giáo. Ngài cũng gặp lại một số bạn cùng chí hướng cũ, với ý định qui tụ lại, như Arteaga ở Madrid, Peralta ở Toledo, Castro ở Valencia; nhưng mọi người ai đã vào chỗ ấy rồi.

[458] Thí dụ gia đình cha Láinez muốn tặng thánh I-nhã một con ngựa và tiền bạc để đi đường.

[459] Thánh I-nhã nghỉ lại đan viện hơn một tuần.

[460] Thành phố cửa biển miền đông bắc nước Ý.

[461] Tên thật là *Khird*, nguyên là một tay cướp biển với biệt danh *Khair ed Din (Râu Đỏ)*, lúc ấy đang chỉ huy hạm đội của Thổ Nhĩ Kỳ trên Địa Trung Hải.

[462] Xem số 33.

[463] Giữa tháng 11 năm 1535.

[464] Cách Genova khoảng 130 km về phía đông.

[465] Sau đó, thánh I-nhã đến Học viện Tây Ban Nha, tên chính thức là San Clemente, và được đồng hương cho ăn ở ít lâu, khoảng 11 đến 18 tháng 12. Ngài dự tính ở lại đó để hoàn tất chương trình thần học, nhưng thấy khí hậu Bologna làm cho ngài không được khỏe mạnh, nên quyết định đi Venezia, có lẽ sau lễ Giáng Sinh năm 1535. Trong thư gửi cha Diego Cazador, viết ngày 12.2.1536, thánh I-nhã cho biết: "*Hai tuần trước lễ Giáng Sinh, tôi ở Bologna, phải nằm liệt giường một tuần vì đau dạ dày, LẠNH, và sốt. Thế là tôi quyết định đi Venizia, và đã đến đây được một tháng rưỡi, nói chung là sức khỏe tốt hơn nhiều.*"

[466] Tức là đi bộ và xin ăn.

[467] Thánh I-nhã đến Venezia vào những ngày đầu năm 1536. Trong thư ngày 12.2.1536, gửi Jaime Cassador, ngài cho biết đã đến Venezia được một tháng rưỡi, được ở với một người học thức và rất tốt. Vì ở Venezia không có đại học, ngài tự học thần học một mình.

[468] Linh mục làm việc tại nhà tế bần Nan Y, sau này làm giám mục, sẽ giúp đỡ thánh I-nhã và Dòng Tên rất nhiều.

[469] Bản tiếng Ý viết là Doctis, Tổng Đại Diện của vị Sứ Thần Tòa Thánh tại Venezia.

[470] Không biết rõ là ai.

[471] *Diego de Hoces*, sinh tại Malaga, Tây Ban Nha, lúc ấy có mặt tại Venezia vì đang trên đường từ Đất Thánh về quê. Sau khi tập Linh Thao, gia nhập nhóm các bạn cùng chí hướng, nhưng qua đời vào tháng 3 năm 1538 tại Padova, hình như vì đi săn sóc người bệnh dịch hạch và bị lây.

[472] Đức cha Gian Pietro Carafa, nguyên giám mục giáo phận Chieti (bản tiếng Ý viết là Cette), đồng sáng lập Dòng Thêatinô với thánh Gaetanô (+1547), sau này làm hồng y năm 1536 và trở thành Đức Giáo Hoàng Phaolô IV năm 1555. Vị này không tập Linh Thao, thánh I-nhã nhắc đến chỉ vì liên hệ đến cha Hoces.

[473] Có lẽ do tác động của đức cha Carafa. Vị này không ưa người Tây Ban Nha nói chung và thánh I-nhã nói riêng.

[474] Trong các bạn cùng chí hướng. Xem số 98.

[475] Hình như thánh I-nhã ngại kể tên người giết dây vụ này. Cha Nadal nói rõ người ấy là giám mục Carafa. Trước đó, thánh I-nhã và vị giám mục từng gặp nhau và cả đến bàn việc các bạn cùng chí hướng hợp nhất với Dòng Thêatinô. Tuy nhiên, thánh I-nhã không đồng ý vì hai bên có quan điểm khác nhau về cách tu. Sau đó, ngài có viết một lá thư cho vị giám mục, chẳng biết thư có gửi đi không, bày tỏ quan điểm của ngài về Dòng Thêatinô. Từ đó, hai bên kể như cắt đứt mọi liên lạc. Điều nghiêm trọng hơn là hai bên vĩnh viễn không thể đối thoại hay cộng tác với nhau được.

[476] Trong thời gian thánh I-nhã ở Tây Ban Nha và Venezia, các bạn cùng chí hướng ở Paris đã có thêm ba người mới. Hằng năm, cứ đến ngày 15 tháng 8, họ nhắc lại lời khấn. Năm 1535, có thêm cha Claude Jay, đồng hương với chân phước Phêrô Favre, sinh khoảng 1500-1504, thụ phong linh mục năm 1528. Năm 1536, thêm cha Paschase Broet, người Pháp, sinh năm 1500, thụ phong linh mục năm 1524, và cha Jean Baptiste Codure, cũng người Pháp, sinh năm 1508, lúc ấy chưa thụ phong linh mục. Theo dự tính ban đầu, họ sẽ rời Paris ngày 25.1.1537 để đi Venezia. Nhưng giữa hai kẻ thù không đội trời chung là Carlos V và Francois I không thể có hòa bình lâu dài được. Năm 1536, chiến tranh tái phát. Quân đội Tây Ban Nha tấn công miền nam và xâm lấn miền bắc nước Pháp. Dân chúng Paris sôi sục tình cảm bài Tây Ban Nha. Trong 9 người của nhóm các bạn cùng chí hướng thì có 4 là người Tây Ban Nha. Họ quyết định rời Paris sớm, để bảo toàn nhóm, mặc dầu vượt mất bằng tiến sĩ. Được tin này, từ Venezia viết thư cho cha Gabriel Guzman, dòng Thánh Đaminh, cha giải tội của hoàng hậu Eleanor, em gái hoàng đế Carlos V, để xin vị này giúp đỡ các bạn: *"Vì bất ổn và chiến tranh khủng khiếp lan rộng, con rất sợ là họ sẽ rất thiếu thốn, và ngay cả cùng khốn. Vì chúng ta phải kính mến và để phục vụ Thiên Chúa, con xin cha làm bất cứ điều gì làm được và bằng bất cứ cách nào Thiên Chúa soi sáng cho cha để giúp đỡ họ."* (Thư viết vào khoảng cuối năm 1536). Họ chia làm hai toán: toán trước rời Paris ngày 11 tháng 11, toán sau rời Paris ngày 15 tháng 11. Họ phải đi đường vòng qua nước Đức cho an toàn. Giữa mùa đông khắc nghiệt, họ đi bộ, chịu lạnh, chịu đói, nhiều lúc rất nguy hiểm, nhưng đầy tâm tình thiêng liêng và tinh thần huynh đệ, vượt qua quãng đường trên 1000 km, đặc biệt phải vượt qua dãy núi Alpe. Cả 9 đến Venezia ngày 8.1.1537, sớm hơn dự trù 2 tháng. Họ và thánh I-nhã hẳn là hết sức vui mừng gặp lại nhau sau gần 2 năm xa cách. Xem thư 24.7.1537 thánh I-nhã gửi Juan Verdolay.

[477] Ít nhất cũng phải đến tháng 6 hay tháng 7 mới có tàu đi Giêrusalem, nên họ chia thành hai toán, một giúp ở nhà tế bần Santi Giovanni e Paolo, một giúp ở nhà tế bần Nan Y. Riêng thánh I-nhã tiếp tục tự học thần học một mình.

[478] Họ rời Venezia ngày 13.3.1537.

[479] Tiền sĩ Pedro Ortiz lúc ấy là đại diện của hoàng đế Carlos V bên cạnh Tòa Thánh. Theo người ta nói, chính ông trước đây ở Paris đã tố cáo thánh I-nhã với Tòa Án Giáo Lý. Còn đức giám mục Carafa, từng có xung khắc mạnh với ngài, và đang có mặt ở Rôma. Ngài sợ rằng sự có mặt của ngài có thể làm cho công việc của các bạn trở nên trắc trở.

[480] Họ đến Rôma hôm Lễ Lá, ngày 25 tháng 3. Họ ở trọ tại nhà tế bần Tây Ban Nha và gặp tiền sĩ Ortiz ở đó. Chính ông này giới thiệu để họ gặp Đức Thánh Cha Phaolô III ngày 3 tháng 4. Đức Thánh Cha rất hài lòng về họ, nên chúc lành cho chuyến đi Giêrusalem của họ, cho họ một số tiền làm lộ phí, và cho phép ai chưa là linh mục được chịu chức.

[481] Chứ không nhận tiền mặt.

[482] Ngày 24.6.1537, thánh I-nhã và 5 bạn cùng chí hướng là Xavier, Laínez, Rodrigues, Bobadilla và Codure thụ phong linh mục do giám mục Vincenzo Nigusanti. Riêng Salmeron phải đợi đến tháng 10 mới đủ 23 tuổi theo giáo luật.

[483] Thí dụ quyền giảng dạy, quyền cử hành các bí tích.

[484] Tức là không có giáo bổng.

[485] Trước mặt vị sứ thần.

[486] Lúc ấy Thổ Nhĩ Kỳ cai trị Đất Thánh, còn Venezia là một nước độc lập. Căng thẳng giữa hai liên minh, một bên là Thổ Nhĩ Kỳ và Pháp, bên kia là Venezia, Tây Ban Nha và Tòa Thánh, lên tới đỉnh cao vào năm 1536. Các tàu chiến Thổ Nhĩ Kỳ lớn vờn trên Địa Trung Hải và biển Adriatic, trong khi Venezia đang ứng chiến, nên hầu như chắc là mùa hè năm 1537 không có tàu đi Giêrusalem như thường lệ. Thánh I-nhã và các bạn cùng chí hướng thay đổi chương trình: chuẩn bị dâng lễ mở tay, thay vì đến Giêrusalem dâng lễ mở tay như dự tính. Thực tế là năm 1537 không có tàu đi Giêrusalem. Đó là điều chỉ xảy ra một lần trong suốt mấy chục năm.

[487] Để chuẩn bị dâng lễ mở tay, cả nhóm chia nhau tìm đến những nơi thanh vắng để cầu nguyện và hồi tâm.

[488] Cách Venezia khoảng 60 km về phía tây. Những người khác đi Monselice, Treviso, Bassano và Verona.

[489] Tức là trống hông. Đó là đan viện *San Pietro in Vivarolo* (Thánh Phêrô bị xiềng xích), đã bị bỏ hoang, gần công *Santa Croce* (Thánh Giá). Trong thư gửi cha Pietro Contarini, Venezia tháng 8 năm 1537, thánh I-nhã cho biết các đan sĩ *Santa Maria delle Grazie* đồng ý cho ngài và các bạn muốn ở đó bao lâu cũng được.

[490] Cha Simão Rodrigues.

[491] Cách Vicenza khoảng 25 km.

[492] Phải chờ tàu chưa biết đến khi nào. Nên làm gì? Họ quyết định đến các nơi có đại học như Padova, Ferrara, Bologna và Siena, để giảng thuyết và dạy học, giải tội và hướng dẫn Linh Thao. hi vọng thu nhận thêm một số sinh viên cùng chí hướng. Riêng thánh I-nhã cùng với chân phước Favre và cha Láinez sẽ thực hiện điều đó tại Rôma. Trước khi chia tay, cần giải đáp câu hỏi này: nếu ai hỏi họ thuộc nhóm nào, thì phải trả lời thế nào? Hoá ra từ hơn ba năm, kể từ ngày tuyên khấn, nhóm các bạn cùng chí hướng vẫn chưa có tên. Muốn mời người khác gia nhập nhóm, phải cho người ta biết tên nhóm. Thánh I-nhã đề nghị mọi người đi cầu nguyện. Sau đó, mọi người nhất trí tự xưng là *Đoàn Giêsu*, vì chỉ một mình Chúa Giêsu là *đầu* và là *trưởng* của nhóm. Sau này, khi đã biến thành một dòng tu, và đến Việt Nam, Đoàn Giêsu được gọi là *Dòng Tên* (vì người Việt Nam không gọi tên những vị đáng kính). Sau đó, năm tân linh mục âm thầm nhưng sốt sắng dâng lễ mở tay tại Vicenza trong tháng 9 năm 1537. Riêng thánh I-nhã vẫn hi vọng sẽ dâng lễ mở tay tại hang đá Bêlem bên Đất Thánh, nên tiếp tục chờ đợi. Rồi họ chia tay và hẹn gặp nhau tại Rôma vào mùa xuân năm sau để nhận định tiếp.

[493] Thánh I-nhã và các bạn cùng chí hướng ấn định hạn chờ tàu một năm. Vậy mà không hiểu vì sao tất cả nhóm lại cùng đi Rôma ngay. Đến nay, các sử gia vẫn chưa lý giải được. Cha P. Arrupe viết : "*Họ tiến bước về Rôma mà không hội đủ lý do, vì so với thời gian một năm mà họ đã hứa phải đợi thì nay mới chỉ được sáu tháng*" (Nguồn húng Ba Ngôi trong đặc sủng thánh I-nhã, trong *Sống đặc sủng thánh I-nhã*, Hiền Linh 2001). Chỉ có thể hiểu được là một sức mạnh siêu nhiên thôi thúc họ mạnh đến nỗi họ không cưỡng lại được. Chân phước Phêrô Favre khẳng định rõ ràng là họ tuân theo một tiếng gọi (Favre, *Memoriale*, số 17, trong *MI Fontes Narrativi I*, 41).

[494] Cha L.G. da Câmara.

[495] Kinh nghiệm thiêng liêng này của thánh I-nhã thường được gọi là *Thị Kiến La Storta*, vì diễn ra tại nhà nguyện La Storta, cách Rôma chừng 15 km về phía bắc. Thánh I-nhã giả thiết mọi người đã biết, nên chỉ kể lại những điều căn bản, bỏ qua các chi tiết. Nhờ chân phước Favre và cha Láinez, chúng ta biết đầy đủ hơn diễn tiến như sau.

Khoảng giữa tháng 11 năm 1537, ba người tới La Storta. Cha Láinez kể: "Trên đường đi Rôma theo ngã Siena, Cha hay được Thiên Chúa đến thăm viếng và ban nhiều tâm tình thiêng liêng, đặc biệt liên hệ với bí tích Thánh Thể cực trọng, mà hằng ngày Cha nhận từ tay cha Phêrô Favre hay từ tay tôi, vì chúng tôi dâng thánh lễ mỗi ngày, riêng Cha thì không... Cha nói với tôi rằng hình như Thiên Chúa Cha đã ghi khắc vào trong lòng Cha những lời này: "*Cha sẽ phù hộ chúng con ở Rôma*". Và không hiểu những lời ấy muốn ám chỉ gì, Cha nói: "*Tôi không biết chuyện gì sẽ xảy đến cho chúng ta ở Rôma, có thể chúng ta sẽ bị đóng đinh vào thập giá ở Rôma*." Rồi một lần khác, Cha nói hình như Cha thấy Chúa Giêsu vác Thánh Giá và Chúa Cha ở bên cạnh đó nói với Đức Kitô: "*Cha muốn Con nhận người này làm đầy tớ*". Và thế là Đức Giêsu thực sự đón nhận Cha và nói: "*Ta muốn con phục vụ Chúng Ta*." Thánh Phêrô Kanijs, có lẽ theo lời kể của chân phước Favre, thuật lại lời Chúa Cha hơi khác: "*Ta sẽ ở với các con*."

Kinh nghiệm La Storta rất đậm nét trong đời sống thánh I-nhã: hơn sáu năm sau, ngài viết trong *Nhật Ký Thiêng Liêng*: "*Tôi nhớ lại hôm tôi được Chúa Cha đặt với Chúa Con*" (Nk 67). Đây là kinh nghiệm thiêng liêng quan trọng hàng đầu trong đời sống thánh I-nhã, đánh dấu đỉnh cao của quá trình 17 năm hành hương. Tại Loyola, ngài đã nghe được lời mời gọi *phục vụ Đức Kitô* và đã quảng đại đáp ứng. Tại Manresa, trong bài *Hai cờ hiệu* của Linh Thao, ngài đã xin *được nhận vào dưới cờ của Đức Kito*. Nay ở La Storta, ngài *được đặt với Chúa Con*. Ngay lúc ấy, ngài có ấn tượng mạnh đến nỗi ngài nói với hai

bạn cùng đi: "Tôi không biết chuyện gì sẽ đến với chúng ta. Có thể ở Rôma chúng ta sẽ bị đóng đinh vào Thánh Giá." Sau bao nhiêu năm lần bước theo một tiếng gọi tuy âm thầm nhưng rất mãnh liệt, giờ đây ngài xác định được rõ ràng ơn gọi của ngài và các bạn cùng chí hướng: (1) ơn ngài xin từ lâu đã được Thiên Chúa nhận lời, đó là được đặt với Chúa Con, được phục vụ Chúa Giêsu và Thánh Giá; (2) Thiên Chúa phê chuẩn danh hiệu Đoàn Giêsu, vì ngài và các bạn cùng chí hướng được nhận làm bạn đồng hành với Chúa Giêsu; (3) Ngài và các bạn cùng chí hướng không đi Giêrusalem nữa, nhưng đến Rôma, đặt mình dưới quyền sử dụng của Đức Thánh Cha.

On soi sáng ở Cardoner và ơn kết hiệp ở La Storta là hai điều then chốt để hiểu thánh I-nhã và Dòng Tên, phần nào như màu nhiệm Nhập Thể và màu nhiệm Vượt Qua giúp hiểu về Chúa Giêsu và Hội Thánh.

[496] Thánh I-nhã rời từ một kinh nghiệm thiêng liêng rất quan trọng đến một chuyện khá thường tình trong đời sống. Ngài không phải là người chỉ biết những chuyện trên mây trên gió, nhưng nhạy cảm cả với những việc trong đời thường. Riêng về giao tiếp với phụ nữ, thánh Phanxicô Xavier ở Ấn Độ cũng nhắc nhở anh em Dòng Tên phải rất cảnh giác, hẳn là phần nào do thánh I-nhã. Thực tế là thánh I-nhã giao tiếp khá nhiều với phụ nữ, nhưng quyết định không linh hướng thường xuyên cho phụ nữ, và sau một vài kinh nghiệm, không nhận cho có Dòng Tên nữ. Chắc chắn ngài không kỳ thị phái tính, nhưng ngài sợ những rắc rối có thể làm thiệt hại đến hoạt động tông đồ quan trọng.

[497] Đến Rôma, thánh I-nhã và các bạn cùng chí hướng được một nhà quý tộc cho sử dụng một căn nhà trống trong một vườn nho ở Monte Pincio, nên quen gọi là *nhà vườn nho*. (Căn nhà này hiện ở Via San Sebastianello 11, nhưng đã được sửa sang và mở rộng.) Hằng ngày chân phước Phêrô Favre và cha Láinez dâng lễ tại nhà thờ *Trinità dei Monti* (Ba Ngôi Trên Núi) gần đó. Trong khi chân phước Favre và cha Láinez đi dạy Kinh Thánh và thần học tại *Học Viện Sapienza* (Thượng Trí, nay ở 40 Corso di Rinascimento, Rôma), thánh I-nhã đi hướng dẫn Linh Thao. *Monte-Cassino* cách Rôma chừng 120 km về phía đông nam. Thánh I-nhã ở với tiến sĩ Ortiz tập Linh Thao trong một tu viện suốt 40 ngày. Sau này, ông rất đạo đức và hết lòng giúp đỡ Dòng Tên.

[498] Cha Hoces qua đời tại Padova, năm 1538. Cha Polanco kể chi tiết: Hôm ấy, đi dự lễ, đang lúc đọc kinh *Cáo Minh* (Tôi thú nhận), đến chỗ *các thánh* thì ngài thấy cha Hoces sáng rực giữa các thiên thần và các thánh. Ngài được an ủi và khóc suốt thánh lễ, và tiếp sau đó mấy ngày nữa. Pol I, 62. Cha Hoces là người đầu tiên trong các bạn cùng chí hướng qua đời, trước cả lúc Dòng Tên được Hội Thánh phê chuẩn. Trong thư ngày 8.8.1546 gửi cộng đoàn Dòng Tên Coimbra, báo tin chân phước Phêrô Favre qua đời, vị này được gọi là *đại biểu thứ nhì*, còn cha Jean Codure, qua đời sau cha Hoces, được gọi là *đại biểu thứ nhất*: chúng ta hiểu là chỉ tính từ khi Dòng Tên được Hội Thánh phê chuẩn.

[499] Người Tây Ban Nha, sinh năm 1519, được tiến sĩ Ortiz giới thiệu đến giúp việc cho hồng y Carafa ở Rôma; lúc ấy mới bị sa thải, định đi Napoli gia nhập quân đội; được thánh I-nhã khuyên về lại Rôma, tập Linh Thao, rồi gia nhập Đoàn Giêsu.

[500] Thánh I-nhã và hai bạn cùng chí hướng ở đó từ tháng 10 năm 1537 đến lễ Phục Sinh (tháng tư) năm 1538.

[501] Không phải thánh I-nhã hướng dẫn Linh Thao cho một nhóm, nhưng mỗi người riêng rẽ, vì thế hằng ngày phải đi từ đầu này đến đầu kia thành phố để giúp từng người, tính ra mỗi ngày ngài phải đi bộ 4 giờ. Cùng trong thời gian này, thánh I-nhã gọi tất cả các bạn cùng chí hướng về Rôma. Tại sao không tiếp tục chờ tàu đi Giêrusalem? Một đảng, ngài thấy hi vọng đi Giêrusalem rất mong manh. Mặt khác,

và có lẽ đây là lý do chính, theo thị kiến La Storta, ngài tin là Chúa muốn cả nhóm đến đặt mình dưới quyền của vị Đại Diện Đức Kitô ở trần gian. Cuối tháng 4 năm 1538, tất cả các bạn đến Rôma. Nhà vườn nho không đủ chỗ ở, ngài và các bạn dọn đến ở nhà gần Ponte Sisto.

[502] Thánh I-nhã và các bạn cùng chí hướng chia nhau đi giảng ở các nhà thờ tại Rôma. Thánh I-nhã thì giảng ở nhà thờ Santa Maria di Montserrat cho người Tây Ban Nha. Lúc ấy ở Rôma có một nhà giảng thuyết rất được dân chúng ưa chuộng là Agostino Mainardi, linh mục Dòng Átinh. Thánh I-nhã phát hiện là vị ấy có một số điều không phù hợp với giáo lý Công Giáo, nên ngài phân tích cho dân chúng. Các bạn cùng chí hướng cũng phụ họa. Những người hâm mộ Agostino Mainardi phản công.

[503] Ba người Tây Ban Nha đứng đầu trong cuộc phản công, cùng làm việc tại giáo triều, là Francisco Mudarra, một người tên là Barreda, và Pedro de Castilla. Họ nói thánh I-nhã và các bạn cùng chí hướng là những môn đệ trá hình của Luther (thủ lĩnh phong trào Cải Cách Tin Lành), dùng Linh Thao để mê hoặc người khác, đã từng bị trục xuất khỏi Tây Ban Nha, Paris và Venezia, vì giảng quá quấy và sống lem nhem. Điều này ảnh hưởng xấu đến nỗi dân chúng sợ không dám đi nghe thánh I-nhã và các bạn cùng chí hướng giảng nữa. Đồng thời, họ mua chuộc được Miguel Landivar, người từng giúp việc cho thánh Phanxicô Xavier tại Paris. Lúc thánh Phanxicô Xavier quyết tâm theo cách sống của thánh I-nhã, và cho anh ta nghỉ việc, anh ta đã định ám sát thánh I-nhã. Kế đến, tại Venezia, năm 1536, anh ta xin gia nhập nhóm. Trong thư gửi cha giải tội cho hoàng hậu Eleanor, cuối năm 1536, thánh I-nhã viết: *"Miguel đang ở đây, đã sống cuộc đời hoàn toàn mới."* Nhưng sau đó, anh ta bỏ nhóm. Ở Rôma, Miguel đến gặp đức cha Benedetto Conversini lúc ấy là Tổng Đốc Rôma để tố cáo thánh I-nhã như những người kia xúi giục.

[504] Vì hiệu quả tông đồ của thánh I-nhã và các bạn cùng chí hướng thiệt hại nặng nề, nên ngài đến gặp vị Tổng Đốc xin làm rõ trắng đen và cho phán quyết bằng văn bản. Trong thư gửi cha Pietro Contarini ngày 2.12.1538, thánh I-nhã giải thích: *"Chúng con biết không thể dùng tài liệu ấy để sau này khỏi bị chê trách. Chúng con không bao giờ muốn được miễn trừ như vậy. Chúng con chỉ mong tài liệu ấy giúp bảo toàn danh dự cho chúng con: chúng con giảng dạy giáo lý lành mạnh và sống nghiêm túc. Xin Chúa cho chúng con đừng bao giờ khó chịu khi bị gọi là ngu dốt, thất học, giảng dở, và ngay cả bị gọi là độc ác, TRÁO TRỞ, lừa bịp. Nhưng chúng con bất bình vì người ta nói chúng con giảng dạy giáo lý không lành mạnh, và cả cách sống của chúng con là xấu xa, vì cả hai điều ấy đều phải là của riêng chúng con, nhưng là của Đức Kitô và của Hội Thánh."* Trong thư gửi vua Juan III nước Bồ Đào Nha ngày 15.3.1545, thánh I-nhã giải thích: *"Khi ở Giêrusalem về, tôi bị các bề trên ở Alcalá xét xử ba lần. Tôi bị bắt và bị giam 42 ngày. Điều tương tự tái diễn ở Salamanca, chẳng những bị tống ngục mà tôi còn bị xiềng xích trong 22 ngày nữa. Tôi bị xét xử một lần nữa ở Paris, khi tôi đang học. Trong cả năm lần ra tòa và hai lần vào tù ấy, nhờ ơn Chúa, tôi không bao giờ muốn, và thực tế là tôi không nhờ đến luật sư hay biện lý nào ngoài Chúa. Tôi đặt trọn niềm tin tưởng nơi Chúa, xin Người phù hộ và gia ân, trong hiện tại cũng như trong tương lai. Bảy năm sau lần ra tòa đầu tiên ở Paris, tôi lại phải ra tòa lần nữa cũng ở đại học ấy, một lần khác ở Venezia, và lần cuối cùng ở Rôma, mà cả Dòng Tên phải liên lụy. Trong ba lần cuối, vì liên hệ với những anh em khác trong Dòng., chúng tôi muốn công lý được sáng tỏ, để tránh việc do anh em trong Dòng mang tiếng xấu mà Thiên Chúa bị xúc phạm."* Trong thư gửi cha J. Pelletier ngày 13.6.1551, thánh I-nhã viết: *"Đừng bao giờ quên việc tôn vinh Thiên Chúa hơn, ích chung và tiếng tốt của Dòng."*

[505] Đức Phaolô III trước đó sang Pháp để giúp hoàng đế Carlos V và vua François I hòa giải.

[506] Dinh thự mùa hè của Đức Giáo Hoàng.

[507] Sau khi gặp thánh I-nhã, Đức Phaolô III cho mở cuộc điều tra, rồi ra lệnh cho vị Tổng Đốc công bố phán quyết. Điều này được thực hiện ngày 18.11.1538. Ngay sau đó, trong khoảng các ngày từ 18 đến 23 tháng 11, thánh I-nhã và các bạn cùng chí hướng đến *dâng mình cho Đức Thánh Cha*: tự đặt mình dưới quyền điều động của vị Đại Diện Đức Kitô ở trần gian, để đáp ứng nhu cầu của Hội Thánh toàn cầu hơn, nhờ đó mà *giúp đỡ các linh hồn* hơn để đáp lại ơn gọi đầu tiên của thánh I-nhã là *phục vụ Đức Kitô*, ơn gọi đã được chuẩn y tại La Storta. Trong thư gửi giáo sư Diego de Gouvea, viết tại Rôma ngày 23.11.1538, thánh I-nhã cho biết: "*Tất cả chúng tôi, những người liên kết với nhau trong Đoàn này, đã dâng mình cho Đức Giáo Hoàng, vì ngài là chủ mùa gặt của Chúa Giêsu Kitô trên toàn thế giới. Dâng mình như vậy, chúng tôi cho ngài biết là chúng tôi sẵn sàng nhận bất kỳ nhiệm vụ nào ngài muốn trao cho chúng tôi trong Đức Kitô. Vì vậy, nếu ngài gửi chúng tôi đến nơi giáo sư muốn, chúng tôi sẽ hân hoan lên đường. Lý do khiến chúng tôi đặt mình dưới quyền sử dụng của ngài là chúng tôi nghĩ rằng ngài biết hơn điều nào có lợi cho Hội Thánh hoàn vũ.*" Thánh I-nhã gọi việc dâng mình này là *nguồn gốc và nền tảng chính yếu của Dòng Tên*.

Ơn gọi đã được xác định, thánh I-nhã đến nhà thờ Đức Bà Cả ở Rôma, nơi người ta nói là còn lưu giữ được máng cỏ Bêlem, để dâng lễ mở tay vào ngày lễ Giáng Sinh năm 1538. Trong thư gửi về gia đình ngày 2.2.1539, thánh I-nhã viết: "*Lễ Giáng Sinh vừa qua, ở nhà thờ Đức Bà Cả, tại nhà nguyện lưu giữ máng cỏ Chúa Hài Đồng Giêsu đã nằm xưa kia, nhờ Người giúp đỡ và ban ơn, tôi đã dâng lễ mở tay.*" Từ đây, ngài là một linh mục, cùng với cả Đoàn Giêsu, sẵn sàng theo lệnh của vị Đại Diện Đức Kitô ở trần gian, đi đến bất cứ nơi nào trên thế giới để phục vụ Đức Kitô bằng cách giúp đỡ các linh hồn.

[508] Ngay hôm sau, cha L. G. da Câmara phải rời Rôma, nên thánh I-nhã dành phần còn lại cho cha Nadal kể, vì hai cha này cùng nhau đi Tây Ban Nha. Nhưng cha L.G. da Câmara chỉ ghi chép những gì thánh I-nhã kể thôi.

[509] Phần này do Cha L.G. da Câmara hỏi và thánh I-nhã trả lời, không phải do thánh I-nhã tự ý kể. Đoạn cuối ngắn ngủi này có vẻ như *đầu thừa đuôi thẹo*, nhưng thực ra rất quan trọng đối với cá nhân thánh I-nhã và toàn thể Dòng Tên. Ở chặng cuối cùng của những bước đường theo Chúa, thánh I-nhã muốn gặp Chúa lúc nào cũng được. Điều này có nghĩa là ngài đạt tới đỉnh cao của lý tưởng *chiêm niệm trong hoạt động*, và *thấy Chúa trong mọi sự* đồng thời *thấy mọi sự trong Chúa*. Trước kia ngài vừa cầu nguyện vừa lấy ý kiến của các cha đầu tiên để soạn thảo Hiến Chương. Giờ đây, ngài dám đề nghị ngược lại cả quyết định của các cha đầu tiên về việc các nhà thờ của Dòng Tên sẽ không nhận lợi tức. Dĩ nhiên ngài vẫn để Đại Hội Dòng quyết định chung cuộc. Điều hay là chính ngài xác tín đó là ý Chúa và Đại Hội đầu tiên của Dòng Tên, có quyền quyết định về Hiến Chương, được thuyết phục. *Một đống rất lớn* những điều ngài đã ghi chép về đời sống thiêng liêng của ngài có lẽ đã bị ngài hủy, để ngài hoàn toàn chìm sâu vào Thiên Chúa vô biên và vĩnh cửu. Nhưng chỉ với phần còn lại, mà chúng ta gọi là tập *Nhật Ký Thiêng Liêng*, chúng ta vẫn thấy rất rõ ngài hoàn toàn được hòa nhập trong Thiên Chúa Ba Ngôi, không phải để thoát khỏi trần thế, nhưng để có cái nhìn của Thiên Chúa Ba Ngôi về trần thế và sống theo mẫu của Chúa Con dưới tác động của Chúa Thánh Thần mà tôn vinh Chúa Cha, như trong hai bài chiêm niệm *Nhập Thể* và *Yêu Mến* của Linh Thao.

[510] Lt 27-31

[511] Lt 169-189.

[512] Đến thời điểm này trong đời sống thánh I-nhã, việc ngài dễ dàng *gặp được Thiên Chúa* có nghĩa là ngài được ơn luôn luôn cảm nhận sự hiện diện của Thiên Chúa. Đó không chỉ là lòng sốt sắng, nhưng giả thiết sự kết hiệp liên li với Thiên Chúa trong thâm sâu tâm hồn, nhờ đó ngài nhạy bén nhận ra ý Chúa

trong cả những điều nhỏ bé nhất, tầm thường nhất. Điều này chúng ta thấy rất rõ trong tập *Nhật Ký Thiêng Liêng* của ngài, khi ngài nhận định về một điểm nhỏ trong Hiến Chương Dòng Tên: các nhà thờ của Dòng Tên nên nhận lợi tức hay không? Không phải là ngài suy xét nữa mà là sự hiện diện của Thiên Chúa chiếm đoạt tâm hồn ngài, nên ngài thấy rõ Thiên Chúa muốn thế nào. Có thể dùng cách nói của thánh Phaolô: "*Tôi sống, nhưng không phải tôi, nhưng là Đức Kitô sống trong tôi.*" (Gl 2,20), hay của chính Chúa Giêsu: "*Cha ở trong con, con ở trong Cha*" (Ga 17,21), và "*Tôi và Chúa Cha là một*" (Ga 10,30). Các nhà tu đức gọi tình trạng này là *thần bí*.

[513] Nguyên văn tiếng Ý là *sole*: cũng có thể dịch khác, vì nếu là danh từ thì nghĩa là *mặt trời*, nếu là trạng từ thì nghĩa là *thường lệ*. Xem các số 29, 41, 48.

[514] Nguyên văn bằng tiếng Latinh: *venire in confirmatione*. Khi phải nhận định điều gì, thánh I-nhã suy nghĩ và cầu nguyện miệt mài. Ngài cân nhắc các lý do để đi đến quyết định theo những an ủi và sầu khổ. Cuối cùng, Chúa ban cho ngài các thị kiến để xác nhận điều ngài lựa chọn.

[515] Thánh I-nhã không muốn tiết lộ cho người ta biết đời sống thiêng liêng thâm sâu của ngài. Những gì ngài cho biết chỉ là những điều có thể giúp anh em Dòng Tên hiểu và sống ơn gọi.